

Erle Stanley Gardner

PERRY MASON

KỂ
GIẾT NGƯỜI

ĐỘI LỐT



ERLE STANLEY GARDNER

The Case of the Grinning Gorilla

KẺ GIẾT NGƯỜI ĐỘI LỐT

Nguyễn Văn Thảo *dịch*

**pinoko, IronMan, nhimxu0204, Mỹ Giang,
V.C, Bọ Cạp, darkdragon28,
chichi.myluckycharm, Love Kindle,
notakidlemtree123 *số hóa và hiệu đính***

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Vào sáng thứ hai, mười giờ kém năm, Perry Mason, cặp dưới nách một gói bọc giấy màu nâu, một tay gỡ cái mũ phớt và ném về phía bức tượng bán thân Blackstone vốn là thứ trang điểm cái giá sách phía sau bàn làm việc của ông.

Chiếc mũ phớt lười biếng quay mấy vòng rồi chụp thẳng xuống vầng trán cằm thạch của vị luật sư lừng tiếng, tạo cho ngài một vẻ ngang tàng quái đản.

Della, cô thư kí riêng của Mason đang mở thư tín buổi sáng bên bàn, vỗ tay hoan hô. “Chà, lần này thực sự thành công lắm!”

Mason đồng tình với niềm kiêu hãnh kiểu trẻ con.

“Blackstone chắc là phải nhẩy chồm lên ở dưới mồ,” Della nhận xét.

Mason mỉm cười. “Ông ấy đã quen từ lâu rồi. Năm mươi năm gần đây tất cả các luật sư chỉ có làm mỗi việc là chất mũ của mình lên vầng trán cao thượng của Blackstone. Điều đó là đặc trưng trong thời đại chúng ta.”

“Đó là điều gì chứ?”

“Ném mũ.”

“Tôi sợ là không hiểu được hết ý nghĩa.”

“Vài thế hệ trước,” Mason giải thích với cô, “các luật sư từng là những người chán ngắt hiếm thấy. Đặt tay lên vạt áo vét, họ nói những diễn từ cầu kì theo mọi quy tắc của nghệ thuật hùng biện. Các văn phòng của họ nhất thiết phải được trang điểm bằng tượng bán thân của Blackstone. Thế nhưng các luật sư trẻ được thừa kế các bức tượng cùng với đồ đạc văn phòng và hàng đông bộ luật thì phát cáu bởi cái vẻ tự mãn khoa trương đông cứng trên bộ mặt bằng đá của lão già này.”

“Chắc là anh cần phải đến gặp nhà phân tâm học, sếp ạ,” Della nói. “Có lẽ đối với anh Blackstone tượng trưng cho cái gì đó mà anh cố sức chống chọi lại một cách vô thức. Thế cái gói gì chỗ anh thế?”

“Có quỷ mới biết nó,” Mason đáp. “Theo tôi, tôi cố sức chống chọi các định kiến u tối. Tôi đã trả mất năm đôla - tôi có ý nói cái gói ấy.”

Trong giọng Della che giấu lòng bao dung dịu dàng sau vẻ giận dỗi giả tạo, “Tôi hi vọng anh không định ghi khoản đó vào chi phí công vụ chứ?”

“Tất nhiên, tôi sẽ ghi. Chứ khác đi thì theo cô các chi phí chung là cái gì?”

“Và anh thậm chí không biết cái gì bên trong đó ư?”

“Tôi mua nó mà không gỡ ra.”

“Tôi sẽ hơi khó quyết toán, nếu phải ghi vào cột chi năm đôla vì cái gói mà không rõ có gì nằm trong đó. Điều gì đã xui khiến anh như thế?”

“Nói chung,” Mason thốt ra, “sự thể là thế...” Ông mỉm cười.

“Nào tiếp theo là gì?” Della hỏi, cũng không đủ sức kìm nổi nụ cười.

“Cô nhớ cái cô Helen Cadmus nào đó không? Cái tên ấy không nói với cô điều gì sao?”

“Một cái tên khá lạ,” cô nói. “Tôi có cảm giác... Khoan, đó có phải là cô gái đã tự tử, nhảy xuống biển từ tàu buồm của một nhà triệu phú nào đó?”

“Phải, phải, chính cô ta. Benjamin Addicts, một triệu phú khá bất thường, nghỉ ngơi trên chiếc tàu buồm của mình. Giữa biển khơi, cô thư kí của ông ta, Helen Cadmus biến mất không để lại dấu vết. Người ta phỏng đoán là cô ta đã nhảy ra ngoài thành tàu. Mà trong cái gói này... Nào chúng ta cùng xem điều gì viết ở đây.”

Mason lật cái gói lại và đọc, “Đồ vật riêng của Helen Cadmus. Văn phòng mô tả.”

Della thở dài. “Đã bấy nhiêu năm tôi là thư kí riêng của anh... và thậm chí đôi khi tôi có cảm giác rằng tôi đã biết anh khá rõ, nhưng rồi lại xảy ra gì đó như kiểu này, và tôi lại nhận thức rằng anh vẫn là ẩn số đối với tôi. Trời ơi, anh lấy thứ đó ở đâu và vì cái gì mà bỏ ra những năm đôla cơ chứ?”

“Mô tả khá thường xuyên đưa ra đấu giá đủ thứ vớ vẩn khác nhau chất đống trong văn phòng ông ta. Và hôm nay trong gian nghị án đã có cuộc đấu giá, còn tôi lại vô tình có mặt không xa chỗ đó. Ở đấy diễn ra những cuộc đấu giá khá hăng, tất cả tranh giành các chế tác kim hoàn, các bức tranh quý hiếm, bộ đồ ăn bằng bạc và đủ mọi thứ khác nữa. Sau đó người ta đưa ra đấu giá cái gói này, và chẳng có ai thèm trả giá. Cô cũng biết mô tả - ông ta là một bạn tốt của tôi. - Thế là tôi nháy mắt cho ông ta, và đề nghị đặt giá đầu tiên là năm đôla, nhằm kích động công chúng. Và cô biết sao không? Tôi chưa kịp trấn tĩnh thì họ đã dúm cái gói cho tôi rồi, thành ra trong ví tôi bớt đi năm đôla.”

“Thế có gì bên trong ấy?” Della tò mò.

“Ta cùng xem,” Mason đề nghị. Ông mở con dao díp, cắt dây buộc và mở tờ giấy bọc ra. “Ái chà chà! Giống như chúng ta có được cuốn ngữ pháp tiếng Anh, cuốn từ điển, vài sách giáo trình tốc kí, mấy cuốn nhật kí và quyển album với những tấm ảnh.”

“Có thể mà mất những năm đôla!” Della kêu lên.

“Ta ngó qua album ảnh xem,” Mason nói. “Chà! Đây có những tấm ảnh mà ai cũng muốn xỉa năm đôla mua nó.”

Della đi lại gần và ngó qua vai ông.

“Nếu đó được gọi là quần áo tắm,” cô nhận xét, “thì tôi...”

“Thế nhưng giống như nó chính là thế,” Mason đáp. “Bộ đồ tắm từ ba mảnh vải hình vuông, bằng cách thần diệu nào đó đã bám được vào các đường nét uyển chuyển của thân hình khá đáng yêu. Tôi cho rằng đó chính là Helen Cadmus.”

“Cô ta không che giấu quá nhiều khỏi những con mắt người lạ,” Della nói.

“Chắc gì người lạ nào đó đã chụp, có lẽ một cô bạn nào đó của cô ta biết sử dụng máy ảnh, may mắn tóm được khuôn hình gây ấn tượng mạnh.Ồ, ở đây còn cả một tập những bức ảnh của lũ khỉ nữa.”

“Bây giờ tôi nhớ lại rồi,” Della nói. “Chỗ sắp của cô ta, Addicts, có cả một bày khỉ dạng người, và ông ta tiến hành những cuộc thí nghiệm tâm lí nào đó với chúng.”

Mason gật đầu, vẫn tiếp tục xem các tấm ảnh. “Đây có những tấm ảnh rất không tồi”, ông nhận xét. “Tay phỏ nháy này là ai đi nữa, anh ta cũng biết nghề rất tốt. Mỗi phát súng đều trúng điểm mười.”

“Và anh ta đã chụp gì?” Della hỏi, tay giở bốn cuốn vở dày - Nhật kí của Helen Cadmus.

“Chủ yếu thì vẫn chỉ mỗi một, Helen tắm trên biển, Helen trên tàu buồm và đại loại”, Mason đáp. “Ở đây không nhiều lắm ảnh lũ khỉ và loài linh trưởng khác.”

“Thế theo anh, khỉ khác linh trưởng ở điểm nào?” Della hỏi.

“Theo tôi, loại nào đó trong số chúng to hơn,” Mason đáp. “Ồ mà cuối cùng thì làm sao tôi biết được? Nếu cô quan tâm điều đó, cô có thể lấy các tấm ảnh và thử nghiên cứu xem nếu rồi rã”.

“Sếp ơi, nghe xem trong nhật kí viết gì này!” Della kêu lên.

“Đọc đi,” Mason đáp, “tôi nghe chăm chú đây.”

Ông hướng cuốn album ra ánh sáng để ngắm cho rõ hơn bức hình Helen Cadmus được chụp trong tư thế đảm bảo mỗi quan tâm cao nhất của bất cứ gã đàn ông nào.

Della giật cuốn album ảnh khỏi tay ông, “Sau này anh có thể ngắm nghĩa thứ đó. Nghe cô ta viết gì này.”

Và Della cất tiếng đọc một đoạn trích từ nhật kí, “... Tôi không biết tôi có chịu đựng nổi điều đó nữa hay không. Con Pete đáng thương, giống như đoán được người ta đang định làm gì đó với nó, và bất giác đi tìm sự bảo vệ nơi tôi. Với những con khác, tôi thờ ơ nhiều hoặc ít hơn, còn với Pete thì tôi lo lắng thật. Nếu họ âm mưu hủy hoại trí tuệ của nó hoặc làm tổn thương hệ thần kinh, tôi buộc sẽ phải can thiệp. Chẳng còn lối thoát khác. Tôi đã gom góp được một ít tiền và thử mua lại Pete, tất nhiên nếu ông Addicts muốn bán nó. Ông ta sẽ không bán, tôi tuyệt đối tin chắc vào điều đó, nếu ông đoán ra rằng tôi muốn tránh cho Pete khỏi số phận của tất cả các con còn lại. Tôi không biết Hội Bảo Vệ Động Vật sẽ có thể can thiệp hay không, nhưng nếu tôi không thể mua nổi nó, tôi buộc phải tìm phương cách gì đó.”

“Mọi việc rõ ràng,” Mason kết luận, “những vấn đề gia đình gì đó. Tôi nghi ngờ

lầm, rằng chúng ta may ra móc được chút ít lợi ích gì từ đó.”

“Cần phải cố làm sáng tỏ,” Della nói.

Mason nhú trán.

“Nếu đào bới sâu,” sau một lúc trầm ngâm, ông lên tiếng, “hoàn toàn có thể nảy sinh những mối ngờ vực, thực tế cô gái có tự tử hay không. Theo như tôi nhớ, đến giờ người ta vẫn không tìm ra xác cô ấy. Khi tàu buồm rơi vào cơn bão biển, họ đang ở giữa biển khơi, không xa hòn đảo Catalina. Tối hôm trước Addicts đọc chính tả gì đó cho cô ấy, cô hứa đánh máy lại tất cả và đem đến buồng cho ông ta vào tám giờ sáng ngày hôm sau. Cơn bão mạnh, và khi cô ấy không đến, Addicts nghĩ rằng có khả năng cô không được khỏe. Ông ta đi đến buồng của cô để kiểm tra xem mọi chuyện có ổn không, và phát hiện ra giường ngủ chưa bị động đến. Sau đó mọi người đã xem xét toàn bộ con tàu - Helen không có ở đâu cả. Lúc ấy người ta phỏng đoán rằng cơn sóng đã cuốn cô ra khỏi thành tàu, hoặc là cô đã tự tử. Addicts đã dồn hết sức lực nhằm làm quên vụ này. Theo giả thuyết chính thức, đó là một vụ tự tử.”

Bất thần chuông điện thoại reo lên.

Della nhắc ống nghe.

“Alô,” cô nói, “phải, Gerty à, tôi đây... Hãy nối tôi với ông ấy. “Alô”, cô nhắc lại sau một khoảng thời gian, “Della đây ạ, thư kí của Perry Mason. Tất cả những gì ông cần, ông có thể truyền đạt qua tôi. Ai?Ồ, hiểu ạ...” Cô nghe thêm một phút, sau đó nói: “Xin đợi cho một chút, tôi sẽ cố liên lạc với ông Mason. Hiện giờ ông ấy đang ở một cuộc họp quan trọng, nhưng nếu ông cứ năn nỉ, tôi sẽ thử truyền đạt lại tất cả với ông ấy.”

“Có gì đằng ấy?” Mason hỏi.

Della lấy lòng bàn tay che ống nói.

“Từ tòa soạn ‘Incvaier’,” cô nói. “Họ muốn cử đến đây một thợ ảnh và phóng viên để chuẩn bị một bài nhỏ cho số báo ngày mai.”

“Về chuyện gì?”

“Về câu chuyện mua nhật kí của Cadmus. Giống như mô tòa đã ba hoa với ai đó trong số các nhà báo, và tòa soạn cho rằng có thể làm được một bài báo ngắn. Họ muốn đưa điều đó ra dưới dạng một chuyện hấp dẫn nhờ tài liệu gốc.”

“Hãy chuyển cho họ: mời họ cứ đến,” Mason nói. “Tôi thích thú cấp cho họ tư liệu loại nhất. Đó chính là khả năng tuyệt vời biện minh trước cơ quan thuế vụ. Cô với lương tâm trong sạch, sẽ tuyên bố rằng năm đôla được đầu tư vào quảng cáo.”

“Ờ báo, theo mọi nhẽ, người ta cho rằng anh đã mua các cuốn nhật kí để theo đuổi một mục đích xác định. Vấn đề nói đến một quá trình tố tụng nào đó được khởi tố bởi bà Kempton chống Addicts. Anh không rõ gì về vụ này à?”

“Lần đầu tiên nghe thấy,” Mason thú nhận”. “Nhưng mặc, cứ để họ ngờ vực về

chuyện đó, cần phải tỏ ra bí ẩn và khó hiểu. Nếu hâm nóng sự hiếu kì của công chúng, thì có thể nhận được một tư liệu không đến nỗi tồi.”

Della gật đầu và nói vào điện thoại, “Ông Mason lúc này đang trong cuộc họp, sau đó ông lại có cuộc gặp gỡ công việc, nhưng ông có thể dành cho các vị một ít thời gian sau năm phút nữa, nếu các vị kịp đến đây.” Cô đặt ống nói. “Thế mà tôi đã hi vọng rằng hôm nay chúng ta có thể làm sạch được phần nào đồng thư từ chông chất này.”

Mason mỉm cười. “Thì ai có thể biết? Nếu không có chuyện về mấy quyển nhật kí, chắc chúng ta đã có thể làm được chuyện ấy. Nay Della: Bảo Jecson ghé qua ban thư kí tòa án, thử xem trong danh mục các vụ án đang chuẩn bị và làm sáng tỏ, quý tha ma bắt, bà Kempton đã khởi kiện điều gì chống lại Addicts. Và bảo lập tức gọi điện thoại ngay cho tôi. Nói thật, tôi chả cần gì lắm cái cuộc phỏng vấn này, nhưng mà thôi, mặc cho họ chuẩn bị một bài nhỏ cho tờ báo của họ. Họ có đầy đủ quyền đó, thêm nữa, lấy gì mà đoán trước, có lúc bỗng bất chợt cần đến quan hệ thân thiện của cánh nhà báo.”

Della gật đầu và đi lại gần bức tượng bán thân Blackstone, nói, “Chào một buổi sáng tốt lành, thưa ngài Blackstone. Nếu ngài không có gì phản đối, cho phép bản thân tôi gỡ cái mũ phớt mà ngài đội với vẻ ngang tàng không thể bắt chước này khỏi đầu ngài. Chúng tôi chờ thợ ảnh của một tờ báo tới, và chúng tôi cũng muốn văn phòng trông có một dáng vẻ tương ứng.”

Sáng thứ ba Mason mở cửa văn phòng của mình, bỏ mũ và đứng lặng một chốc với chiếc mũ trong tay, trầm ngâm dán ánh mắt vào bức tượng Blackstone.

“Anh đã đọc báo ngày hôm nay chưa?” Della hỏi.

“Chưa, chỉ mỗi liếc nhìn các tiêu đề, mà sao?” Mason chậm chậm hạ chiếc mũ phớt xuống.

“Trong mục minh họa ‘Incvaier’ anh sẽ có thể ngắm chính các hình ảnh của mình. Thêm nữa tôi khuyên anh chú ý tới đồng đôla bằng thiếc đang lù lù ở phòng tiếp khách mà cứ mỗi mười lăm giây một lại găm mắt nhìn đồng hồ của mình và nôn nóng chờ anh đến để bàn bạc về ‘cái gói tài sản riêng của Helen Cadmus’.”

“Lại gì thế nữa?” Mason hỏi, bước lại gần chiếc tủ tường và đặt cái mũ phớt của mình vào một chỗ thích hợp. “Thế đồng đôla bằng thiếc thì liên quan gì ở đây?”

“Tôi muốn nói rằng anh ta cũng giả trá hoàn toàn như đồng đôla bằng thiếc vậy,” Della đáp.

“Thế điều đó thể hiện ra ở chỗ nào?”

“Tên anh ta là Natan Fallon. Theo lời anh ta, tôi trích dẫn: Anh ta là ‘bạn bè’ của ngài Benjamin Addicts, và theo như anh ta thuyết phục, là họ hàng xa của Helen Cadmus. Anh ta bị sốc vì - anh thấy ghê chưa, - khi biết các nhật kí của cô ấy bị đem bán đấu giá. Từ con người anh ta toát ra đầy vẻ ngọt xót, đưa đẩy, tinh tế, cái nhếch mép dương dương tự đắc. Trong đầu tôi không thể nào hình dung nổi lại có người có thể xử sự bằng cái cách tương tự như thế. Nhưng chắc anh ta đã quen với những chỉ dẫn kiểu: ‘Ê, đằng kia, hãy làm điều này điều nọ’.”

“Ồ, được rồi,” Mason nói. “Thế Jecson đã làm rõ được gì về vụ tranh chấp của Kempton với Addicts?”

“Anh ấy hôm qua đã kể với anh những nét chung nhất về vụ ấy rồi cơ mà, đưa ra lời buộc tội vu khống. Đây, anh có thể ngó bản sao tuyên bố khởi tố.”

Cô trao cho Mason bản sao lời kiện đã đăng kí ở hội đồng thư kí tòa án, Mason đọc lướt qua, gật đầu và mỉm cười.

“Cốt truyện phức tạp thêm,” ông nhận xét. “Theo như tôi hiểu, bà Jozephine Kempton bị đuổi việc trong hoàn cảnh mà bà cho là hoàn toàn không thể chấp nhận được. Bà đã không thể đòi được từ ông chủ của mình bất cứ lời giải thích nào Khi bà

cố xin việc ở một nơi khác, người chủ mới yêu cầu ông Addicts cho lời nhận xét, thì ông ta đã buộc tội bà ăn cắp bằng văn bản.”

“Thế từ quan điểm luật pháp điều đó có thể được đánh giá như thế nào?” Della hỏi. “Có thể xem điều đó là một sự nhầm lẫn trung thực được không?”

“Cô có ý nói về bức thư của Addicts ấy à?”

“Vâng.”

Mason mỉm cười. “Della thân mến của tôi, cô cho phép mình xâm phạm tới đặc quyền của bên bào chữa trong vụ tố tụng ‘Kempton chống Addicts’ rồi đấy. Còn trường hợp này có thể đánh giá như thế nào từ quan điểm luật pháp, thì cứ mặc cho họ tự tiến hành cuộc tố tụng đến cùng, nhưng tôi vẫn tò mò muốn biết một số chi tiết liên quan đến vụ án. Và tôi rất muốn rõ, tại sao tay Fallon lại cần những cuốn nhật kí của Helen Cadmus đến thế.”

“Ồ, tất nhiên anh ta sẽ không thú nhận rằng anh ta quan tâm đến những cuốn nhật kí,” Della nói. “Đơn giản, anh ta muốn nhận được những đồ đạc riêng còn lại của, tôi trích dẫn: ‘cô bé bất hạnh, đáng thương’.”

“Ồi trời!” Mason nói.

“Vậy thế nào?” Cô hỏi. “Anh sẽ tiếp tay Fallon, hay sẽ chờ cho đến khi anh ta cứ đi đi lại lại chà thành lỗ trên tấm thảm trong phòng tiếp khách đây?”

“Tôi sẽ tiếp anh ta,” Mason đáp, “nhưng tay Fallon hẳn không chỉ là một kẻ nhỏ mọn huênh hoang, mà còn là một diễn viên tồi, y nên nhìn thấy chúng ta với toàn vẻ huy hoàng chứ, Della. Có lẽ y đã quen có việc với những luật sư tự đắc vẫn lo liệu các vụ việc nhỏ nhoi của ngài Addicts và cho ngài ta những lời khuyên, như làm sao biến thu nhập thành tiền, làm sao để phải trả thuế ít nhất. Tôi nghĩ rằng chính lúc này tay Fallon bắt đầu dần dần nhận thức ra là đã đụng phải một loại mèo hoàn toàn khác,” cùng với những lời này Mason lấy chiếc mũ phớt trong tủ ra, đi lại gần bức tượng Blackstone, bóp méo mũ đi một cách ngang tàng, và chụp lên đầu bức tượng. “Còn bây giờ, Della, cô có thể mời tay Fallon đến gặp tôi rồi.”

Della mỉm cười trước hành động kì cục của Mason, vội vã đi ra phòng tiếp khách. Cô quay lại cùng với người mà cô gọi là ‘đồng đôla bằng thiếc’.

Natan Fallon có cái trán gồ to tướng, cái mũi mỗ gà nhỏ mà trên đó ngoắc hai mắt kính dày không gọng, cái miệng to đang cười, tạo cho khuôn mặt một vẻ thân thiện, dù phần nào có biểu hiện lúng túng. Trên đỉnh đầu có mảng hói, mà ngay phía trên trán tóc cũng cũng chỉ thưa thưa, thế nhưng những sợi tóc còn lại thì được y nuôi chăm chút đến hết mức có thể và chải ngược từ dưới lên trên, giữ im chúng bằng gôm xịt để mảng hói bớt sáng loáng.

“Ồi ngài Mason!” y kêu lên. “Chào ngài Perry Mason! Tôi thật không đủ sức biểu lộ tất cả nỗi sung sướng được làm quen với ngài. Tôi là người ngưỡng mộ ngài chân

thành từ lâu. Tôi dõi theo các bản phúc trình trong báo chí về những chiến thắng của ngài trong xét xử tố tụng. Từ lâu tôi đã quyết rằng nếu bỗng tôi rơi vào một hoàn cảnh khó khăn nào đó, thì tôi sẽ nhờ cậy đúng chính ngài.”

“Rất tuyệt,” Mason nói, bắt tay y và kín đáo nháy mắt với Della. “Nghĩa là, theo như tôi hiểu, ngài đã rơi vào một tình huống khó xử ư?”

“Không, không, không hề! Sao lại thế, ngài Mason quý mến! Tôi sợ ngài hiểu tôi không đúng. Với tôi mọi việc đều ổn cả.”

“Ồ xin lỗi,” Mason nói, “nghĩa là tôi đã hiểu ngài sai. Mời ngồi.”

Mason ngồi xuống sau chiếc bàn lớn. Della với cuốn sổ đã sẵn sàng ngồi vào chỗ của mình.

“Ngài Mason yêu quý, tôi đơn giản không thể diễn đạt nổi các cảm xúc của mình vì cuộc gặp gỡ với ngài và cô thư kí kiêu diễm của ngài, cô Della! Được nhìn thấy thân hình quyến rũ của cô ấy, đó là một niềm vui đích thực.”

“Những lời của ngài có thể tạo nên một ấn tượng rằng cô ấy không mặc quần áo trên người,” Mason thốt ra.

“Ồ không, không đâu! Quý thần ơi, ngài nói gì thế, thưa ngài Mason quý mến! Đừng nói thế, vì Chúa!”

Della rời mắt khỏi cuốn sổ, ném vào y một cái nhìn tinh nghịch.

Fallon vội bào chữa, “Tôi chỉ có mỗi ý muốn nói rằng trước đây tôi có đọc một số bài báo viết về cô ấy và cô ấy đối với tôi là một thứ gì đó bất định, không cảm thấy được. Còn giờ đây đối với tôi, cô ấy thành ra khá xác định và thậm chí rất gần gũi nữa là khác.”

“Và thêm vào đó,” Mason nói thêm, “đang sẵn sàng tốc kí lời yêu cầu của ngài, để đăng kí nó theo đúng hình thức mà tại văn phòng của chúng tôi đòi hỏi.”

“Vâng, vâng, tất nhiên! Tha lỗi cho tôi, thưa ngài Mason! Dĩ nhiên, tôi hiểu thì giờ là quý như thế nào đối với ngài. Và bản thân tôi cũng thuộc loại những người quen đi thẳng vào vấn đề.”

“Vậy thì hãy bắt đầu thôi.”

“Tôi là bạn cùng công ty của Benjamin Addicts và còn là họ hàng xa của Helen Cadmus.”

“Và ngài là gì với cô ấy?” Mason tò mò.

“Ồ, nói chung thì tôi là người họ hàng khá xa của cô ta, nhưng cô ta luôn luôn gọi tôi là chú. Chính tôi giúp nó kiếm được việc làm chỗ Benny.”

“Chỗ Benny?” Mason hỏi lại.

“Xin lỗi, chỗ Benjamin Addicts. Chúng tôi gọi ông ấy thân tình là Benny.”

“Hiểu rồi.”

“Helen bất hạnh, cô bé đáng yêu của tôi. Tôi không thể tưởng tượng nổi điều gì đã

buộc nó làm việc ấy, hơn nữa, còn làm một cách khùng khiếp thế kia chứ. Nếu nó đã quyết định tự tử, thì đơn giản hơn nhiều là uống một liều thuốc ngủ chết người thôi, và không chỉ đơn giản hơn nhiều mà còn... cho phép tôi nói cởi mở, thưa ngài Mason, lịch sự hơn nhiều.”

“Tôi cho rằng,” Mason nhận xét, “khi cô gái thấy những vấn đề cuộc sống của mình là không thể chịu đựng nổi và quyết định đi vào cõi vĩnh hằng, cô ta ít quan tâm nhất đến các phép lịch sự.”

“Phải, phải, tất nhiên. Tôi hiểu, tôi hiểu chứ. Cô bé đáng thương. Riêng tôi hiểu rất rõ mọi điều đó, và mặc dù thế, thưa ngài Mason, chắc gì có thể làm điều đó... nếu ngài cho phép tôi diễn đạt như thế, bằng cách gì không thích hợp hơn nổi.”

“Ngài có ý gì vậy?”

“Đám báo chí âm ỉ lên, Benny, Benjamin Addicts, đã gặp nhiều điều khó chịu, tôi có ý nói về điều đó đấy. Ông Addicts rất gắn bó với cô ta. Gắn bó như với một cô làm công của mình, ngài hiểu tôi mà, ngài Mason, chỉ như với một người làm công thôi. Ông ấy hẳn sẽ làm mọi điều có thể nhằm giảm nhẹ đau khổ cho cô ta, tất nhiên, nếu ông ấy biết được. Tôi có thể cam đoan rằng, nếu các vấn đề của cô bé đáng thương dù chỉ phần nào liên quan đến tiền bạc, thì ông Addicts chắc sẽ làm hết mức tất cả những gì cần thiết có thể để giúp đỡ...”

“Thế các vấn đề là gì vậy?” Mason hỏi.

“Thì tôi cũng bản khoản điều đó, ngài Mason ạ. Tôi không thể nói gì cụ thể với ngài được. Đơn giản là tôi không biết.”

“Cô ấy không chia sẻ với ai các nỗi đau vật của mình à?”

“Có chia sẻ, ngài Mason ạ. Cô ta chia sẻ chúng với tôi, còn tôi, thật tiếc, đã không cho điều đó là nghiêm trọng lắm. Tôi có cảm giác rằng toàn bộ thứ đó chỉ là những chuyện đàn bà thường tình vương vất nổi rầu rĩ thoáng chốc. Cô ta nói với tôi là đôi khi không đủ sức mang nổi gánh nặng trách nhiệm lớn lao đặt lên vai cô, rằng thường cuộc sống trở nên không chịu đựng nổi đối với cô ta, rằng cô ta...”

“Vấn đề nói về trách nhiệm nào vậy?”

“Cô ta không nói với tôi, ngài Mason ạ. Rất tiếc, tôi buộc phải thú nhận rằng đã không biết cách khích lệ cô gái. Tôi... Nhưng rốt cuộc thì bây giờ còn nói gì nữa. Mọi thứ đã là quá khứ, và chẳng thay đổi được gì cả. Tôi không được phép chiếm thêm thì giờ quý giá của ngài nữa. Tôi, thực ra, có một việc thế này: Sáng nay ngạc nhiên đọc được trên báo rằng ngài đã mua các đồ vật riêng của Helen. Thậm chí tôi không có khái niệm là chúng lại được bảo quản ở đâu đó. Là người họ hàng gần nhất của cô ấy...”

“Theo tôi, ông đã nói ông là họ hàng khá xa cơ mà?”

“Tương đối xa, thưa ngài Mason. Nghĩa là tôi có ý nói họ hàng chúng tôi thực sự

khá xa, nhưng bởi nhẽ không còn những người họ hàng gần hơn, nên tôi có thể cho mình là người gần nhất. Điều nghe ra không hợp lí, nhưng tôi tin chắc là ngài hiểu rõ ý tôi.”

“Chắc gì tôi chia sẻ nỗi niềm lạc quan của ông,” Mason nói. “Nói thực, ông có việc gì với tôi vậy?”

“Nhưng điều đó hoàn toàn rõ mà, ngài Mason! Hiển nhiên là tôi rất muốn nhận được đồ vật riêng của Helen bất hạnh, giữ kỉ niệm về cô bé đáng thương của tôi. Tôi hiểu rất rõ rằng ngài tham gia đấu giá chỉ là để giúp người bạn của ngài, viên mô-tô, và kết quả ngài đành phải mua những thứ không có giá trị gì đối với ngài. Ngài đã trả, như tôi biết, năm đôla.”

Fallon bật đứng dậy, lôi trong túi ra tờ năm đôla mới cứng và chìa nó cho Mason. Ông không buồn động đậy để nhận nó, Fallon có phần bối rối quay về phía Della và nói, “Tôi cho rằng chính cô được giao trách nhiệm tính toán về mặt tài chính, phải không cô Della?”

Della ngược nhìn Mason vẻ dò hỏi.

Vị luật sư kín đáo lắc đầu.

Fallon tiếp tục đứng với tờ năm đôla trong tay, chuyển ánh mắt từ Mason sang Della, và trên mặt y hiện rõ vẻ bối rối vì sự khước từ không lắp lửng.

“Nói cởi mở, tôi không hiểu?,” y lắp bắp. “Có thể là tôi diễn tả chưa được rõ chăng?”

“Tôi đã mua cái gói,” Mason đáp. “Trong nó có mấy quyển vở, nhật kí, album ảnh và một số thứ khác của cô ấy. Tôi cho rằng tôi đã chi năm đôla không vô ích.”

“Nhật kí ư, thưa ngài Mason?”

“Chính là thế đó,” Mason đáp, không rời mắt khỏi vị khách, “và là những nhật kí khá chi tiết.”

“Nhưng thưa ngài Mason quý mến, hẳn nhiên chúng không thể có gì thú vị đối với ngài, và tôi tin chắc rằng ngài, xin lỗi vì cách diễn đạt, không định giúi mũi vào những bí mật của cô gái quá cố.”

“Sao lại không nhỉ?” Mason hỏi.

“Sao lại là không ư?” bị sốc bởi lời đáp như thế, Fallon hỏi lại: “Tại sao? ôi Chúa ôi, ngài Mason, mà sao - nghĩa là thế nào?... Dĩ nhiên là ngài đùa thôi!”

“Thậm chí tôi không nghĩ đến chuyện đùa,” Mason nói. “Tôi thường hay đạt được phương tiện để tồn tại chỉ nhờ rằng tôi hiểu biết ít nhiều về luật pháp và ít nhiều về bản chất loài người hơn một chút so với một người trung bình.”

“Vâng, vâng, vâng. Tôi hiểu, thưa ngài Mason. Tất nhiên, đó là lẽ đương nhiên.”

“Không sao hiểu nổi bản chất loài người,” Mason nói, “nếu chỉ nghe những gì người ta nói với ông.”

“Thực thế ư?” Fallon ngạc nhiên.

“Phải,” Mason gật đầu. “Mọi người bao giờ cũng thể hiện mình ở góc độ có lợi nhất. Để nghiên cứu bản chất con người, cần phải quan sát mọi người, khi họ không ngờ đến điều đó; cần phải lắng nghe các câu chuyện của họ khi họ không biết rằng người ta nghe trộm họ; phải đào bới trong các ý nghĩ của họ, nếu ta tin chắc rằng các ý nghĩ ấy là đích thực, cần nghiên cứu con người, khi tâm hồn họ được bộc lộ ra từ nỗi đau đớn.”

“Nói thật, ngài Mason ạ, ngài đơn thuần làm tôi sửng sốt.”

“Lấy thí dụ là ông,” Mason tiếp tục. “Tuyệt đối không thể biết nổi về ông, từ các suy nghĩ của ông đến những động cơ dẫn ông lại đây, cả điều gì thực sự ông cần, nếu chỉ nghe những gì ông nói với tôi.”

“Tôi... ngài Mason... Ngài buộc tôi về tội đạo đức giả ư?”

“Xin hỏi ông một câu,” Mason nói. “Ông kể với tôi toàn bộ sự thật sao?”

“Thì tất nhiên rồi! Vâng, vâng, dĩ nhiên là toàn bộ!”

“Và nhật kí cần cho ông chỉ vì những động cơ tình cảm thuần túy?”

“Ồ vâng, hoàn toàn chính xác.”

“Trong trường hợp như thế,” Mason nói, “tôi phải báo với ông rằng tôi cần chúng cho công việc. Chúng giúp tôi hiểu tốt hơn bản chất con người. Vậy nên chúng ta hãy kết thúc cuộc trò chuyện của chúng ta tại đây và chia tay nhau, không có những tình cảm xấu về nhau, ông Fallon ạ.”

“Nhưng nói thật, tôi không hiểu, thưa ngài Mason.”

“Tôi đã gắng giải thích với ông rồi.”

“Có thể là ngài muốn nói rằng, những đồ vật này có trị giá lớn hơn nhiều đối với ngài về mặt tiền bạc chăng?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Ồ,” Fallon thốt ra, mỉm cười rạng rỡ, “trong trường hợp như thế tôi sẵn sàng tính đến các quyền lợi của ngài. Tôi đã nghĩ, bởi tôi nói với ngài như gentleman nói với gentleman khác, rằng sự bồi hoàn với mức năm đôla là hoàn toàn đủ, nhưng khi vấn đề ngoặt về phía tài chính...”

“Không hẳn,” Mason nói, “đơn giản là tôi không muốn chia tay với những đồ sở hữu tôi mua được.”

“Ồ, tôi hiểu, nhưng nếu vấn đề chỉ nói riêng về mặt tài chính, về một cái giá cụ thể, thì tôi, ngài Mason ạ, sẵn sàng tiếp cận xem xét vấn đề này từ quan điểm hoàn toàn khác hẳn về nguyên tắc.”

“Biết sao được, ông cứ tiếp cận đi.”

“Tốt thôi, ngài Mason... Từ quan điểm mỗi quan tâm về tiền bạc, xuất phát từ chỗ cuộc mặc cả phải có lợi cho ngài về mặt tài chính... Xin phép, tôi sẽ trình bày ý

tưởng của tôi như sau: ngài đã tậu được một tài sản nào đó với giá năm đôla và muốn nhận lãi suất từ việc bán nó ở mức ít nhất là năm đôla. Chính xác chứ?”

“Chính xác.”

“Thậm chí tôi có thể nói,” hơn năm đôla.

“Hoàn toàn chính xác, và nhiều hơn nhiều.”

Nụ cười sán lạn bất thần tuột khỏi mặt Fallon. Y giúi bàn tay ngắn cùn của mình vào túi trong của áo vét, lôi cái ví bằng da lợn ra, mở ví, đếm năm tờ giấy bạc một trăm đôla và ném nó ra bàn trước Mason.

“Rất tuyệt, ngài Mason ạ,” y nói. “Chúng ta sẽ nói huých toẹt ra. Lãi suất của ngài đây.”

Mason lắc đầu phủ nhận.

Fallon nhướn lông mày vẻ ngạc nhiên.

“Xin lỗi,” Mason nói, “chắc gì tôi thoả mãn với sự đền bù tương tự.”

Những ngón tay ngắn cùn của Fallon lại mở cái ví da lợn. Trên bàn có thêm năm tờ giấy bạc một trăm đôla nữa.

“Khá lắm, Mason,” y thốt ra lạnh lùng, “tổng cộng ở đây là một ngàn. Và chúng ta kết thúc, quỷ tha ma bắt cái trò hề này đi.”

Vẻ hờn hậu của y không còn một chút bóng dáng. Giờ đây y làm liên tưởng đến một tay chơi trò poker đã đặt cược và chăm chú theo dõi đối thủ của mình, hòng đoán định kẻ kia đáp trả y bằng gì và những lá bài nào trên tay đối phương.

“Các nhật kí này không để bán,” Mason nói.

“Nhưng, ngài Mason, tình huống đã trở nên đơn thuần là phi lí!”

“Nhưng tôi không có cảm giác nó là thế,” Mason phản đối. “Tôi mua một món hàng nào đó, vì nó cần cho tôi. Và giờ nó vẫn cần cho tôi như cũ.”

“Ngài Mason ạ,” Fallon nói, “chúng ta nói thẳng tuột ra nhé. Tôi không muốn lấp lửng gì nữa. Tôi không thể đề nghị với ngài quá một ngàn đôla. Nghĩa là tôi nhận được chỉ dẫn dừng lại chính ở số tiền đó. Thế nhưng, tôi có cảm giác rằng... Ngài Mason ạ, ngài hẳn đồng ý thỏa thuận riêng với Benjamin Addicts chứ?”

“Về việc gì?”

“Về các tài liệu nằm trong tay ngài ấy.”

Mason lắc đầu, “Theo tôi, tôi chẳng có gì để nói với ông ta cả.”

“Tôi cho là có chuyện để nói đấy, ngài Mason ạ. Tôi có cảm giác, nếu ngài trực tiếp gặp ông Addicts, thì sẽ hiểu... Rốt cục, ngài Mason ạ, chúng ta hãy cùng ngừng cuộc tranh cãi trống rỗng và tiếp cận vấn đề một cách tỉnh táo.”

“Ồ, ở đây thì mọi sự nằm trong sức của ông,” Mason đáp. “Ông hãy đi đặt cho mình món gì đó không có chất men. Tôi cho rằng ông quan tâm đến cái gói thuần túy theo các động cơ tình cảm, như một người họ hàng của Helen Cadmus cơ đấy.”

“Ma quỷ, ngài nghiêm túc đấy à?”

“Nhưng chính ông nói điều đó với tôi mà.”

“Trời ơi, ngài Mason, thì cũng cần nói ít ra là gì đó với ngài chứ! Ngài là luật sư cơ mà. Và dĩ nhiên, ngài cũng nhận thức được rằng vấn đề được bàn đến đòi hỏi một cách tiếp cận sao cho cả hai chúng ta cùng giữ được thể diện trong tình huống này chứ.”

“Tôi không tin chắc rằng cần giữ thể diện của tôi,” Mason phản đối.

“Không, không, xin ngài, không cần đùa cợt đâu, thưa ngài Mason! Nào chúng ta hãy nói với nhau nghiêm túc và cởi mở nhé.”

“Tôi thì tôi đang nói với ông hoàn toàn cởi mở.”

“Thôi được, trong trường hợp ấy tôi sẽ cởi mở với ngài. Sự mất tích của Helen Cadmus làm nảy ra vô số những phỏng đoán xằng bậy. Bọn nhà báo quèn sống nhờ vào việc hắt mọi thứ đổ thải vào công chúng đang khao khát các chuyện giật gân, đơn thuần là lao bổ vào câu chuyện này. Ông Addicts trong một thời gian nào đó buộc phải ẩn mình và tiếp nhận các biện pháp phòng ngừa được suy nghĩ kỹ lưỡng để khỏi bị đầu độc đến chết bởi những tay nghiệp dư thích chuyện vớ vẩn giật gân. Và giờ đây bỗng được rõ là Helen viết nhật kí. Tôi không hiểu, sao lại vậy được, rằng các nhà điều tra đã không hề biết gì về việc đó.”

“Loang đi tin đồn,” Mason nói, “rằng Addicts đã lợi dụng toàn bộ ảnh hưởng chính trị của mình. Kết quả bên điều tra đã cầm cái bút lông lớn và vội vã phủ lên vụ việc một lớp sơn trắng dày. Không hề có một cuộc thẩm cứu như đúng nghĩa của nó.”

“Còn theo tôi, ngài Mason ạ, sự khẳng định của ngài không có một cơ sở nào cả. Ngay ngài cũng khó tin vào điều đó. Ông Addicts chỉ muốn che chắn bản thân tránh một số bất tiện về mặt cá nhân thôi, và chẳng còn gì hơn thế.”

Mason cười nhếch mép.

“Hay lắm,” Fallon kêu lên, “ta nói thẳng ra nhé! Các nhật kí này nổi lên hoàn toàn tình cờ. Trời ạ, thậm chí chúng tôi cũng không có khái niệm, nói chung, chúng có tồn tại hay không nữa. Rõ ràng, chúng được tìm thấy trong một cái hộp nào đó mà chẳng ai rõ. Dĩ nhiên, đã có cuốn nhật kí cuối...”

“Thật ư?” Mason hỏi lại.

Fallon ho khan. “Tôi không có ý nói điều đó. Đó chỉ là lời.”

“Chuyện gì xảy ra với cuốn nhật kí cuối?” Mason hỏi.

Fallon nhìn thẳng vào mắt Mason. Ánh mắt y trở nên khắc nghiệt và thù địch.

“Ngài hiểu tôi không đúng,” y thốt ra chậm rãi. “Rõ ràng cô ta ngừng ghi chép nhật kí, và cái quyển chỗ ngài là cuối cùng.”

“Addicts sẵn sàng trả bao nhiêu?” Mason tò mò.

“Tôi không biết,” Fallon đáp. “Ông ấy lệnh cho tôi trả giá với ngài cho đến một

nghìn đôla. Nói chung chúng tôi tin chắc rằng sẽ nhận được chúng không mất tiền, chỉ hoàn lại chi phí cho ngài, hoặc trường hợp tồi tệ nhất, nếu ngài muốn kiểm chác ở đây, thì cũng chỉ phải trả vài ba trăm đôla là cùng. Nhưng gặp gỡ với ngài và hiểu ngay rằng không thể lừa ngài bằng toàn bộ thứ vớ vẩn lãng mạn nọ, tôi đã lập tức đề nghị cái giá tối đa mà tôi được uỷ nhiệm.”

“Hay lắm,” Mason nói. “Và ông sẽ quyết định thế nào bây giờ?”

Fallon thu các tờ bạc một trăm đôla vào ví, cẩn thận gấp tờ năm đôla đặt nó vào túi, mỉm cười với Mason và nói, “Tôi đi xin các chỉ dẫn tiếp theo, cảm ơn ngài. Chúc may mắn!”

Y quay phắt người và bước ra khỏi văn phòng.

Mason nhìn Della. Trong ánh mắt ông có thể đọc được câu hỏi không nói thành lời.

“Biết sao được,” Della nói, “giống như tối nay chẳng cần làm gì nữa.”

“Giống như chả cần làm công việc thông thường trong những ngày gần đây. Tôi sẽ cầm một trong số vở, cô cầm một quyển, hãy đưa một quyển cho Jecson và một cho Gerty. Chúng ta phải đọc những quyển vở này một cách chăm chú nhất, cần phải đọc kỹ từng chữ một. Hãy ghi lại tất cả những gì có vẻ là quan trọng, và hãy viết những trích dẫn có ghi lại số trang. Chúng ta cần phải làm rõ cái gì làm ngài Benjamin Addicts bất an đến thế, và tôi rất muốn làm xong trước khi chúng ta nhận được tin tức từ ngài ta. Ghi chép cuối cùng được viết vào ngày nào thế, Della?”

“Tôi đã xem qua, sếp ạ,” cô đáp, “các ghi chép kết thúc áng chừng hai tuần trước khi cô ấy mất tích.”

“Quý tha ma bắt, chắc tôi sẽ trả giá cao để được ngó xem quyển vở số năm,” Mason nói, “nhưng qua lời nói hớ của gã Fallon thiếc, tôi hiểu rằng Addicts, Fallon và đồng bọn đã tìm thấy vở nhật kí ấy, nhét nó vào bao tải và buộc vật gì đó vào cho nặng hơn, ném ra khỏi tàu xuống chỗ sâu nhất của eo biển rồi. Thôi được, Della ạ, chúng ta cùng làm sáng tỏ những gì chúng ta có vậy. Hãy gác tất cả cuộc hẹn trước cho hôm nay, hãy quét hết thư từ trên mặt bàn và bắt tay vào việc thôi.”

Khuya đêm thứ ba, khi tất cả những người khác đã tản về nhà, Mason và Della ngồi trong văn phòng và so sánh thông tin được rút ra từ các nhật kí của Helen Cadmus.

“Cứ để tôi thất bại đi,” Mason kêu lên, “nhưng riêng tôi sẽ không loại trừ khả năng của một vụ giết người!”

“Ồ, còn tôi thì hầu như đã chắc chắn có thể loại trừ khả năng một vụ tai nạn hoặc tự tử,” Della nói.

“Chúng ta chẳng có chứng cứ gì cả,” Mason bác lại cô, “nghĩa là tôi ý nói, không có gì cụ thể cả.”

“Đối với tôi thì chúng khá cụ thể,” Della thốt ra với vẻ miễn cảm. “Hắn anh đọc nhật kí rất chăm chú, sắp ả, và trước anh, tất nhiên, nảy sinh hình ảnh một cô gái trẻ trung hoàn toàn bình thường và vô cùng đáng yêu với thân hình tuyệt vời - cô ta đã mơ được đóng phim - cái điều mà hầu như cô gái trẻ xinh đẹp nào cũng mơ tới. Và anh có được một khái niệm về đầu óc sâu sắc và sáng suốt của cô ấy. Cô ấy khâm phục sức mạnh tính cách của Benjamin Addicts. Cô ấy phẫn nộ việc ông ấy đối xử với lũ khỉ. Cô ấy cảm thấy rằng trong cuộc đời ông ấy có bí mật gì đó. Theo quyền vớ đầu tiên thấy rất rõ, với sự hiếu kì nóng bỏng như thế nào, cô ấy cố làm rõ đó là bí mật gì, còn sau, hoàn toàn bất ngờ, đã không còn nhắc tới về điều đó nữa. Và thêm nữa - cô gái đã si mê.”

“Tại sao cô cho là thế, Della?”

“Theo tâm trạng cô ấy, theo những gì cô ấy viết trong nhật kí của mình. Cô ấy có khá nhiều thì giờ rảnh rỗi, và lúc rỗi cô ấy thường chìm vào những mơ mộng lãng mạn.”

“Nhưng cô ấy không kí thác các mơ mộng lãng mạn của mình cho nhật kí,” Mason nhận xét.

“Công khai thì không,” Della đồng tình, “nhưng có thể đọc ra điều đó giữa các dòng. Theo những nguyên nhân nào đó cô gái tránh né viết hoàn toàn cởi mở trong nhật kí, nhưng cô ấy, không còn nghi ngờ gì nữa, đã diễn tả tâm trạng của mình. Những kẻ đang yêu bao giờ cũng viết về vẻ đẹp của thiên nhiên, về mùa xuân trong thiên nhiên và mùa xuân trong trái tim người tuyệt diệu biết bao nhiêu.”

“Della, cô kể mới nên thơ làm sao!”

“Tôi chỉ xét đoán một cách logic mà thôi.”

“Tình cờ, tự cô có viết nhật kí không vậy?”

Khuôn mặt Della bừng đỏ rực lên.

“Và ngoài ra,” cô nói vội vã, “Helen căm thù Natan Fallon.”

Mason ngả người ra ghế và phá lên cười.

Della cười mỉm và tiếp tục, “Cô ấy yêu động vật và rất gắn bó với một con khỉ tên là Pete. Các cuộc thử nghiệm của Benjamin Addicts tiến hành với lũ vật làm cô ấy căm phẫn.”

Mason nheo mắt ngẫm nghĩ, “Các thử nghiệm chỗ Addicts được tiến hành ở cấp độ khoa học cao nhất. Ông ta cố tác động lên hệ thần kinh của động vật. Ông ta có những ý tưởng khá độc đáo liên quan với thôi miên. Rõ ràng, ông ta nhận thức được rằng, không thể nhấn con người chìm sâu vào thôi miên đến mức để anh ta làm cái gì đó trái ngược định hướng đạo đức cao cả của anh ta, nhưng dường như ông ta có cảm giác rằng, những con vượn, là những thực thể dạng người, có thể bị chịu tác động của thôi miên và, ví dụ, có khả năng giết người. Quỷ tha ma bắt tôi đi, nếu tôi hiểu bằng cách ấy ông ta định chứng minh chính điều gì. Tôi cảm thấy điều đó chắc gắn với quá khứ của Addicts. Rõ ràng có một bất hạnh lớn xảy ra với ông ta, có thể, ông ta đã gây nên tội ác và nghi ngờ rằng ông ta làm chuyện đó dưới tác động thôi miên của ai đó.”

“Một hoàn cảnh kinh hoàng cho một cô thư kí,” Della nói. “Addicts giàu có, nhưng điều đó hoàn toàn không biện minh nổi cho cách đối xử dã man của ông ta với lũ súc vật.”

Mason gật đầu, “Có lẽ thoát đầu Helen Cadmus cũng trải qua chính cảm giác đó. Sau này, giống như các quan niệm của cô ấy đã thay đổi phần nào. Miễn bàn cãi, cô ấy rất kính trọng Addicts, và rõ ràng cảm thấy đắng sau các thử nghiệm của ông ta ẩn giấu gì đó rất quan trọng.”

“Rồi tiếp theo, người ta đã giết cô ấy,” Della nói.

“Không nên nói thế, Della. Tuyệt đối không có chứng cứ nào cả.”

“Ồ, tôi cảm thấy theo bản năng, cảm thấy rất rõ ràng cô ấy không thể quyết tự tử được.”

“Trong quyển vở tôi đã đọc,” Mason nói, “còn có một chi tiết rất hiếu kì nữa, Della. Tôi rất quan tâm đến điều đó.”

“Là gì thế?”

“Con khỉ Pete mà cô ấy rất yêu kia, có một thói quen tha mất những thứ đồ vật vĩnh của cô ấy, tất cả những gì con khỉ cho là cô ấy yêu thích. Hộp phấn, thỏi son môi, hoa tai. Nó vớ tất tần tật và đem giấu đi. Chắc chắn nhất, chỗ bí mật nó thích

hẳn là cái lọ đá Hy Lạp khổng lồ ở tiền sảnh... Della này, ở tôi xuất hiện sự nghi ngờ... Ai là luật sư đại diện cho Jozephine Kempton trong vụ tố tụng chống Addicts vậy?”

“Để tôi xem nhé,” Della nói và bước ra khỏi văn phòng.

Quay lại sau ba phút, cô trao cho Mason một tờ giấy trên đó được đánh máy:

‘James Etna, văn phòng luật sư Etna, Etna và Duglas’.

“Sợ rằng tôi đã làm một điều ngốc nghếch, sếp ạ,” cô nói khi Mason đang xem mẫu giấy.

“Cô có ý nói gì thế?”

“Khi tôi ra phòng tiếp khách, điện thoại réo dai dẳng đến nỗi như sắp vỡ ra từng mảnh vậy. Nói chung, tôi đã muốn giải thích là thời gian làm việc đã hết và chẳng còn ai trả lời điện thoại nữa. Và hoá ra rằng tôi trò chuyện với ông Mortimer Hershey, người điều hành tài chính của Benjamin Addicts. Ông ta rất muốn thoả thuận buổi gặp của anh với ông Addicts.”

“Cô đã trả lời ông ta thế nào?” Mason hỏi.

“Tôi nói rằng cần liên lạc với anh, làm cụ thể xem những cuộc gặp nào đã ấn định vào ngày mai, và hẹn một giờ thích hợp cho anh. Lúc ấy ông ta nói ông Addicts không thể nào đến văn phòng của anh được, bởi vì ông ta bị thương.”

“Bị thương ư?”

“Ông ta nói đúng như thế.”

“Ông ta có thông báo điều gì không?”

“Không gì thêm. Theo lời ông ta, ông Addicts bị thương và không thể đến văn phòng gặp anh nổi, nhưng theo như ông ta hiểu, cuộc gặp với ông Addicts chắc sẽ có lợi cho anh. Tôi đáp là sẽ cố liên lạc với anh và gọi lại cho ông ta.”

“Này Della,” Mason nói, “để giúp cho lương tâm trong sạch, cô hãy thử gọi điện thoại đến văn phòng ‘Etna, Etna và Duglas’ nhé.”

“Vào lúc thế này chắc chẳng còn ai đâu.”

“Ai đó trong số cổ đông có thể lưu lại chỗ làm việc. Rốt cục thì chúng ta đây, Della, cũng làm đến muộn đấy thôi.”

“Điều đó thì chính xác.” Cô nhắc ông nói, bấm số và trong tích tắc đã hỏi: “Xin lỗi, ai bên điện thoại đấy ạ?... Văn phòng của Perry Mason làm phiền ông... Vâng, vâng, luật sư... Ồ, đó là ông à?... Xin lỗi vì hồi chuông muộn mằn thế này, nhưng ông Mason cần nói chuyện khẩn với ông James Etna. Một phút, xin ông đừng bỏ máy.” Della gật đầu với Mason và gạt cần số tổng đài. “Còn thêm một con cú nữa,” cô nói. “Và đích thực vì việc khẩn ông ấy đã ở lại.”

Mason nhắc ông nghe, “Alô, Perry Mason nói đây. James Etna đấy ạ?”

“Phải, tôi nghe ông đây.”

“Ông đại diện quyền lợi của bà Kempton trong vụ án chống Benjamin Addicts phải không?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Sự thể là tôi quan tâm đến vụ này, ” Mason nói.

“Thế ông đại diện cho ai?” Etna tỏ ra thận trọng và có phần lạnh nhạt trong giọng nói.

“Chả cho ai hết. Đơn thuần là tôi tò mò thôi.”

“Ồ, cứ cho là nó cũng làm tôi tò mò. Trường hợp, theo tôi là đáng phần nộ đến xấu xa. Vì nó mà tối nay tôi phải hủy một bữa tiệc. Đến một sẽ tiến hành xem xét vụ này ở tòa án, và tôi đang cố đào bới một điều luật nào đó phù hợp.”

“Ông có thể vắn tắt thông báo cho tôi bản chất vấn đề là gì không?”

“Tôi cho rằng trong đơn kiện mọi việc được trình bày khá rõ,” Etna thận trọng đáp.

“Tôi thực muốn nhận được thông tin chi tiết hơn.”

“Với mục đích gì?”

“Ồ, cứ cho là vì sự hiếu kì thuần túy.”

“Ông Mason ạ, tôi sợ là không giúp gì được cho ông, ông đành tự thoả mãn bằng đơn kiện vậy. Dĩ nhiên, khi vụ án được tiếp nhận xem xét ở tòa...”

“Đơn giản là có cơ hội,” Mason nói, “rằng tôi sẽ giúp được ông phần nào.”

“Bằng cách gì?”

“Tại thời điểm này tôi chưa thể giải thích gì với ông, nhưng nếu ông kể với tôi gì đó... Dĩ nhiên, tôi không đòi hỏi để ông chia sẻ với tôi tin mật, nhưng...”

“Thôi được,” Etna nói, “tôi có thể trình bày với ông những nét chung bản chất vụ việc là gì. Bà Kempton bị đuổi việc không được báo trước. Bà ấy làm chỗ ông Addicts khoảng hai năm rưỡi, nhưng Addicts thậm chí không thêm giải thích với bà lí do sa thải. Bà Kempton rời khỏi nhà ông ta mà phần nộ vô cùng. Bà ấy không yêu cầu thư giới thiệu, vì vậy bà trở thành thất nghiệp.”

“Bà ta không biết sao lại xảy ra như thế?”

“Theo mức bà ấy rõ, thì chẳng có lí do gì cả.”

“Ông nói tiếp đi. Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Nói chung, bà ấy tìm được cho mình một chỗ thích hợp. Lẽ tự nhiên, các chủ nhân muốn biết bà ấy đã làm việc chỗ ai trước đây, và bà Kempton đã nói. Bà ấy làm việc chỗ họ chừng hai tuần. Chẳng có gì phải nghi ngờ, bà ấy hoàn thành tốt các trách nhiệm của mình, và bất thần như sấm giữa trời quang, người ta lại đuổi bà ấy không báo trước. Bà ấy đã không thể hiểu nổi sự việc vì sao nữa.”

“Hãy tiếp đi,” Mason đề nghị.

“Việc này ít người rõ. Nhưng với ông, tôi nghĩ, có thể tin cậy được.”

“Nếu xuất hiện những vấn đề gì đó, thì ông có thể không nói,” Mason nói. “Tôi không cần các tin mật.”

“Ồ, dù sao thì trên tòa mọi thứ đó cũng sẽ rõ hết,” Etna đáp. “Nói chung, bà Kempton nhờ cậy văn phòng chúng tôi về vấn đề bảo hộ và chia sẻ với tôi các ngờ vực nảy sinh, kể chi tiết tất cả mọi chuyện đã xảy ra. Tôi nhờ một người bạn viết cho Benjamin Addicts và thông báo rằng bà Jozephine Kempton xin vào làm việc chỗ anh ta, người mà anh ta hiểu rằng hai năm vừa rồi từng làm chỗ ông Addicts. Anh ta đề nghị Addicts cho bà ấy giấy giới thiệu, đánh giá các ưu điểm làm việc của bà ấy.”

“Và kết quả là gì?” Mason hỏi.

“Chưa quá một tuần, đã nhận được thư từ ông Benjamin Addicts. Trong đó là thông tin ngắn về việc bà Kempton bị sa thải vì tính thiếu trung thực của bà ấy, rằng biến mất không còn dấu vết chiếc nhẫn kim cương khá giá trị mà ông Addicts rất quý và giá khoảng năm nghìn đôla; rằng chiếc đồng hồ platin giá một nghìn bảy trăm năm mươi đôla cũng biến mất; rằng không có đầy đủ tang chứng để buộc bà Kempton ra tòa vì vụ trộm, nhưng khá đủ chứng cứ đối với Addicts để cho bà ấy thôi việc ngay lập tức.”

“Quỷ tha ma bắt. Phải biết cách lắm mới nặn ra nổi một bức thư như thế!” Mason kêu lên.

“Chính thế đấy, ông hiểu tôi chứ?”

“Và ông đã làm gì rồi?”

“Ồ, chỉ nhằm mục đích bảo hộ, tôi đã thu xếp cho bà Kempton làm việc chỗ bạn bè tôi, những người tôi có thể tin cậy được, bức thư không chệ vào đâu được từ quan điểm tư pháp. Ông cũng hiểu, bức thư đầu tiên được viết bởi một người thực tế không thuê bà Kempton làm việc, và điều đó có thể làm phức tạp nghiêm trọng tình huống tại tòa.”

“Phải, tôi hiểu.”

“Và thế, bằng cách ấy bà Kempton đã tìm được chỗ với lương hai trăm năm mươi đôla một tháng, được nuôi ăn và có một phòng nhỏ, một chỗ không tồi lắm. Chủ nhân viết cho Addicts và nhận được một bức thư cũng y như những bức khác. Họ, việc tự nhiên, đã giữ nó lại và sẵn sàng để trình tòa.”

“Vụ án sẽ xét xử vào ngày kia ư?”

“Vâng. Tôi đang trầy trật hết sức để bắt đầu sớm nhất việc xem xét vụ án, đối với thân chủ của tôi điều đó có ý nghĩa rất lớn. Addicts có thể cho phép bản thân chi phí các phiếu chứng khoán. Còn thân chủ của tôi bắt buộc phải làm việc.

“Ông không cố hướng Addicts tới thoả hiệp à?”

“Tôi đã làm mọi điều có thể, nhằm ảnh hưởng được chút nào đó đến Addicts. Tôi

không biết, ông quen với ông ta hay không.”

“Không.”

“Nói ngắn gọn, ông ta là người gàn bướng vô độ. Ông ta tuyên bố với tôi rằng, ông ta có các bằng chứng đủ thuyết phục bất cứ ai: Chính bà Kempton thó mất chiếc nhẫn kim cương và đồng hồ; và ông ta đơn thuần là thể hiện lòng hào hiệp và đã không khởi tố vụ án hình sự, nhưng nếu tôi lôi ông ta ra tòa, ông ta sẽ làm cho bà Kempton nhục nhã vĩnh viễn. Ông ta nói rằng nếu bà ấy muốn tìm chỗ làm, không yêu cầu ông ta giấy giới thiệu, thì ông ta chẳng có gì chống lại. Để làm điều đó bà ấy chỉ cần nói dối về chỗ làm cuối cùng mà thôi. Nhưng nếu có ai đó viết hỏi ý kiến ông ta về bà Kempton, ông ta sẽ thẳng thắn.”

“Tôi cho rằng,” Mason nói, “ông đã xem hết các điều luật về sự nhầm lẫn thực lòng rồi chứ?”

“Tôi đang nghiên cứu chính điều đó lúc này đây,” Etna đáp. “Ở đây có vô số vấn đề, nhầm lẫn thực lòng, hiện diện ý định độc ác, cơ sở hợp lý để viết những bức thư tương tự và còn nhiều thứ lắm. Trong bộ luật điều đó không được định nghĩa cụ thể lắm.”

“Tôi rất muốn hỏi ông thêm một câu,” Mason nói. “Ông nhớ là đã bao giờ đọc trên báo về sự biến mất của cô gái tên gọi Helen Cadmus, thư kí của Addicts chưa?”

“Tôi chẳng bao giờ nhớ được gì người ta viết trên báo chí. Không, tôi không nhớ.”

“Nhưng ông có rõ gì về sự biến mất của cô ta không?”

“Chỉ một ít điều bà Kempton thông tin cho tôi,” Etna thận trọng nói.

“Giờ thì chúng ta mới tới gần điều tôi cần đây,” Mason nói. “Bà Kempton đã kể với ông điều gì vậy?”

“Thế ông quan tâm cụ thể là gì?”

“Vào thời điểm này tôi không thể chia sẻ với ông thông tin về vấn đề này.”

“Nếu vậy, vào thời điểm này, nói chung, tôi không thể chia sẻ với ông bất kể thông tin gì.”

“Thôi được, tôi quan tâm việc sa thải bà Kempton có gắn với sự mất tích của Helen Cadmus hay không?”

Etna trầm ngâm rất lâu.

“Theo phỏng đoán, Helen Cadmus đã tự tử hai ngày trước khi bà Kempton bị đuổi việc. Chỗ chúng tôi hình thành một ý tưởng, rằng nếu có gì đó bị mất trong biệt thự của Addicts, thì nghi ngờ Helen Cadmus là có cơ sở hơn nhiều, chứ không phải là bà Kempton. Tôi đang cố chứng minh giả thiết đó. Nhẫn và đồng hồ ở trong phòng ngủ ông Addicts. Phòng ngủ được khoá. Chìa khoá chỉ hai người có, bà Kempton và Helen Cadmus. Bà Kempton là quản gia, còn Helen Cadmus vào đó liên quan với việc thực hiện các trách nhiệm thư kí của mình. Nói cụ thể, đó là căn hộ gồm mấy

phòng: Phòng ngủ, văn phòng, buồng tắm và một phòng nhỏ cho động vật. Tại thời điểm này, ông Mason ạ, đó là tất cả những gì tôi có thể thông báo cho ông.”

“Theo số điện thoại nào tối nay tôi có thể liên lạc được với ông?”

“Tôi sẽ ở lại văn phòng thêm một hoặc hai giờ. Điện thoại nhà riêng của tôi, Vest chín bảy hai mươi một.”

“Rất cảm ơn,” Mason nói, “có khả năng tôi sẽ gọi muộn hơn.”

Mason đặt máy. Della nhìn ông dò hỏi.

“Tôi cho rằng,” Mason nói, “câu hỏi không nói thành lời của cô gắn với mong muốn biết nội dung cuộc trò chuyện của tôi với ông James Etna.”

“Câu hỏi không nói thành lời của tôi,” cô đáp, “gắn với mong muốn được biết, rốt cuộc bao giờ thì chúng ta ăn tối đây?”

“Ngay bây giờ, Della ạ,” Mason cười to. “Và khi ăn tối xong chúng ta sẽ đến ông Addicts để làm sáng tỏ, điều ông ta định báo với chúng ta chính là gì, và nếu ngẫu nhiên - hãy hiểu, Della ạ, nó cũng chả khác gì trong màn đêm tìm ra hạt thuốc súng, một phần nghìn cơ may, và nếu chúng ta tình cờ tìm được trong cái lọ đá Hi Lạp ở tiền sảnh chiếc nhẫn trị giá năm ngàn đôla và chiếc đồng hồ platin trị giá một ngàn đôla, thì chúng ta sẽ buộc gã triệu phú trịch thượng có thiên hướng hung bạo kia phải cụp đuôi lại.”

“Tuyệt lắm,” Della nói, “nhưng tôi nghĩ rằng không đáng làm việc đó với dạ dày rỗng.”

“Điều đó thì đúng lắm. Cô muốn ăn tối ở đâu?”

“Ở đâu mà người ta cho tôi một miếng chả thịt lớn rán bơ với thì là, và khi chúng ta đến thăm một tay triệu phú, tôi nghĩ, chúng ta có thể cho phép bản thân một sự xa xỉ là bánh mì Pháp rán sém cạnh giòn tan và được phết một lớp tỏi già nhỏ.”

“Khỏi phải nghi ngờ,” Mason tuyên bố nghiêm túc, “chúng ta nên hưởng thụ trọn vẹn những khoái cảm hiếm hoi mà nghề nghiệp chúng ta đem lại. Bởi nếu chúng ta đi lập di chúc cho ông Addicts và ông ta gọi chúng ta đến để tư vấn về vấn đề công việc, chắc chúng ta buộc phải từ chối món tôi.”

“Ồ lẽ tất nhiên,” cô đồng tình, và cặp mắt cô sáng long lanh, “nhưng với những hoàn cảnh đã hình thành, lưu ý tới cả việc hôm nay tôi làm đến tối mịt, chắc anh sẽ còn đặt cho tôi thêm một chai rượu Kianty đỏ nữa - để nhắm với thịt viên và bánh mì phết tỏi.”

“Được rồi, đồng ý,” Mason nói. “Và trước khi ra đi hãy gọi cho ông Mortimer Hershey, báo với ông ta là chúng ta có thể đến chỗ ông Addicts vào chín giờ rưỡi hôm nay.”

“Có thể là ông ta chưa ăn tối, hãy khuyên ông ta ăn một ít tỏi, xét theo khả năng, ông ta có thể sẽ thích thú lắm vì được tiếp xúc với chúng ta chẳng?”

“Không,” Mason nói, “chúng ta chưa biết ông ta rõ đến mức ấy.”

“Nhưng rồi sẽ biết chứ?”

“Ồ, miễn nghi ngờ,” Mason mỉm cười hứa, “nhưng ông ta sẽ chẳng được khoan khoái gì đâu.”

Mason khéo léo hãm xe trước cánh cổng bằng sắt mà qua các thanh sắt thấy rõ con đường rộng rãi đá sỏi.

Gã vệ sĩ với ngôi sao cảnh sát lớn trên ngực, chiếc đèn điện mạnh trong tay và khẩu súng lục trong bao súng gắn, dải đeo đạn đầy cứng, đứng ngay sau cánh cổng.

Tia đèn chói rục chiếu sáng lòng xe.

Mason hạ tấm kính xuống.

“Ông cần gì ở đây?” gã vệ sĩ hỏi.

“Thứ nhất,” Mason đáp, “tôi cần anh không dùng đèn làm loá mắt tôi.”

Tia sáng trượt sang một bên, sau đó chiếc đèn tắt.

“Còn thứ hai, tôi cần gặp Benjamin Addicts,” Mason nói tiếp.

“Nhưng tôi muốn biết,” gã vệ sĩ lúng búng, “Benjamin Addicts có cần gặp ông hay không?”

“Tôi đoán chắc ông ta rất cần.”

“Tên?”

“Perry Mason.”

“Hãy đợi ở đây,” gã vệ sĩ nói, “và chờ nghĩ chuyện trườn ra khỏi xe đây. Hãy ngồi và chờ tôi gọi vào dinh đã. “

Gã đi lại máy điện thoại giấu trong hõm một chiếc cột đá hình trụ gắn liền với cánh cổng.

“Ở đây sinh sống những con người đáng yêu, thân thiện và rất hiếu khách, phải vậy không?” Mason nói với Della.

“Đó có thể là những biện pháp bắt buộc. Nơi đây khá hẻo lánh, ngoài ra, ông Addicts rất giàu. Tôi có cảm giác là ông ta phải e ngại lũ trộm.”

Gã vệ sĩ treo ống nói và bấm nút - cánh cổng nặng nề trên các bản lề bôi trơn bắt đầu từ từ mở ra.

Gã vệ sĩ đến gần xe.

“Mọi việc đều ổn,” gã nói với Mason, “ngài Addicts đang chờ ông. Hãy đi thẳng theo con đường rải sỏi này, không quành đi đâu cả. Khi ông đến sát cửa chính - ở đằng kia, chỗ những cái cột to ấy, - hãy dừng xe ngay cạnh thềm đá. Sẽ có người đón ông. Hãy để xe lại đây. Trên đường chờ dừng lại và không bước ra khỏi xe. Ông

hiếu cả rồi chứ?”

“Hiếu,” Mason nói, “dù sự đón tiếp quá thân tình thế này không khích lệ tôi lắm. Thế sẽ có gì, nếu chúng tôi bước ra khỏi xe?”

“Nhiều thứ lắm.”

“Cứ ví dụ?”

“Ví dụ, các vị sẽ cắt ngang những tia báo động vô hình, mà khi các vị vừa làm điều đó, lập tức bắt đầu một thứ mà các vị đến tưởng tượng cũng không thể! Tiếng còi rú, đèn pha. Ngoài ra, các cửa chuồng chó tự động mở và những con chó bảo vệ sẽ được thả ra. Đừng nói là tôi chưa cảnh báo cho các vị. Nếu các vị muốn thử nghiệm, các vị có thể tự kiểm tra lấy.”

Gã vệ sĩ quay lại vị trí.

Mason ngoái về phía Della.

“Tôi có cảm giác ông Addicts tổ chức việc bảo vệ thật hoàn hảo. Giống như, ông ta quyết định điều chỉnh khiếm khuyết lòng hiếu khách bằng tổ chức bảo vệ tuyệt vời về mặt kỹ thuật.”

Vị luật sư chuyển số, và chiếc xe trườn vào cổng. Phía dưới bánh xe lạo xạo đá sỏi của con đường rộng rãi uốn lượn mềm mại; người quan sát không rành chắc có cảm giác rằng lãnh địa được chăm sóc kỹ xung quanh có khả năng để tự biệt lập.

Qua một lát, trước họ xuất hiện những đường nét mờ mờ một ngôi nhà đá khổng lồ được mềm bớt nhờ một vài dây trường xuân buông xoã dây đó.

“Chà,” Mason nói, “trước chúng ta là mẫu mực kiến trúc tinh tế điển hình của nhà tù Liên Bang.”

Ông hãm phanh cạnh bậc thềm cửa chính. Thềm đá lấp loá ánh sáng chói mắt. Đâu đó đằng sau sặc sụa tiếng chó sủa man dại.

Mason tắt động cơ, tắt đèn pha, mở cửa, đi quanh quanh xe để giúp Della bước ra, Không chờ ông, cô tự mở rộng cửa và chạy nhanh lên các bậc thềm đá.

Cánh cửa rộng của dinh thự mở ra, và Natan Fallon xuất hiện.

“Chúc mừng đã đến Stounhenge,” y chào hai vị khách.

“Stounhenge?” Della ngạc nhiên hỏi lại.

“Phải, biệt thự được gọi chính như thế,” Fallon đáp. “Nó khá lớn, cô Della ạ. Ở đây đủ chỗ để thỏa mãn mọi nhu cầu của ông Addicts - để tiếp khách, để làm việc, để thử nghiệm với động vật.”

“À, nhân thể, các thử nghiệm mà ông vừa nhắc đến được tiến hành với mục đích gì vậy?” Mason hỏi.

Natan Fallon không còn cố thể hiện lòng hiếu khách thêm. Y thôi cười và im lặng nhìn Mason xuyên qua hai mắt kính dày.

“Không phải việc của ông,” y nói sảng.

Trong một thoáng, sự im lặng trùm xuống, sau đó Natan Fallon bước một bước lùi lại và khoát tay mời họ vào nhà.

“Mời các vị,” y thốt ra.

Họ bước vào phòng khách được bày biện nội thất nặng nề, mặc dù hơi khác nhưng vẫn cái mô típ của nhà tù Liên Bang. Về bên phải trong cánh cửa có bình phong che - ở đấy có một người gầy xương đang đứng quan sát họ.

Gã có cặp mắt xanh xám tuyệt đối không biểu hiện gì cả, đôi mắt to đến nỗi khi gã nháy mắt, có cảm giác, hai mi hạ xuống chậm một cách thiếu tự nhiên như mắt cú. Khi cặp mắt lồi to tướng mở ra, chúng làm liên tưởng đến ống kính của hai máy ảnh chụp mọi thứ đang diễn ra trên phim.

“Chào buổi tối,” người đàn ông thốt ra, bằng ngữ điệu khó nhận thấy rõ ràng, như đó không phải lời chào bình thường, mà là một hình thức rỗng tuếch mỗi mện.

“Cho phép giới thiệu với các vị, ông Mortimer Hershy,” Natan Fallon nói, “người quản lí của ngài Addicts.”

“Nếu tôi hiểu đúng,” Hershy nói, “đây là cô Della, còn vào thời điểm này tôi có vinh hạnh trò chuyện với ngài Perry Mason?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Mời các vị vào đi.”

Gã dẫn họ vào căn phòng, một kiểu tạp chủng của thư viện và văn phòng khổng lồ.

Ngay giữa phòng có chiếc bàn nặng nề dài những mười lăm foot[1]. Dọc theo một bên bàn xếp những cái ghế bành da tiện lợi.

Thế nhưng, dù cái bàn có to đến mấy, chính kích cỡ căn phòng vốn làm cho cái bàn không nổi trội đối với bố cục xung quanh. Các tủ sách chiếm ba phía căn phòng. Phía trên chúng treo các bức họa mô tả các hiệp sĩ đang chiến đấu. Trên một số bức tranh, các kỵ sĩ mang giáp sắt, người chúi về phía trước với ngọn giáo sẵn sàng, đang tấn công nhau. Trên những bức khác vẽ các hiệp sĩ đi bộ đang lao vào trận đánh giáp la cà, hoặc những kỵ binh trang bị nặng nề đang tấn công lính bộ binh, lính cung nỏ trong đội hình chiến đấu, thả từ chiếc cung dài những mũi tên ghê rợn lao về hướng các hiệp sĩ; ngựa hí khi giã chết giữa đám thi thể lính bộ và hiệp sĩ nằm chặt trong tay gươm và khiên nhuộm máu đỏ.

Khắp phòng có những chiếc ghế bành lớn bọc da có thể ngồi vô cùng thoải mái. Trước mỗi cái ghế bành như thế có ghế đẩu để đặt chân, còn bên hông - ngọn đèn không chói để đọc sách. Bản thân căn phòng được chiếu bằng ánh sáng đều của những ngọn đèn ẩn kín.

“Mời các vị ngồi xuống,” dẫn họ tới bàn, Hershy mời họ và thu xếp để Mason và Della ngồi một bên, còn Natan Fallon và chính Hershy ngồi bên khác.”

“Bây giờ,” Hershy nói, thận trọng chọn lời, “tôi thực muốn, thưa ngài Mason, thay mặt ngài Addicts xin lỗi ngài.”

“Vì gì cơ?”

“Vì rằng đã không đánh giá đúng ngài.”

“Ông có ý nói rằng ngài Addicts đã đánh giá tôi không đúng ư?”

“Không, Fallon...,” Hershy từ tốn quay lại, chậm chạp nhấc mí mắt lên, chăm chăm nhìn Fallon. Trong ánh mắt dò xét của Hershy có gì đó khinh bỉ cố tình, nhưng trên môi gã vẫn đông cứng nụ cười.

Gã lại quay về phía Mason.

“Tuyệt lắm,” Mason nói, thoát đầu người ta không đánh giá đúng tôi, sau người ta lại xin lỗi. Thế nhưng chẳng cần thiết gì những lời xin lỗi ấy.

“Ồ dĩ nhiên.”

Mortimer Hershy kéo ngăn bàn ra, lôi từ đó một tập giấy bạc và cố tình đếm chậm chạp cho đến khi có trước gã đủ ba chục tờ một trăm đôla mới cứng sột soạt.

“Đó là vì chuyện gì?” Mason hỏi.

“Vì các nhật kí và ảnh,” Hershy đáp.

“Chúng cần cho các vị để làm gì?”

“Ngài Addicts muốn nhận được chúng. Lẽ dĩ nhiên thôi, thưa ngài Mason, ngài nên hiểu: Ngài Addicts sẽ không bao giờ khẳng định là đã trả một cái giá như thế vì các tài liệu này, thế nghĩa là chỗ ngài sẽ không xuất hiện sự cần thiết phải thừa nhận điều đó.”

“Ông có ý gì vậy?”

“Tôi có ý là thế này,” Hershy nói, “trong các sổ tài vụ của ngài Addicts sẽ không chỉ ra rằng ngài được trả ba nghìn đôla. Trong bản quyết toán của ngài Addicts sẽ ghi rằng ngài được trả lại chi phí ở mức năm đôla mà ngài đã chi. Phần ba nghìn đôla còn lại sẽ được tính thành quà tặng của ngài Addicts cho ngài. Như thế, chẳng cần phải trả tiền thuế từ tổng số này. Tôi diễn đạt rõ chưa ạ?”

“Ồ, rõ lắm,” Mason nói, “điều duy nhất mà tôi không hiểu, ấy là sự nôn nóng của ông Addicts. Tôi cho rằng tôi đến đây để gặp ông ấy. Và tôi muốn nói chuyện với riêng ông ấy.”

“Nếu ngài cứ nhất quyết,” Hershy nói, “thì không cần nghi ngờ rằng ngài Addicts sẽ đồng ý nói chuyện với ngài. Nhưng dù có thế nào đi nữa, tôi có thể đoán chắc với ngài, thưa ngài Mason, rằng đây là đề nghị cuối cùng. Ngài Addicts sẽ không tăng thêm một cent[2] nào nữa. Ngài chỉ còn mỗi nước là chấp nhận nó hoặc từ chối mà thôi.”

“Tuyệt lắm,” Mason đáp ngay, “tôi từ chối nó.”

“Ngài quá hấp tấp từ chối những đề nghị nghiêm túc đấy,” Hershy nói.

“Ồ, nếu ông thích tôi diễn đạt lời từ chối có vẻ ngoại giao hơn,” Mason mỉm cười nói, “thì tôi đành xác nhận điều sau: Xuất phát từ sự kiện là tôi thấy các nhật kí vô cùng thú vị, mà cũng lưu ý đến cái sự kiện là trong chúng, như tôi cảm thấy, cất giữ chìa khoá để giải một điều bí mật. Tôi không có lấy một chút mong muốn nhỏ chia tay với chúng.”

“Chìa khoá giải một bí mật ư?”

“Chìa khoá giải một bí mật,” Mason khẳng định.

“Giải bí mật nào thế, xin phép được hỏi ngài?”

“Hỏi thì tất nhiên tôi cho phép ông,” Mason nói, “thế nhưng tôi sẽ không trả lời đâu. Lời đáp cho câu hỏi đó tôi dành riêng cho ông Addicts.”

“Ngài Mason ạ, điều đó gây cho ngài Addicts những phiền toái nhất định, nhưng mặc dù vậy tôi vẫn vui lòng truyền đạt những lời của ngài cho ngài ấy. Tôi không hề nghi ngờ một chút nào là ngài ấy sẽ muốn gặp riêng ngài. Xin đợi cho một phút.”

Hershy ngoái lại và nhìn Fallon.

Natan Fallon nhảy bật lên khỏi ghế bành như bị điện giật, xoải bước dài đi nhanh qua phòng và khuất sau cánh cửa có bình phong che.

Hershy nhìn ba ngàn đôla loại giấy bạc một trăm, xếp chúng vào cái gói đầy vẻ khêu gợi và chìa cho Mason. Ông lắc đầu khước từ. Hershy mở ngăn kéo, ném tiền vào, đóng ngăn lại và khoanh hai tay trên bàn, ngồi sững bất động.

Sau một thoáng, các tấm bình phong nặng ở góc xa mở ra, một người đàn ông lực lưỡng ngực nở, đi khắp khềnh và tì nặng nề lên chiếc gậy, bước vào phòng. Mặt ông ta bị băng bó, còn hai mắt được che sau cặp kính tối màu. Toàn bộ phần má phải và một ít bên má trái được quấn băng. Phía bên trái dải băng một mẫu băng dán dính vào lớp da cạo nhẵn, thế nhưng vẫn nhận rõ là phía dưới băng, nơi kết thúc phần má được cạo nhẵn, mọc lớp râu màu xanh đen. Khó nhìn rõ được bộ mặt dưới lớp băng, nhưng cái cằm có vẻ khá nặng, còn lớp tóc đen dày cắt ngắn phủ lên cái trán thấp.

“Ngài Benjamin Addicts,” Hershy giới thiệu.

“Rất vui được gặp ngài, ngài Mason. Tôi đã nghe nhiều về ngài. Tôi theo dõi các đánh giá trên báo chí về một số vụ tố tụng của ngài.”

“Còn đây là cô Della, thư kí của ngài Mason,” Hershy tiếp tục.

“Chào cô Della. Rất vui được gặp cô. Xin thứ lỗi, tôi bị băng bó khắp. Các vị biết không, tôi nghiên cứu các thử nghiệm với động vật, và điều đó không phải bao giờ cũng ảnh hưởng thuận lợi đến sức khoẻ.” Bộ mặt bị băng bó méo xệch bởi nụ cười cong vêu. “Một trong số đười ươi quý sứ này,” Addicts nói khó nhọc vì băng cản trở ông ta, “đã tóm lấy áo vét của tôi khi tôi lại quá gần cũi của nó, và tôi chưa kịp trút áo ra, thì nó đã tóm lấy tay tôi và kéo lại cũi. Tôi giật lùi lại cố thoát thân, đá nó,

nhưng nó bóp chắc lấy chân tôi mà lại còn cào tôi và để lại mấy vết tím bầm. Nói chung không có gì đáng sợ, nhưng bộ dạng tôi giờ đây không được chừng chặc lắm.”

Ông ta xích ghế và nhăn nhó một cách đau đớn, ngồi vào với vẻ vụng về.

“Con đười ươi,” Natan Fallon giảng giải, “định tóm lấy cổ ngài Addicts. Nếu nó mà làm được điều đó, thì những ngón tay mạnh mẽ của nó đơn giản đã bẻ gãy cổ ngài rồi.”

“Hãy dừng lại,” Addicts sốt ruột cắt lời y. “Ông bao giờ cũng hấp tấp làm những kết luận, khi chưa có đủ số liệu, cứ như là một mù già lẫn lẩn nào đó vậy. Tôi không nghĩ là con đười ươi cố sức tóm cổ tôi. Tôi không thể khẳng định chắc chắn, nhưng theo tôi, nó vươn tới cái cà vạt của tôi.” Ông ta quay về phía Mason và giải thích: “toàn bộ lũ đười ươi là thế tuốt. Chúng sẽ không còn là chúng nữa nếu chúng rất muốn chiếm được gì đó từ quần áo, ví dụ như cái cà vạt treo lòng thòng. Nếu ta lại quá gần, chúng có thể thò tay qua song sắt và tóm lấy nó. Nhưng dĩ nhiên, nếu ở con đười ươi xuất hiện những dự định độc ác, thì nó trở nên rất nguy hiểm.”

“Ngài tự gây cho mình sự mạo hiểm như vậy một cách có ý thức à?” Mason hỏi.

“Tôi làm các nghiên cứu khoa học,” Addicts đáp, “và cần làm sáng tỏ bản năng giết người có cội rễ sâu đến mức nào trong ý thức của loài linh trưởng.”

“Giống như ngài đã cách không xa mục đích,” Mason nhận xét.

“Tôi giật lùi lại theo bản năng,” Addicts nói. “Quỷ tha ma bắt, nhưng trong thoáng lát tôi có cảm giác là nó muốn tóm lấy cổ tôi. Thế nhưng về sau suy ngẫm lại, tôi không thể loại trừ khả năng là nó định bầu vào cà vạt của tôi. Đối với chúng thì đó hoàn toàn là tự nhiên, ngài biết không, con này đơn giản là đặc biệt nhanh nhẹn thôi. Đười ươi là giống động vật lớn, nhưng chúng có thể di chuyển như chớp, ngài Mason ạ, đơn giản là nhanh như chớp.”

“Tôi trông thấy mọi chuyện rất rõ,” Fallon nói, “và tôi không có lấy một chút ngờ vực rằng nó cố tóm lấy cổ ông, Benny ạ.”

“Ồ, nói thật, đúng là tôi đã bị khốn đốn,” Addicts đồng tình. “Tôi làm cho nó choáng trong thoáng giây, dùng chân đá nó và tì vào cũi. Còn ngay đó Natan đến kịp, quát nó và vung gậy lên.”

“Giống như,” Mason nói, “các thử nghiệm của ngài phải chịu thất bại thôi - ngài không thể có kết luận cuối cùng khi con đười ươi trong thực tế chưa giết được ai đó.”

Addicts nhìn ông chằm chằm và nhún vai.

“Theo tôi, ngài hiểu không hoàn toàn đúng công việc của tôi, ngài Mason ạ, và nói trung thực, tôi thấy không cần giảng giải kĩ. Trước tiên tôi quan tâm về vấn đề thôi miên. Có thể ai đó không thích, quỷ tha ma bắt, tôi sở toẹt. Đó là những con đười ươi của tôi. Tôi đã mua chúng, và chúng thuộc về tôi.”

“Tôi có phần nghi ngờ đấy,” Mason phản đối.

“Ngài ngầm chỉ điều gì?”

“Ngài có thể chiếm thể xác lũ đười ươi,” Mason giải thích, “nhưng về mặt đạo lý, tôi nghĩ, con người không thể là chủ nhân của một sinh vật. Con vật có quyền tồn tại với đầy đủ giá trị theo chính quy luật sự sống.”

“Ngài là luật sư. Tôi sở hữu chúng trên mọi cơ sở pháp lý, và ngài phải đồng ý với chuyện đó thôi.”

“Tôi nói về mặt đạo lý của vấn đề, về sở hữu về mặt đạo lý.”

“Hãy cho tôi sở hữu con vật đã giam vào sau chấn song sắt và hãy cho tôi giấy tờ rằng tôi đã mua thứ đó, và ngài có thể giữ lại cho bản thân trách nhiệm về đạo lý. Còn đối với tôi, tôi sẽ xử lý sở hữu của tôi hoàn toàn phù hợp với luật pháp.”

“Ngài muốn gặp tôi vì một việc gì đó phải không?” Mason hỏi.

“Phải, tôi muốn, nhưng giờ không muốn nữa.”

“Và điều gì buộc ngài thay đổi dự định của mình?”

“Chính ngài. Ngài được đề nghị ba nghìn đôla vì mấy quyển nhật kí. Nhưng ngài từ chối. Tuyệt lắm. Nếu ngài quyết hành động kiểu đó, chúng ta cùng tiếp nhận nguyên tắc trò chơi. Lời đề nghị bị hủy bỏ. Giá bây giờ lại như cũ, năm đôla. Ngài rõ chưa?”

“Rõ. Tiền ở lại chỗ ngài, nhật kí chỗ tôi.”

“Nào ta nói thẳng ra nhé, Mason. Ngài là một luật sư tinh quái. Nhưng tôi đâu phải kẻ tầm thường. Nếu ngài đưa nhật kí cho bọn nhà báo và bắt đầu thổi phồng câu chuyện với cái chết của Helen, tôi đơn thuần là bẻ gãy cổ ngài.”

Mason đứng lên.

“Đem lời tào lao ấy mà dọa những kẻ phục vụ ngài,” ông nói. “Theo tôi, đó lại thêm một chứng cứ rằng chính ngài quá lo sợ. Đi thôi, Della.”

Họ bước ra khỏi phòng với ba người đàn ông đi kèm. Tại tiền sảnh Mason quay về phía Della.

“Cô có thể giúp tôi được không, Della?”

“Ngài còn nghĩ bậy gì thêm vậy?” Addicts hỏi với vẻ ngờ vực.

“Tôi muốn ngó xem có gì trong hũ đá này không.”

“Nhưng sao ông lại nghĩ có gì đó nằm trong ấy?”

Mason mỉm cười lạnh lùng.

“Biết được từ nhật kí.”

“Natan, Mortimer hãy hạ cái lọ xuống. Hãy cho Mason thấy trong đó chẳng có gì hết.”

Họ hạ chiếc lọ đá lớn khỏi bệ và thận trọng đặt nó xuống sàn. Natan Fallon chiếu đèn pin vào đáy lọ. Vào khoảnh khắc đó nó rạng tỏa từ bên trong hàng nghìn điểm

sáng đổi màu.

“Trời ơi!” Fallon kêu lên. “Trong ấy có viên kim cương lớn lắm, Benny ạ.”

“Hãy lấy nó ra,” Addicts ra lệnh giật cục.

Fallon thò tay vào lọ, nhưng không chạm tới đáy.

“Để tôi cởi áo vét đã,” y nói, “mà thế tôi cũng chưa chắc có thò đến hay không nữa.”

“Cần lật sắp cái lọ lại,” Addicts nói, “hãy giữ lấy nó và xoay đi. Ta sẽ xem có thứ quý quái gì trong ấy.”

Họ tóm lấy mép trên lọ, vật nghiêng ra, sau đó từ từ nâng đáy lên. Cái nhẫn lớn dính kim cương lăn ra đầu tiên.

“Kim cương của tôi!” Addicts kêu lên.

Theo sau nhẫn là cả một tập hợp các chế tác kim hoàn, những đồng xu, chiếc ví, cổ bài, hộp phấn...

“Ồ, thế cơ đấy, quỷ tha ma bắt tôi đi!” Addicts kêu lên.

Mason nói lạnh lùng, “Trong nhật kí viết rằng, một con khỉ tên là Pete đôi khi vẫn nghịch ngợm, nó có thói quen vớ các đồ vật, đặc biệt là những thứ mà theo nó, Helen Cadmus đánh giá cao, và giấu chúng vào cái lọ này.”

“Hóa ra sự việc là thế!” Addicts bối rối.

Mason nhìn thẳng vào con mắt mở duy nhất của ông ta.

“Theo như tôi rõ, ngày kia sẽ khởi tố theo đơn kiện của Jozephine Kempton, buộc ngài vào tội phỉ báng.”

“Hóa ra nó là thế!” Addicts thốt ra.

“A!” Fallon kêu lên. “Giờ đây thì mọi sự đã rõ. Giờ thì hiểu tại sao Perry Mason vĩ đại bỗng quan tâm đến nhật kí Helen Cadmus. Lúc này Benny ạ, mọi thứ đã ở đúng chỗ của nó...”

Addicts liếc nhanh Fallon, cắt ngang y, “Câm đi!”

Sau đó ông ta quay về phía Mason, “Ngài thực thông minh. Tôi quý những người thông minh. Nhưng ngài dự định sẽ làm gì?”

“Không gì cả,” Mason đáp.

“Thế còn ông, Benny, thì bây giờ định làm gì?” Natan Fallon quan tâm.

Addicts nhặt đồng hồ lên và xoay xoay nó trong tay.

“Tuyệt đối không gì cả, và tôi nghi ngờ rằng, quỷ tha ma bắt, anh có thể nghĩ ra được gì đó.”

“Mason đã lập kế hoạch mọi thứ đó trước rồi. Ông ta ngầm dựng bầy nhân tạo cho chúng ta,” Fallon tiếp tục.

“Hãy giữ mồm giữ miệng,” Mason nói, “vì có thể phải chịu trách nhiệm về những lời như thế đấy, ông Fallon. Hãy cẩn trọng lời nói.”

“Tôi chẳng cần lựa lời,” Fallon tức tối. “Khi ông đi ngang qua tiền sảnh lần đầu ấy, ông đã ném đồ vật vào lọ đá, còn sau đó bịa ra câu chuyện với con khỉ.”

“Tôi không đến gần cái lọ,” Mason phản đối.

“Chính ông đi ngang qua nó.”

“Ông đúng là một tên dối trá, quỷ tha ma bắt ông đi,” Mason nói.

Fallon nắm tay thành quả đấm, nhưng sau suy nghĩ lại và vờ không có phản ứng gì.

“Đợi, hãy đợi đã,” Addicts nói, “mọi chuyện diễn ra quá nhanh. Trước tiên tôi phải xem xét kỹ việc này đã. Hershy, tôi phó thác cho ông. Từ cái chỗ ông đứng, ông trông rõ Mason đi ngang qua cái lọ như thế nào?”

“Ngài ấy không đi qua cạnh cái lọ,” Hershy nói. “Ngài ấy chỉ nhìn nó thôi, nhưng không hề lại gần và không thể ném gì vào nó được. Mà tự ngài cũng nhìn thấy rằng tất cả các thứ này phủ một lớp bụi dày. Chúng nằm ở đấy đã lâu.”

“Đó là khuyết tật chủ yếu của ông, Fallon”. Addicts nói, “ông luôn nhận được sáu khi xếp hai với hai, sau đó cố thuyết phục tôi rằng đó mới là đáp số đúng. Quỷ tha ma bắt, vì ông, chúng ta suýt nữa đã dính vào chuyện. Hãy ngồi xuống và im miệng đi.”

Trong sảnh, điện thoại réo lên gay gắt.

“Còn ma quỷ gì nữa thế?” Addicts nói và ngoái về phía Fallon: “Cầm lấy ống nghe đi.”

Fallon nhắc máy, “Alô, Natan Fallon bên điện thoại... Ai?... Hừ, ngài Addicts không thỏa thuận gặp ông ta... Đợi một chút.”

Fallon quay lại nói với Addicts. “Sydney Hardvic, luật sư của ngài đã đến. Ông ấy đang bên ngoài cổng.”

“Tôi không thể tiếp ông ta được,” Addicts nói, “rõ ràng hôm nay tôi không đủ sức liều mạng thử thách thần kinh mình và không định gặp ai nữa hết. Mặc xác ông ta. Tôi không hẹn gặp ông ta.”

“Nhưng ông ấy nói có việc rất quan trọng,” Fallon nói. “Chúng ta sẽ làm gì đây? Chúng ta không thể đuổi ông ấy ra khỏi cổng.”

Addicts quay về phía y, “Anh là gì mà dám dạy khôn tôi hả, Fallon? Tôi lôi anh từ vũng bùn lên và rồi cuộc tôi sẽ nhét anh ngược trở lại đó. Tôi đã nói là không định tiếp Hardvic, và nó sẽ là như thế. Tôi nhổ toẹt mọi việc dù quan trọng hay không quan trọng.”

Addicts khập khễnh bước ra khỏi phòng, nhưng bỗng quay lại sau một tích tắc ở cửa.

“Ngài chơi những con bài của ngài thông minh đến ma quái, Mason ạ,” ông ta nói. “Thôi chào.”

Mortimer Hershy nhìn Fallon đầy ý nghĩa, “Ông phải tự chăm sóc lấy Hardvic vậy, Natan.”

Natan ra lệnh vào ống nói, “Hãy mở cổng. Ông Hardvic có thể vào bất cứ lúc nào.” Y treo máy và nói: “Tôi rất muốn ngài lưu lại đây một phút, ngài Mason ạ. Tôi lấy làm tiếc đã xử sự không phải lối. Tôi đã cố bảo vệ quyền lợi của Benny. Ngài thấy đấy, lòng tri ân của ngài ấy là thế nào rồi.”

Mason cúi xuống các đồ vật lăn ra từ chiếc lọ, và đề nghị Della, “Della, hãy ghi lại tất cả các thứ có trong lọ.”

“Đừng sờ vào,” Fallon cảnh cáo. “Các vị không được quyền chạm vào gì cả. Tôi đã cảnh cáo rồi đấy.”

“Tôi chẳng sờ gì cả,” Mason trả lời y, “tôi chỉ nhìn thôi. Ông có gì phản đối điều đó không?”

Fallon ngừng lại thoáng lát rồi đáp, “Giờ đây trả lời mọi câu hỏi của ông Hardvic với tôi hôm nay là đã quá đủ chuyện rồi.” Y mở cửa ra vào. “Mà ngài Hardvic đây rồi. Mời vào, mời vào cho!”

Hardvic, một người đàn ông cao gầy độ tuổi sáu mươi, với cái mũi dài, cằm nhọn, lông mày rậm và cặp mắt xám tinh anh, dừng lại ở cửa bắt tay Fallon. Từ gọng kính của ông trông rõ dải dây đen rủ xuống. Trong tai phải của ông có máy nghe.

“Chào ông, ông Fallon,” ông nói. “Hôm nay sức khỏe của Benny thế nào?”

“Benny không khỏe lắm,” Fallon đáp, “và không thể tiếp ông được.”

“Cái gì?” Hardvic kêu lên sửng sốt. “Không thể tiếp tôi ư? Nhưng điều đó rất quan trọng. Tôi đã nói với ngài ấy về những khó khăn vừa nảy sinh, mà vì chúng, cần để di chúc của ngài ấy...”

“Có những thứ còn quan trọng hơn,” Fallon nói đầy ý nghĩa, chỉ ngón tay cái về phía Mason và Della. “Chỗ chúng ta đây có vụ khó chịu nho nhỏ.”

“Ông có ý gì vậy?” Hardvic hỏi, đến giờ mới chú ý đến Mason và Della.

“Chỗ chúng ta có sự đụng độ không lớn với luật pháp,” Fallon giải thích. “Đây là Perry Mason.”

“A mà đúng, quý thật,” Hardvic nói. Khuôn mặt ông rạng rỡ một nụ cười. Ông đi lại gần và chìa bàn tay xương xẩu mạnh mẽ của mình trao đổi với Mason cái bắt tay thân tình.

“Cô Della, thư kí của tôi,” Mason giới thiệu.

Hardvic nghiêng mình, “Tôi thật vui được làm quen với cô, cô Della ạ. Nào, Mason, cái gì dẫn ông đến đây thế?”

“Tôi đến đây,” Mason nói, “theo yêu cầu của ngài Addicts, và hoàn toàn vì một lí do khác. Như ông Fallon đã giải thích với ông, đơn giản là chúng tôi phát hiện ra các cứ liệu chứng minh rằng: Trường hợp trộm cắp được gán cho bà Jozephine

Kempton, bà quản gia, trong thực tế do một con khỉ gây ra.”

Nụ cười vụt tắt trên mặt Hardvic, ông quay về phía Fallon.

“Điều đó xảy ra thế nào, Natan?” ông hỏi.

“Ngài Mason đến đây để gặp Hershy và tôi hoàn toàn vì một lí do khác. Chúng tôi đề nghị ngài ấy điều chỉnh một vấn đề tài chính.”

“Về vấn đề nào?” Hardvic hỏi gay gắt, và câu hỏi của ông nghe như tiếng roi quất.

“Về các nhật kí của Helen Cadmus.”

“Tôi có đọc thấy trên báo,” Hardvic nói. “Và đó cũng là lí do thứ hai mà tôi muốn bàn bạc với ngài Addicts.”

“Chúng tôi đã đề nghị ngài ấy nhận tiền vì chúng.”

“Bao nhiêu?”

“Ba nghìn.”

“Rồi sao?”

“Ngài ấy từ chối.”

Hardvic nhú trán và quay về Mason, “Thực thế ư, ông luật sư? Thế mà tôi cho rằng ông sẽ vui mừng trao những quyển nhật kí đó cho ai cũng được chỉ cốt người ta hoàn lại chi phí cho ông vì việc mua chúng.”

“Nếu như họ kiểm chế hơn dù chỉ một chút, chắc tôi đã trao cho họ nhật kí rồi,” Mason nói. “Nhưng họ lo sợ đến chết khiếp, và tôi rất muốn biết vì lí do gì.”

“Chúng tôi chỉ ngại những lời đồn đại xằng bậy,” Hershy nói.

Mason không phản đối Hershy, nhưng nụ cười hoài nghi lạnh lùng của ông đã đủ hùng biện. Hershy nhắm mắt lại.

“Hãy tiếp đi,” Hardvic nói.

Natan Fallon báo thêm một số chi tiết, “Sau khi xem qua các nhật kí ấy, Mason chợt nảy ra ý nghĩ ngó vào cái lọ đá ở đây, ở tiền sảnh. Chính ông cũng thấy chúng tôi đã tìm được gì trong đó. Mọi thứ đang nằm trên sàn, Benny đã lấy chiếc nhẫn kim cương, nhưng ở đây vẫn còn đồng hồ platin, hộp phấn, đôi thứ đồ quý hiếm, một cái ví căng phồng, có khả năng có tiền. Nói thật ra, tôi nghĩ rằng đó là ví của tôi.”

Hardvic đi lại gần và nhìn các vật tìm thấy bày ra trên sàn.

“Hãy chờ một phút, về cái ví giờ tôi sẽ nói chính xác với các vị,” Fallon hứa.

Y cúi xuống nhặt ví lên, mở nó ra và với nụ cười, y cho Hardvic xem mảnh nhựa gắn phía trong với tên của y.

“Ồ chính xác,” y nói, “của tôi. Nó biến mất một thời gian trước đây.”

“Bao nhiêu tiền trong đó?” Hardvic hỏi.

“Khi tôi mất nó, ở đấy có ba mươi hai đôla,” Fallon đáp. Y ngó vào bên trong ví, nói, “Mọi thứ ổn cả,” và vội vã đút nó vào túi.

“Tốt nhất hãy kiểm lại và tự khẳng định là không mất gì cả,” Mason đề nghị. Fallon lạnh lùng nhìn ông, “Mọi thứ đều nguyên.”

“Điều đó làm tình huống phức tạp thêm,” Hardvic thốt ra. “Mason, thế ông thì có liên quan gì đến mọi thứ đó?”

“Điều đó làm tôi tò mò.”

“Tôi hiểu. Nhưng để làm gì? Ai thuê ông?”

“Không ai,” Mason nói và bổ sung: “Ít nhất, tại thời điểm này.”

“Nếu thế,” Hardvic nói, “nhân chuyện này, tôi có một đề nghị quyền rũ: Với những chuyện vừa xảy ra, tôi cho rằng ngài Addicts sẽ thuê ông giúp tôi trong quá trình tố tụng sẽ phải tiến hành vào ngày kia. Vụ tố tụng mà trong đó, có khả năng sẽ ổn... Thế nhưng, tôi nghĩ tôi sẽ bàn bạc với ông các chi tiết pháp lí sau khi hợp đồng được kí kết.”

“Rất tiếc,” Mason nói, “tôi sẽ không nhận một đề nghị nào tương tự từ phía ngài Addicts.”

“Ông ngầm ý là bà Kempton đã thuê ông?”

“Không hoàn toàn như thế,” Mason nói, “Tôi may ra được biết đôi điều về vụ này, và tôi đã trò chuyện với luật sư của bà ta.”

“Hay lắm,” Hardvic nói, “chúng ta sẽ cùng thẳng thắn, ông Mason ạ. Hãy đừng nói gì với bà Kempton và các luật sư của bà ta trước khi chúng tôi, may ra đạt được thoả thuận với bà ta.”

Mason mỉm cười và lắc đầu.

“Ông muốn nói rằng ông định chia sẻ thông tin với họ?”

“Tôi muốn nói rằng tôi định báo với James Etna từ hãng ‘Etna, Etna và Duglas’ về ghi chép trong nhật kí và về những thứ tìm thấy ở đây.”

“Việc đó chẳng dẫn đến điều gì tốt đẹp đâu,” Hardvic nói. “Nó chỉ có hại thôi.”

Mason nhún vai.

“Nào chúng ta cùng thẳng thắn xem xét vấn đề từ quan điểm luật pháp,” Hardvic tiếp tục. “Chỉ hai trường hợp, khi người ta cáo buộc một người khác phạm tội, không chịu một trách nhiệm nào cả. Trường hợp thứ nhất - đó là nếu nhân vật này thực sự có lỗi trong việc gây ra tội ác. Luật về tội vu khống ở nước ta khác hẳn các luật tương tự của nhiều nước khác. Ở ta cái phù hợp với sự thật là lời biện minh miễn bàn cãi cho những tuyên bố, mà có thể được đánh giá là vu khống và phỉ báng.”

“Cảm ơn ông vì cuộc tư vấn vừa rồi,” Mason nói.

Hardvic mỉm cười.

“Tôi không định tư vấn cho ông. Tôi hướng sự chú ý của ông đến tình huống hình thành nên từ quan điểm luật pháp. Và loại trường hợp thứ hai, ông Mason ạ, - đó là sự nhầm lẫn thực lòng. Bây giờ chúng ta giả sử rằng ngài Addicts buộc Jozephine

Kempton phạm tội ăn cắp. Ngài ấy có thể có hai cách biện minh. Trong trường hợp, nếu bà ta có lỗi thực sự, ngài ấy có thể chứng minh với tòa lẽ phải của mình và điều đó sẽ là sự biện minh trọn vẹn đối với ngài ấy. Trong trường hợp, nếu bà ta không có lỗi, nhưng ngài ấy khẳng định rằng bà ta có lỗi, ngài ấy chỉ cần chứng minh rằng sự nhầm lẫn của ngài ấy là vô tình. Nói khác đi, ngài ấy thực tình tin chắc vào lẽ phải của mình khi đưa thông tin như thế cho người thứ ba, người thể hiện mối quan tâm chính đáng đối với sự vụ này. Điều đó sẽ cởi bỏ trọn vẹn lời cáo buộc trong tội phỉ báng.”

Mason vươn vai, ngáp và nói, “Tôi không có một chút may mắn muốn bàn bạc các vấn đề pháp lí, khi mà tôi chưa được trả tiền vì chuyện đó. Mà tôi thì còn chưa có ai thuê, và không hiểu sao tôi còn có cảm giác là sẽ chẳng ai thuê.”

“Tất nhiên, ông Mason ạ,” Hardvic nói, “các hoàn cảnh đã tạo nên việc ông rơi vào một tình huống khá kì quặc. Nếu tôi hiểu đúng ông - lần đầu tiên ông bắt đầu nghi ngờ rằng các vật được nhắc đến có thể nằm trong lọ đá, khi đọc xong các ghi chép trong nhật kí của Helen Cadmus?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Các ghi chép được viết bằng chính tay cô ấy?”

“Thực ra, ông luật sư ạ, tôi không biết.”

“Lẽ dĩ nhiên, các ghi chép loại này không thể là chứng cứ nghiêm túc,” Hardvic nói. “Tòa sẽ không thể xem xét chúng một cách nghiêm túc được. Đó đơn thuần là những chữ được viết bởi tay Helen Cadmus. Chúng có thể là sự tự biện minh được chuẩn bị sẵn từ trước.”

“Ông định nói gì?” Mason hỏi.

“Thì cô ấy cũng có thể tự mình lấy các đồ vật này và giấu chúng trong lọ, còn sau đó cố tình ghi chép vào nhật kí để phòng trường hợp nếu bị nghi ngờ, hẳn cô ấy có thể vin vào nhật kí của mình. Ghi chép chắc sẽ khẳng định lời tuyên bố của cô ấy về việc con khỉ giấu các đồ vật.Ồ, Mason, hoàn toàn rõ ràng là tôi không cần giải thích với ông việc cô ấy có thể chuẩn bị lời biện minh cho bản thân như thế nào.”

“Tôi nghĩ rằng, ông không cần phải giải thích một điều gì đó với tôi,” Mason nói.

Hardvic quay lại phía Natan Fallon, “Tôi cho rằng, tốt nhất chúng ta bàn vấn đề này với ngài Addicts.”

“Ngài ấy nhờ chuyển cho ông rằng không thể tiếp kiến ông,” Fallon tuyên bố không lay chuyển. “Ngài ấy bị thương. Hôm qua con đười ươi mà ngài ấy thuần dưỡng suýt đã giết ngài ấy. Chuyện đó xảy ra trước mắt tôi.”

Hardvic nhú trán.

“Đành vậy, Natan ạ, tôi nghĩ rằng không cần giữ ông Mason và cô Della lại làm gì. Theo tôi hiểu, họ đã chuẩn bị ra về.”

“Vâng, đúng thế.”

“Chúc buổi tối tốt đẹp,” Hardvic nói nhạt nhẽo khi bắt tay Mason và nghiêng người chào Della một lần nữa.

“Tôi sẽ gọi cho người canh cổng,” Fallon nói, “để anh ta cho ngài ra, ngài Mason ạ. Tôi cho là báo trước một lần nữa cũng không thừa, để ngài đi thẳng trên đường ra cổng. Không dừng lại, và cầu trời, đừng bước ra khỏi xe. Chào các vị.”

“Xin chào,” Mason nói.

Ô tô của Mason đi qua cánh cổng sắt lớn. Gã vệ sĩ đứng sẵn sàng, ngó nhìn với vẻ nghi ngờ. Chiếc xe vừa qua các cột đá, cánh cổng đồ sộ nặng nề quay trên trục và sập lại với tiếng ken két, chốt sắt kêu loảng xoảng.

Mason tăng ga.

“Ôi chao là công việc,” Della nói.

“Hơi nhiều bận rộn đối với một buổi tối,” Mason đồng tình.

“Thế bây giờ chúng ta sẽ làm gì?”

“Bây giờ chúng ta còn phải làm một số việc quan trọng,” Mason đáp. “Và trước tiên - cần thử liên lạc với James Etna. Chúng ta hi vọng là ông ấy chưa đi ngủ. Đâu đây phải có hiệu thuốc với trạm điện thoại. Khoảng sau nửa đêm nữa, như tôi còn nhớ.”

Mason tăng tốc.

“Anh có chú ý đến một cái mùi ngọt ngào đặc trưng trong ngôi nhà ấy không?” Della hỏi. “Nó gợi nhớ gì đó... Tôi không thể nhớ chính là gì...”

“Hương vị vườn thú,” Mason giải thích. “Đó là các súc vật bị nhốt trong cũi.”

“Cho đến giờ tôi vẫn nổi da gà. Vì mùi đó,” cô nói với tiếng cười.

“Chỉ riêng cái vẻ của ngôi nhà này, kiến đã bò khắp sống lưng rồi,” Mason mỉa mai. “Tôi thực muốn biết nhiều thêm về Benjamin Addicts, nhưng rốt cục thì điều đó chẳng liên quan gì đến chúng ta, Della ạ. Chúng ta sẽ trợ giúp tốt lành cho James Etna, và thế là quá đủ với chúng ta rồi.”

Ông đánh tay lái về phía hiệu thuốc. Della quay số điện thoại nhà của James Etna, nói chuyện một phút, sau đó gật đầu với Mason và báo, “Mọi chuyện ổn cả, họ còn chưa ngủ. Tôi nói chuyện với vợ ông ta. Ông ấy vừa từ văn phòng về.” Nghe lời đáp trong máy, cô nói: “Ông Etna ạ, đây là thư kí của ông Mason. Xin ông đợi cho một giây”

Cô đứng lên nhường chỗ cho Mason. Ông thu xếp trong buồng điện thoại cho thuận tiện hơn.

“Xin lỗi đã làm phiền ông muộn thế này, ông Etna, nhưng nguyên nhân là bởi một số tình huống bất thường. Vấn đề là các luật sư của Addicts sẽ phải liên hệ với ông và cố đi đến một thoả hiệp. Tôi nghĩ rằng, xét đến nhĩa ý mà ông thể hiện thời

gian trước đây, tôi cần cho ông biết rõ về chuyện gì vừa diễn ra.”

“Addicts sẽ không chịu thỏa hiệp đâu,” Etna nói, và qua giọng ông ta, nghe thấy rõ rằng ông ta mệt mỏi bởi công việc kéo dài ban đêm tại văn phòng. “Lão thuộc những kẻ đầu bò mà bao giờ cũng húc cho đến tận cùng, chỉ cốt được húc với ai đó thôi, và điều đó còn có thể kéo dài lâu nữa. Lão đoán chắc cho đến giờ lão chưa phải trả lấy năm cent vì những đơn kiện và không có ý định trả trong tương lai.”

“Thế mà bây giờ ông ta sẽ phải rút năm cent ra đấy, trốn đi đâu nổi,” Mason nói. “Tôi có ý nói, chính xác hơn thì Sydney Hardvic sẽ liên lạc với ông trong vòng năm phút gần nhất, hoặc ít ra, khi ông vừa mở cửa văn phòng sáng mai - và đề nghị ông đi tới thỏa hiệp.”

“Chuyện gì đã xảy ra thế?”

“Họ tìm thấy chiếc đồng hồ platin và cái nhẫn đính viên kim cương lớn, mà Addicts cho là bị bà Kempton ăn cắp mất.”

“Quỷ quái, chả nhẽ?!” Etna hét lên đắc thắng.

“Chính xác đấy.”

“Ở đâu và làm sao họ tìm ra được chúng?”

“Nói thực,” Mason nói, “chính là tôi tìm ra chúng.”

“Ông ư?”

“Đúng. Tôi lật các trang nhật kí của Helen Cadmus và chú ý rằng cô ấy nhắc đến một chỗ mà một trong số những con khỉ nghịch ngợm nhất có thói quen giấu bất cứ đồ chơi nào, đặc biệt những thứ theo nó là Helen Cadmus thích. Và khi tôi đến gặp Addicts theo lời mời của ông ta, tôi nói với ông ta rằng sẽ không tồi nếu ngó vào cái chỗ kín đáo đó.”

“Và là cái chỗ gì vậy?”

“Chiếc lọ đá Hy Lạp ở tiền sảnh.”

“Thế có nghĩa là...” Etna kêu lên. “Điều đó đã làm thay đổi hoàn toàn tình thế. Nói thực lòng, ông Mason ạ, chính điều đó làm tôi lo nhất. Tôi không thể tin chắc một cách tuyệt đối vào thân chủ của tôi. Tất nhiên tôi tin bà ấy vô tội, nhưng rất cực biết đâu trong tay của đối phương có tất cả mọi bằng chứng, tôi ý nói là bằng chứng chứng tỏ về khả năng bà ấy có thể lấy các vật ấy. Ông biết vẫn có thể có mà. Họ có thể trình ra vô số bằng chứng gián tiếp, ít nhất, chứng minh rằng Addicts có các cơ sở xác đáng cho là bà ta đã lấy các thứ đó. Nếu thế, tôi sẽ phải chống đỡ suốt cả quá trình tố tụng.”

“Tất nhiên,” Mason đáp, “ở đây còn một điểm khó về pháp lí. Như Hardvic cố thuyết phục tôi, tình huống không thay đổi về mặt pháp lí. Cái sự kiện đồ vật được tìm thấy không ảnh hưởng đến các lập luận của ông ta, bởi vấn đề nói về sự nhầm lẫn không cố ý, và...”

Etna cười vang hể hả.

“Cứ mặc ông ta chìm sâu vào mọi thứ âm mưu đó,” Ông ta nói. “Nếu tôi không cần phòng thủ, chắc là tôi biết cách xuyên thủng sự phòng thủ của họ. Tôi dẫn toàn bộ sự ngẫu nhiên tới tình huống đơn giản nhất, ông Mason ạ. Người phụ nữ làm việc toát mồ hôi hột, cố gắng hết sức để thỏa mãn mọi thói đỏng đảnh của lão triệu phú. Lão đuổi bà một cách bất ngờ và chẳng có lấy một lý do gì. Rồi sau, lão buộc tội bà ta không trung thực, bôi đen thanh danh bà và không cho bà khả năng kiếm sống, tuyên bố rằng bà ăn cắp một chiếc nhẫn kim cương rất giá trị và chiếc đồng hồ platin. Sau đó lão tìm ra đồng hồ và nhẫn kim cương ở trong chính nhà mình, nơi chúng vẫn nằm suốt thời gian ấy. Thân chủ tôi không có tiền tiết kiệm, bà chẳng biết sống bằng gì, và bà không thể kiếm được việc làm, còn Addicts là tay cự phú. Nào bây giờ ông thử ước đoán, điều đó trông ra sao trước Bồi Thẩm Đoàn. Và tôi, quý tha ma bắt, nhổ toẹt vào những tiểu tiết kỹ thuật nào kia họ định đưa ra biện minh cho mình. Họ toi, vớ toi hẩn rồi.”

“Ồ, tôi đã nghĩ rằng dù sao cũng nên báo trước cho ông là tốt nhất,” Mason nói.

“Xin nghe này, ông Mason, ông thật là nhã nhặn. Lẽ dĩ nhiên thôi, giờ đây, tôi cho rằng ông muốn trở thành người cùng cặp với tôi tại phiên tòa. Tôi còn chưa chuẩn bị một hợp đồng cụ thể về mức thù lao, nhưng cái thông tin mà ông vừa cho... “

“Khoan, khoan đã nào,” Mason nói với ông ta, “hãy hiểu đúng cho tôi. Tôi không định trở thành cặp đôi với ông trong vụ án đâu. Tôi đơn thuần cho ông thông tin này theo kiểu giúp đỡ bằng hữu.”

“Chà... ồ, trong trường hợp ấy, ít ra ông cũng cần gì ở tôi chứ?”

“Không gì cả,” Mason đáp, “điều duy nhất mà tôi mong muốn, - đó là để sau khi kí thoả thuận, bà Jozephine Kempton ghé qua thăm tôi tại văn phòng.”

“Ghé qua thăm ư?”

“Vâng,” Mason nói, “tôi quan tâm đến cái chết bí ẩn của Helen Cadmus. Đơn giản là tôi rất muốn biết một số chi tiết.”

“Bà Kempton sẽ đến văn phòng gặp ông vào bất cứ giờ nào tiện cho ông,” Etna hứa một cách long trọng,

“Ồ, ví dụ, mai vào mười giờ sáng được không?”

“Bà ấy sẽ ở chỗ ông, và tôi sẽ đến cùng bà ấy. Tôi muốn bắt tay ông và nói tôi đánh giá cao đến mức nào cái thông tin ông cho, ông Mason ạ. Chúc ngủ ngon.”

“Chúc ngủ ngon,” Mason nói.

Della bước vào văn phòng và báo, “Thưa sếp, khách anh hẹn gặp vào mười giờ đã đến.”

Mason rời mắt khỏi giấy tờ rải trên bàn.

“Bà Kempton phải không?”

“Vâng! Bà Jozephine Kempton và luật sư của bà, James Etna.”

“Ấn tượng của cô thế nào về họ, Della?”

“Trong bà Kempton có gì đó bí ẩn. Bà ta gầy, tuổi chừng năm mươi với khuôn mặt hoàn toàn không hiểu thấu, y như mặt một tay chơi poker. Có thể kết luận rằng cuộc đời không nuông chiều bà lắm và bà đã quen nhìn mọi thứ một cách triết lí.

“Thế à?”

“Ông ta đơn thuần là một luật sư trẻ tốt, nhiệt tình. Là người mến mộ anh và không che giấu rằng khả năng gặp được anh làm ông ta xúc động.”

“Thôi nào, mời họ vào đi,” Mason nói, “và xem họ có thể kể gì với chúng ta.”

Della bước ra phòng tiếp khách và đi vào cùng hai khách thăm.

James Etna, một người đàn ông độ tuổi ba mươi, lao nhanh về phía trước và tóm lấy tay Mason.

“Ngài Mason, tôi đơn thuần không đủ sức diễn tả điều đó có nghĩa lớn thế nào đối với tôi. Phải nói với ngài rằng, đêm qua ngài xử sự với tôi thật tuyệt vời, đơn giản là kì diệu. Sau cuộc trò chuyện của chúng ta, tôi nhận thức được điều đó đầy đủ.”

“Chà, tôi mừng là đã giúp được dù chỉ tí chút,” Mason nói. “Thế đấy, theo tôi hiểu, đây là bà Kempton?”

Bà Kempton mỉm cười, nụ cười của bà mệt mỏi và dịu dàng, “Chào ngài Mason.”

“Ngài biết chuyện gì đã xảy ra không?” Etna tiếp tục, thả bong bóng nước dãi vì hân hoan. “Ngài chưa kịp treo ống nói thì Hardvic đã gọi. Ông ta nói với tôi là rất muốn xin lỗi vì hồi chuông muộn màng như thế, nhưng buổi sáng ông ta rất bận, theo ý ông ta, có thông tin quan trọng đến mức sẽ làm tôi quan tâm.”

“Ồ, dĩ nhiên rồi,” Mason gật đầu.

“Vâng, rồi ông ta đề nghị tôi năm ngàn đôla để tôi xóa nhòa vụ việc, năm ngàn đôla đấy!”

“Ông đã đồng ý?” Mason hỏi, hạ thấp giọng, bởi câu chuyện diễn ra trước mặt của

thân chủ Etna.

“Chả lẽ tôi giống một thằng đàn ư?” Etna kêu lên. “Ngày hôm qua chắc tôi đã xóa vụ án chỉ cần với ngàn rưởi. Nói thật, thậm chí tôi còn đồng ý xóa vụ án khi đã lấy được từ ông ta lời hứa sẽ không viết thêm những bức thư buộc tội thân chủ tôi ăn cắp, nhưng đêm qua, khi đã biết điều tôi biết, không đời nào tôi chịu chấp nhận ngay đề nghị đầu tiên của họ, thậm chí nếu họ đề nghị hơn năm nghìn đôla.”

“Khá lắm,” Mason khích lệ. “Và gì sau đó?”

“Ồ, ông ta ngập ngừng hồi lâu và lập bà lập bập mãi cho đến khi tăng giá đến bảy nghìn rưởi.”

“Còn ông?”

“Tôi từ chối.”

“Và gì tiếp theo?”

“Tiếp theo ông ta hỏi thẳng, tôi có nhận được tin tức gì từ ngài không.”

“Và ông trả lời ông ta thế nào?”

“Tôi nói sự thật với ông ta. Tôi đáp rằng có, ‘thực tế, tôi đã nhận được những tin tức xác định từ ngài Mason và ngài Mason hứa cho tôi biết nếu phát hiện được thêm gì đó mà có vẻ thú vị đối với tôi trong vụ này’.”

“Và gì nữa sau đó?”

“Sau Hardvic nói: ‘Khá lắm! Tôi cho rằng ngài Mason chẳng có quyền gì can thiệp vào vụ này. Những gì xảy ra, quỷ tha ma bắt, chẳng dính líu đến ngài ta, nhưng lưu ý đến tình huống vừa xảy ra và việc ngài ta đã can thiệp vào, và bởi nhẽ thân chủ của tôi muốn xử sự công bằng, tôi đề nghị ông hai mươi nghìn đôla. Đó là mức tối đa mà chúng tôi có thể đề nghị ông. Trong trường hợp ngược lại, chúng tôi sẽ bảo vệ đến cùng cái sự kiện: Nói đến sự nhầm lẫn vô tình của ngài Addicts, và cho rằng các tin tức do ngài ấy báo là phù hợp với hiện thực’.”

“Và ông đã xử lí thế nào?” Mason hỏi.

“Cả hai tay tôi tóm lấy đề nghị ấy,” Etna nói. “Tôi đáp là chúng tôi chấp nhận nó.”

“Hợp lí lắm,” Mason khích lệ, “tôi nghĩ chắc nhất Hershy đã nói thật và đó thực sự là đề nghị cuối cùng của họ.”

“Tôi cũng cân đo như thế. Bởi từ quan điểm pháp lí, thực sự còn phải xem xét lâu, và chắc sẽ nảy sinh vô số vấn đề. Về sự chân thành của ông ta, sự thiếu hoặc hiện diện ý đồ độc ác, hay có phải là sự nhầm lẫn vô tình hay không, và nhiều thứ khác nữa.”

“Phải, nhưng như chính ông đã nói tối qua, khi đã mở hết các con bài trước tôi,” Mason phản đối, “khi tay cự phú tẩm trong tiền bạc và có khả năng thỏa mãn bất kì ý muốn kì quặc nào của mình, hạ xuống cái mức tự đi săn đuổi một phụ nữ kiếm miếng ăn bằng sức lao động và đang cố gắng tìm việc làm một chỗ nào đó, thì tự

ông biết đấy, các vị bồi thẩm sẽ nhìn điều đó như thế nào.”

“Tất nhiên tôi hiểu, nhưng cái chính là Hardvic cũng biết. Tôi cho rằng chắc có thể hi vọng được đền bù lớn hơn theo phán quyết của tòa, nhưng họ cũng có thể đưa ra kháng cáo, vụ việc hẳn sẽ được chuyển sang một tòa án mới và... cuối cùng, chúng tôi thoả mãn với hai mươi ngàn đôla. Đúng không, Jozephine?”

Bà Kempton mỉm nụ cười nhấn nhục mặt mũi của mình, trong lúc đó bà nhìn Mason chứ không phải luật sư của mình.

“Thoả mãn, thoả mãn đủ,” bà đồng tình.

“Tôi cho rằng ngài cần biết,” Etna nói, “tôi đưa quyết toán đòi Jozephine năm ngàn đôla, còn mười lăm ngàn giữ lại cho bà.”

“Tuyệt lắm,” Mason ủng hộ.

“Và từ số mười lăm ngàn ấy một phần nào đó tôi muốn trả cho ngài,” bà Kempton nói. “Theo tôi, là tôi phải làm điều đó. Nếu như không có ngài, thưa ngài Mason...”

Mason lắc đầu.

“Nhưng ngài đã phải làm việc nhiều khi nghiên cứu vụ này. Ngài tìm tòi trong các nhật kí, và nhờ quyết đoán của ngài...”

“Không, không, xin mời ngồi,” Mason nói với bà. “Nào chúng ta cùng lập tức chuyển ngay sang giọng điệu thân tình đi. Tôi chẳng cần một cent nào từ bất cứ ai trong hai vị. Tôi vui là các vị đã kí kết được một giao kèo có lợi. Tôi cho rằng đó là công lao luật sư của bà. Tôi đồng ý với ông Etna rằng dù các vị cũng có thể tính đến nhiều hơn theo phán quyết của các bồi thẩm, nhưng nếu như các vị kéo Addicts ra tòa, ông ta sẽ chiến đấu đến cùng - cho đến các ngạch tòa án cao nhất. Cuối cùng, ông ta sợ nhất là bị cười nhạo trên báo chí - như một gã nhà giàu không cho một phụ nữ dung dị tìm kiếm cách để sống.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Etna nói.

“Còn bây giờ,” Mason tiếp tục, “cả bà cũng có thể làm được gì đó cho tôi, bà Kempton ạ.”

“Bất cứ điều gì, thưa ông.”

“Tôi cần biết toàn bộ những gì trong khả năng bà biết về Helen Cadmus.”

“Ồ... cô ấy hơi... tôi không biết diễn đạt bằng lời điều đó như thế nào...”

“Không sao, bà cứ kể như bà có thể. Nếu tôi hiểu đúng, cô ấy có hơi kì quặc?”

“Trong cuộc đời cô ấy có một tấn kịch tình cảm đáng sợ nào đó, và tôi tin chắc điều đó.”

“Bà làm việc với cô ấy lâu không?”

“Chừng hai năm.”

“Và bà bị sa thải khá nhanh sau khi cô ấy biến mất?”

“Sau hai ngày.”

“Sự sa thải bà, theo bà có một chút gì đó gắn với Helen Cadmus hoặc với sự biến mất của cô ấy không?”

Bà Kemptom lắc đầu, “Ông ta đuổi tôi vì tội trộm cắp.”

“Hãy cố nhớ lại kĩ hơn xem,” Mason nói. “Nào, chúng ta cùng thử làm sáng tỏ vấn đề này nhé. Rốt cuộc có phải sự trùng hợp hoàn cảnh ngẫu nhiên việc mà...”

“Không,” bà nói, “ông Addicts đơn thuần là choáng váng khủng khiếp bởi điều đã xảy ra với Helen. Tôi có cảm giác, ông ta si mê cô ấy, và tôi còn có cảm giác rằng...”

“Đợi đã,” Mason ngắt lời bà, “bà nói, ông ta si mê Helen. Bà cho rằng giữa họ có gì đó?”

“Tôi không biết. Trước tiên là họ có quan hệ chủ và người làm thuê, còn sau thì mới đến quan hệ thân tình. Nhưng tôi không nghĩ... Benjamin Addicts không phải là người dễ thể hiện cảm xúc của mình một cách công khai.”

“Thôi được, vậy đầu tiên ta nói về Helen đã.”

“Helen rất đẹp và cô biết về điều đó. Cô ấy rất hãnh diện về hình thể của mình. Cô ấy thích chụp ảnh và tự ngắm mình trong gương. Tôi thì tôi biết rõ lắm. Trong phòng cô ấy có chiếc gương lớn, và mấy lần tôi nhìn thấy cô ấy... nói chung, cô ấy tự hào về thân thể mình.”

“Thế bà có thể nói gì về chiếc gương ấy?” Mason hỏi lại.

“Cô ấy thường hay đứng trước gương và ngắm nghía bản thân.”

“Thế từ đâu mà bà biết?”

“Thỉnh thoảng tôi mở cửa vào phòng cô ấy, và tôi bắt gặp cô đứng trước nó.”

“Bà muốn nói rằng cô ấy thích ăn vận tô điểm và ngắm nghía bản thân của mình trong gương?”

“Toàn bộ áo quần của cô ấy có kích cỡ không lớn hơn chiếc tem thư,” bà Kempton cười mỉm.

“Cô ấy lỏa thể?” Mason hỏi.

“Không, không trần truồng. Nhưng các bộ đồ tắm của cô... Cô ấy thích lấy hai hoặc ba mẫu vải vuông và dính chúng lên người sao cho chúng biến thành chiếc áo tắm yêu kiều. Tất nhiên, sẽ chẳng ai mặc chúng mà tắm, mà mang chúng cũng chẳng thể lâu được.”

“Thế cô ấy mặc chúng trên tàu buồm chứ?”

“Thỉnh thoảng.”

“Và trước những người lạ?”

“Ồ, ít ra, trước những ai cô ấy quen. Cô ấy không... không, đúng hơn thì tôi muốn diễn đạt thế này - tính khiêm tốn quá đời không phải là đặc trưng của Helen. Là một cô gái không định kiến và rất thích tắm nắng. Cô có thân hình tuyệt vời, tôi chưa

được bắt gặp cái gì tương tự. Cô tắm nắng mãi cho đến khi được phủ một lớp rám nắng đều, màu đồng thau.”

“Dĩ nhiên, nếu không tính vết bọ đồ tắm chứ?”

“Đó chính là điều làm cô băn khoăn nhất: Làm sao không còn lại những vết trắng trên thân thể. Không, ngài Mason ạ, trên mái tàu, cô ấy có một chỗ nơi cô thường tắm nắng, và cô tắm khoả thân hoàn toàn. Cô ấy muốn có lớp rám đều khắp toàn cơ thể. Tôi thậm chí còn nghĩ rằng cô ấy tự hào về sự rám nắng của mình hơn so với hình... với hình thể của mình. Mà thể hình của cô thì hoàn toàn ổn, mọi thứ đều hoàn hảo.”

“Bà có thấy lạ lùng, khi một cô gái như thế lại tự kết liễu đời mình không?”

“Tôi đã ở trên tàu.”

“Trên chính con tàu buồm đó?”

“Vâng.”

“Tôi thực muốn biết về điều đó chi tiết hơn. Bà có thể kể gì cho tôi không?”

“Tôi sẽ kể hết với ngài tất cả những gì tôi nhớ. Ông Addicts quyết định đi Catalina. Ông luôn mang theo Helen và cũng thường xuyên đem theo cả tôi trong các chuyến du lịch.”

“Ai quán xuyến việc nhà khi không có bà?”

“Chỗ chúng tôi có cả một biên chế người phục vụ đến vào ban ngày. Tôi thực hiện việc giám sát chung và chỉ đạo họ. Ngoài ra, tôi theo dõi trật tự trên tàu, và hãy tin tôi, ngài Mason ạ, công việc không phải thuộc loại nhẹ nhàn đâu, thậm chí là trên tàu Anh mà tất cả thủy thủ của thế gian đã kì cọ bóng loáng bên ngoài. Nhưng bên trong ấy mà, trong các khoang, và..., nói ngắn gọn là: rửa ráy, đổ gạt tàn, quét rác tồn lại trong khoang chung sau tiệc nhậu, đầu mẩu thuốc lá, chai wishky rỗng và đại loại như vậy. Đó là công việc nặng nhọc.”

“Có ai giúp bà không?”

“Không, tôi tự xoay xở với chuyện ấy. Ngài hiểu rằng, trên một con tàu buồm lớn thì vẫn không nhiều chỗ lắm và không có khả năng lấy lên tàu cơ sở lớn những người phục vụ, đặc biệt là phụ nữ. Đàn ông có thể ngủ cùng với nhau trong một chỗ, nhưng với phụ nữ lại khác. Mỗi người trong chúng tôi phải có ngăn riêng.”

“Thôi được, giờ ta quay lại các sự kiện ngày hôm ấy.”

“Ông Addicts quyết định đi Catalina. Ông ra các chỉ thị cần thiết qua điện thoại, và con tàu đã sẵn sàng. Ông định rời bến vào hai giờ trưa, nhưng ông bị giữ lại bởi những việc khẩn cấp nào đó bất chợt nảy sinh, và ông không thể đến tàu trước năm giờ. Nhưng vào thời gian đó bắt đầu có những trận bão khủng khiếp và đối với những tàu nhỏ người ta đã treo biển cảnh báo bão. Mặc dù thế, ông Addicts vẫn ra lệnh tiến ra biển.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Ồ, bắt đầu trận bão biển thực sự. Rốt cuộc chúng tôi đành cho thuyền buồm neo tại chỗ và chờ bão qua. Chúng tôi đã không thể đến được Catalina trước sáng ngày hôm sau.”

“Bây giờ là câu hỏi: Bà đi xe đến tàu buồm chứ? “

“Vâng.”

“Bà đến đó với ông Addicts?”

“Vâng.”

“Và Helen đi đến cùng với các vị?”

“Không, cô ấy đi trước... mà tôi không biết chính xác nữa, áng chừng một giờ trước đó. Cô ấy đến trên chiếc xe thể thao mui trần và lên tàu một mình. Cô ấy cần đánh máy gì đó. Chính đó là điều trước hết gây ra sự chậm trễ. Nảy sinh những vấn đề không thể trì hoãn, và ông Addicts đọc cho cô ấy cả một đồng giấy tờ, tôi có cảm giác, vấn đề nói về những hợp đồng nào đó và những bức thư mật kèm theo chúng.”

“Hãy tiếp đi.”

“Cô ấy đi lên tàu. Ông Addicts lưu lại để chuẩn bị thêm những tài liệu gì đó nữa, sau đó chúng tôi đã đi cùng nhau.”

“Trên tàu có những người lạ không?”

“Không. Chúng tôi định lấy lên tàu mấy người nữa ở Catalina, nhưng khi rời bến trên tàu chỉ có thủy thủ đoàn, Helen và tôi.”

“Bà trông thấy Helen lần cuối vào lúc nào?”

“Vào ngày... xin đợi cho một chút... tôi không nhìn thấy cô ấy. Trên đường đi đến đó, ông Addicts quyết định sửa chữa gì đó trong thư hoặc hợp đồng, hay là gì ấy, ông đã đưa cho cô ta, khi chúng tôi vừa lên tàu, ông ta đi thẳng đến ngăn buồng cô ấy. Ông đọc chính tả cho cô trong vòng... tôi không biết chính xác... chừng nửa giờ.

“Sao bà biết là ông ta đọc chính tả gì đó?”

“Tôi nghe thấy giọng ông ta. Buồng Helen nằm sát cạnh buồng tôi. Chúng được nối liền bằng phòng tắm. Tôi nhớ lại, khi tôi đi rửa mặt, và nghe tiếng ông Addicts đọc. Rõ ràng, ông ta không tin vào ghi chép tốc kí, mà đọc thẳng trên máy chữ, bởi vì tôi nghe ông đọc, còn Helen gõ máy chữ.

“Gì xảy ra sau đó?”

“Ở đây có cảng và vũng tàu bên ngoài. Chúng tôi rời đi, nhưng trên biển sóng lớn khủng khiếp, và ông Addicts ra lệnh chờ ở vũng tàu ngoài, cho đến khi gió lặng và biển yên lại. Nhưng nó không chịu yên cho. Ông Addicts gọi cho bạn bè ông tại Catalina. Những người kia không thể chờ thêm. Con tàu buồm của ông Addicts là con tàu biển lớn mà trên đó có thể tiến hành thậm chí cả một cuộc chu du vòng

quanh thế giới, vậy nên ông ấy vẫn quyết định ra khơi và đi với tốc độ trung bình.”

“Ông ta đọc bao lâu?”

“Tôi cho rằng cho đến lúc độ lắc lư của tàu còn cho phép Helen đánh máy. Điều đó thật khủng khiếp.”

“Bà có nghe ông ta đọc sau khi tàu đã ở ngoài khơi không?”

“Ồ, có.”

“Và việc đó tiếp diễn lâu không?”

“Tôi không thể nói với ngài. Tôi là một thủy thủ không ra gì. Tôi bỏ đi ngủ.”

“Ngủ ư?” Mason hỏi lại.

“Vâng. Tôi có những viên thuốc mà tôi thường uống khi sóng lắc mạnh, và chúng giúp rất tốt, nhưng do đó mà rất buồn ngủ... Tôi...”

“Bà không ăn bữa tối hôm ấy?”

“Ăn tối ư? Trời ơi, tất nhiên là không rồi! Tôi cảm thấy mình rất tồi tệ, nhưng sau khi thuốc tác động, tôi đi ngủ, và còn nghĩ rằng sẽ tỉnh giấc trước nửa đêm. Thời tiết vẫn tồi tệ như cũ. Tôi uống thêm một viên và thiếp đi, và áng chùng... chính xác tôi không thể nói... khoảng bảy hoặc tám giờ sáng tỉnh dậy và thấy rằng mặt biển bình lặng. Vào thời điểm ấy chúng tôi đã ở gần đảo.”

“Và cái gì sau đó?”

“Ngay sau đó chính là lúc chúng tôi phát hiện ra rằng Helen biến mất. Ông Addicts đi xuống ngăn của cô ấy và... tôi cho rằng, những gì còn lại thì ngài đã biết rồi. Giường cô ấy còn chưa trải ra.”

“Sóng có thể vô tình cuốn cô ấy khỏi thành tàu không?” Mason hỏi.

“Vâng, tất nhiên, có thể.”

“Có khả năng cô ấy đi lên boong tàu không?”

“Cô ấy có thể... Nhưng bão lớn và khi chúng tôi chưa neo tại chỗ, sóng lắc dữ lắm. Tôi thì ở phía dưới, trong ngăn của mình, nhưng sau đó các thủy thủ đã kể lại với tôi. Tôi nghĩ rằng sóng quất lên boong tàu. Trong eo biển nói chung là sóng mạnh.”

“Được rồi,” Mason nói, “à, Helen viết nhật kí. Bà biết về điều đó không?”

“Biết.”

“Vậy thì,” Mason nói, “tôi có bốn quyển nhật kí. Quyển thứ năm bị mất. Helen đã phải bắt đầu nó chừng hai tuần trước khi biến mất. Tức quyển thứ tư kết thúc chính xác vào hai tuần trước cái chết của Helen. Bà cho là thế nào, cô ấy có thể bỏ viết nhật kí không?”

“Không, tôi tuyệt đối tin chắc là cô ấy không bỏ viết. Cô ấy có một cái túi, và cô thường mang nhật kí theo người. Tôi nhớ, đã có lần tôi định khuyên cô ấy tỉnh trí lại.”

“Nhưng tại sao? Có gì xấu trong việc cô ấy viết nhật kí?”

“Không, chả có gì như thế cả, nếu con người đơn thuần chỉ ghi lại ngắn gọn họ từng ở đâu, đã làm gì hoặc gì đó dưới dạng như thế. Nhưng Helen say nhật kí của mình đến nỗi cô ấy phí cho nó hàng nhiều giờ liền. Nhiều giờ mà cô ấy có thể sử dụng hợp lí hơn. Ví dụ, tiếp xúc với những người khác.”

“Đó là điều tôi đặc biệt quan tâm đấy,” Mason nói, “và điều đó tôi muốn biết rõ hơn. Ai là bạn của cô ấy?”

“Ngài Mason ạ, tôi có cảm giác cô ấy không có bạn.”

“Thế thì cô ấy để ý kĩ lưỡng về vẻ bề ngoài của mình - đạt cho tới độ r ám nắng tuyệt hảo ấy để làm gì?”

“Cô ấy là người hiếu danh. Muốn đến Hollywood làm diễn viên và nghĩ rằng sớm hay muộn cũng sẽ xuất hiện khả năng ấy nhờ các mối quen biết của ông Addicts.”

“Addicts có những người quen ở Hollywood?”

“Không, không có, thế mới là chuyện. Tất nhiên, nhờ địa vị của mình, hẳn ông ấy hoàn toàn có thể móc nối ở đấy các cuộc làm quen, nhưng vấn đề là ở chỗ, ông Addicts... Tôi thực không muốn bàn luận về chủ cũ của mình, ngài Mason ạ, nhưng ông Addicts là người không quảng giao. Tôi nghĩ rằng, ảnh hưởng cực kì mạnh đến cách sống của ông ấy là... tôi cho rằng, ngài đã rõ chuyện gì xảy ra với ông ta rồi chứ?”

“Và cái gì đã xảy ra với ông ta vậy?”

“Ông ta đã giết người.”

“Ở đâu?”

“Đâu đó ở nước ngoài. Hình như ở Australia.”

“Ông ta đã bị kết án chứ?”

“Vâng. Tôi chỉ biết chính xác việc ông Addicts đã giết người và ông ta rất gần bó với em trai mình, và có vẻ ông Addicts... Ồ, nếu ngài quan tâm đến ý kiến của tôi... ông ta sợ.”

“Sợ gì?”

“Sợ chính bản thân. Sợ kiểu như lời nguyện của gia đình, ở ông ta có gì đó dường như là tố chất thiên về giết người, cũng như ở em trai của ông ta. Tôi nghĩ, ông ta có lí giải bằng cách nào đó.”

“Và vì thế ông ta mới thử nghiệm với vũ khí?”

“Vâng, chủ yếu với đười ươi. Ông ta nói rằng đười ươi gần gũi nhất với con người về các đặc điểm tâm lí, vượn thì quá thân thiện, vì thế chính đười ươi làm ông quan tâm.”

“Và ông ta nhốt chúng ở trong cũi?”

“Tất nhiên, các cũi dành cho chúng rất vững, bởi vì...”

“Chúng có người huấn luyện riêng?”

“Có mấy người huấn luyện thú và một nhà tâm lí học, người...”

“Và tất cả những người này sống ở đâu? Ai chuẩn bị thức ăn cho họ?”

“Họ sống ở nhà họ. Còn làm việc thì trong cánh gà cách biệt của tòa nhà ngoảnh mặt ra phía khác. Họ đến đó và rời đi khi nào họ cho là cần. Họ bị cấm một cách nghiêm khắc đi ra khu vườn vây quanh biệt thự. Họ có thể đi vào tòa nhà chính qua một hành lang, nhưng chỉ khi họ được gọi.”

“Ban đêm ai theo dõi lũ đười ươi?”

“Không ai cả. Chúng bị nhốt trong các cũi kim loại đáng tin cậy.”

“Thế nhờ ban đêm xảy ra hỏa hoạn?”

“Về điều đó nghĩ đến cũng đã ghê sợ rồi. Nhưng nếu đã đến cơ sở ấy, ngại thử nghĩ sẽ là gì, nếu hỏa hoạn xảy ra ban ngày. Không thể chỉ đơn thuần mở cũi nhốt lũ đười ươi và nói: ‘Nào, hãy rời khỏi đây đi’”

“Những con đười ươi ấy dữ lắm à?” nheo mắt, Mason hỏi.

“Theo tôi, rất dữ. Tôi chỉ đùa với một con, con bé nhất. Nó quý tôi. Một số trong lũ chúng xử sự tốt với mọi người, còn một số thì không... Các cuộc thử nghiệm riêng biệt được tiến hành chỉ cốt đẩy chúng đến điên loạn. Chúng được luyện lấy thức ăn từ hòm khi chuông vang lên. Vào những lúc khác chúng nhận được những cú điện giật nếu cố mở hòm ra. Sau đó người luyện thú thay đổi toàn bộ các tín hiệu, họ giải thích điều này là... như ‘sự mất định hướng’. Tôi không thích điều đó. Và Helen cũng vậy.”

“Thôi được,” Mason kết luận, “dù đằng ấy có gì đi nữa, nhưng tôi quan tâm nhất là điều bà báo về cuốn nhật kí. Xin cảm ơn nhiều.”

“Helen là người rất kín đáo, ngại Mason ạ,” bà Kempton nói. “Cô ấy có tính kiêu hãnh cực lớn. Vì nó cô sẵn sàng hi sinh tất cả. Trong quá khứ cô có một mối tình bất hạnh.”

“Cô ấy kể điều đó với bà ư? “

“Quý thần ôi, tất nhiên là không rồi. Mà cũng có cần thiết thế đâu, mọi sự cũng sáng tỏ như ban ngày.”

“Điều đó thể hiện ở đâu?”

“Cô ấy, rõ ràng đã say đắm ai đó mà không được đáp trả, người... đôi khi ở tôi thoáng qua ý nghĩ rằng đó là người thuộc tầng lớp thượng lưu, kẻ cho rằng cô không xứng đôi phải lứa với anh ta. Và Helen dường như hiến cả cuộc đời mình nhằm chứng minh cho anh ta rằng cô tự mình có thể đạt được thành công trong cuộc đời, còn điều duy nhất trong đó hằn làm cô thực sự có thể thành đạt, ấy là... gì đó kiểu như đóng phim. Cô ấy thực sự xinh đẹp.”

“Giống như bà đúng,” Mason nói, “tôi trông thấy mấy cái ảnh của cô ấy. Bà có biết ai chụp cho cô ấy không?”

“Có lẽ là ông Addicts. Ông ta liên tục bấm chụp tất cả, và nói chung, ông ta chụp được các bức ảnh khá đẹp.”

“Cả trên tàu ông ta cũng có máy ảnh à?”

“Cả trên tàu, cả ở nhà đều có máy ảnh, và ở đâu mà thiếu chúng cơ chứ. Ông ta có vô số máy đủ mọi nhãn hiệu.”

“Thế về mối tình bất thành của Helen, từ đâu bà có thông tin như vậy?”

“Điều đó thì đơn giản như hai nhân hai ấy mà. Cô ấy là một cô gái bình thường, khả ái, nhưng chẳng thích thú gì hướng đến cuộc sống xã hội. Cô ấy làm việc, viết nhật kí, tắm nắng. Thậm chí cô ấy có cả đèn thạch anh chuyên dùng cho những ngày mưa mù mịt.”

“Và đó là toàn bộ cuộc sống của cô ấy?”

“Vâng, và công việc. Tất nhiên, cô ấy không có những giờ làm việc xác định. Cô ấy luôn luôn phải sẵn sàng cho mọi trường hợp, nếu bỗng dưng người ta cần đến cô, và lẽ dĩ nhiên, cô tháp tùng ông Addicts, dù ông ta có đi đâu chẳng nữa.”

“Và điều đó thường xuyên xảy ra không?”

“Vâng. Chỗ ông ta, trên mỏ than, bao giờ cũng sẵn nhiều chuyện xảy ra. Người ta gọi điện thoại cho ông về chuyện hầm mỏ của ông hoặc gì đó nữa, và ông ta bật đi ngay, vút đồ đạc lên xe, khởi hành tức khắc, đôi khi cùng Hershy, đôi khi cùng Fallon, đôi khi một mình, tất nhiên nếu không tính Helen. Cô ấy tháp tùng ông ta trong tất cả các chuyến đi.”

“Cuối cùng cho phép hỏi bà một câu nữa. Bà có cảm thấy có gì kì quặc trong cái chết của Helen hay không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Tôi có ý nói: Bà cái cảm giác là cô ấy không thể đi tự tử?”

“Tức cô ấy ngẫu nhiên bị cuốn ra khỏi thành tàu ấy à?”

“Tôi mong bà trả lời câu hỏi của tôi,” Mason nài nỉ.

“Ngài Mason ạ,” bà đáp, “tôi không bao giờ nói điều gì có thể đẩy ai đó vào tình trạng khó xử. Tôi biết quá rõ, các tin đồn bắt đầu lan toả như thế nào và chúng có thể đầu độc ai đó suốt cả cuộc đời, nhưng... vào chỗ cảnh sát hẳn tôi không để vụ việc đơn giản như thế.”

“Tại sao?”

“Tại vì... vì tôi tin chắc, Helen không thể nào tự tử, và tôi biết chắc có ai đó đã lấy mất nhật kí của cô và vút ra ngoài thành tàu.

“Sao bà biết điều đó?”

“Tại vì nhật kí của cô ấy bị mất, mà tôi lại biết chính xác là nó luôn luôn ở bên cô.”

“Do đâu bà biết nó bị mất?”

“Sau khi tôi có việc phải ở trong ngăn buồng Helen - để thu dọn và gom nhặt đồ đạc của cô ấy cho nhân viên thừa hành của tòa án. Chúng tôi cùng đến đó và xem xét mọi thứ rất kỹ lưỡng. Ông ta xếp toàn bộ quần áo và vật dụng cá nhân vào một hộp, còn sách vở vào hộp khác.

“Cô ấy còn họ hàng không?”

“Không ai có thể biết gì về cô ấy, tí như cô ấy xuất thân thế nào và tương tự.

“Natan Fallon nói lấp lửng rằng ông ta là họ hàng xa của cô ấy,” Mason nói.

“Natan Fallon ư?” bà Kempton kinh ngạc kêu lên.

Mason gật đầu.

“Ôi, cô ấy căm thù gã thậm tệ. Đúng hơn, gã là họ hàng không phải đối với Helen, mà là đối với cái lũ khỉ trong các cũi kia.”

“Thế bà không cảm thấy rằng họ có thể đã quen nhau trước khi cô ấy nhận chỗ này và...”

“Ngài muốn nói rằng cô ấy thu xếp được chỗ làm nhờ gã?”

“Phải.”

“Trời ơi, dĩ nhiên là không rồi. Cô ấy căm thù Natan Fallon.”

“Thế bà có thái độ thế nào với ông ta?”

“Tôi cho rằng không nên thù hận ai cả.”

“Và bà không thích ông ta?”

“Dĩ nhiên, không.”

“Fallon có theo đuổi...”

“Gã có cố theo đuổi cô ấy không ư? Tất nhiên là có. Thoạt đầu gã dính lấy cô, cho đến khi cô ấy đặt gã vào đúng chỗ bằng cách quyết liệt nhất. Gã là một trong số những kẻ lượn lờ xung quanh ta, cố vô tình chạm vào ta, chạm khuỷu tay, áp vào cho gần hơn. Thoạt đầu gã sẽ đụng vào tay ta, sau đó sẽ vỗ lên vai, còn sau nữa sẽ tóm lấy đầu gối. Lúc thuận lợi gã sẽ lập tức ôm lấy ta ngay. Tay gã không biết sự bình yên. Gã thô bỉ... thế nào ấy. Đôi khi muốn nhổ vào mặt gã.”

“Biết sao được, tôi cho rằng từ bà tôi đã biết được tất cả những gì tôi muốn,” Mason nói, “bà đã làm tôi chú ý hết sức khi kể về cuốn nhật kí bị mất.”

“Điều đó cũng làm tôi rất kinh ngạc. Cô ấy chắc hẳn không thể nhảy ra khỏi thành tàu với nó.”

“Thế còn gì đáng kinh ngạc nữa không?”

“Còn.”

“Chính là gì?”

“Cái tài liệu quan trọng mà cô ấy đánh máy cho ông Addicts. Điều đó làm tôi rất kinh ngạc, và tôi thường ngẫm nghĩ: Đã có chuyện gì xảy ra với nó?”

“Bà có ý nói gì?”

“Nó không có trong buồng của Helen, và tôi không nghĩ là Addicts đã cầm theo người khi rời khỏi đó. Theo tôi, cô ấy còn phải đánh máy lại nó cho kịp vào sáng hôm sau. Họ dừng công việc khi bão biển mạnh lên.”

“Thôi được, ta cứ giả sử rằng cái chết của cô ấy không phải là chuyện tự tử và đó không phải là trường hợp bất hạnh,” Mason nói.

Bà nhìn ông chăm chăm.

“Lúc ấy chỉ còn lại vụ giết người.”

“Lúc ấy chỉ còn lại vụ giết người,” Mason khẳng định.

Khuôn mặt bà vẫn giữ nguyên như cũ, hoàn toàn lãnh đạm, hai hàm răng mím chặt.

“Sao bà im lặng vậy?” Mason hỏi bà.

“Nhưng tôi có định nói gì đâu.”

Mason đứng lên và bắt tay bà, “Thôi vậy, tôi vui là đã có thể làm được chút gì đó có lợi cho bà, và vui rằng bà đã đạt được thỏa hiệp, bà Kempton ạ.”

James Etna túm lấy tay Mason và lắc nó một cách nhiệt thành, “Tôi đơn thuần không đủ sức diễn tả toàn bộ lòng biết ơn của chúng tôi đối với ngài, của tôi và của thân chủ tôi. Tôi... đơn giản là không tìm được lời để nói với ngài, điều đó quan trọng đến nhường nào đối với cả hai chúng tôi.

“Không có gì,” Mason nói, “tôi rất vui làm được điều đó vì các vị.”

“Không, không, điều đó là vô cùng hào hiệp từ phía ngài.”

“Tiện thể,” bà Kempton nói, “tôi, ngay chính tôi cũng mất đôi thứ ở đằng ấy. Ngài có thể nói giùm tôi, trong cái lọ kia đã tìm thấy những gì, tất nhiên, nếu ngài biết? Đằng ấy có chiếc hoa tai với hạt ngọc trai thế này không?”

Bà chìa cái hoa tai, và Della gật đầu đầy biểu cảm.

“Đằng ấy có một chiếc hoa tai y hệt thế này,” cô nói, “tôi nhớ rất rõ là đã chú ý đến cái cách các hạt ngọc trai kết lại thành một chùm nhỏ như thế nào.”

“Ồ, cảm ơn cô!” bà Kempton kêu lên. “Tôi thật vui mừng! Cặp hoa tai này mẹ tôi cho tôi, và tôi đã rất buồn khi một trong cái hai bị mất. Tôi...”

“Bà nói với ai về vật bị mất không?” Mason hỏi.

“Không.”

“Tại sao?”

“Tôi nghĩ... tự tôi không biết tại sao nữa. Hãy tự sống và để người khác sống với, phương châm của tôi đấy, và tôi không muốn áp dụng điều gì đó có thể gây ra những vấn đề không cần thiết.

“Bà nghĩ bà đánh mất nó?”

“Tôi biết chắc rằng tôi không làm mất, bởi cả hai chiếc hoa tai nằm trong tráp của tôi, còn khi tôi định đeo chúng, thì chỉ còn một chiếc.”

“Nghĩa là bà nghĩ rằng ai đó đã lấy nó?”

“Tôi... tôi không biết đã nghĩ gì nữa.”

“Và bà không nói gì với ai cả?”

“Không.”

“Thôi được,” Mason nói, “ít ra, nó cũng nằm trong đồng lộn xộn lẫn ra từ chiếc lọ. Tôi nhớ là đã trông thấy chiếc hoa tai ngọc trai, còn cô Della hoàn toàn tin chắc rằng cái hoa tai cùng cặp với cái của bà.”

“Tôi tin chắc tuyệt đối,” Della khẳng định.

“Cảm ơn hai vị vô cùng,” bà Kempton nói và tặng hai người một nụ cười niềm nở bình thản.

James Etna có vẻ không định thả tay Mason ra, “Đây là một trong những trường hợp thú vị nhất trong thực tiễn của tôi, ngài Mason ạ. Tôi hi vọng lúc nào đó trong tương lai được làm quen với ngài, nhưng không dám thậm chí là nghĩ ngài sẽ giúp tôi trong vụ việc loại như thế này... Tôi đánh giá cao điều đó.”

“Tôi vui đã có thể giúp gì đó cho ông,” Mason nói.

Họ ra khỏi văn phòng.

Della nhìn vị luật sư.

“Thế nào rồi?” cô hỏi.

“Cô bạn nhỏ bé của chúng ta lại tung ra các ảo thuật của mình,” Mason nói.

“Anh ý nói đến Số Mệnh?”

Mason gật đầu.

“Thế lần này Số Mệnh đã nghĩ ra gì thế?”

“Tôi cho rằng,” ông nói, “có một nguyên do nào đó bỗng dưng gây cho tôi quá quan tâm đến nhật kí của Helen Cadmus.”

“Biết sao được,” Della mỉm cười, “nghĩa là Số Mệnh cần anh giúp điều tốt lành cho bà Jozephine Kempton, và anh đã giúp bà. Nếu anh muốn biết ý kiến của tôi, thì tôi có thể thề rằng thù lao năm ngàn đôla có ý nghĩa không ít với ngài luật sư trẻ kia.”

“Có khả năng là cô đúng,” Mason nói, “nhưng giống như chúng ta chưa nhận được câu trả lời.”

“Nhưng tại sao không? Anh đã xem xét hết mọi nhẽ rồi mà và... tôi có cảm giác, sự biến mất của Helen Cadmus làm anh băn khoăn nghiêm trọng.”

“Phải, tôi rất băn khoăn về sự mất tích bí ẩn của Helen Cadmus.”

“Anh cho rằng đó không phải là vụ tự tử?”

“Trong đáy lòng tôi không sao rời nổi ý nghĩ,” Mason nói, “rằng đó có thể là một vụ giết người.”

“Nhưng chỉ có một người, Benjamin Addicts, là có thể giết cô ấy.”

“Hoặc anh bạn Natan Fallon của cô ấy,” Mason nói. “Đừng quên những điều về ông ta.”

“Và...” Della ngắc ngứ.

“Phải,” Mason mỉm cười nói, “hãy tiếp đi.”

Della lắc đầu.

Mason nở nụ cười rộng hơn.

“Ôi Chúa ôi,” cô nói, “tôi thực không muốn thậm chí là nghĩ đến về điều đó, nhưng khi đã bắt đầu đi điều tra một vụ án mạng, lúc ấy không được quên về người đàn bà có căn buồng thông nhau và có khả năng đi sang chỗ Helen vào bất cứ lúc nào qua phòng tắm chung và là người đã cam đoan đã uống thuốc làm bà ta ngủ suốt đêm... Trời ơi, sếp ạ, tư duy của tôi đã trở nên đơn giản và đòi trụy, tất thảy chỉ tại vì tôi làm việc cho một gã luật sư vô liêm sỉ.”

“Tư duy của cô trở nên rành mạch và logic,” Mason sửa lại cho cô.

“Sếp! Nhưng anh thì không nghi ngờ bà ấy chứ?”

“Nếu có việc với vụ án mạng,” Mason nói, “phải nghi ngờ tất cả.”

“Nhưng đã rõ đó là vụ giết người hay không đâu?”

“Chưa rõ,” Mason đồng tình, “và tôi nghi ngờ rằng tôi có muốn làm rõ điều đó hay không nữa. Nhưng mà thật lạ - không hiểu sao đôi khi tôi có cảm giác là mọi người để lại sau mình một thứ gì đó kiểu ý tưởng ngoại cảm, mà có thể tự nó bay vào đầu ai đó. “

“Hoặc nếu anh tin vào thuyết thông linh,” Della đỡ lời, “thì có thể hình dung, có khả năng, Helen Cadmus, khi biết về khả năng điều tra tội phạm của anh, đang gửi cho anh xung lực nghi ngờ và có thể...”

“Thôi đủ.” Mason nhếch mép cười, “hoặc tôi buộc phải đến gặp bà đồng.”

“Anh nói đúng,” Della nói nghiêm túc, “với các tình thế đã hình thành, tôi cũng hiểu kì được nghe xem bà đồng nói gì.”

“Tôi cảm thấy rằng điều đó, bằng cách nào gắn với ngoại cảm, bà đồng có thể đọc được các ý nghĩ của tôi, đánh trịch hướng tôi đi, cản trở làm những kết luận chính xác.”

“Chắc gì bà đồng có thể dẫn anh tới sự bối rối nhiều hơn so với anh gây ra cho tôi,” Della nhận xét. “Thậm chí kiến đang bò trên sống lưng tôi đây này. Mà đúng thật: có gì đó trong... tôi không biết, anh đã tự khởi đầu về chuyện đó... gì đó lạ lùng trong người đàn bà này.”

“Cô có ý nói về bà Kempton?”

“Vâng.”

“Một dạng phụ nữ khá khác thường,” Mason nói, “nhưng không đến nỗi hiếm lắm đâu, vẫn gặp họ khá thường xuyên, đặc biệt trong số các bà quản gia. Đó là

những người mà do việc mất mát người thân, do li hôn hoặc vì nguyên nhân nào khác, đã mất đi ngôi nhà của chính mình, nhưng vẫn rất muốn được làm công việc gia đình. Lúc đó họ tự xin làm thuê và bắt đầu thu vén cho ngôi nhà lạ của ai đó, và khi làm việc này, họ buộc phải nén những tình cảm thực của bản thân, luôn luôn bị bao bọc bởi một bầu không khí ức chế.”

Della co ro người lại.

“Tốt nhất thì tôi đừng nghĩ về điều đó. Thậm chí tôi bị buốt cả sống lưng.”

“Đành thế,” Mason nói, “nào ta hãy ngừng suy nghĩ về điều đó và bắt tay vào việc thôi.”

Vào tối ấy Mason và Della lưu lại văn phòng đến khuya. Tiếng réo không dừng của tổng đài ngoài phòng tiếp khách làm họ sao nhãng khỏi công việc.

“Tôi tin là chúng ta đã tắt nó rồi mà,” Mason nhận xét.

“Nó vẫn cứ réo.” Della nói, “anh nghe thấy không?”

“Chắc là một tay lạc quan nào đó gọi,” Mason nói. “Tổng đài kêu với các khoảng dừng ngắn và đã đến những năm phút. Hãy ra nghe xem ai đang ấy đi, Della.”

“Tôi không biết ai đoán ra tận lúc này mà chúng ta vẫn còn trong văn phòng.”

“Phải, thực thế. Nhưng hãy nhớ, chuyện xảy ra với James Etna thế nào chứ? Chúng ta đã cố thử vận may... Hãy đi xem ai đấy, Della.”

Della nổi mạch với tổng đài.

“Alô,” cô nói và nhúu mày. “Vâng... Ai?... tất nhiên, bà Kempton ạ.”

Cô vẫy tay gọi Mason, hướng để ông chú ý và chỉ vào điện thoại. Mason thận trọng nhắc ống nghe từ máy của mình.

Giọng bà Kempton trong ống nghe gần như điên loạn, “Tình thế khủng khiếp, mà tôi không sao gọi nổi ông Etna! Tôi không biết làm gì cả. Tôi cần bàn bạc với ai đó. Tôi cần... Tôi cần ngài Mason một cách tuyệt vọng! Tôi gọi... có ai đó phải giúp tôi với chứ! Tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra ở đây. Tôi đang trong một trạng thái kinh hoàng.”

“Bà đang ở đâu thế?” Della hỏi.

“Tôi ở Stounhenge, trong dinh thự Benjamin Addicts, và ở đây đang xảy ra gì đó thực quái đản.”

Mason tiếp vào câu chuyện, “Perry Mason đây, bà Kempton. Giờ hãy nói với tôi, chuyện gì đang diễn ra chỗ bà thế?”

“Chỉ không phải qua điện thoại, ngài Mason ạ. Thật là khủng khiếp! Tôi cần sự giúp đỡ.”

“Tôi cho rằng bà cần gọi cảnh sát, bà Kempton.”

“Không, không, không, chỉ không phải cho cảnh sát thôi. Ít nhất, trong khi tôi chưa nói chuyện được với luật sư của tôi. Tôi cố gọi đến ông Etna, để ông ấy tìm ngài. Ngài là người duy nhất có thể giúp được tôi thôi, ngài Mason ạ. Nhờ ngài tôi có khá đủ tiền để trả công giúp đỡ của ngài. Đơn giản là tôi phải gặp được ngài.”

“Bà không thể rời khỏi đó được sao?”

“Tôi không muốn... Ở đây có gì đó mà... tôi cần được bàn bạc với ngài. Tôi cần lời khuyên của ngài.”

“Làm sao mà bà có mặt ở đây?”

“Ngài Mason, ôi xin giúp cho! Tôi không thể giải thích tất cả chuyện đó qua điện thoại, nếu như ngài đến được đây. Tôi van ngài, hãy đến đây, ngài Mason! Tôi cam đoan với ngài chưa bao giờ có gì quan trọng hơn lời cầu xin này trong đời tôi. Tôi đang phát điên.”

“Thôi được,” Mason nói. “Tôi sẽ đến. À, thế ông Addicts đang ở đâu?”

“Ngài Mason,” bà ta tiếp tục, không để ý đến câu hỏi của ông. “Xin ngài hãy làm chính xác tất cả những gì tôi nói. Cổng chính vào biệt thự nằm trên Oliv street. Ở đây có cảnh sát và lính gác, nhưng còn một lối vào, từ Rouz street dành cho những người làm việc với các con vật sử dụng. Cạnh cửa này không có lính gác. Ở đây có cánh cửa nhỏ. Tôi sẽ đón ngài cạnh cửa này. Tôi nghĩ ngài cần độ mười lăm phút để đến được đây, ngài Mason ạ. Xin ngài vội lên cho, và đến càng nhanh càng tốt. Ngài có thể đi ngay không?”

“Tôi đi ngay lập tức,” Mason nói, “hãy đón tôi cạnh cửa sau. Nó ở trên Rouz street, như tôi hiểu.”

“Trên Rouz street, đối diện ngay với chỗ trên Oliv street, nơi có cái cổng sắt lớn. Đó là một căn nhà xấu xí giống với gara. Trên cửa có số 546, không có dấu hiệu gì khác. Chỉ cánh cửa ấy với số 546 hướng ra Rouz street. Hãy lại gần nó và vặn tay cầm. Tôi sẽ chờ ngài ở đây - nếu tôi có thể và xin ngài vội lên cho.”

“Thế có thể xảy điều gì, nếu bà không đủ khả năng đón tôi?” Mason hỏi.

“Có,” bà ta đáp và bất thần gác máy.

Mason gõ ngón tay lên ống nghe, sau đó ngược nhìn Della. Cô đặt ống nghe của máy song song xuống, đi lại gần Mason và đứng cạnh.

“Cô nghĩ, người ta cắt chúng ta chứ, Della?”

“Theo tôi, bà ta vứt ống nói.”

“Đành vậy,” Mason nói, “hình như tình huống đã nóng đến đỉnh điểm.”

“Nhưng, sếp này, bà ta cần đến cái gì ở đây nhỉ? Bà ấy đã dàn xếp ổn thỏa mọi sự với Addicts rồi cơ mà.”

“Có khả năng, bà ta có âm mưu tống tiền ông ta bằng vụ án mạng Helen Cadmus,” Mason phỏng đoán. “Cô cũng biết, bà ta là người khá lạ lùng. Bà ta đã lắng nghe vô cùng chăm chú tất cả những gì chúng ta nói về Helen Cadmus và nhật kí của cô ấy.”

“Trong trường hợp như vậy,” Della nói, “chúng ta đi thôi. Chúng ta có thể bàn bạc điều đó trên đường đi và...”

“Tại sao cô lại nói ‘chúng ta’?” Mason cắt lời cô. “Đằng ấy, giống như đã bắt đầu một vụ lộn xộn lớn...”

“Đừng có nghĩ là anh có thể thoát khỏi tôi bây giờ đâu nhé,” cô phản đối. “Tôi là hạt dẻ cứng. Đi thôi... Nào đi thôi, chúng ta cần phải gấp lên.”

Cô bay đi khắp văn phòng, tắt điện, vớ mũ chụp lên đầu, trao mũ của Mason cho ông và mở toang cửa.

“Tôi chạy trước và gọi thang máy,” cô nói và vượt qua Mason, nhón chân chạy nhanh trên hành lang dài của tòa nhà.

Khi Mason đến gần thang máy, Della đã chờ ông cạnh buồng thang máy mở sẵn.

“Khá lắm,” Mason khen cô.

Người gác đêm trực bên thang máy nhận xét, “Giống như các vị rất vội đi đâu đó.”

“Đúng thế,” Mason khẳng định.

Khi buồng thang hạ xuống tầng một, Mason kíp nhanh vào cuốn sổ đánh dấu thời gian rồi văn phòng.

Họ chạy đến bãi xe. Nhảy vào xe của Mason, Mason nổ máy và vẫy tay chào người phục vụ bãi xe, đi ra ngõ phố nhanh đến nỗi các lớp xe rít lên phản đối.

Đến cuối ngõ, Mason hãm xe một chút - đúng đến mức để điều khiển được tay lái, và quay đột ngột sang phải ra đường phố, nhấn bàn đạp tăng tốc đến hết cỡ. Họ phóng qua ngã tư đầu tiên khi có đèn vàng sau một thoáng đèn đỏ tắt.

“Nếu chúng ta bị buộc dừng lại và giải thích với cảnh sát giao thông,” Della nói, “điều đó có thể giữ chúng ta lại lâu đấy.”

“Điều đó thì chính xác,” Mason đồng tình, “nhưng tôi có một linh cảm rằng lần này thực sự phải vội lên.”

“Thế nếu,” Della nhận xét, “chúng ta không đến kịp, lúc ấy cũng chẳng đáng đi.”

“Cũng chính xác,” Mason nói khô khan.

“Sếp, anh sao đấy, định nhận bữa lấy vụ này à?”

“Cô ngầm ý gì vậy?”

“Anh nhận bà ấy là thân chủ của mình thậm chí cả trong trường hợp nếu bà ấy... mà anh hiểu tôi có ý gì rồi chứ?”

“Phải. Tôi không biết,” Mason nói. “Trong Jozephine Kempton có gì đó lạ lùng. Tôi không biết chính là gì nữa. Khi trò chuyện với bà ta, tôi có ấn tượng rằng bà rất muốn làm rõ ta đang nghĩ gì, và đồng thời ở bà không có lấy một chút ý định nhỏ cho phép người khác nhận biết các ý nghĩ của bà. Điều đó làm nhớ đến trò chơi poker chuyên nghiệp. Ta có cảm giác là bà biết hết mọi quân bài của ta, còn về các lá bài của bà thì tuyệt đối không rõ, thêm vào đó, ta lại có nỗi e sợ mơ hồ rằng đó là những con át.”

“Anh có thể dính vào một câu chuyện tệ hại vì bà ấy, nếu hành động theo cảm hứng.”

“Đúng vậy,” Mason đồng tình. “Chính vì thế mà tôi định đánh giá tình huống trước khi tôi quyết nên tiếp nhận điều gì. Trong vụ này có cái gì đó, Della ạ, trong toàn bộ chuyện này, đánh động lòng hiếu kì của tôi.”

“Để anh biết.” Della nhận xét khô khan, “chúng ta vừa mới vượt qua dấu hiệu dừng bắt buộc.”

“Tôi biết,” Mason đáp, “nhưng trên đại lộ chả có xe nào, và tôi không xem là cần phải thực thi cái hình thức vớ vẩn ấy,”

Della ngả người ra lưng ghế, tì một chân vào lá chắn nhằm đảm bảo an toàn cho mình tránh sự hãm phanh đột ngột, và nói, “Tôi cảm thấy, nhận xét cuối thể hiện hoàn toàn chính xác tính cách của anh đấy.”

Khi họ lại gần Stounhenge, Mason nói, “Có lẽ tôi nên quành một vòng nhanh quanh biệt thự từ hướng cổng chính.”

“Gã vệ sĩ sẽ nhận ra chúng ta.”

“Tôi không định dừng lại trước cổng. Tôi chỉ đi ngang qua thôi, đủ chậm để có cái nhìn bao quát sơ qua và làm rõ mặt tiền ngôi biệt thự ra sao.”

“Nhưng từ ngoài đường có thấy nó đâu, lẽ nào không phải thế?”

“Tôi cảm thấy vẫn nên ngó qua.”

Vị luật sư đi trên Oliv street cố giảm nhẹ phanh, khi đến ngang hai cột đá bề thế.

Cánh cổng sắt nặng nề đóng chặt.

“Sao tôi không thấy gã vệ sĩ nào cả.” Della nói.

“Nếu tôi dừng xe, tôi nghĩ, chắc gã sẽ lập tức vọt ra ngay đấy,” Mason mĩa mai và tăng tốc, quay ra lối rẽ bên phải.

Đi trên đường ngách, họ đến cái điểm mà từ đó có thể quan sát rõ toàn bộ phần mái biệt thự phía bắc.

“Đằng ấy đèn sáng rực, cứ như trong nhà thổ vậy,” Della nhận xét.

Mason hãm phanh.

“Hàng rào mắt cáo bằng lưới kim loại bền vững cao mười foot,” ông nói. “Trên chóp nó tỏa hình chữ Y và hai bên kéo căng dây thép gai. Điều đó nghĩa là dây thép lơ lửng phía trên mặt đất và cả từ bên này lẫn bên kia đều không thể trèo qua nổi. Ông Addicts khá là lo lắng cho sự bất khả xâm phạm đối với sở hữu riêng của mình.”

“Thế nếu ông ta... sếp, xem kia! Nhìn phía kia!”

“Phía nào?”

“Cửa sổ trên cửa mặt tiền kia kia. Anh thấy một người không? Anh ta đang trèo qua cửa sổ và...”

“Đó không phải là người,” Mason nói, “đó là đười ươi.”

Sững sờ, họ ngồi và im lặng theo dõi cái bóng của con đười ươi khổng lồ vẽ trên nền cửa sổ chiếu sáng. Con vật vươn cánh tay dài, dường như sờ soạng gì đó, rồi nhảy xuống và lẫn mất giữa những cành lá sẫm màu của tán cây rộng nhánh. Sau một thoáng con đười ươi lại xuất hiện, trườn xuống dưới theo các nhánh cây, và chưa qua mấy giây, đèn pha đã dội ánh sáng chói rục cả khu vực, còi báo động rền rĩ xáo động, còn lũ chó sặc sụa tru lên điên loạn.

“Có gì đằng ấy thế nhỉ?” Della ngạc nhiên.

“Rõ ràng, con đười ươi nhảy xuống đất,” Mason nói, “và cắt ngang tia vô hình đưa thiết bị điện vào hoạt động thấp sáng đèn pha, bật còi báo động và thả lũ chó săn ra ngoài. Chúng ta xem điều gì sẽ xảy ra bây giờ.”

Một hoặc hai giây ông ngồi bất động, dõi theo sự việc đang diễn ra rồi bất thần nổ máy.

Della ngạc nhiên nhìn ông.

“Sếp, tôi hi vọng giờ đây anh không định cố lọt vào nhà nữa chứ?”

“Chính tôi đang định làm việc đó đây.”

“Chúng ta ở lại đây và đợi các sự kiện diễn biến tiếp có hay hơn không?”

“Biết đâu sẽ hay hơn, nếu chúng ta có mặt ở đây trước khi một trong số các sự kiện ấy diễn ra,” Mason nói.

Ông quành sang Rouz street.

Dây hàng rào cao với dây thép gai lùi khỏi đường để lại khoảng không dành cho bãi xe rải bê tông phía trước gara. Ngôi nhà hai tầng nằm cách con đường khoảng hai chục foot, nên phía trước nó có đủ chỗ để đánh xe vào hoặc quay đầu xe.

Trên cửa ngôi nhà hai tầng thấy rất rõ các con số 546. Mason dừng xe ngay trước cửa, nhảy ra và bấm nút chuông. Nghe rõ bên trong vang lên tiếng chuông điện, nhưng vô ích - không một dấu hiệu nhỏ nhất của việc có ai đó chú ý đến hồi chuông.

“Sếp à,” Della nói vẻ lo âu, “bà ấy hứa là sẽ đón anh ở đây. Mà khi đã không đón, thì ở đây ta chẳng làm gì nổi. Chúng ta có thể gọi cảnh sát hoặc...”

Mason lắc đầu và lại nhấn chuông.

“Trong ấy có gì đó xảy ra,” ông nói, “cái gì đó đã ngăn cản bà ấy. Ít nhất, một trong số đười ươi khổng lồ đã thoát ra ngoài.”

“Sếp ơi, chúng có thể xé anh ra từng mảnh. Anh hãy nhớ con đười ươi ấy to như thế nào trên nền cửa sổ chiếu sáng và sau nó đã nhảy thế nào để tóm lấy cành cây...”

Cô rùng mình im bật.

“Hiểu cả rồi,” Mason nói, “vì thế nên kiến bò trên da cô, nhưng trong ấy nhất

định là có chuyện. Giọng bà Kempton nghe thấy nổi khiếp hãi đích thực.”

“Thì đấy, hoàn toàn rõ ràng, không ai phản ứng lại tiếng chuông. Có lẽ bà ấy đã đi đâu rồi cũng nên.”

Mason giật nắm đấm cửa.

“Cửa không khoá,” ông nói.

“Sếp ơi, không nên!”

“Hãy chờ trong xe,” Mason ra lệnh cho cô. “Nếu tôi không quay lại sau năm phút, hãy đi đến máy điện thoại gần nhất và gọi cảnh sát.”

“Không, không, tôi đi với anh. Tôi...”

“Cô sẽ đợi trong xe,” Mason nói. “Cô có năm phút...”

“Sếp, tôi đi với anh.”

“Dù sao cô cũng không giúp gì được. Sự có mặt của cô sẽ chẳng ích lợi gì.”

“Có thể có và không, nhưng dù thế vẫn tốt hơn so với ngồi trong xe và chờ, trong khi...”

“Không,” Mason cắt lời cô. “Cô sẽ chờ trong xe. Khi hết năm phút, nếu tôi không ra hãy gọi cảnh, đừng chờ tôi và đừng chậm trễ. Lập tức phóng xe đi tới máy điện thoại gần nhất và hãy gọi cảnh sát.”

“Nếu anh không quay lại sau năm phút, thì gọi cả một đạo quân cũng vô ích,” cô nói. “Anh hiểu điều đó cũng rõ như tôi thôi.”

“Cô sẽ chờ trong xe,” Mason nhắc lại.

“Đơn thuần anh cố giữ tôi tránh khỏi sự nguy hiểm thôi,” cô phản đối.

“Đó là mệnh lệnh,” Mason đáp và mở cửa đi vào nhà.

Không cần dài dòng, ông đập cửa lại phía sau mình. Bên trong cửa có chốt, và Mason chốt lại phòng trường hợp nếu Della bất chấp chỉ dẫn cố đi theo ông. Ở đây động mùi khó chịu nặng nề đặc trưng cho những nơi giam giữ súc vật. Mason có cảm tưởng ông rơi vào một chuồng thú.

Qua hành lang ngắn ông đi tới cánh cửa mở sẵn và lọt vào một phòng làm việc được trang bị những chiếc bàn viết, tủ và máy chữ. Trên tường treo khoảng một tá biểu đồ.

Mason đi cắt ngang phòng làm việc, mở cửa và phát hiện ra là đang ở trong một hành lang bê tông có cả dây cũi kéo dài nằm dọc một bên. Ngồi trong cũi là đười ươi, vượn và các loài khỉ khác nhau. Các con vật giống như đang trong trạng thái bị kích động tột độ.

Tất cả các ngọn đèn đều bật sáng, và hành lang tràn một màu loá mắt. Tại đầu xa của hành lang ông trông thấy cửa hai cái cũi sắt lớn mở toang. Chần chừ trong một khoảnh khắc, ông bước tiếp theo hành lang, ngó thẳng trước mặt và cố đi sao cho đều bước để không biểu lộ nổi hoảng sợ của mình trong bất kì trường hợp nào.

Trông thấy ông, lũ khỉ nhón nháo trong cơn kích động man dại. Một con đười ươi vỗ tay khi vị luật sư đi ngang cũi của nó. Tiếng động giống như súng máy nhả đạn bất thần. Nỗ lực hết sức, Mason tiếp tục thản nhiên đi về phía trước, cố không lộ ra sự hồi hộp của mình.

Vừa lúc ông đối diện cái cũi lớn với cửa bằng những thanh thép dày, con đười ươi đang ngồi ở góc cũi xa với một tiếng gào ma quái bỗng nhảy về phía ông, đập vào các thanh thép mạnh đến nỗi sàn nhà rung lên. Sau tích tắc, cánh tay lông lá dài đã thò qua khe sắt cố tóm lấy vị luật sư. Ông bật lùi ra sau, Những ngón dày ngắn của con đười ươi tóm trượt theo áo vét của ông khi cố bấu vào, nhưng không trúng.

Mason áp sát vào tường. Con vật khổng lồ nhìn chăm chặp vào ông trong sự cuồng nộ và sau đó, bất thần thả các thanh cũi sắt, nhe nanh và bắt đầu đâm thình thịch vào ngực mình. Vẫn nép vào tường, Mason thận trọng di chuyển tiếp.

Con đười ươi lớn cố tóm ông một lần nữa, nhưng các ngón tay nó không chạm đến áo ông, cách chỉ vài tấc. Bỗng con đười ươi bỗng cười sằng sặc. Mason như bị mê hoặc cắm mắt vào thân hình đen, cái mõm đen với hai mắt ti hí dữ tợn giấu cọt và cái mồm đỏ rộng hoác của nó với hai hàm răng nhe ra ghê tởm.

“Này, bà lão,” Mason thốt ra, “ta thực không biết người đơn thuần định đùa giỡn với ta và dọa một chút hay người thực sự muốn tóm lấy ta và xé nát ra từng mảnh, nhưng ta sẽ không liều mạng kiểm tra điều đó đâu.”

Con đười ươi tiếp tục đâm vào ngực.

Trong chiếc cũi tiếp theo có con vật mà theo Mason, giống như hắc tinh tinh, tiếp nữa là các cũi với những loài khỉ nhỏ nào đó, còn sau rốt là hai cũi trống với cửa mở rộng.

Trong đầu Mason nảy sinh một linh cảm không lành, những con vật khổng lồ thoát khỏi cũi hoàn toàn chưa lâu và đã lọt vào dinh thự qua chính cái cửa ở cuối hành lang mà như Mason nhận thấy, không bị đóng và đang chậm chậm hé ra.

Ông liếc nhìn đồng hồ. Đã qua hơn một phút từ thời điểm ông để Della lại ngoài phố. Mason đẩy cánh cửa. Như ông dự đoán, nó dẫn thẳng vào tòa nhà chính với những tấm thảm dày trên sàn. Đèn chùm pha lê trên trần rủ xuống, và cầu thang cuốn dẫn lên tầng hai.

Mason đi chậm lại, ngẫm nghĩ có nên quay lại hay không.

“Ê!” ông hét lên.

Thậm chí chính ông cũng cảm thấy giọng mình không đủ tự tin.

Bất thần từ tầng hai vọng lại tiếng rầm rầm khủng khiếp, cả một loạt cú đập dội nhanh không thể mô tả và có cảm giác, làm rung chuyển cả nhà.

“Bà Kempton, mọi chuyện ổn chứ?” Mason kêu to.

Tiếng sầm sầm lặng đi.

“Bà Kempton!” ông lại gọi. “Này bà Kempton!”

Tiếng sầm sầm lặp lại với sức mạnh trước đó, nhưng lần này giống như là gần hơn, cạnh chính cầu thang.

Mason lao lên cầu thang, nhảy hai bậc một. Cầu thang dẫn vào hành lang trên. Nhìn kĩ đến cuối hành lang, Mason trông thấy nguồn gốc của sự âm ỉ. Con đười ươi lớn đang treo mình, quặp cánh tay trái dài vào phía trên cánh cửa mở. Hai chân và tay còn lại đánh điên cuồng xuống nền tiền sảnh.

Nhận thấy Mason, con đười ươi thả cánh cửa, ngừng đánh trống và chạy thẳng tới vị luật sư bằng bước chạy quều quào lạ lùng.

Mason đứng như bị đóng đinh. Con đười ươi tiến lại gần hơn. Mason lo lắng ngoái nhìn lại và hiểu rằng trước khi ông kịp chạy qua một nửa cầu thang, con đười ươi sẽ đuổi kịp ông.

Mason chìa lòng bàn tay hướng về phía trước. Con đười ươi dừng lại, vươn thẳng lên và bắt đầu dấm vào ngực bằng nắm đấm mạnh đến nỗi cả hành lang đầy tiếng vọng gọi nhớ tiếng trống liên hồi kì trận.

Mason chậm chậm đi thụt lùi, bàn tay cố sờ sau mình tìm mép thanh vịn kim loại.

Con đười ươi bất thần dừng đánh vào ngực mình và ghim mắt vào Mason như mèo nhìn chuột. Tay vị luật sư bắt ngờ va vào không phải thanh vịn kim loại, mà là nắm đấm cửa. Ông xoay nắm đấm. Cánh cửa không khoá, mở ra về bên trong phòng. Ông tuồn vào cửa, đóng nhanh nó và tìm một cái để chèn thì bắt gặp then cửa nặng, ông lập tức lấy nó cài vào.

Từ hành lang không vọng lại tiếng động gì cả. Mason phát hiện là đang ở trong một phòng lớn, xét theo bài trí, thì đây là buồng ngủ lẫn phòng làm việc. Từ sau bình phong lộ ra mép giường, trên giường ông nhận thấy ngay một cái chân đàn ông.

Bài trí căn phòng gồm một cái bàn viết lớn, hai cái tủ, một chiếc két tròn giống như viên đạn thần công, những giá sách và nửa tá ghế bành lớn. Trên tường treo các bức tranh và mấy tấm ảnh lồng khung.

Mason định vòng qua chiếc bàn lớn, nhưng dừng lại khi trông thấy thân hình co quắp của một người đàn bà nằm nghiêng với cái đầu ngửa ra sau trên sàn nhà. Tay trái của bà ta bóp chặt áp vào thân, tay phải với các ngón xoè, xoãi ra trên thảm.

Ánh sáng mờ dọi vào mặt người đàn bà, Mason lập tức nhận ra bà ta. Đó là bà Kempton. Mason chạy vòng qua tấm bình phong và cúi xuống chiếc giường.

Trên đó - mặt úp xuống, trong một tư thế bất tiện - một người đàn ông nằm sóng soài. Từ lưng ông ta thò ra cán con dao nhà bếp lớn. Lưỡi dao xuyên vào đến tận cán. Trên tường trông rõ những tia máu, máu thấm tẩm khăn phủ giường, Mason

cúi xuống thấp hơn, ông nhận thấy trên cổ người đàn ông còn một vết thương toác ra nữa. Rõ ràng chẳng cần phải thử bắt mạch - người đàn ông đã chết là không còn nghi ngờ gì cả.

Mason đi về phía bà Kempton nằm trên sàn. Ông vừa lại gần bà, thì cả căn phòng bỗng rung lên vì một cú nện mạnh khủng khiếp dội lên cánh cửa. Sau đó lặng yên trong tích tắc. Một bức tranh đóng khung treo trên tường khi lắc lư vì cú đánh, dừng yên lại chỗ cũ.

Sự im lặng chỉ kéo dài nửa giây, sau đó bất thần lại vang lên cú đập vào cửa. Lần này cánh cửa bật ra khỏi bản lề và rơi đánh rầm vào phòng.

Con đười ươi to lớn mà Mason đã thấy ở cuối hành lang, đứng bất động bên khung cửa, cắm mắt vào Mason.

Mason thử trấn an nó bằng giọng nói.

“Đợi một chút nào, cậu bé,” ông nói. “Cái chính, cậu đừng xúc động. Bình tĩnh, bình tĩnh nào!”

Con đười ươi đứng im, nhìn Mason chăm chăm. Chiếc bàn viết lớn ngăn con đười ươi trông thấy bà Kempton đang nằm sóng soài trên sàn, cũng chính nguyên nhân đó mà Mason đã không trông thấy bà khi bước vào phòng.

Thời khắc thật căng thẳng. Mason nghe tiếng đập của chính tim mình và thấy con đười ươi đang theo dõi một cách chăm chú nhất cử nhất động của ông.

“Nào, nào, bình tĩnh, cậu bé,” Mason nói.

Con đười ươi cúi về phía trước, đặt một chân lên cánh cửa bị đánh vỡ toang, sau đó bỗng thu chân về, dường như suy nghĩ lại. Hai chi trước dài của con vật vươn ra phía trước, con đười ươi tì nhẹ các móng tay trái vào khung cửa nát lổm chổm.

Mason cố dùng ánh mắt mong trấn tĩnh con vật dù là chỉ ít nhiều. Một thời gian nào đó cả hai đứng bất động. Mason bắt đầu nói, cố để giọng ông vang lên tự nhiên.

“Quý tha ma bắt ta đi, nếu ta biết phải nói gì trong tình huống này,” ông nói ngọt ngào hướng về con đười ươi. “Cậu cần gì ở ta. Ta nghi ngờ rằng nếu ta tiến về phía trước, thì có thể sẽ bị giết, thế nhưng nếu ta cố chạy trốn, thì bị giết là cái chắc. Còn đứng tại chỗ và không có quyết định gì...”

Bỗng Mason nghe giọng nói của bà Kempton từ phía sau, yếu ớt nhưng khẩn khoản.

“Đừng nhìn nó, ngài Mason,” bà nói. “Hãy cúi xuống sàn nhà và bắt đầu làm một điều gì đó, gì cũng được. Hãy lôi trong túi ra các đồng xu, dao nhíp, đồng hồ, tất cả những gì lấp lánh. Hãy bắt đầu xếp chúng thành hình thù gì đó.”

Mason, vẫn còn nhìn con đười ươi, hỏi ra sau, “Với bà mọi chuyện ổn chứ? Tôi sợ rằng bà...”

“Đừng quan tâm đến tôi, hãy làm điều tôi nói đi. Nhanh lên!”

Mason nghe thấy bà Kempton động dậy trên sàn hòng ngồi lên.

Trong túi quần bên phải của Mason có mấy đồng xu nhỏ. Ông lôi chúng ra và bắt đầu xếp ra sàn, chăm chăm cúi xuống phía trên chúng. Sau một thoáng Mason nhận thấy con đười ươi bước lên trước, và trông thấy nó chăm chăm nhìn các đồng xu được ông xếp trên sàn với vẻ cố gắng cường điệu.

Bà Kempton đã ngồi lên được, sau đó quỳ lên hai đầu gối.

“Ngài không còn gì nữa à?” bà hỏi. “Bút máy có nắp sáng? Đồng hồ? Dù là gì đó.”

Mason tháo đồng hồ đeo tay và đặt nó xuống sàn vào giữa vòng những đồng xu, nhận thấy lúc đó đã qua đúng năm phút rưỡi từ thời điểm ông bỏ Della lại ngoài cửa. Nếu cô thực hiện đúng chỉ dẫn, thì giờ đây cô đã phải đi đến chỗ điện thoại gọi cảnh sát rồi.

“Còn bây giờ,” bà Kempton nói, “hãy lùi chậm ra phía sau, đừng rời mắt khỏi các đồng xu. Đừng nhìn con đười ươi. Hãy lùi ra sau. Chậm rãi lùi ra sau đi. Khi ngài lùi, nó sẽ lại gần và cố hiểu ngài làm cái gì ở đây. Chúng hiểu kì khủng khiếp. Tôi hi vọng, nó sẽ chợt muốn chơi với các thứ ngài bỏ lại trên sàn.”

Mason chậm rãi đứng lên.

“Đừng nhìn đười ươi,” bà Kempton báo trước. Mason tiếp tục nhìn xuống phía dưới, nhìn những đồng xu, chiếc bút máy nắp sáng loáng và chiếc đồng hồ đeo tay xếp ở trên sàn.

“Hãy tiếp tục lùi đi,” bà nói. “Chậm chậm lùi ra sau về hướng tôi.”

Mason gắng thực hiện các chỉ dẫn của bà. Bà cầm lấy tay ông, và ông cảm thấy sức nặng thân thể bà khi bà tì vào cánh tay ông để đứng thẳng lên.

Con đười ươi không rời mắt khỏi các vật bày ở trên sàn, nó cúi xuống chính xác y như Mason vừa làm trước đó.

“Nhanh lên,” bà Kempton nói. “Chỉ có điều đừng chạy đấy. Cứ mặc nó điên đầu với bài giải đó. Hãy đi nhanh lên.”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Mason hỏi.

“Tôi không biết,” bà Kempton cắt lời ông. “Trước tiên cần thoát ra khỏi đây. Hiểm họa chết người đang đe dọa chúng ta. Con đười ươi này rất nguy hiểm. Nếu nó biết rằng chúng ta sợ nó, hoặc bỗng nó có cảm giác là chúng ta chạy trốn nó... Ôi, xin nhanh lên cho!”

“Trên giường có xác chết,” Mason nói.

“Tôi biết,” bà đáp, “đó là Benjamin Addicts. Ông ta bị đâm.”

“Ai đâm ông ta?”

“Đừng nói chuyện đã. Hãy im lặng đi theo tôi, xin ngài đấy.”

Bà dẫn ông đi ngang qua giường vào buồng tắm.

“Lại đây, nhanh lên.”

Bà đập cửa và khoá lại, mở cánh cửa khác - ở phía đối diện buồng tắm, - dẫn vào phòng ngủ tiếp giáp với buồng tắm.

“Hãy vội lên cho,” bà nói.

Giờ đây bà chạy, vừa chỉ đường cho Mason. Mason theo sát bà.

“Thế nếu con đười ươi này...”

“Chỉ có Chúa mới biết con đười ươi nghĩ gì trong đầu,” bà Kempton nói. “Chưa biết còn có thể xảy ra điều gì nữa. Tất cả lũ đười ươi hành động hoàn toàn không thể lường trước, mà với lũ vật này người ta còn làm các thử nghiệm tâm lí nữa. Thần kinh chúng đã rệu rã hoàn toàn.”

“Nhưng vì Chúa, thế bà đã làm gì ở đây?”

“Tôi sẽ kể với ngài sau.”

Bà chạy qua phòng và đứng cạnh cửa, nghe ngóng. Sau đó bà mở cửa, thò đầu ra hành lang, ngoái nhìn nhanh các phía và thì thầm, “Giống như đường tự do. Chúng ta phải chạy qua hành lang vào phòng khách phía trước... Tốt hơn ngài nên tháo giày ra.”

Mason cởi giày và thấy rằng trong khi họ nói chuyện bà Kempton đã kịp cởi giày của bà.

“Chúng ta cần phải chạy thật nhanh,” bà nói, “nhưng đừng để chúng nghe thấy tiếng bước chân chúng ta. Nếu chỉ cần nghe thấy tiếng chân chúng ta chạy, chúng sẽ nhận ra những dấu hiệu rối loạn nào đó. Có thể đang diễn ra gì đó khủng khiếp.”

Bà lên ra hành lang, Mason theo sau bà. Cả hai cùng chạy theo cầu thang cuốn dẫn xuống phía dưới, vào phòng khách, mà lúc đến lần đầu ông đã ngắm nghía bài trí của dinh thự.

Bỗng Mason nghe tiếng ầm ĩ xa xa loang ra thành tiếng còi báo động rền rĩ đơn điệu và tiếng chó sủa gần như điên loạn. Trong thoáng giây, tiếng sủa đạt đỉnh điểm, rồi sau đổi sang tiếng rít đồng thanh - như tiếng rít của con chó bị ô tô hút bắn sang một bên vậy.

“Đó là gì vậy?” Mason hỏi.

“Tôi đã nói với ngài là không biết rồi,” bà Kempton nói. “Chúng ta cần phải thoát nhanh ra khỏi đây!”

Bà xuống khỏi cầu thang và chạy vào phòng khách. Mason đi ra phía cửa chính.

“Không, không, không phải ra đó,” bà Kempton cảnh báo.

Bà đi qua phòng bên cạnh vào phòng ăn, rồi từ đó sang quầy uống, sau đi ra bếp và nói, “Chúng ta đành liều thôi. Đây là lối qua khu nuôi thú. Mỗi Chúa biết, đã có con khỉ nào quay lại hay chưa thôi.”

Bà mở cánh cửa. Mason bước liền theo sau bà ra hành lang và trông thấy các cửa cũi sắt trống vắng mở toang. Dường như, những con thú bỏ chạy giờ không có trong

hành lang.

“Đi thôi,” Mason nói và chạy vượt lên trước.

“Hãy dè chừng con đười ươi kia,” bà cảnh báo và dừng lại trong tích tắc để đi giày. Mason dừng lại đột ngột đến nỗi lao bắn vào tường. Và một lần nữa, khi ông đến ngang cái cũi, con đười ươi với cú nhảy man rợ lao đến ông, đập thân vào các thanh thép. Hai bức tường trong hành lang rung lên do cú đập đáng sợ bởi cái thân khổng lồ bay vào cửa cũi.

Mason ngoái lại và thấy bà Kempton đứng chết lạng, áp sát vào tường.

Cánh tay dài lông lá của con đười ươi vươn qua các thanh chắn cũi, trong sự điên cuồng man dại cố tóm được bà, nó với tới chỉ thiếu có mấy tấc.

Trong khuôn viên lữ chó lại tuôn tiếng sủa, dường như đang xua ai đó lên cây. Chuông báo động réo không ngừng.

Mason mở cửa, ngó ra ngoài và nói, “Bây giờ thì chạy nhanh khỏi đây.”

Họ chạy ra Rouz street. Không khí ban đêm có vẻ ngọt ngào, ngây ngất sau cái mùi hôi hám đáng sợ của cái hành lang chất chặt cứng những cũi sắt.

Sau lưng họ tràn ngập ánh sáng loá mắt của vô số đèn pha soi rõ từng tấc đất lạnh địa xung quanh dinh thự. Một con chó rít lên vì đau, tiếp theo sau đó vang lên một đợt sủa dồn dập.

Mason ngoái nhìn đường phố. Bởi đồng hồ ông đã bỏ lại cho con đười ươi đùa giỡn, ông không có khái niệm, đã trôi qua bao nhiêu thời gian từ lúc Della đi gọi cảnh sát.

“Chúng ta có thể đụng phải ai đó,” ông nói, “vậy nên hãy xử sự sao cho giống như chúng ta là những người qua đường bị hoảng hốt bởi sự hỗn loạn này. Chúng ta sẽ đi nhanh, nhưng cố không chuyển thành chạy. Còn bây giờ hãy kể cho tôi, chuyện gì đã xảy ra.”

“Ôi” bà nói, “đó là cả chuyện dài. Có một vấn đề mà tôi phải nhanh chóng tư vấn với luật sư và...”

“Ai giết Addicts?” Mason nóng nảy ngắt lời bà.

Bà tăng nhanh nhịp bước.

“Nào hãy đợi!” Mason bảo. “Ai đã giết...?”

Ông chưa kịp nói hết, bởi vì từ lối rẽ phóng ra một chiếc xe cảnh sát, hai ngọn đèn đỏ nhấp nháy phóng ra hai luồng sáng đỏ màu máu.

Các đèn pha giật từ màn đêm ra hai cái bóng của Mason và bà Kempton, và ngay đó ngọn đèn pha cực mạnh rọi lên họ một luồng sáng loá mắt.

Còi báo động vang lên.

Bà Kempton với vẻ lo lắng nhìn Mason.

“Hãy đứng bình tĩnh,” ông nói.

Giọng nói từ chiếc xe cảnh sát quát, “Giơ tay lên!”

Mason giơ hai tay lên trời.

Chiếc xe cảnh sát hãm phanh và dừng lại bên cạnh họ. Mason nhìn những tia lấp lánh trên khẩu súng xanh màu ánh thép,

“Cái gì xảy ra ở đây thế, ma quỷ sao không bắt các người đi?” một giọng hỏi.

“Thì chính tôi cũng rất muốn biết điều đó,” Mason đáp lại.

“Các người thì hẳn phải biết. Các người đã đào tẩu tháo thân từ ngôi nhà đó.”

Mason nói, “Chỉ cần các ông xác định rằng tôi không có vũ khí, tôi sẽ rút từ túi ra cái ví của tôi và các ông sẽ biết tôi là luật sư, và tôi là một trong những người đã gọi cảnh sát.”

“Ồ, đó là Perry Mason!” một giọng khác kêu lên trong xe cảnh sát. “Ông sao đấy, đã ở trong ngôi nhà này à, Mason?”

“Phải, tôi đã ở trong đó,” Mason nói, “và cần tuyên bố với các ông rằng trong phòng ngủ tầng hai có một người chết đang nằm. Ông ta rõ ràng bị đâm và xét qua tính chất các vết thương và qua vết cán dao thò ra từ lưng ông ta, tôi có thể nói với sự tin tưởng và khẳng định rằng, đó không thể nào là vụ tự tử. Lời tuyên bố của tôi là thế.”

Ánh đèn pha tắt. Một trong số cảnh sát hỏi, “Thế ai đi cùng với ông đấy?”

“Bà ấy tên là Jozephine Kempton,” Mason đáp, “bà là thân chủ của tôi, và tôi được ủy quyền trả lời tất cả các câu hỏi nhân danh bà.”

“Nào, không cần bắt đầu câu chuyện bằng giọng điệu ấy.”

“Chúng tôi đã bắt đầu chính bằng giọng ấy rồi.”

“Bà ta định giấu giếm gì đó với chúng tôi à?”

“Theo tôi rõ, không.”

“Vậy tại sao bà ta không tự mình kể lấy?”

“Bởi vì, rất may, bà có những quyền xác định. Tôi muốn được trò chuyện riêng với bà trước khi quyết định bà cần nói gì, còn giờ thì không đáng nói. Tôi cũng muốn lưu ý các ông rằng, nếu tôi là luật sư duy nhất giải quyết vụ này, thì tôi sẽ đem hết nỗ lực để làm sáng tỏ tất cả các sự kiện có liên quan đến tình huống vừa xảy ra, và hẳn sẽ tuyên bố rõ quan điểm của bà. Nhưng rất tiếc, tôi chỉ là một trong hai luật sư của bà.”

“Thế ai là người thứ hai?”

“James Etna từ hãng ‘Etna, Etna và Duglas’.”

“Và ông ta ở đâu rồi?”

“Ấy,” Mason nói, “chính chúng tôi cũng rất muốn biết được điều đó sao cho nhanh hơn.”

“Được lắm, thế thì hãy vào xe đi,” một cảnh sát nói. “Bây giờ một xe khác sẽ đến.”

Nếu người đàn bà này không định nói gì cả, chúng tôi phải giữ bà ta như một nhân chứng quan trọng. Ông biết điều đó quá rõ.”

“Tuyệt lắm,” Mason đáp. “các ông thực hiện nghĩa vụ của mình, các ông cứ giữ bà ấy như một nhân chứng. Nhưng bà ấy sẽ chỉ khai khi nào tôi nói với bà. Mà tôi chỉ nói với bà sau khi tôi biết rõ bà định kể chuyện gì.”

Một cảnh sát mở toang các cửa xe phía sau.

“Mời ngồi lên ghế sau,” ông ta ra lệnh. “Quý tha ma bắt, các vị lọt vào đây như thế nào? Cổng chính bị khoá và...”

“Chả có gì đơn giản hơn,” hãy cứ đi theo phố này đến khi trông thấy cánh cửa với số 546. Chỉ có điều hãy thận trọng khi vào bên trong, bởi vì có mấy con đười ươi, tâm trạng của chúng khá hiếu chiến đang tự do tung hoành ở đây,

“Quý tha ma bắt những cái nhà thế này đi,” một trong số cảnh sát lâu bầu bát bình với người thứ hai. “Rút cục cái xe mười chín đầu rồi?”

“À nó đây.”

Thêm một xe cảnh sát xuất hiện cuối phố Rouz street hướng về phía họ. Tiếng còi của nó vừa mới rú buốt óc đã tắt, lặng dần trong sự lấp bắp rền rĩ.

“Thế là ổn rồi,” lái xe nói. “Tôi sẽ đi lại kia cùng số mười chín, còn cậu hãy ở lại đây và đừng rời mắt khỏi hai người này. Và đưa cho tôi khẩu súng máy đi, tôi chả khoái gì việc đi săn đười ươi.”

Mason quay về phía bà Jozephine Kempton.

“Bà nghe thấy tôi đã nói gì rồi chứ?” ông hỏi nhỏ.

“Vâng.”

“Bà sẽ không vi phạm các chỉ dẫn của tôi?”

“Xin ngài cứ yên tâm”

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Các xe tuần tra tiếp tục kéo đến. Cảnh sát nói chuyện với nhau qua điện thoại bộ đàm, và thêm một số xe tuần tra nữa rú còi đến chỗ xảy ra lộn xộn.

Della dừng xe trên phố bên cạnh và ba chân bốn cẳng chạy trên ngõ phố.

Mason định chui ra khỏi xe cảnh sát.

“Ê, hãy ngồi yên,” người cảnh sát được để lại giám sát họ giật ông lại.

“Đó là thư kí của tôi,” Mason nói, “tôi đã bảo cô ấy gọi cảnh sát. Hãy gọi cô ấy đến đây.”

Người cảnh sát ngẫm nghĩ một chút, sau vươn tay đến công tắc và nhấp nháy ngọn đèn pha đỏ.

Mason thò đầu ra ngoài cửa sổ xe và hét, “Della, chúng tôi ở đây, ở đây này! Della! Mọi chuyện ổn cả!”

Della sững lại trong giây lát, lắng nghe giọng nói vọng từ đâu tới, sau đó nhận ra ánh đèn nhấp nháy, lập tức hiểu ngay điều đó nghĩa là gì và chạy đến xe với tiếng kêu, “Sếp, sếp ơi, anh ở đâu?”

“Tôi ở đây. Della. Mọi việc ổn cả.”

“Cô là thư kí của nhân vật này?” viên cảnh sát hỏi.

“Vâng.”

“Chính cô ấy đã gọi cảnh sát,” Mason nói.

“Đúng chứ?” người cảnh sát hỏi.

“Đúng rồi,” Della đáp. “Thế ai trong đó với anh vậy? Ồ, bà Kempton. Vì Chúa, sếp, chuyện gì xảy ra trong đó? Trong đời chưa bao giờ tôi sợ đến thế. Tôi chờ năm phút như anh ra lệnh cho tôi, tôi dõi theo cái kim giây trên đồng hồ tôi, không rời chân khỏi bàn đạp ga, và vào đúng cái giây khi qua đi năm phút, tôi đã phóng khỏi chỗ. Tôi có cảm giác rằng không tìm ra điện thoại.”

“Chớ lo lắng, Della,” Mason nói, “trong ngôi nhà ấy đã xảy ra điều gì đó thực sự khác thường. Tôi còn chưa biết cụ thể chuyện gì xảy ra đằng ấy. Một số cửa cũ mở toang. Rõ ràng có mấy con đười ươi đã chạy được ra ngoài và chúng đang dạo khắp nhà. Khi tôi định quay lại và kể với cô về tình hình, nhưng một trong số con đười ươi có thái độ không thân thiện lắm, hay đúng hơn, đã thể hiện sự thân thiện quá mức, đã giữ tôi lại.”

“Nhưng lí do vì đâu? Vì sao có toàn bộ sự nhốn nháo ầm ĩ này?”

“Chắc là,” Mason nói, “hệ thống báo động được thiết lập đằng ấy...”

“Nào cô gái, tốt hơn cô nên ngồi vào xe,” viên cảnh sát can thiệp. “Nếu chính cô đã gọi cho cảnh sát, thì cần lấy lời khai của cô. Vậy tốt hơn cô nên đợi ở đây.”

“Xe tôi đỗ trên phố bên,” Della nói, “tôi nhảy ra vội đến nỗi không kịp rút chìa khoá điện. Tôi sợ động cơ vẫn đang làm việc.”

“Không có gì đáng sợ,” người cảnh sát nói.

“Nhưng tôi có thể chạy nhanh, tắt máy và...”

“Tất nhiên cô có thể, nhưng sẽ tốt hơn, nếu cô ở lại đây,” viên cảnh sát phản đối.

“Và thực sự đấy, Della ạ,” Mason nói. “Ông Benjamin Addicts chắc chắn là đã bị giết. Tất nhiên, cảnh sát phải làm sáng tỏ mọi tình huống về cái chết của ông ta.”

“Ôi cha!” Della kêu lên.

Mason mở rộng cánh cửa xe.

“Hãy chui vào đây và ngồi với chúng tôi.”

“Chào cô Della,” bà Kempton nói.

“Chào bà. Thế còn bà...”

Cô ngắc ngứ, bởi Mason dùng đầu gối thúc vào cô.

“Tiếp tục, hãy tiếp đi,” viên cảnh sát nói, “cô định hỏi gì bà ta thế?”

Della không chút bối rối, trả lời hoàn toàn thản nhiên, “Thực ra tôi chỉ muốn hỏi bà ấy định quay về thành phố bằng cách nào. Tôi với ông Mason đi xe và hẳn có thể chở giúp bà về.”

“Giờ đây điều đó đã chẳng còn là mối quan tâm của cô nữa,” viên cảnh sát đáp. “Chính chúng tôi sẽ đưa bà ta về thành phố. À, tiện thể nói thêm, cả cô với ông Mason cũng thế.”

Từ loa vọng ra, “Số bảy, xe số bảy.”

Viên cảnh sát cúi về trước, bật công tắc và đáp, “Số bảy nổi liên lạc. Nhận lời.”

“Chính các anh báo về vụ giết người trong dinh thự Addicts phải không?”

“Đúng thế. Tôi biết về điều đó từ hai người bị tạm giữ, họ chạy từ trong nhà ra. Một trong hai người là Mason, luật sư. Ông ta tuyên bố là Benjamin Addicts đã bị giết. Và cùng ông còn có một phụ nữ, Jozephine Kempton, và cô thư kí của ông ta cũng vừa xuất hiện. Ông Mason cam đoan rằng chính cô ấy gọi cho cảnh sát. Tôi làm gì tiếp đây?”

“Xe số bảy, tôi truyền đạt lời đáp cho câu hỏi của anh: không chậm trễ, ngay khi người cặp đôi của anh quay lại, hãy đưa ông Mason, bà Kempton và thư kí của ông Mason về Cục. Không cho phép họ rời khỏi xe trong bất cứ tình huống nào. Không cho phép họ tiếp xúc với ai hết. Hãy giám sát, để họ không thể giấu được gì cả. Cặp đôi của anh vừa nhận được lệnh đến với anh. Hết.”

Viên cảnh sát tắt bộ đàm, quay lại Mason và nói, “Tốt, chính ông cũng nghe thấy chỉ dẫn rồi đó.”

“Nhưng ông phải cho tôi đưa xe về Cục và đỗ xe ở đây,” Mason phản đối. “Tôi sẽ đi theo sau ông hoặc, nếu ông muốn, phía trước ông, theo bất cứ tuyến nào mà ông...”

“Ngồi đâu hãy ngồi đấy,” viên cảnh sát cắt ngang ông. “Trong vụ này mọi sự không phải tất cả đều sạch sẽ. Ông biết quá rõ tại sao từ Cục đã ra một chỉ lệnh như vậy chứ.”

“Tại sao?” Mason hỏi với vẻ ngây thơ.

“Ai đó đã gọi từ đường phố và thông báo. Dù về vấn đề gì đi nữa thì với thông báo đó, nó buộc... Mà anh bạn của tôi đây rồi.”

Cánh cửa dẫn vào chuồng thú mở ra, từ đó một người cảnh sát chạy ra và đi thẳng đến xe. Viên cảnh sát canh giữ bộ ba ngồi ở ghế sau, nổ máy và chuyển dịch sang một bên.

Người bạn đồng hành mở cửa xe và nhảy vào ngồi bên tay lái.

“Ở Cục người ta lệnh cho chúng ta...”

“Tôi biết,” lái xe cắt ngang và lao xe đột ngột khỏi chỗ. “Họ cần chúng ta đưa những người này về sao cho có thể nhanh nhất. Bật còi lên Michel, và cứ để nó rú hết cỡ đi.”

“Tôi để xe ông Mason với động cơ vẫn nổ,” Della nói.

Không ai để ý dù một chút nhỏ đến cô.

Chiếc xe cảnh sát bay trên Rouz street, quành sang phải. Della ngó vào kính sau, kêu lên, “Ôi trời, cả đèn pha tôi cũng không tắt!”

Lái xe bị cuốn hút vào con đường. Viên cảnh sát thứ hai chăm chú nhìn vệ đường. Kim tốc độ trườn từ vạch ‘bốn mươi’, sau đó ‘năm mươi’, đạt đến ‘sáu mươi’ và cuối cùng đứng lạng trên vạch gần ‘bảy mươi’ mile[3] một giờ, khi họ phóng trên đại lộ.

Mason ngả ra sau và nói, “Hãy thư giãn đi. Hãy thư giãn và sẽ nhận được niềm khoan khoái!”

“Có mà thư giãn!” bà Kempton rít qua hàm răng nghiến chặt. “Ma quỷ, vì sao chứ?”

“Tốt nhất bà nên biết các tục ngữ Trung Hoa[4],” Mason đáp.

Mason ngồi trong một căn phòng nhỏ dành để hỏi cung các nhân chứng trong Cục cảnh sát. Xếp dọc bức tường đến nửa tá ghế tá tơi. Giữa phòng có một chiếc bàn cửa ra từ gỗ sồi với những vết dập đầu mẫu thuốc lá quanh mép. Trong góc xa có một thùng đựng nước và hộp với các cốc giấy. Ngoài ghế, bàn, thùng nước, giỏ đựng rác và hai ống nhổ cáu bẩn, trong phòng không còn gì nữa.

Mason ngồi ngoài mép trên một chiếc ghế không thuận tiện. Vươn cặp chân dài của mình ra, và nhìn đầy ý nghĩa cổ tay trống không của mình nơi phải có chiếc đồng hồ đeo tay, ông hạ tay xuống nóng nảy.

Ngồi trong phòng là một cảnh sát mặc cảnh phục, ngán ngẩm vung vẩy xì gà, nói, “Giờ thì sắp rồi. Không phải lo.”

Mason bất bình nhìn anh ta, “Tôi không thích khi người ta đối xử với tôi bằng cách tương tự.”

“Quá rõ, ai thích nổi điều ấy chứ.”

“Chắc các ông tưởng tượng ra là chính chúng tôi gây ra vụ giết người.”

“Nhưng ông có thể gây ra nó, chả phải thế ư? Ngoài ông, trong nhà còn ai đâu?”

“Thật vớ vẩn!” Mason kêu lên.

Sự im lặng trùm lên mấy giây.

“Mà cái sáng kiến này của các ông: nhốt thư kí của tôi trong một phòng, tôi trong phòng khác, thân chủ của tôi phòng thứ ba, để chúng tôi không tiếp xúc với nhau, điều đó, nếu muốn biết ý kiến tôi, thuần túy là một trò hát rẻ tiền, ít nhất là khi các ông có việc với tôi.

“Ồ,” viên cảnh sát nói, vung vẩy xì gà, “việc của tôi nó nhỏ thôi, tôi thi hành mệnh lệnh. Thế ông nghĩ gì về ‘Jayants’? Hả? Các chàng trai thế nào kia chứ? Ông sẽ nói gì?”

“Ồ, các chàng trai rất khá,” Mason đồng tình.

“Ồ. Thế ‘Dogers’? Đấy mới là đội chứ!”

“Có lẽ,” Mason gật đầu.

Viên cảnh sát hút thuốc với vẻ thần thờ, và thấy rõ - điều duy nhất làm anh ta quan tâm, - là bao giờ thì đến lúc đổi ca trực. Tất cả những gì còn lại anh ta chấp nhận như một tất yếu buồn chán. Anh ta được lệnh ngồi trong căn phòng này cùng

Mason và theo dõi để ông không tiếp xúc với ai.

“Cái tay thông minh nào đã ra cái lệnh này?” Mason hỏi.

Viên cảnh sát chuyển điều xì gà từ mép này sang mép kia, chăm chú xem xét đầu mẩu, khi biết chắc là nó cháy đều, mới đáp, “Trung sĩ Holcomb.”

“Ông thấy không, thì giờ của tôi quý lắm. Thêm nữa, xe của tôi nằm lại đằng kia với động cơ vẫn nổ và đèn pha vẫn sáng.”

“không nằm lại đâu.”

“Ông có ý gì?”

“Thì nó đang nằm phía dưới chúng ta. Chỉ có điều ông đừng nói với ai là đã biết điều đó từ tôi đây. Ông khỏi phải lo về chiếc xe.”

“Tuyệt lắm,” Mason nói, “nghĩa là tôi có thể dùng nó đi về nhà.”

Viên cảnh sát nhếch mép.

“Đức Chúa nhân từ!” Mason kêu lên. “Ông không muốn nói rằng người ta đã tịch thu cả chiếc xe với tư cách vật chứng đấy chứ?”

“Lúc này anh em đang rà soát nó,” viên cảnh sát nói. “Có thể, họ kịp xử lý đến lúc người ta thả ông ra khỏi đây. Mà cũng có thể là họ không kịp.”

Mason tức giận nhận xét, “Người ta thưởng cho tôi vì đã bảo thư kí của mình gọi cảnh sát như thế đó.”

“Không,” viên cảnh sát đáp, “đó là phần thưởng cho ông vì ông tìm thấy quá nhiều xác chết. Ông là một chàng trai quá láu lỉnh. Ngài trung sĩ nghĩ rằng, tốt nhất là ông nên ngồi trong văn phòng của mình, còn các thân chủ tự tìm đến với ông. Chứ không thì ông suốt đời có mặt đâu đó trên chính tuyến lửa - giống như, ông có tài xuất hiện ở nơi xảy ra sự cố chính vào thời điểm có ai đó bị thiệt mạng. Phải”, viên cảnh sát trầm ngâm nói tiếp, “giả dụ có cuộc chiến đấu tranh cúp, thì tôi, ông biết không, thích những đội vẫn hành động theo kiểu cũ hơn. Đó là các chàng trai nhiệt thành, hành động ăn nhịp, - chính nó đưa đội tới thành công. Rất may là vẫn còn những đội như thế. Còn một số đội hoạt động rời rạc suốt cả cuộc chơi. Thì cứ lấy, ví dụ, một đội chơi bóng chày tầm tầm ở mức trung bình, bỗng có ai đó hun nóng cuộc chơi, và ta thấy rằng toàn đội dường như hoá điên, đánh bật các pitrer[5], đánh văng bóng khắp cả sân. Họ đã thắng vô số lượt chạy và chỉ sau đó mới dịu xuống. Họ đã thắng trận đấu.”

“Phải, những lượt chạy, trong bóng chày nó là chủ yếu,” Mason đồng tình về một mặt.

“Thì thế, chính tôi cũng nói vậy. Ồ, cứ lấy, ví dụ, ‘Jayants’. Kể từ khi Duroche đến với họ, cả đội hành động như một thể thống nhất. Chỉ cần ông tưởng tượng, họ có làm gì đi nữa, họ làm việc nhất quán như chỉ một người. Họ chơi với sự chính xác của máy móc và chờ cho đến khi đối thủ bị sai lầm đâu đó, và lúc ấy họ nhất loạt

xông vào công kích, và chẳng có ai ngang bằng họ. Họ...

Cửa mở tung. Một người cao, ăn mặc đẹp đứng trên ngưỡng cửa và mỉm cười niềm nở với Mason.

Mason đứng bật lên khỏi ghế, “Ồ, đích danh trung úy Tragg đây mà. Ấy mới thực là món quà dễ chịu. Tôi đã sợ rằng đành phải có chuyện với sự đàn độn như bò của trung sĩ Holcomb.”

“Không đáng nhận xét cầu thả như vậy về một cảnh sát khi trò chuyện với đồng nghiệp của anh ta, Mason ạ,” ông nói. “Trung sĩ Holcomb lúc này đang bận - anh ta đang trò chuyện với những người còn lại.”

“Tôi hi vọng, ông ta sẽ không đổ toàn bộ tính tế nhị và sự lịch duyệt của mình xuống đầu Della,” Mason nói.

Trung úy Tragg đi qua bàn và ngồi xuống.

“Thôi nào, Mason,” ông nói, “thế có gì xảy ra vậy?”

Cửa mở. Một người đàn ông vận đồ dân sự bước vào với cuốn sổ để ghi tốc kí trong tay, ngồi xuống bên bàn, mở sổ, lôi bút máy trong túi ra, mở nắp, loay hoay trên ghế dường như tìm một tư thế thích hợp nhất cho hai khuỷu tay của mình, rồi gật đầu với trung úy Tragg.

“Nào, tốt nhất chúng ta hãy bắt đầu từ đầu,” trung úy Tragg nói với Mason.

“Từ chỗ đầu tiên,” Mason lên tiếng kể, “tôi và Della ngồi trong văn phòng. Tổng đài réo không ngừng. Điều đó làm bực mình. Chúng tôi không trả lời các hồi chuông ban đêm, mà thông thường cũng chẳng ai gọi. Cuối cùng chúng tôi nhắc máy. Ai đó đề nghị chúng tôi đi đến dinh thự của Benjamin Addicts.”

“Ai đó ư?” trung úy Tragg hỏi lại.

“Vâng.”

“Và ‘ai đó’ là ai vậy?”

“Riêng tôi không nhận ra giọng ai,” Mason nói, “ít nhất, tôi không mấy tin tưởng để tuyên thệ.”

“Nào, ít ra ở ông phải hình thành một ý kiến xác định nào đó chứ, chả vậy sao?”

“Thế mà tôi nghĩ ông cần những lời khai của nhân chứng cơ đấy.”

“Ông quyết định chọc gậy bánh xe với chúng tôi đấy à, Mason?”

“Không, tất cả chỉ là tuân thủ tính thận trọng.”

“Được rồi, vậy tôi sẽ hỏi thẳng ông. Bà Kempton gọi cho ông?”

“Tôi không chắc.”

“Người gọi tự xưng như là bà Kempton?”

“Tôi không thể nói gì với ông được.”

“Không thể nói gì, tức là thế nào? Ông không biết điều gì được nói với ông qua điện thoại ư?”

“Biết, nhưng tôi chưa có khả năng trao đổi với thân chủ của tôi.”

“Bà ta thành thân chủ của ông đã lâu chưa?”

“Ồ lại thế rồi,” Mason nói, “ông đừng chạm đến các vấn đề mà tôi thực muốn bàn bạc với thân chủ của tôi trước khi cung khai với cảnh sát. Nếu ông cho tôi khả năng nói chuyện năm hoặc mười phút với bà ấy, thì tôi có thể tiết kiệm cho cả hai chúng ta cả đồng thì giờ.”

“Ông có thể ngạc nhiên, nhưng chúng tôi sẽ tạo cho ông khả năng như vậy,” Tragg thốt ra vẻ khinh thị, dường như nhún nhường trong một điều gì đó ý nghĩa rất nhỏ. “Ông đã đi đến biệt thự Addicts. Ông phát hiện ra gì, khi đã đến đó, Mason?”

“Cánh cửa.”

“Trời, ông làm tôi kinh ngạc! Và ông đã làm gì khi phát hiện ra cánh cửa?”

“Tôi bấm chuông. Không ai trả lời. Nó mở sẵn. Tôi ngó vào bên trong. Tôi không thích cái điều rằng tôi...”

“Vâng, vâng. Hãy tiếp đi,” Tragg thúc dục, ông nhận thấy rằng Mason ngần ngại.

“Tôi không thích cảnh bên trong,” Mason đáp.

“Và gì lúc đó?”

“Lúc đó tôi bảo Della gọi cảnh sát, nếu tôi không quay lại sau năm phút. Tôi đã không quay lại sau năm phút, và cô đã gọi cảnh sát.”

“Tại sao ông không quay lại?”

“Tôi bận.”

“Ông bận gì thế?”

“Chơi trò đuổi bắt với một đàn đười ươi, bọn chúng thích phong cách chơi cứng, và tôi còn phát hiện ra xác chết.”

“Xác chết nằm ở đâu khi ông tìm ra nó?”

“Tôi cho rằng nó vẫn nằm ngay tại nơi các ông đã tìm ra nó. Nằm sấp mặt xuống giường.”

“Sấp mặt à?”

“Cái thân nằm sấp, còn đầu hơi quay sang một bên, vậy nên có thể nhìn được thế nghiêng. Trên cổ có một vết thương, còn từ lưng thò ra cán dao, chỗ giữa hai bả vai, hơi chệch trái cột sống, như tôi có cảm giác.”

“Thế ông phát hiện ra bà Kempton ở đâu?”

“Bà nằm trên sàn.”

“Bà ta làm gì?”

“Thở, và không gì nữa.”

“Và gì sau đó?”

“Sau đó chúng tôi rời ngôi nhà, và cảnh sát tóm lấy chúng tôi.”

“Tôi thật muốn biết mọi điều chi tiết hơn,” Tragg nói.

Mason nhún vai.

Tragg xích ghế ra, với nụ cười mỉa nhìn người cảnh sát và nói, “Hãy dẫn ông Mason vào cái phòng đang giữ bà Kempton, nói với người đang trông chừng bà ta rằng tôi ra lệnh để họ riêng hai người. Tôi cho họ nói chuyện mười phút. Sau đó ông Mason phải quay về đây.”

“Cảm ơn ông,” Mason nói.

“Không có gì. Rất vui được giúp ông,” Tragg đáp.

Viên cảnh sát dẫn Mason theo hành lang vào phòng khác nơi bà Kempton đang ngồi trên ghế dưới sự canh gác của một cảnh sát.

Mason nói nhanh, “Trung úy Tragg cho phép chúng ta trò chuyện riêng mười hoặc mười lăm phút, bà Kempton ạ.”

“Ồ, tôi rất mừng.”

Mason nhìn viên cảnh sát đầy biểu cảm, “Mặt đối mặt.”

Trông thấy cái gập đầu khẳng định của đồng sự, người cảnh sát ngồi trong phòng đứng dậy và bước ra hành lang.

Cửa vừa đóng lại, Mason lôi bút máy trong túi ra, mở cuốn sổ và nói, “Còn bây giờ, thưa bà Kempton, hãy cố thả lỏng và kể với tôi một cách chi tiết chuyện gì đã xảy ra.”

Ông đặt sổ lên bàn và viết: ‘Trong phòng chắc chắn có microphone. Hãy nói với tôi rằng bà quá xúc động để trò chuyện được’.

Bà Kempton nói, “Ô, chắc gì... chắc gì tôi có thể kể được nhiều cho ngài, ngài Mason ạ. Tôi bị xúc động khủng khiếp.”

“Bà đã trò chuyện với cảnh sát chưa?” Mason hỏi.

“Chưa.”

“Nhưng bà vẫn phải nói với họ chứ.”

“Tôi nói rằng ngài là luật sư của tôi.”

“Và gì nữa?”

“Tôi nói rằng nếu họ muốn nghe từ tôi lời tuyên bố gì đó, thì họ có thể đề nghị với luật sư của tôi.”

“Điều đó là đúng,” Mason động viên. “Và gì đi nữa, chúng ta có thể bàn bạc bây giờ, và lúc đó tôi sẽ biết nói gì với cảnh sát. Dù... nếu bà xúc động quá như vậy, chúng ta sẽ thử thảo luận vấn đề một cách từ từ.”

Trong sổ Mason viết: ‘Hãy nói với tôi rằng bà không muốn có tuyên bố gì cả trong khi chưa có Etna James cùng với tôi ở đây’.

Bà Kempton húng hắng ho và nói, “tất nhiên tôi có thể kể cụ thể với ngài về tất cả những gì đã diễn ra... về điều gì tôi rõ, thưa ngài Mason.”

“Dĩ nhiên,” Mason nói, “bà có thể kể điều bà biết chắc chắn, và không gì hơn thế.”

“Nhưng, ngài thấy đấy, tôi còn có một luật sư nữa, Etna James. Tôi cho rằng, nhất thiết phải mời ông ấy. Tôi thực không muốn thoát đầu kể với ngài, sau lại kể thêm một lần nữa với ông ấy. Tôi nghĩ, tốt hơn là hãy đợi, ngài Mason ạ, đến khi tôi liên lạc được với ông Etna, và lúc đó tôi có thể kể với cả hai ngài tất cả những gì tôi biết, dù tôi biết không lấy gì nhiều và... tôi xúc động khủng khiếp.”

“Biết sao được,” Mason nói, giấu cuốn sổ và bút máy, “nếu bà đã cho là thế, bà Kempton ạ, thì tôi không nài nỉ thêm. Tôi hi vọng rằng sự tự chủ sẽ trở lại với bà trong thời gian gần nhất. Bà phải kể với chúng tôi tất cả những gì đã xảy ra, và lúc ấy chúng tôi có thể có lời tuyên bố với cảnh sát và báo giới. Cảnh sát có quyền nhận được lời tuyên bố như vậy sao cho có thể nhanh hơn, và tất nhiên, chẳng sao cả, nếu bà tuyên bố với báo chí rằng bà không có gì để mà nói.”

“Người ta chưa cho phép tôi gặp gỡ với báo giới, hoặc họ chưa cho phép giới báo chí gặp tôi.”

“Tôi nghĩ, họ sẽ không cản trở việc đó đâu.” Mason nói khích lệ, vươn vai và ngáp.. “Mặc dù vậy, bà có thể nói với họ rằng, chỉ cần chúng ta có cuộc gặp gỡ chung với James Etna, chúng ta sẽ chuẩn bị lời tuyên bố dành cho báo chí.”

“Cảm ơn ngài.”

Họ im lặng mấy giây.

Bất ngờ cửa mở toang, và viên cảnh sát nói với Mason, “Ta quay lại thôi. Trung úy Tragg muốn gặp ông.”

Người cảnh sát canh giữ bà Kempton từ hành lang bước vào phòng và ngồi xuống.

Mason bằng cử chỉ trấn an bà Kempton và đi theo sau viên cảnh sát thứ hai quay lại căn phòng nơi trung úy Tragg đang đợi ông.

“Ông có lấy gì đó trong ngôi nhà kia không?” trung úy Tragg hỏi.

“Nhà nào?”

“Nhà Addicts, tại Stounhenge.”

Mason lắc đầu.

“Nhưng,” Tragg nói, “chúng tôi cần biết chắc điều đó. Tất nhiên, đó chỉ hoàn toàn là mặt hình thức thôi. Ông không có gì phản đối chứ?”

“Tôi phản đối.”

“Đừng tạo nên những chuyện phiền phức, Mason ạ,” Tragg thở dài. “Ông biết chẳng kém hơn tôi rằng, nếu ông phản đối việc khám xét, thì chúng tôi sẽ lập biên bản ông là nhân chứng về vụ án, sẽ tịch thu toàn bộ các đồ vật của ông và đặt vào một phong bì, sau đó sẽ tống ông vào một xà lim yên bình tuyệt vời và...”

“Thôi được,” Mason nói, “quỷ tha ma bắt ông đi.”

Tragg sờ qua quần áo của Mason và nói, “Hãy lôi tất cả từ túi ra và để lên bàn,

Mason.”

Mason nhận xét, “Tôi phải tổng ông đi với quý, trung úy ạ, nhưng bởi hôm nay tôi còn nhiều việc và tôi muốn kết thúc cho nhanh với mọi thứ này, tôi sẽ dễ tính.”

“Thế mới tốt chứ,” Tragg tán thưởng.

“Mà còn,” Mason tiếp tục, “bởi tôi chẳng có gì giấu giếm cả.”

Mason lấy trong túi ra cuốn sổ ghi chép.

Tragg vớ lấy nó.

Mason cố giật nó lại, nhưng bị chậm.

Tragg cười mỉa và nói, “Đây chính là thứ tôi cần, Mason ạ.”

“Ông không có quyền đọc các ghi chép riêng tư của tôi,” Mason nổi nóng.

Tragg lật nhanh quyển sổ, cúi xuống một trang mới viết các chỉ dẫn của Mason cho bà Kempton, xé trang đó và nói, “Hừm, tôi thì tôi biết khó mà lừa được ông với các trò rở tiền như thế, và tôi cần điều đó để một lần nữa chứng minh lẽ phải của mình, tôi sẽ cho tay thanh niên, kẻ quyết rằng đó là một ý tưởng tuyệt vời, xem cái này.”

Mason phản đối, “Ông không có quyền xé trang giấy trong sổ ghi chép của tôi.”

“Biết, tôi biết,” Tragg nói, “hãy đến tòa, lấy ở đó chỉ thị cho chúng tôi, lập tức chúng tôi sẽ trả lại ngay trang giấy cho ông. Nhưng mặc dù vậy, sao ông sợ việc thân chủ của ông lên tiếng đến thế hả?”

“Bởi vì tôi không biết, bà ấy định kể gì.”

“Tốt lắm,” Tragg nói, “còn giờ tôi muốn báo đôi điều với ông, Mason ạ, vì chính lợi ích của ông thôi.”

“Điều gì?” Mason hỏi.

“Có một số bằng chứng chống lại bà Kempton. Chúng tôi sẽ giữ bà ta ở đây cả đêm, mà có thể, hết cả ngày mai nữa.”

“Các ông buộc bà ta vào tội gì?”

Tragg nhếch môi.

“Các ông phải đưa ra được lời buộc tội bà ấy,” Mason khẳng định, “hoặc tôi sẽ đâm đơn kháng nghị kiện các phạm luật về quyền bất khả xâm phạm nhân cách.”

“Cứ làm đi,” Tragg nói, “hãy viết kháng nghị về sự bắt giữ phạm pháp, Mason ạ, và sau điều đó chúng tôi sẽ đệ ra cáo trạng đối với bà ta, hoặc sẽ tha. Còn trước khi ông hoàn tất mọi giấy tờ đó, bà ta sẽ ở lại chỗ chúng tôi. Và tôi muốn cảnh báo ông - đừng chui vào chuyện này quá sốt sắng, trong khi chưa rõ sự việc ở đây là gì. Nói thực, Mason ạ, trong ngôi nhà chỉ có hai người - bà ta và Benjamin Addicts. Một trong hai bị đâm. Bây giờ ông hiểu thân chủ của ông ở vào một tình thế ra sao rồi chứ?”

“Nếu các ông cho tôi khả năng nghe bà ta kể việc gì diễn ra ở đằng ấy,” Mason

nói, “chắc tôi...”

“Tôi đã tạo cho ông khả năng như thế,” Tragg bác lại, “còn ông đã không cho phép bà ta nói.”

“Dĩ nhiên,” Mason nói, “khi ngay dưới bàn có gắn máy ghi âm, còn mười bảy thám tử ngồi ở đầu kia đường dây và nghe trộm.”

“Thôi được, thực ra, ông đang chờ gì?” Tragg hỏi.

“Tôi chẳng chờ đợi gì khác.”

“Như thế, nghĩa là ông không thất vọng. Tôi còn có thể chia sẻ với ông vài tin mới. Xe của ông hoàn toàn yên ổn. Della đang ngồi trong nó và chờ ông. Hãy quay về văn phòng ông đi. Nếu ông muốn, hãy kiện lên tòa về việc bắt giữ trái luật. Ban đêm tìm ra chánh án là việc không dễ lắm, và chắc gì sớm hơn sáng mai ông có thể hoàn tất mọi giấy tờ và đưa chúng đến cho chúng tôi. Tốt nhất sáng mai hãy gọi cho tôi, và tôi giải thoát ông khỏi vô số những tất bật không cần thiết.”

“Thế cho đến lúc ấy?” Mason hỏi.

“Cho đến lúc ấy bà Kempton sẽ ở lại chỗ chúng tôi.”

Mason đi xuống gara của cảnh sát nơi xe ông đang đỗ. Della ngồi sau tay lái, vẫy tay với ông và mở máy. Mason đi lại gần xe, mở cửa bên phải và ngồi xuống cạnh cô thư kí.

Della uyển chuyển xuất phát, rời khỏi gara cảnh sát và quành ra đường phố bên cạnh với vẻ tự tin của một lái xe có kinh nghiệm. Tiếp tục chăm chú theo dõi đường đi, cô hỏi ra phía sau, “Thế nào, họ có thể thực hiện được gì đó chưa?”

“Họ đã làm tất cả mà trí tưởng tượng họ có,” Mason nói, “thế họ đã làm gì với cô?”

“Tôi huyền thuyên không dừng,” Della mỉm cười. “Và kể với họ tất cả những gì đã xảy ra với tôi, và họ biết rằng đó là sự thật, bởi họ ghi lại từ đầu và vào lúc nào tôi gọi họ. Họ lục soát khắp xe nhằm tìm kiếm dấu vân tay và vết máu. Sau đó họ thả tôi ra. Nhưng, theo tôi hiểu, họ định làm gì đó liên quan tới anh và bà Kempton. Bà ấy đã nói chứ?”

“Không. Bà ấy hóa ra là một hạt dẻ cứng. Họ để chúng tôi lại với nhau trong phòng được gắn máy nghe trộm.”

Della chỉ gạt đầu đáp lại, cô hãm phanh trước tín hiệu đèn cấm và chăm chú dõi theo nó để là người đầu tiên vượt lên trước tất cả những người khác đi qua ngã tư.

Mason quan sát cô với nụ cười độ lượng.

“Sẽ chẳng có gì đáng sợ đâu, Della. Nếu có xe nào đó vượt qua chúng ta.”

“Không, tôi không chịu nổi điều đó đâu. Cái gã thanh niên trong chiếc Sedan xám kia kìa cứ cố vượt tôi, suốt cả dãy nhà vừa rồi hấn phóng như một gã điên.”

Cô khẽ rùng mình, thu xếp chỗ ngồi thuận tiện hơn, kéo váy lên quá đầu gối để khỏi vướng cử động, sững người trong sự chờ đợi căng thẳng - chân trái trên phanh, chân phải trên bàn đạp ga.

Đèn xanh bật lên.

Phản xạ của Della nhanh như chớp. Xe chồm về phía trước và lao qua ngã tư như một viên đạn. Chiếc Sedan xám cố bám theo cô, nhưng nó chẳng đạt được kết quả gì, nó bị mất hút đâu đó phía sau.

“Nào, đi đâu bây giờ?” Della hỏi. “về văn phòng?”

“Đến máy điện thoại gần nhất.” Mason nói, “và sau việc đó ta phải ăn uống một chút. Ở đây, sau góc có hiệu thuốc, cạnh nó là hai cabin điện thoại.”

Della quành ra sau góc.

Mason buồn rầu lắc đầu, “Và cô còn cho phép mình tuôn ra những lời nhận xét về việc tôi lái xe như thế nào nữa ư?”

“Khi tôi ngồi sau tay lái, mọi sự được tiếp nhận hoàn toàn khác,” cô ngượng nghịu đồng tình.

“Mà đúng là trong thực tế mọi sự đều khác,” Mason nói.

Cô đỗ xe và đến với Mason đang chờ cô trong cabin điện thoại.

“Nào, Della, trước tiên ta gọi cho James Etna, sau đó cho Paul Drake,” Mason bảo.

Các ngón tay Della với sự khéo léo thành thạo quay số, sau một thoáng cô thốt lên, “Một phút, thưa ông Etna, ông Mason muốn nói chuyện với ông.”

Cô chuyển ống nghe cho Mason, và ông nói, “Chào ông Etna. Bà Kempton đã cố liên lạc với ông. Nảy sinh những điều phức tạp gần với...”

“Tôi vừa nghe về điều ấy,” Etna nói. “Thông tin được truyền qua radio. Tôi đang chơi ở chỗ bạn bè. Tôi và vợ lập tức quay về nhà, và từ đó đến giờ đã tìm ngài khắp mọi nơi.”

“Thế mà ông không đoán ra để gọi đến một chỗ,” Mason nhận xét.

“Đến đâu?”

“Đến Cục cảnh sát.”

“Ồ!” Etna thốt lên.

“Thân chủ của chúng ta, bà Jozephine Kempton, đang bị tạm giữ trong Cục cảnh sát.”

“Người ta buộc bà tội gì?”

“Hiện chưa đưa ra cáo trạng.”

“Ngài có định tuyên bố kháng nghị về việc bắt giữ trái phép không?”

“Tôi có cảm giác việc đó không được lợi lộc gì. Ngày mai hay ngày kia bà ấy sẽ được thả thôi, tất nhiên, nếu bà không kể gì đó với họ vào ban đêm, mà bà, tôi tin chắc, sẽ không làm điều đó.”

“Có thể là tôi sẽ có lợi gì đó cho ngài, ngài Mason ạ,” Etna nói, “nhưng tôi cần phải biết vấn đề là gì ở đằng ấy. Ngài có thể kể ngắn gọn cho tôi biết chuyện gì đã diễn ra được không?”

“Bà ấy gọi điện cho tôi và nói rằng không thể gọi nổi cho ông và rằng bà cần gấp một luật sư. Bà đang ở Stounhenge. Tôi với thư kí của tôi lập tức xuất phát tới đó, sau khi thoả thuận sơ bộ là bà sẽ mở cửa cho chúng tôi. Cửa hoá ra mở sẵn, nhưng bà Kempton nằm bất tỉnh trên sàn buồng ngủ ở tầng hai, còn trên giường Benjamin Addicts nằm sấp, trên người có mấy vết dao đâm, từ lưng thò ra cán con dao nhà bếp to.”

“Theo tôi hiểu, lũ vật phá cũ ra ngoài, và xung quanh bị phá tan hoang,” Etna

nhận xét.

“Chắc không đến nỗi tan hoang, nhưng sự rối loạn ở đây, tất nhiên là khủng khiếp.”

“Ngài không nghĩ về việc cho phép bà ấy kể lại tất cả về những gì xảy ra đảng ấy à?”

“Tôi không bao giờ cho phép các thân chủ kể với cảnh sát về điều gì đã xảy ra, khi tự tôi chưa biết chính gì đã xảy ra,” Mason đáp.

“Ngài rõ hơn, người tiến hành vụ án là ngài mà,” Etna nói.

“Tôi không tiến hành vụ án,” Mason phản đối, “trong trường hợp này tôi xuất hiện với tư cách chỉ là đồng sự của ông thôi.”

“Không, không. Ngài phải nắm lấy mọi việc về mình, nếu đảng ấy thực sự có gì đó nghiêm trọng. Tôi không đủ kinh nghiệm để tiến hành một vụ loại ấy. Tôi tin rằng đảng sau mọi thứ đó ẩn giấu một điều mà chúng ta hoàn toàn không rõ, và điều đó làm tôi lo lắng. Bà Kempton làm gì tại Stounhenge?”

“Cảnh sát đang cố đạt được điều đó từ bà.”

“Thế bà ấy không kể với ngài à?”

“Không. Bà ta đã không có cái khả năng như thế.”

“Tôi có cách tiếp cận với các nhà báo, và tôi nghĩ rằng tôi sẽ có thể biết được đôi điều về chuyện gì xảy ra đảng ấy. Chúng ta hãy gặp nhau, vào chín giờ sáng nhé.”

“Tốt lắm,” Mason đáp.

“Đành thế, tôi sẽ có mặt ở văn phòng ngài vào chín giờ. Tôi tin tôi sẽ có được ít thông tin nào đó.”

“Và...,” Mason nói, “nếu đến lúc đó họ vẫn chưa chịu thả bà Kempton, chúng ta sẽ viết kháng nghị về sự giam giữ trái luật.”

Mason đập máy và sau một tích tắc quay số điện thoại riêng, không có trong danh bạ điện thoại, của Paul Drake, người lãnh đạo ‘Hãng thám tử Drake’.

Nghe giọng Drake, Mason nói, “Paul này, tôi có một việc nhỏ cho anh đây, thêm nữa, khá khẩn cấp.”

“Nhưng tại sao, quý bắt anh đi, vấn đề của anh cứ luôn nảy ra trong đêm thế?” Drake gắt gỏng hỏi.

“Hoàn toàn không cứ luôn luôn,” Mason bác lại.

“Dù anh có gọi vào bất cứ lúc nào đi nữa, tôi luôn luôn tính đến một đêm thức trắng phía trước. Nào anh cần gì ở tôi vậy?”

“Tôi cần,” Mason nói, “anh làm sáng tỏ mọi thứ đến tận cùng về Benjamin Addicts quá cố.”

“Benjamin Addicts quá cố ư?”

“Chính thế đó. Tối nay ai đó vừa cắm con dao làm bết vào giữa xương bả vai ông

ta, và cảnh sát đã tạm giữ thân chủ của tôi, Jozephine Kempton, để làm sáng tỏ các tình huống.”

“Và anh cần biết gì về Benjamin Addicts?”

“Tất cả.”

“Và tất nhiên... ,” Drake thốt ra chì chiết, “anh bắt tôi biết hết mọi thứ đó kịp tới chín giờ sáng chứ?”

“Anh sai rồi,” Mason nói, “tôi cần mọi thứ đó kịp tối tám giờ rưỡi sáng,” và ông bỏ máy.”

Đúng tám giờ rưỡi Mason ghé vào văn phòng ‘Hãng thám tử Drake’, nằm ngay trên tầng có văn phòng Mason.

“Paul có trong không?” ông hỏi cô gái ngồi cạnh tổng đài.

“Trong đó,” cô kia đáp, “và đang chờ ông, ông Mason ạ.”

“Tốt,” Mason nói, “hãy bảo anh ấy ghé qua văn phòng tôi. Tôi có cuộc hẹn vào chín giờ, và Della phải đến đây kịp vào tám rưỡi.”

Mason về đến văn phòng của mình và trông thấy là Della đã chờ ông.

“Chào Della. Đợi tôi lâu chưa?”

“Chừng mười phút.”

“Hôm qua với cô là một ngày khá nặng nề.”

“Với tôi ư? Chính anh bị một ngày nặng nề, anh mới là người chơi trốn tìm với lũ đười ươi chứ. Đêm anh không bị những cơn ác mộng dày đặc chứ?”

Mason cười mát, “Tôi không bị ác mộng dày đặc, nhưng tôi không thể thiếp đi nổi. Vẫn có gì đó khác lạ trong lũ đười ươi... có gì đó để nghiền ngẫm, khi nó nhìn ta và bắt đầu tự đâm vào ngực.”

“Paul Drake đến rồi chứ?”

“Phải. Lúc đi ngang, tôi đã ghé vào văn phòng anh ấy. Rồi xem, chúng ta sẽ có thể đào được tin về kẻ giết người hay không? Tốt làm sao nếu đưa được tin còn nóng sốt cho trung úy Tregg, rồi lúc ấy chúng ta xem ông ta sẽ làm gì.”

Della gọi vào Cục cảnh sát và được biết rằng trung úy Tregg không có ở đó.

“Thử gọi cho trung sĩ Holcomb xem,” Mason nói.

“Anh quá rõ là lão ấy hận anh thế nào rồi kia mà,” Della cảnh báo.

“Có gì đáng sợ đâu,” Mason đáp, “chúng ta chỉ nghe Holcomb nói gì thôi. Tôi cần thông tin.”

Một phút sau Della gật đầu. Mason cầm lấy ống nghe.

“Xin chào,” Mason nói. “Tôi rất muốn nhận được tin tức về thân chủ của tôi, ông trung sĩ ạ.”

“Ông cần điều gì?”

“Tôi muốn biết,” Mason đáp, “cần phải viết hay không kháng nghị về việc bắt giữ trái phép Jozephine Kempton, dù sao các ông cũng định thả bà ấy.”

“Chúng tôi đã thả bà ấy rồi.”

“Thực sự ư? Nhưng tôi chẳng hề biết.”

“Ồ, thì bây giờ ông biết rồi đấy thôi. Bà ấy được tự do khoảng nửa giờ trước đây. Tôi cố gọi điện thoại cho ông, nhưng không thể. Số văn phòng của ông không có trong danh bạ điện thoại. Ông là nhân vật đặc biệt mà. Bà Kempton không biết có thể tìm số của ông ở đâu, tôi cũng không biết. Điện thoại luật sư thứ hai của bà ấy, James Etna, thì có trong sổ. Tôi đã gọi cho ông ta. Ông ta nói sẽ ghé qua đón bà ấy.”

“Và các ông đã trả tự do cho bà ấy?” Mason hỏi.

“Đúng”

“Nghĩa là, các ông không nghi bà ấy nữa chứ?”

“Thế ai nói với ông là chúng tôi nghi bà ấy? “

“Thôi được,” Mason nói mệt mỏi, “không thì tức là không vậy.”

Ông treo máy.

Della nhìn ông dò hỏi.

“Holcomb nói là họ đã thả bà ấy,” Mason báo.

Paul Drake gõ cửa bằng ám hiệu.

Della mở cửa.

“Sao nào,” Paul Drake nói, “tôi thấy các vị tươi rói như dưa chuột ấy nhỉ? Giống như được ngủ đầy. Thế hãy ngó tôi xem nào. Khó lắm tôi mới đứng nổi. Tôi thậm chí đâm cà phê ngang bằng với thông tin.”

“Tuyệt vời,” Mason nói. “Ngồi đi. Cà phê có thể dành lại cho mình, còn thông tin thì tung ra đi.”

Paul Drake, một người cao ngồng với bộ mặt nhợt nhạt như xác chết, khó hiểu kiểu một tay chơi poker dày dạn, được rèn luyện kỹ qua nhiều năm thàng cách che giấu bất kỳ cảm xúc nào. Với vẻ trịnh trọng, ông ngồi xuống chiếc ghế bành da lớn, êm khó tưởng và lấy tư thế yêu thích của mình, gác cặp chân dài qua một tay vịn, tựa lưng vào tay vịn thứ hai.

Ông ngáp to khùng khiếp, lôi trong túi ra cuốn sổ ghi chép và nói, “Tôi cho là anh muốn tôi vào đề ngay từ bây giờ.”

“Đúng vậy.”

“Benjamin Addicts,” Paul Drake lên tiếng, cố tình kéo dài từng lời, “theo lời đồn đại, năm mươi hai tuổi. Theo một số nguồn tin, ông ta có em trai, Herman Addicts bốn mươi sáu tuổi. Có thời họ là một cặp không rời nhau, cả hai không có học vấn tốt, xuất thân từ một gia đình nghèo. Herman bỗng nhiên biến mất. Benjamin cam đoan rằng ông ta không hề biết là chú em hiện giờ ở đâu. Có thể, đó là sự thật. Có lời đồn đại rằng Herman dính vào một vụ ẩu đả, giết chết ai đó và...”

“Kết thúc với chuyện đó đi. Paul,” Mason cắt ngang ông ta một cách gay gắt. “Anh

là thám tử, anh cần gì những lời đồn thổi ấy? Tôi cần các sự kiện. Anh biết điều gì chính xác nào?”

“Thực tế, Perry ạ,” Drake nói, “tôi chẳng rõ cái quái gì cả. Addicts là triệu phú. Ông ta có công việc kinh doanh khổng lồ gắn với khai thác khoáng sản quý. Ông ta sống ở đây mười sáu năm, còn trước đó không một ai rõ, - chẳng biết nơi ông ta sinh ra, chẳng biết ông ta gom được cả đồng tài sản ở đâu và bằng cách nào.”

“Anh muốn nói rằng đến cả nhà băng của ông ta cũng không biết về điều đó ư?” Mason hỏi lại ngờ vực.

“Không ai biết được chuyện đó. Ông ta luôn luôn từ chối trả lời bất kì câu hỏi nào. Ông ta thường nói: ‘Tôi đâu có hỏi vay nợ các vị. Tôi mua và bán bằng tiền mặt’.”

“Nhưng vẫn còn thanh tra thuế vụ?”

“Ông ta nói với họ rằng ông ta bị mất trí nhớ. Điều đầu tiên Addicts nhớ lại được, đó là ông ta không biết vì sao lại có hai nghìn đôla trong túi.”

“Paul, chả lẽ họ tin được chuyện phịa đáng ngờ như thế?”

“Không, tất nhiên. May ra họ đã kiểm được vân tay ông ta. Trước đây chúng chưa bị lưu giữ ở đâu cả. Chưa có số liệu nào về ông ta tại Ủy Ban Điều Tra Liên Bang.”

“Anh có thể áng chừng ông ta có bao nhiêu không?”

“Khoảng hai đến ba triệu tiền mặt. Ông ta có thu nhập lớn không tưởng nổi, tài sản nằm ở những nơi khác nhau nên khá khó khăn để đánh giá chính xác. Nhưng có gì đi nữa, ông ta được đảm bảo khá tốt, điều đó cho phép thoả mãn tất cả những gì cần chột nảy ra trong đầu ông ta.”

“Và điều gì chột nảy ra trong đầu ông ta?” Mason quan tâm.

“Toàn bộ mọi ảo thuật là chỗ đó,” Drake nói. “Vấn đề là về tài sản hai hoặc ba triệu đôla, ông ta để lại di chúc. Vậy thế này: Có lẽ, có tranh chấp về nó trên cơ sở rằng Benjamin Addicts bị bệnh tâm thần.”

“Bởi vì ông ta làm thử nghiệm với lũ đười ươi ư?” Mason hỏi.

“Tôi có cảm giác, mọi việc sâu xa hơn nhiều,” Drake nói. “Giống như, Benjamin Addicts sợ chính bản thân đến kinh hoàng. Riêng tôi tin chắc rằng ông ta đã dự định giết ai đó, mà cũng có thể là đã giết ai đó rồi.”

“Cái gì đẩy anh tới ý nghĩ ấy?”

“Ông ta cố một cách tuyệt vọng để chứng minh rằng thiên hướng đối với việc giết người ở con người là bản năng bẩm sinh. Ông ta khẳng định rằng, nền văn minh có thể nén cái bản năng ấy và làm cho nó thui ngủ, đặc biệt nếu đứa trẻ được dạy dỗ trong bầu không khí an toàn. Khi diễn ra cuộc đấu tranh khắc nghiệt vì sự sinh tồn, như ông ta cho thế, bản năng chém giết được bộc lộ rõ. Ông ta cũng khẳng định rằng, khi con người chúng ta bị đưa vào trạng thái thôi miên thì có thể gây án mạng, mà không hề ý thức được là đang làm gì, còn khi hồi tỉnh sau trạng thái thôi miên,

sẽ không nhớ về điều đó, không nhớ bất cứ hồi ức nào.”

“Có khả năng ông ta cố bảo vệ bản thân khỏi sự buộc tội trong một vụ án mạng thời quá khứ,” Mason nói.

“Hoặc trong tương lai,” Drake nhận xét.

“Nhưng một nhân cách khác thường như thế cần phải gọi lên ở ai đó mong muốn đào bới quá khứ của ông ta chứ! Nghe được một chuyện như thế, thì tay tổng tiền nào cũng sẵn sàng phí đi mấy năm, chỉ cốt hé mở được bí mật.”

“Điều đó thì chính xác,” Drake đồng tình. “Chính phủ đã mất vì ông ta một số thời gian để làm rõ được vấn đề quốc tịch. Còn mọi thứ khác đều sa vào ngõ cụt. Ông ta tẩy sạch mọi tội lỗi khi tuyên bố: ‘Tôi không thể nhớ được gì cả về quãng đời quá khứ của mình, tôi cũng chẳng thêm đau đầu về điều đó. Rút cục, hiện tại quan trọng hơn, đó mới là điều làm tôi quan tâm’.”

“Nói ngắn gọn, ông ta chi phí cả một gia tài nhằm chứng minh học thuyết của mình,” Mason nói.

“Đúng vậy, cố gắng chuẩn bị sự bào chữa cho bản thân.”

“Dĩ nhiên,” Mason tiếp tục, “là ông ta không thể thử nghiệm với con người.”

“Sự thể là thế. Ông ta đã mua đàn khỉ và cố dạy chúng giết chóc, cố thôi miên chúng để chúng thực hiện các mệnh lệnh được khơi gợi cho chúng.”

“Và ông ta cố đạt được điều đó như thế nào?”

“Bằng mọi biện pháp có thể. Ông ta có mấy người dạy thú và một nhà tâm lý thôi miên. Tôi đã trò chuyện với ông này, đó là một người tên Blevins. Alan Blevins.”

“Blevins ở đâu tối hôm trước?”

“Ở nhà mình.”

“Ông ta không ghé vào Stounhenge à?”

“Tất cả những người làm công việc thử nghiệm với lũ khỉ đã bị sa thải gần một tuần trước,” Drake nói. “Addicts đã thanh toán chi phí cho cả nhóm.”

“Tại sao?”

“Ông ta tuyên bố rằng các thử nghiệm của ông đã hoàn tất thành công.”

“Thế riêng ông ta thì làm gì?”

“Ở đây có đôi điều bắt đầu được sáng tỏ. Blevins có thể cho toàn cảnh trọn vẹn hơn cả. Dĩ nhiên, Perry ạ, lão Blevins này không muốn hợp tác. Tôi buộc phải liên lạc với lão vào khoảng ba giờ sáng và báo rằng vụ việc đã trở nên cực kì nghiêm trọng.”

“Đành thế,” Mason nói, “nếu không phải đười ươi giết Addicts, thì biện lí khu buộc phải tốn vô khối thì giờ để thu thập bằng chứng, ai là kẻ thực sự đã làm việc đó. Nhưng anh phải kịp làm rõ về Addicts tất cả những gì anh có thể.”

“Tài liệu chỗ tôi thừa đủ. Tôi kể với anh chính là về những gì tôi còn chưa rõ

thôi.”

“Luật sư của Addicts, Sydney Hardvic, chắc rõ đôi điều sâu kín nhất của Addicts.”

“Tôi không rõ ông ta biết chi tiết đến mức nào, nhưng ông ta sẽ không kể gì đâu.”

“Addicts đã đặt rất nhiều tiền vào các mỏ vàng, sau đó kinh doanh dầu lửa. Ông ta mở tài khoản ở khoảng một tá ngân hàng, thêm nữa, ông ta xoay chuyển nhiều vụ việc mà chỉ sử dụng tiền mặt. Cục thuế không thích mọi chuyện đó. Họ liên tục theo dõi ông ta. Nhưng tay quản lý của ông ta, Mortimer Hershy, có thể tráo các con số tài đến nỗi gã lõm hết bất cứ ai gã muốn. Natan Fallon thua đứt gã trong lĩnh vực này, thêm vào đó y có quan hệ căng thẳng với Addicts. Không nghi ngờ, Fallon có khả năng bị tổng ra khỏi cửa.”

“Tốt hơn, hãy làm rõ, Paul, đêm trước Fallon ở đâu,” Mason đề nghị.

Drake mĩa mai nhìn vị luật sư.

“Quý tha ma bắt, theo anh, tôi đã làm gì suốt cả đêm?” Ông ta hỏi. “Tôi đã gắng làm rõ tất cả những gì mà cảnh sát biết, và thoát đầu điều đó không nhiều lắm. Natan Fallon ở Las Vegas, và y đúng là ở đấy không hề rời đi đâu cả. Hershy ở Santa Barbara. Tôi kiểm tra gã rất kỹ, cảnh sát cũng thế.”

“Thế còn gì đó quan trọng nữa không?”

“Bao nhiêu tùy thích. Nhưng mà có điều tôi không hiểu đây. Addicts không tin cậy ai tuyệt đối trong các hoạt động kinh doanh của mình. Ông ta có những bí mật đối với cả Fallon lẫn Hershy.”

“Anh chỉ trích ông ta vì điều đó à?”

“Không hề.”

“Và đó là bí mật loại nào?”

“Ví dụ, Addicts có thể bỗng dưng biến mất. Một trong những thành viên đoàn thủy thủ con tàu buồm của ông ta vốn tức giận ông chủ vì Addicts đã sa thải anh ta, đã kể với tôi về điều đó. Anh ta kể là Addicts thường xuyên đi lên tàu, thế nhưng đến thời điểm cuối cùng thì xuống bờ và con tàu ra đi không có ông ta. Trên tàu có điện thoại để liên lạc với bờ. Addicts gọi cho thuyền trưởng và trao cho ông này các chỉ thị đi đâu.. v.v. Sau đó họ bỏ neo gần Catalina, và chính ở đây Addicts lại xuất hiện trên tàu, làm ra vẻ suốt thời gian ông ta ở trên tàu, ngồi khoá chặt trong buồng mình và làm việc.”

Mason mím môi băn khoăn, “Ai biết rõ điều này, Paul?”

“Chỉ mỗi thuyền trưởng, mà thuyền trưởng thì giữ mồm của mình chặt hơn so với cả loài nhuyển thể.”

Mason ngẫm nghĩ một lát, rồi nói, “Nhưng ông ta đã gọi đầu đó từ xa. Ông ta phải trả thanh toán cho các cuộc nói điện thoại. Đó là điều anh cần làm. Bằng mọi cách kiểm cho được các bản thanh toán điện thoại cho số điện thoại trên tàu và bắt đầu

kiểm tra ông ta gọi đi từ đâu. Cần làm rõ, ông ta đã ở đâu khi trốn cả Fallon lẫn Hershy. Anh nghĩ sao, Paul, có thể là điều này gắn với đàn bà chẳng?”

“Xét mọi nhẽ, ông ta không có phụ nữ nào,” Drake nói, “nhưng chắc chắn ông ta là nghệ nhân vĩ đại về các vụ gian dối tài chính, đặc biệt với tiền mặt, ông ta luôn đánh lừa Cục thuế vụ.”

“Anh có ảnh ông ta không?”

“Tất nhiên.”

“Hãy kiểm tra các quyết toán điện thoại, và chúng ta sẽ xem kết quả sẽ làm rõ được gì.”

“Được rồi,” Drake nói. “Còn giờ thêm điều nữa. Ông ta...”

Tiếng gõ cửa khẽ, cắt lời Drake.

Della hé cửa, ngó vào phòng, sau đó mở rộng ra và nói, “Chào các anh. Gì mà hôm nay các anh đến sớm thế?”

Etna và bà Jozephine Kempton bước vào phòng.

Mason giới thiệu họ với Paul Drake và quay về phía Etna, “Công việc thế nào?”

“Mọi việc đều tuyệt,” Etna nói với vẻ long trọng. “Chúng ta thoát khỏi rất nhẹ nhàng, ngài Mason ạ.”

Bà Kempton gật đầu và môi nở rộng nụ cười. “Họ đặc biệt nhã nhặn với tôi.”

Mason nhú trán.

“Bà đã kể gì với họ?” ông hỏi vẻ ngờ vực.

“Tôi không kể gì với họ cả. Tôi làm tất cả chính xác như ngài đã chỉ dẫn.”

Mason nhìn bà chăm chú, sau đó đột ngột quay về phía Paul Drake, “Xin lỗi, Paul, nhưng chúng tôi buộc phải đề nghị anh rời khỏi đây. Tôi không muốn nói là chúng tôi không tin anh, nhưng vì theo quy định rằng thân chủ bàn bạc các vấn đề của mình với luật sư trước mặt người thứ ba, sẽ bị mất quyền được luật pháp quy định xem cuộc trò chuyện như thế là bí mật tuyệt đối. Dĩ nhiên, điều luật không được áp dụng với Della với tư cách là thư kí của tôi, nhưng rất tiếc lại bị áp dụng với anh.”

“Ồ thật tuyệt,” Drake nói. “Có lẽ, tôi sẽ có thể được nhấm nháp dù là tí chút. Tôi đã ngấy đến tận cổ cà phê, bánh kẹp thịt hun khói mà tôi nuốt chửng không nhai giữa các hồi chuông điện thoại rồi. Tôi sẽ xuống dưới, ngồi bên bàn, ăn uống giống như một thằng người đây.”

Drake bước ra khỏi phòng.

Mason quay lại Etna và bà Kempton.

“Mời ngồi,” ông nói. “Còn bây giờ, thưa bà Kempton, tôi muốn nghe từ bà sự thật, sự thật thuần túy, và không gì cả ngoài sự thật.”

“Nhưng tôi đã kể sự thật với ngài mà.”

Mason lắc đầu.

“Ngài Mason,” bà kêu lên tức giận, “lẽ nào ngài nghĩ rằng tôi có thể nói dối ư?”

“Tôi biết cảnh sát,” Mason nói. “Tôi biết phương pháp làm việc của họ. Trong nhà không hề có ai, trừ bà và kẻ bị giết. Bà khước từ kể về điều đó, còn giờ đây cam đoan với tôi rằng cảnh sát đã thả bà.”

“Nhưng nó là như thế thật. Họ đã thả tôi. Thậm chí họ còn cử người đến căn hộ của tôi lấy quần áo cho tôi nữa.”

“Nghĩa là thế nào?” Mason hỏi.

“Họ nói với tôi rằng phải đưa quần áo của tôi đi để nghiên cứu kỹ trong phòng thí nghiệm, họ bao giờ cũng làm như thế trong các trường hợp khi nhân chứng có mặt tại hiện trường, đó là tính hình thức thông lệ. Họ nói rằng, cho đến ngày mai tôi vẫn chưa thể nhận lại được quần áo và nếu tôi không muốn chờ, thì họ có thể cử một nữ đồng nghiệp đến căn hộ của tôi và cô kia sẽ đem lại tất cả những gì tôi cần.”

“Và rồi họ đã làm thế?”

“Vâng.”

“Bà đưa cho họ chìa khoá căn hộ mình?”

“Nó nằm trong phong bì của tôi, họ thu hết và xếp vào một phong bì.”

“Và bà đã kí vào giấy, rằng bà không phản đối nếu họ vào nhà của bà?”

“Vâng.”

“Và gì sau đó?”

“Sau đó họ đem quần áo của tôi lại. Tất cả họ đều nhã nhặn đến ngọt xớt. Họ nói rằng lấy làm tiếc về sự tạm giữ bắt buộc này, rằng họ đã xác định được ai đã giết ông Addicts, và toàn bộ tất cả mọi nghi ngờ được cởi khỏi tôi.”

“Ai nói với bà điều đó?”

“Cô giám thị.”

“Gì xảy ra sau đó?”

“Ồ,” bà nói, “họ hỏi tôi là tôi định làm gì, và tôi đáp - gọi điện thoại cho ngài.”

“Từ bao giờ?”

“Sáng sớm hôm nay.”

“Bà tiếp đi.”

“Hình như, không ai biết tìm ngài bằng cách nào trước khi ngài đến văn phòng của mình, nhưng họ có số điện thoại ở nhà ông Etna. Tôi biết ông ấy đã phải dậy rồi, và bảo họ gọi cho ông ấy.”

“Và ông ấy đến và đưa bà về?” Mason hỏi.

“Vâng.”

Mason ngược nhìn Etna. Ông kia gật đầu.

“Ngay từ phòng giam?” Mason hỏi.

“Ồ, không phải hoàn toàn thế,” Etna nói cho rõ thêm. “Tôi gặp bà ấy tại gara phía

dưới.”

“Tại gara?”

“Vâng.”

“Gara nào?”

“Gara cảnh sát, nơi mà họ...”

Bà Kempton cắt ngang ông. “Ngài còn nhớ ở đây họ có trạm gara ngay sau cái chỗ họ cho chúng ta xuống xe. Vì tôi không muốn quấy rầy ai, nên tôi nói với các nhân viên cảnh sát rằng tôi đi xuống dưới chỗ gara và đợi ông Etna - để ông ấy ghé vào đó.”

“Và bà đợi được ông ấy tại chỗ đó?”

“Vâng, chính tại cái chỗ họ đưa chúng ta tới vào tối hôm trước, nơi chúng ta bước ra khỏi xe ấy.

Mason quay về phía Etna, “Nhưng ông thì không thể đi xe vào đó chứ?”

“Không, tất nhiên, tôi dừng xe từ ngoài và đi bộ đến cửa. Tôi vẫy tay, và bà Kempton chạy ra. Mà sao? Điều đó có ý nghĩa gì chẳng?”

“Phải, tôi tính sẽ nghe thấy chính điều đó.”

“Tôi không nắm bắt được,” Etna nói.

“Bà Kempton,” Mason nói, “bà giấu gì đó với chúng tôi.”

“Ngài có ý gì vậy?”

“Bà giấu chúng tôi điều gì đó cực kì quan trọng, một sự kiện mà...”

Bà cắt lời ông và lắc đầu, “Tôi đã kể với ngài chính xác tất cả, ngài Mason ạ.”

“Và ông Etna chở bà thẳng đến đây?”

“Bà ấy muốn hỏi ngài mấy câu,” Etna nói.

Bà Kempton gật đầu, “Ngài Mason ạ, nếu con người chết đi, điều gì sẽ xảy ra với các tài khoản nhà băng của anh ta... tôi có ý nói những tấm séc chưa trả tiền của anh ta ấy?

Mason nhún vai, “Séc sẽ chẳng có giá trị gì nữa sau khi con người chết đi. Tài khoản của anh ta bị đình chỉ. Chỉ cần nhà băng nhận được tin báo về cái chết của khách hàng, họ ngừng ngay việc trả tất cả mọi tấm séc.”

“Thế nếu trên séc có chữ kí đảm bảo của thủ quỹ nhà băng?”

“Các séc do thủ quỹ kí,” Mason nói, “sẽ được nhà băng trả tiền. Nhà băng không chết.”

“Thế nếu nó... tôi chỉ tò mò...”

“Tại sao bà tò mò chuyện ấy?” Mason hỏi.

“... là vì nó gắn với các biện pháp mà ông Addicts kinh doanh. Ngài cũng biết, ngài Mason ạ, ông ta xoay chuyển rất nhiều vụ, vẫn sử dụng tiền mặt. Làm những mảnh khốe gian lận, ông ta có thói quen trả bằng tiền mặt hoặc séc nhà băng. Ông ta

thường mua séc ở các nhà băng khác nhau, còn sau đó kí chuyển nhượng chúng.”

“Và bà quan tâm séc nhà băng với chữ kí chuyển nhượng của ông ta có còn hiệu lực hay không, nếu ông ta chết trước khi séc được trả tiền?”

“Chính xác.”

“Nhưng tại sao?”

“Tôi muốn biết để xác lập cho mình một khái niệm rõ nét.”

“Séc nhà băng phải được trả, còn bây giờ, nào bà hãy kể chuyện gì đã xảy ra đằng ấy đi.” Mason nói.

“Được,” bà đồng ý. “Tôi sẽ kể với các ngài toàn bộ sự thật, và khi ấy các ngài sẽ có thể khuyên bảo tôi nên làm điều gì. Chắc gì tôi còn dám kể về điều này cho ai đó nữa, bởi vì mọi thứ trông có vẻ...”

“Bà đã nói gì với cánh nhà báo?” Mason cắt lời bà.

“Không gì cả.”

“Họ đã trò chuyện với bà?”

“Chưa. Trong đồn cảnh sát người ta nói với tôi là sẽ thả tôi ra từ sáng sớm và các nhà báo chắc chẳng biết gì về điều đó. Họ cho tôi lấy lại sức.”

Mason quay lại Etna.

“Sự việc mỗi phút lại càng có bước chuyển quái dị thêm.”

“Phải, nhưng rút cục, cảnh sát cũng có thể thể hiện tính bất thiệp chứ,” Etna nói.

“Tất nhiên, có thể,” Mason đồng ý, “nhưng không vì bất cứ giá nào lại dựng tất cả các nhà báo chống lại mình cả.”

“Nhưng lần này họ đã xử sự chính như thế.”

“Quý tha ma bắt, đó là điều làm tôi lo sợ đấy,” Mason hạ giọng nói. “Hãy tiếp đi, bà Kempton. Hãy kể cho chúng tôi chuyện gì đã xảy ra. Trước hết, sao bà lại có mặt tại Stounhenge?”

“Ông Addicts đã gọi điện thoại cho tôi.”

“Gọi đi đâu?”

“Về nhà tôi.”

“Sao ông ta biết số điện thoại của bà?”

“Điều đó tôi không rõ.”

“Ông ta nói gì với bà?”

“Rằng muốn gặp tôi.”

“Ông ta có nói lí do muốn gặp không?”

“Ông ta muốn tự mình xin lỗi vì sự bất công ông ta gây ra đối với tôi. Ông ta muốn báo với tôi một điều rất quan trọng.”

“Ông Etna biết về cuộc trò chuyện ấy không?”

“Không. Ông Addicts bảo tôi đừng nói với ai về điều đó và đến nhà ông ta vào sáu

giờ chiều.”

“Vào sáu giờ?”

“Vâng. Ông ta nói rằng ông còn mấy cuộc gặp gỡ quan trọng và trước sáu giờ ông ta bận, còn sau đó ông ta có cuộc hẹn vào sáu giờ bốn mươi lăm. Vậy nên tôi phải đến đó chính xác vào sáu giờ.”

“Và bà đến vào đúng sáu giờ?”

“Vâng.”

“Bà đi vào nhà như thế nào?”

“Tôi qua cánh cửa trên Rouz street, 546.”

“Nó mở sẵn à?”

“Không, bị đóng.”

“Thế bà làm sao vào được?”

“Tôi có chìa khoá của mình.”

“Bà muốn nói rằng suốt cả thời gian ấy chìa khoá vẫn ở chỗ bà?”

“Tôi vốn có chìa khoá cho riêng mình, và không ai đòi hỏi tôi trả lại nó.”

“Addicts biết về điều đó?”

“Ông ta hỏi tôi có chìa khoá hay không, và tôi đáp rằng có. Ông ta nói điều đó là tốt, và bảo tôi đi thẳng qua cửa sau và vào văn phòng ông ta trên tầng hai. Mà thực ra, có gì trong đó ghê gớm đâu, ngài Mason? Tôi đã làm thế hàng trăm lần, khi phục vụ ở đấy.”

“Lúc đó bà đang phục vụ ở đấy,” Mason nói. “Đó hoàn toàn là việc khác hẳn.”

“Ôi trời ơi, tôi không thể tính đến điều là một người bạn rận như ông Addicts sẽ xuống cầu thang và đi qua hết hành lang chỉ để mở cửa cho tôi vào, thêm nữa tôi lại có chìa khoá và tôi biết rất rõ đường đi.”

“Thế ở đấy chẳng có ai hơn nữa để có thể mở cửa cho bà vào ư?”

“Không. Ông ta một mình trong nhà.”

“Ông ta đã nói thế khi gọi điện thoại ư?”

“Vâng.”

Mason trầm ngâm một chút, “Đó chính là ông ta? Bà nhận ra giọng ông ta chứ?”

“Tất nhiên. Thậm chí ông ta còn đùa về việc ông lấp bắp không rành mạch do bị băng bó.”

“Ông ta gọi cho bà lúc nào?”

“Chừng hai giờ rưỡi.”

“Và bà ra đi ngay đến đó?”

“Vâng. Tôi ngồi lên xe buýt, chiếc vẫn dừng ở góc Oliv street đúng sáu giờ kém mười. Các ngài thấy đấy, tôi nhớ rất rõ lịch trình của các xe buýt, bởi thường xuyên đi đến đó mà.”

“Mặc xác nó, điều đó chính lại không làm tôi để ý,” Mason nhản trán chán chường. “Nào bà nói về điều chủ yếu đi. Khi bà đến nơi, ông ta còn sống chứ?”

“Vâng,”

“Ông ta đã nói gì với bà?”

“Thế mới có chuyện, ông ta chưa kịp nói gì cả. Ông bị giết đúng vào thời khắc khi tôi bước vào...”

“Ai giết ông ta?”

“Con đười ươi.”

Mason thở dài, “Nào nào, bà Kempton. Dù sao ta cũng nên dừng lại trên nền tảng hiện thực.”

“Ngài Mason, tôi xin ngài, ngài phải tin tôi. Tôi nói sự thật hoàn toàn. Tôi trông thấy bằng chính mắt mình. Ông Addicts nằm trên giường, còn con đười ươi mấy lần thọc dao vào ông ta.”

“Con đười ươi đó là thế nào?”

“Ngài Mason, tôi không thể khẳng định dứt khoát đó chính là con đười ươi nào. Một trong số những con lớn nhất, nhưng tôi không biết thật chính xác. Ngài thấy đấy, điều có vẻ phi lí, nhưng con đười ươi trong trạng thái thôi miên đã giết ông ta.”

Mason chăm chú nhìn bà.

“Chả lẽ ngài không tin tôi sao, ngài Mason?”

“Nếu tôi tin,” Mason nói, “thì các vị bồi thẩm cũng sẽ không chịu tin cho.”

“Tại sao lại không nhỉ?” bà Kempton nổi nóng, “rút cuộc, đó chính là điều trong nhiều năm ông Addicts cố để đạt tới cơ mà. Ông ta muốn luyện được một con đười ươi mà ông ta có thể thôi miên và...”

“Thôi được,” Mason nói. “Bà nói tiếp đi. Chúng ta đừng để mất thì giờ vào những tranh cãi vô bổ. Tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra.”

“Tôi bước vào phòng. Lúc đầu tôi chưa nhận ra ông Addicts. Tôi gọi ông ta, còn sau đó trông thấy ông ta nằm trên giường. Tôi có cảm giác rằng ông ta ngủ, nhưng ngay đó từ một góc phía buồng tắm, bước ra một con đười ươi. Nó đã bị thôi miên, ngài Mason ạ.”

“Bà đã hai lần nhắc lại điều đó. Sao bà biết được?”

“Qua biểu hiện của mắt. Con đười ươi nhe nanh ra với tôi, nó đi lại gần chiếc giường với bước đi vụng về đặc trưng của nó và... nó nhe nanh suốt thời gian, dường như tận hưởng việc được đổi vai với kẻ đã hành hạ nó.”

“Thế bà làm gì?”

“Tôi hét lên và ngắt xỉu.”

“Bà có thấy lũ đười ươi tha thần khắp khu nhà không?” Mason hỏi. “Chúng nó đã không có ở đó khi bà đi theo hành lang ngang qua các cũi?”

“Không, mọi thứ vẫn nguyên trật tự. Hai con đười ươi to ngồi trong cái cũi mà sau đó hóa ra là bị mở, và còn thêm một con,” con đười ươi hiền nhất, trong cũi khác.”

“Nghĩa là có ai đó đã kịp thả những con đười ươi ấy trong khi bà...”

“Con đười ươi làm việc đó.”

“Con nào?”

“Con đã giết ông Addicts.”

“Sao bà biết?”

“Tôi tin chắc điều đó, ngài Mason ạ. Tôi đã ở bên cạnh chúng khá lâu rồi nên biết thói quen của chúng. Các cũi được đóng chốt từ bên ngoài, và mỗi khi con đười ươi được thả ra, lập tức nó mở các cũi khác. Nó làm việc đó trước tiên.”

“Hãy tiếp đi,” Mason nói.

“Vâng,” bà Kempton nói, “Khi tôi tỉnh lại, con đười ươi nhỏ được thuần dưỡng đang ngồi cạnh tôi - nó luôn luôn thân thiện với tôi. Nó rít lên khe khẽ, thể hiện mối thân thiện của mình và liếm mặt tôi. Tôi nghĩ chính nó đã giúp tôi tỉnh lại.”

“Bà sợ không?”

“Không sợ lắm. Tôi lập tức nhận ra con đười ươi này khi vừa mở mắt ra.”

“Và gì sau đó?”

“Sau đó,” bà Kempton nói, “tôi lên tiếng nói với nó, và nó mừng rỡ khi thấy mọi sự với tôi đều ổn. Nó vỗ vỗ lên má, vuốt tóc tôi với tâm trạng vui sướng.”

“Thế sau nữa thì sao?”

“Sau đó tôi đứng dậy, ngó nhìn và thấy rằng ông Addicts đã chết. Tôi nhận thấy từ lưng ông ta chuôi dao thò ra. Lúc ấy tôi đến máy điện thoại và cố gọi ông Etna, nhưng vô hiệu, Tôi thử gọi cho ngài và cũng không thể, vào lúc hoàn toàn tuyệt vọng thì cuối cùng cô Della trả lời tôi,”

“Tại sao bà không gọi cho cảnh sát?”

“Bởi vì tôi không biết xử trí thế nào, ngài Mason ạ. Tôi không có lòng tự tin. Thế nhờ ngài bảo tôi rời khỏi ngôi nhà đó và không thú nhận với ai rằng tôi đã có mặt ở đây? tôi hoàn toàn không có khái niệm phải làm gì.”

“Suốt thời gian đó con đười ươi khổng lồ ở đâu?”

“Điều thứ nhất mà tôi đã làm,” bà Kempton nói, “đó là đóng hết tất cả các cửa mà con đười ươi lớn kia có thể lọt vào phòng làm việc của ông Addicts.”

“Thế con đười ươi thuần dưỡng của bà?”

“Tôi để nó cùng với tôi ở trong phòng. Nó hoàn toàn không nguy hiểm. Nó như một đứa trẻ thôi mà. Thấy tôi nó mừng đến nỗi tôi không thể đuổi nó đi. Nó vỗ tay...”

“Tiếp đi,” Mason động viên bà.

“Và,” bà nói, “tôi đã hứa đón ngài ở phía dưới, cạnh cửa ra phố Rouz street, 546. Tôi không dám liều ra hành lang, nhưng sau đó một chốc, tôi cho rằng sẽ chẳng có gì đáng sợ - đó chính là vào thời điểm tôi chờ sự xuất hiện của ngài. Tôi khê khàng hé cửa ra hành lang và ngó ra ngoài. Xung quanh lặng như tờ, tôi lén ra tiền sảnh, và sau... giống như có gì đó nện vào đầu tôi. Điều cuối cùng đọng lại trong trí tôi - đó là một chùm tia lửa to tướng toé ra từ mắt. Sau đó tôi không còn nhớ gì nữa cho đến tận lúc tỉnh dậy ở trên sàn trong phòng, và ngay đó tôi trông thấy ngài đứng đối mặt với con đười ươi, tôi hiểu rằng với ngài có thể sẽ xảy ra điều bất hạnh.”

“Tại sao?”

“Vì đó là một trong số đười ươi dữ tợn nhất. Nó nguy hiểm một cách thực sự. Không bao giờ có thể đoán chắc điều gì sẽ nảy ra trong đầu nó. Theo tôi, nó bẻ gãy cửa hoặc gì đó đại loại, bởi tôi nhớ, tôi nhìn thấy cánh cửa bị đập vỡ và cho rằng chính tiếng rầm rắc ghê sợ đó đã giúp tôi hồi tỉnh.”

“Bà cứ tiếp,” Mason nói.

“Mọi thứ còn lại ngài đã biết. Tôi hiểu chúng ta đang ở trong mối hiểm họa khủng khiếp, và tôi đã giải thích với ngài cần phải làm gì.”

“Đó là câu chuyện kì dị nhất, phi lí nhất mà trong đời tôi được nghe thấy!” Mason kêu lên.

“Tôi rất tiếc, ngài Mason ạ, nhưng đó là sự thật.”

“Toàn bộ sự thật?”

“Vâng, toàn bộ, và tôi đề nghị ngài giúp đỡ.”

Mason đứng lên và dùng bước đo căn phòng. Sau một phút ông nói, “Theo tôi, chỉ có một phần trăm cơ may, rằng điều đó là sự thật. Nhưng dù là ai đi nữa đã đánh bà nốc ao, hẳn đã phải kéo bà ngược trở lại vào phòng. Khi tôi nhìn thấy bà lúc ấy, tôi có cảm giác rằng bà kể rất thật. Nhưng giờ ở đây thì tôi không thể tin vào tai mình nổi.”

“Ngài Mason, ngài không tin tôi ư?”

“Không.”

Bà Kempton nổi giận, “Tôi kể cho ngài chính xác điều đã xảy ra ở đấy.”

“Thôi được,” Mason nói, “nếu lưu ý đến bối cảnh ở đấy, thì tôi cho rằng, trong tám hoặc mười trường hợp, toàn bộ câu chuyện này có thể thành ra sự thật, nhưng ai sẽ tin cho chuyện đó? Các bồi thẩm không tin, chánh án không tin, các tay nhà báo cũng không tin nốt.”

“Tôi không hiểu, tại sao ai đó lại phải nghi ngờ những lời của tôi. Rút cuộc, ông Addicts đã chú tâm dạy lũ đười ươi của mình cho việc đó mà. Ông ta cố thôi miên chúng, cho chúng tin hiệu để giết người và... .”

“Đó là sự điên rồ!” Mason nói.

“Không có điên rồ gì ở đây cả!” bà kêu lên. “Nếu ngài muốn biết ý kiến của tôi, thì trong quá khứ đã có gì đó khủng khiếp xảy ra với ông Addicts. Ông ta luôn luôn sợ rằng ông ta có thể bị ép buộc giết người đâu đó ở ngoại quốc, và theo tôi, ông Addicts định chứng minh rằng ông đã bị ai đó thôi miên và dù tác động thôi miên dần dần biến đi, thế nhưng ông ta vẫn không thể nào phục hồi lại nổi trí nhớ của mình.”

Mason đi qua căn phòng và dừng lại cạnh cửa sổ.

“Phải,” ông thốt ra chậm rãi, “nếu nhìn trường hợp này từ quan điểm các sự kiện thì rõ ràng không thể bàn cãi. Nhưng cứ thử tưởng tượng rằng chúng ta dùng sự kiện trên để bào chữa ở tòa án, trước các vị bồi thẩm xem.”

“Đừng lo, ngài sẽ không phải làm việc đó đâu,” bà nói. “Cảnh sát đã làm sáng tỏ với con đười ươi đó, vì thế họ đã thả tôi ra và xin lỗi vì sự tạm giữ. Tôi không hiểu, tại sao ngài lại lo lắng đến thế về tòa án, các bồi thẩm, thưa ngài Mason. Tôi tin tưởng rằng không ai buộc tôi vào tội gì cả.”

“Đó chính là điều phi lí nhất, là mê sảng trong toàn bộ câu chuyện này,” Mason nói. “Bà ở một mình trong nhà có người bị giết. Nếu bà kể cho họ về chuyện đã xảy ra và viết lời khai, thì họ còn có thể thả bà trong khi đang tiến hành việc điều tra. Nhưng bà lại không hề kể gì với họ, đúng không?”

“Tôi không hề nói gì với họ.”

“Thôi được, đủ rồi,” Mason cắt lời bà. “Tôi không muốn nghe thêm gì nữa, khi chưa tìm được cách kiểm tra những lời của bà. Quỷ tha ma bắt, khi ta bắt đầu đánh giá điều đó dưới góc độ các sự kiện đã rõ, mọi thứ quy tụ lại nhiều hoặc ít, nhưng câu chuyện man rợ đến mức, thậm chí chả hi vọng gì có ai đó sẽ tin vào nó.”

“Không còn những lời giải thích nào khác nữa, ngài Mason ạ. Trong nhà không còn ai, ngoài ông Addicts, tôi và lũ đười ươi.”

“Chính thế đó,” Mason nói, “và khi biết ông Addicts luyện lũ vật của mình như thế nào, không ai có thể ngăn cản một người có tính toán, đâm dao vào ông ta khi ông ta đang ngủ, còn sau đó thì cam đoan ông ta bị đười ươi giết.”

“Nhưng tôi có động cơ gì để xử sự như vậy?”

“Điều đó mới đẩy tôi vào ngõ cụt,” Mason nói. “Tôi không thể hiểu những động cơ nào buộc bà đi đến đó, khi chưa trao đổi với James Etna hoặc chưa gọi điện thoại cho tôi.”

“Tôi nghĩ cần phải làm việc đó, nhưng ông Addicts đề nghị tôi không nói với ai gì cả.”

Mason đã định nói gì thêm, nhưng ngay đó có tiếng gõ cửa to và hách dịch.

“Mở cửa ra, Mason,” giọng trung sĩ Holcomb ra lệnh. “Cảnh sát đây.”

Mason gật đầu với Della. Cô mở cửa ra.

Trung sĩ Holcomb, cười đắc thắng, nói, “Thế nào, Mason, đây chính là cái trường hợp mà chúng tôi chờ đợi. Chính là một trong những điều mà chúng tôi thực sự cần. Đi thôi, bà Kempton. Bà sẽ đi với chúng tôi.”

“Tôi đi với các ông?” bà hỏi lại. “Nhưng tại sao? Các ông vừa thả tôi cơ mà?”

“Thực tế là đã thả,” Holcomb đồng tình, “còn bây giờ bà đi cùng chúng tôi trở lại, và lần này bà sẽ bị buộc tội cố ý giết người.”

Holcomb và hai cảnh sát xông vào văn phòng, tóm lấy hai tay bà Kempton, và bà chưa kịp phản kháng thì tay bà đã bị còng bập vào.

“Chúng ta sẽ gặp nhau tại nhà thờ Mason ạ.” Holcomb nói.

“Một phút,” Mason thốt lên, đứng chặn giữa các cảnh sát và cửa. “Các ông có lệnh bắt giữ người đàn bà này không?”

“Nó đây.” Holcomb rút từ túi ra tờ giấy gấp nhỏ.

Mason bước lên trước.

Hai cảnh sát tóm lấy vai ông đẩy khỏi cửa. Trung sĩ Holcomb đẩy bà Kempton ra hành lang.

Mason xông ra cửa.

Một cảnh sát xô ông lùi lại.

“Nếu ông muốn, hãy viết đơn kiện đi,” anh ta nói, “nhưng đừng cố cản trở cảnh sát thực thi nghĩa vụ của mình.”

Viên cảnh sát thứ hai và viên trung sĩ vội vã kéo bà Kempton đi theo hành lang.

“Ở đây thì anh đứng,” Mason nói, “tôi sẽ phát đơn kiện!” Mason kêu lên tức tối.

“Thế thì tuyệt rồi!” viên cảnh sát mỉa mai. “Hãy soạn ra vài bản luận thể.”

Mason quay lại phía Etna, “Ông hãy đi kiểm tra tất cả mọi giấy tờ, nếu ở họ có gì đó không hợp lệ, chúng ta sẽ đâm đơn kiện.”

Etna gật đầu và đi đến thang máy.

“Hãy đi theo cầu thang,” Mason nói và quay lại văn phòng. “Nhanh nhanh lên, Della, hãy giúp tôi lục soát hết mọi chỗ xem có microphon giấu ở đây không. Nếu họ nghe trộm các chuyện tuyệt mật của luật sư với thân chủ thì chúng ta sẽ dựng nên một chuyện mà thậm chí trong cơn ác mộng họ cũng không thể thấy.”

Mason và Della bắt tay vào tìm kiếm cẩn thận toàn bộ văn phòng.

Chưa qua một giờ họ đã phải thừa nhận sự thất bại của mình. Cả hai đã xem hết mọi góc ngách, ngó ra sau các bức tranh. Họ xê dịch bàn ghế, nâng thảm, kiểm tra từng li mép trên tường.

“Thế nào?” Della hỏi.

“Tôi không hiểu gì cả,” Mason nói. “Họ đã tìm được gì đó mà chúng ta không biết.”

“Đó có thể là gì được nhỉ?”

“Tôi sẽ lộn cổ xuống ngay tại đây, nếu tôi biết.”

“Anh nghĩ, bà ta sẽ kể với cảnh sát cũng chính điều đã kể với chúng ta chứ?”

“Tôi hi vọng không,” Mason nói.

Vị luật sư đi lại cạnh cửa sổ và đứng cau có nhìn ra đường phố sôi động.

Bất ngờ ông quay người lại.

“Della,” ông nói, “thường thì, đôi khi ta trở nên quá đa nghi không?”

“Anh có ý nói gì?”

“Bà Kempton kể với chúng ta câu chuyện có vẻ siêu tự nhiên và kì quái, và vì lí do đó chúng ta đã không tiếp thu nó một cách nghiêm túc.”

“Anh có ý rằng, có thể bà đã kể sự thật?”

“Còn một phương án nữa.”

“Thế nào?”

“Chúng ta hãy cùng nhìn mọi thứ từ góc độ thế này,” Mason nói. “Giả sử, cô cần giết Benjamin Addicts, và cô muốn để mọi thứ trông có vẻ là ai đó đã làm chuyện này, còn cái bóng ngờ vực cũng không rơi vào cô.”

“Nào?” cô hỏi.

“Lúc đó,” Mason nói, “chắc cô sẽ mời Jozephine Kempton đến nhà. Hẳn cô sẽ làm để cho không một tòa án nào tin vào chuyện bà ta kể. Sau đó cô đi và giết Benjamin Addicts và có thể hoàn toàn tin chắc rằng Jozephine Kempton sẽ bị tuyên án có tội.”

“Chúa ơi, nhưng làm sao để bà ta kể ra mọi chuyện này?” Della hỏi.

“Hãy đánh giá toàn bộ câu chuyện một lần nữa,” Mason nói, “hãy đánh giá một cách tỉnh táo, từ quan điểm một nhà phân tích. Có thể xác định thế nào với điều bà Kempton đã kể?”

“Đó là sự điên rồ!” Della kêu lên không nghĩ ngợi, “điều đó giống như... cơn ác mộng nào đó.”

“Thế đấy,” Mason nói, “đó chính là ác mộng.”

“Anh định nói gì vậy, sếp?”

“Nào ta phân tích các sự kiện có liên quan đến vụ việc. Addicts thuê mọi người cố tác động đến lũ thú bằng thôi miên.”

“Và sao?”

“Bà Kempton bị mất trí nhớ hai thời đoạn. Lần thứ nhất bà cho rằng bà bị ngất. Lần thứ hai bà có cảm giác là có ai đó đánh vào đầu bà.”

“Anh tiếp đi,” Della nói.

“Ta giả sử,” Mason nói, “ai đó đã dìu bà Kempton vào trạng thái thôi miên, hẳn khơi gợi bà toàn bộ câu chuyện mà bà buộc phải tin khi trí nhớ hồi phục lại.”

Della mở to hai mắt.

“Sếp,” cô kêu lên, “tôi sẵn sàng thề rằng, mọi sự chính là thế! Điều đó lí giải mọi

sự đã diễn ra và...”

Bất thần lòng hăng say nóng bỏng của cô phụt tắt, giọng ngắc ngứ và cô bật im.

“Tiếp đi,” Mason nói.

“Nhưng mà,” cô nói vẻ nghi ngại, “chắc gì các bồi thẩm tin vào câu chuyện thôi miên này hơn so với chuyện với lũ đười ươi.”

“Với các số liệu mà chúng ta có, thì chắc gì,” Mason nói, “nhưng đây mới là khởi đầu công việc điều tra thôi.”

“Có thể thôi miên người đàn bà và khơi gợi cho bà ta một cơn ác mộng rồi rầm đến thế, khi tỉnh dậy bà ta vẫn nhớ nó như những sự kiện xảy ra trong thực tế hay không?”

“Tôi nghĩ, có,” Mason nói. “Tôi định kiểm tra điều này. Thôi miên - đó là một cái trò mà tôi biết rất ít về nó. Thế nhưng điều đó không giải thích được, sao cảnh sát lại tự tin đắc thắng như vậy khi đến bắt giữ bà Kempton. Chắc hẳn họ đã phát hiện được gì đó. Trong một hai ngày tới chúng ta sẽ biết được nhiều hơn. Trong chuyện này chúng ta còn chưa rõ nhiều bước xoay chuyển.”

“Và có thể phần nào rơi vào ngõ cụt,” Della nhận xét vẻ nghiêm trọng cường điệu.

Gần trưa, chuông điện thoại réo lên, Della nhấc máy.
 “Vâng... vâng... xin chờ một phút. Để tôi ngó xem.” Cô quay về Mason và nói:
 “Từ văn phòng ‘Hardvic, Carson và Redding’.”

Mason gật đầu.

“Vâng, ông Mason có đây,” Della nói vào điện thoại. “Ông ấy sẽ trao đổi với ông Hardvic. Xin nối máy cho.”

Mason cầm ống nghe và nói, “Alô, Mason bên điện thoại... Chào ông Hardvic.”

“Ông Mason,” Hardvic nói, “tôi lâm vào một tình huống khá kì quặc. Tôi muốn gặp ông và ông James Etna.”

“Bao giờ?” Mason hỏi.

“Vào thời gian gần nhất mà các ông có thể.”

“Ở đâu?”

“Đâu tiện cho các ông. Tại văn phòng ông, nếu ông muốn.”

“Về vấn đề gì?”

“Về một sự kiện đặt tôi vào tình trạng khó xử và nếu nói hoàn toàn thẳng thắn, điều đó có thể có các hậu quả có lợi cũng như bất lợi đối với Jozephine Kempton, thân chủ của các ông. Tôi nghĩ ông cần thông tin liên quan đến bà Kampton, và tôi cũng rất quan tâm đến thông tin mà ông có”

“Ông có thể đến nhanh mức nào?” Mason hỏi.

“Lập tức ngay sau khi chúng ta thoả thuận về thời gian thuận tiện cho ông và ông Etna.”

“Hãy đến đây sau mười lăm phút,” Mason quyết định, “Etna sẽ ở chỗ tôi.”

Ông treo máy và nói với Della, “Hãy gọi cho được James Etna, và nói với ông ta rằng chỗ chúng ta có cuộc gặp gỡ quan trọng với Hardvic. Truyền đạt cho ông ấy để ông ấy lập tức đến đây ngay.”

Della gật đầu.

“Tôi sẽ kịp quay lại khi Etna đến,” Mason nói và theo hành lang đi đến văn phòng của Paul Drake.

“Anh Drake có trong ấy không?” Mason hỏi cô gái đang ngồi cạnh tổng đài.

“Thưa ông Mason, mời ông đi thẳng đến chỗ ông ấy,” cô gái gật đầu. “Chỗ ông ấy

hiện không có khách nào cả. Tôi sẽ báo trước cho ông ấy là ông đến,”

“Cảm ơn,” Mason nói, mở cửa chỗ hàng lan can thấp phân chia buồng tiếp khách nhỏ, và theo hành lang dài đến chỗ Drake.

Mason bước vào vừa lúc Drake bỏ máy điện thoại.

“Chào,” Mason nói. “Có gì mới không?”

“Tôi đào mỗi lúc một sâu hơn,” Drake nói, “chỗ tôi đã thu thập một khối lượng tài liệu khổng lồ, nhưng tôi còn chưa kịp phân tích nó. Có nhiều số liệu về những điều vớ vẩn.”

“Sydney Hardvic vốn là luật sư của Benjamin Addicts khi ông này còn sống, còn bây giờ, có lẽ, thực hiện việc kiểm soát của thừa kế cho thân chủ. Vào lúc này ông ta đang đi đến đây để gặp tôi,” Mason thông báo. “Xét theo cách xử sự của ông ta, ông ta biết chuyện gì đó và có gì đó làm ông ta lo lắng. Anh biết đó có thể là gì không?”

Drake lắc đầu.

“Không, hiện thời tôi chưa biết. Hãy cho tôi hai hoặc ba giờ, có thể tôi sẽ làm rõ điều đó.”

“Hãy cho tôi mười lăm phút, và tôi chắc chắn làm rõ điều đó,” Mason mĩa mai.

“Việc thử máu cho thấy,” Drake nói, “ở trong máu Addicts có ba mươi hai phần nghìn chất còn vào thời điểm bị giết. Điều đó là quá đủ để cho ông ta ngủ say. Có những số liệu chứng tỏ về việc trước đó độ kết tủa còn trong máu ông còn lớn hơn. Tôi nghĩ, tôi chẳng cần giải thích với anh mọi phép tính toán học liên quan với chất còn, nhưng tôi có thể nói những nét chính rằng, bắt đầu giai đoạn lú lẫn ý thức khi nhiễm độc rượu chừng từ mười lăm phần nghìn chất còn trong máu. Khi chứa còn từ ba mươi đến bốn mươi phần nghìn, con người nằm trong trạng thái say nặng, tức anh ta say tới mức không có khả năng để di chuyển hay lĩnh hội. Benjamin Addicts có ba mươi hai phần nghìn chất còn trong máu. Cảnh sát cũng biết rõ một cách chính xác bà Kempton vào nhà lúc nào. Họ kiểm tra điều đó nhờ người lái xe buýt. Bà ta đã đi chính chuyến xe như bà khẳng định. Sự nhiễm độc rượu ở Addicts mạnh đến nỗi ông ta không thể lĩnh hội rõ điều đang diễn ra. Có lẽ, ông ta uống cho đến lúc ngã vật ra giường và ngừng hoạt động. Dung lượng rượu trong máu giảm đi sau sự hấp thụ ở giới hạn hai đến bốn phần nghìn mỗi giờ.”

“Điều gì có thể là nguyên cơ cho một cuộc nhậu say đến thế, Paul?”

“Quý tha ma bắt, làm sao mà tôi biết?”

“Làm rõ được gì chưa về các quyết toán điện thoại?” Mason hỏi.

“Vẫn chưa, nhưng thông tin đó sẽ được nhập trong vòng một giờ nữa. Tôi đã thỏa thuận để người ta sẽ sao chụp cho tôi tất cả các thanh toán tiền điện thoại.”

“Sao anh có thể đạt được mọi thứ đó, Drake?”

“Tốt hơn anh đừng nên biết các tiểu tiết. Tôi liều cái mạng của mình. Nói ngắn

gọn, tôi sẽ có chúng.”

“Hãy nhận được tin gì đó thì cho tôi biết ngay. Còn bây giờ, chuyện gì đang xảy ra với Alen Blevins, ông ta thực sự là nhà thôi miên?”

“không đơn thuần là nhà thôi miên, mà là nhà thôi miên xuất chúng. Ông ta cho rằng, có thể thôi miên được ười trong các điều kiện bình thường. Ông ta khẳng định rằng vẫn chìm được lúc ười vào trạng thái gì đó tương tự như thôi miên, nhưng khi làm điều đó, ông không thể khơi gợi gì nổi cho nó nếu tác động vào tiềm thức. Khi thôi miên con người, thì đạt được điều đó bằng lời nói. Khi anh thôi miên với ười, không thể nào thiết lập nổi mối tiếp xúc giữa ý thức của người và của nó. Con thú đơn giản là ngủ. Để xác định giấc ngủ dưới tác động thôi miên hay giấc ngủ tự nhiên là khá phức tạp.”

“Blevins bị sa thải chứ?”

“Vâng.”

“Có nguyên do không?”

“Tôi đã làm sáng tỏ, không hề có nguyên do gì cả. Natan Fallon báo với ông ta cái tin tồi tệ đó. Addicts từ chối thảo luận điều này. Tất cả đều bị sa thải cùng một lúc.”

“Blevins có cơ sở để căm thù Addicts không?”

“Hoàn toàn có thể có.”

“Hãy làm rõ ông ta ở đâu tối hôm trước,” Mason nói.

“Đã làm rõ,” Drake đáp, “ông ta sống độc thân. Bà vợ li dị với ông ta hai năm về trước. Ông ta khẳng định là ở nhà, xem tivi, còn sau đó đi ngủ.”

“Không có ai khẳng định được chứ?”

“Không, đó là lời của chính ông ta, không hơn. Anh muốn tôi đào sâu thêm chỗ này không?”

“Dĩ nhiên, muốn. Tại sao bà vợ lại li dị với ông ta?”

“Sự cưỡng bức tâm lý. Bà ta khẳng định rằng, ông ta thôi miên bà trong suốt thời gian, cố sử dụng cho các thử nghiệm của mình, đặt bà ta vào dạng vẻ đàn độn và đủ thứ đại loại như thế.”

“Hãy biết về điều này nhiều hơn nhé,” Mason nói. “Hãy tìm cho ra bà ta. Tôi muốn nói chuyện với bà ta.”

Drake đánh dấu vào sổ.

“Còn gì thêm không?”

“Tôi nghĩ tạm thời hết. Tôi quay lại chỗ tôi và sẽ làm rõ Hardvic cần gì ở tôi. Ông ta phải sắp đến rồi.”

“À, còn thêm điều này,” Drake nói. “Blevins kể với tôi rằng ông ta đã dạy Addicts các phương pháp thôi miên.”

“Để làm gì?”

“Addicts muốn thế.”

“Paul này,” Mason nói, “tôi muốn anh kiểm tra lại mọi điều cần thiết. Tôi dự đoán, trong vụ tố tụng này sẽ dựng lên một lối bào chữa mà sẽ đi vào lịch sử, nhưng để cho bước đầu, tôi cần biết chính xác điều gì đã xảy ra đằng ấy.”

“Thế Jozephine Kempton không kể với anh à?” Drake hỏi.

“Không.”

“Tại sao không?”

“Nếu nói giữa chúng ta, thì tôi nghĩ rằng tự bà ấy cũng không biết.”

“Ồ, vì Chúa, Perry!” Drake kêu lên. “Chỉ có điều chó nghĩ ra chuyện biện hộ trên cơ sở những lời bịa đặt của đàn bà: ‘Chúng tôi ngồi ở đây, trong tay tôi có con dao, còn sau đó, bỗng nhiên, mắt tôi tối sầm lại, còn khi tôi hồi tỉnh, ông ta nằm ở trên giường kia hoàn toàn bất động, và tôi hét lên: hãy nói gì với tôi đi chứ, Benny!’”

Mason nhếch mép, “Mọi thứ hoàn toàn không như thế đâu, dù nó đúng là thế. Hãy lắng cho hết mọi thông tin anh có thể lắng từ Blevins ra, hãy tìm bà vợ cũ của ông ta. Thôi, tôi đi đàm phán với Hardvic đã, muộn hơn tôi sẽ ghé qua anh.”

Mason quay lại văn phòng của mình.

“James Etna đang trên đường đến,” Della thông báo. “Giống như ông ấy đang bị kích động khủng khiếp.”

Điện thoại đổ chuông.

“Alô,” Della nói vào máy, nghe lời đáp và quay lại phía Mason: “Ông Etna đã đến.”

“Hãy nói ông ấy cứ vào, và chuyển cho Gerty, để cô ấy dẫn ông Hardvic đến đây ngay khi ông ta xuất hiện trong văn phòng.”

Della bỏ ống nghe và bước ra đón Etna.

Etna xúc động thấy rõ, ông kêu lên khi vừa bước qua ngưỡng cửa, “Ngài Mason, ngài có thể nói với tôi, cảnh sát đã đánh hơi được gì vậy?”

“Có lẽ, họ đã đào bới được gì đó rất nghiêm trọng.”

“Giống như là,” Etna nói, “họ tin tưởng chắc chắn vào điều họ nói...”

“Tôi và Della đã lật xới tung tóe cả văn phòng khi cố tìm microphon,” Mason cười mát. “Chúng tôi nghĩ, có thể là họ đã nghe trộm được cuộc trò chuyện của chúng ta với bà Kempton. Có gì đằng ấy với đơn phản kháng không? Ông đã đâm đơn chưa?”

“Chưa. Tôi hiểu rằng, từ việc đó sẽ chẳng có ích lợi gì.”

“Ông muốn nói là bà ấy đã bị buộc tội?”

“Vâng. Vụ giết người cố ý. Họ đã nhận được sự phê chuẩn, và lệnh bắt giữ được lập theo đúng mọi nguyên tắc.”

“Đã xảy ra gì đó mà kết quả của nó làm họ cảm thấy mình tuyệt đối tự tin,” Mason kết luận.

“Tất nhiên, đó là một chuyện khá khác thường,” Etna cho phép bản thân đưa ra

một nhận xét.

“Điều đó thì chính xác.”

“Thế ngài sẽ nói gì về sự kiện này?” Etna hỏi.

“Về điều bà ấy đã kể ư?”

“Vâng.”

“Tôi còn chưa nghĩ đến điều đó.”

“Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra, khi bà ta kể điều đó trước tòa?”

“Ông muốn nói, bà ấy sẽ kể điều đó với tòa ư?”

“Nhưng mà sớm hay muộn bà ta cũng phải kể nó cho tòa chứ.”

Mason nhếch mép, “Trong trường hợp ấy, chúng ta hãy cùng cố để cho điều đó xảy ra muộn hơn thì tốt nhất, Etna ạ.”

“Ngài nghĩ các bồi thẩm sẽ không tin chuyện kể của bà ta?”

“Thế ông?”

“Tôi...” Etna thốt ra, “quỷ tha ma bắt, ngài Mason ạ, tôi vừa tin vừa không tin.”

Mason tiếp tục cười mỉm.

“Tất nhiên, nếu chú trọng đến bối cảnh ở đây, thì câu chuyện nghe khá giống với sự thật. Có một tay triệu phú nào đó đã thử nghiệm với thoi miên. Ông ta cố thoi miên lũ đười ươi và cố khơi gợi, kích thích cho chúng sự xung động giết người. Sớm hay muộn ông ta cũng sẽ đạt được thành công nào đó, và lúc ấy hẳn giả định rằng, ông ta tự mình hoá thành nạn nhân đầu tiên là hoàn toàn logic.”

“Hãy tiếp đi, James,” Mason nói. “Ông đang dẫn ra các luận cứ có lợi cho tính chân thực trong câu chuyện của bà ấy. Ông cố thuyết phục bản thân dường như ông là bồi thẩm vậy.”

“Thì vâng, mà sao lại không nhỉ?”

Mason nói, “Nếu luật sư buộc phải tự thuyết phục bản thân trong tính chân thật câu chuyện của thân chủ mình, thì điều sáng suốt nhất là làm thế nào để không bao giờ có ai nghe thấy câu chuyện đó.”

“Tôi nghĩ ngài nói phải,” Etna nói, gắng gượng mỉm cười. “Tự tôi vẫn còn chưa xét đoán nổi, tôi cần xử trí thế nào với mọi chuyện ấy, còn giờ đây, sau những lời của ngài, tôi hiểu ra rằng phải hết sức cố gắng, dù là vô vọng, thuyết phục bản thân về tính chân thật của câu chuyện này, giờ đây tôi biết nên có thái độ thế nào với nó. Mọi thứ nghe ra hoàn toàn phi thực tế, nếu chỉ chú trọng đến bối cảnh ngự trị trong ngôi nhà ấy, chứ trên trên nền của nó mọi thứ trông có vẻ khá logic.”

“Sau mấy ngày nữa chúng ta sẽ biết nhiều hơn, James ạ,” Mason nói.

“Không cách nào tôi có thể tách ra khỏi cái ý nghĩ rằng vì lỗi của tôi mà ngài bị kéo vào mọi thứ này,” Etna than vãn.

“Mọi sự bình thường,” Mason mĩa mai. “Tôi còn lâm vào những vận bĩ tệ hại hơn

nhiều.”

“Nhưng dấu sao vẫn cứ nảy sinh câu hỏi, tại sao cảnh sát hành động lạ lùng như thế? Hình như, điều đó là khác thường đối với họ?”

“Khác thường!” Mason kêu lên, “Đấy là một trường hợp hiếm có!”

Điện thoại reo lên, Della cầm ống nghe, gật đầu với Mason và nói, “Đó là Hardvic.”

“Hãy tạm ngừng một lát sự bàn bạc của chúng ta đã,” Mason hướng về phía Etna. “Bởi nhẽ chúng ta buộc phải có chuyện với Hardvic, cần phải tự tin vào mình và hành động theo một cách thống nhất chặt chẽ. Chúng ta phải tươi cười và tỏ ra ngời niềm lạc quan. Della, mời ông ấy vào.”

Della mở rộng cửa và nói, “Ngài Hardvic.”

Sydney Hardvic, rõ ràng đang lo lắng điều gì đó, nói, “Chào các ông. Hi vọng tôi không phá vỡ kế hoạch của các vị ngày hôm nay, ông Mason ạ, và cả của ông, thưa ông Etna.”

Mason gật đầu với ông ta, “xin mời ngồi. Chúng tôi giúp gì được ông đây?”

Hardvic ngồi xuống, sửa lại kính trên mũi, sợi dây chun đen sau tai, chạm vào thiết bị tai nghe và nói, “Nào, ngay từ đầu chúng ta hãy cùng thẳng thắn nhé. Tôi rõ ràng cả hai ông trong nhiều quan điểm có thái độ chống đối lại tôi. Ông, theo tôi nghĩ, đại diện cho Jozephine Kempton?”

“Tôi cũng cho là thế,” Mason nói. “Mà tôi nghĩ, chúng tôi sẽ đại diện cho bà ấy.”

“Cả hai ông?” Hardvic hỏi.

James Etna ngần ngại chút ít, đáp, “Phải, tôi cho rằng cả hai chúng tôi.”

“Trong trường hợp ấy,” Hardvic tiếp tục, “tôi đại diện cho Benjamin Addicts, khi ông ấy còn sống. Tôi biết về ông ấy nhiều hơn bất cứ ai khác. Mấy tháng trước tôi đã lập di chúc cho ông ấy. Bản di chúc phù hợp với ý nguyện của ông Addicts vào thời điểm ấy.”

“Ông có cơ sở cho rằng ông ta đã thay đổi ý nguyện của mình?”

Hardvic hăng giọng.

“Không chỉ ý nguyện mà cả di chúc nữa.”

“Ông muốn báo gì đó với chúng tôi và muốn biết gì đó từ chúng tôi. Tại sao ông không mở hết các con bài của mình ra?” Mason đề nghị.

Hardvic mỉm cười. “Tôi sợ tôi là tay chơi poker tồi.”

“Ông không chơi trò poker,” Mason đáp lại ông ta. “Ông tham gia vào cuộc thương thuyết công việc với chúng tôi, tất cả chúng ta phải đặt lên bàn những con bài xác định. Còn giờ chúng ta cùng thỏa thuận rằng đầu tiên ông hãy bày ra tất cả những con bài mà ông muốn mở, còn sau chúng tôi sẽ có thể cho ông xem những con bài nào.”

“Rất tốt. Vấn đề là nảy sinh một tình huống khác thường mà phần nào có lợi cho thân chủ của các vị. Tôi cho rằng các ông nên biết về điều đó, ông Mason ạ, trước khi ông quyết định đại diện cho các quyền lợi của bà ta.”

“Xin hãy tiếp đi,” Mason nói, “chúng tôi nghe ông rất chăm chú.”

“Ông đến thăm Benjamin Addicts vào tối thứ ba. Chuyển viếng thăm của ông đã làm ông ấy mất thăng bằng về mặt tinh thần. Khi ông tìm ra nhân và đồng hồ. Đó là một cú giáng khắc nghiệt vào tính tự ái và lòng tự tin của Addicts. Ông ấy thay đổi toàn bộ quyết định của mình về việc cần phải viết gì vào bản di chúc của ông ấy. Vào chính cái đêm ấy, trước khi đi ngủ, khoảng mười một rưỡi, ông gọi Natan Fallon và Mortimer Hershey đến hội ý. Ông đã nói: ‘Thưa các vị, tôi là một thằng đàn, là một con lừa tự mãn. Tôi xử sự độc đoán, khi đưa ra những quyết định liên quan đến tất cả mọi người xung quanh mình. Tôi có lỗi. Tôi muốn chuộc lại tội lỗi của mình đến mức mà tôi có thể.’

Đây là bản di chúc tự tay tôi viết ra. Tôi đặt di chúc này vào phong bì. Tôi chuyển nó cho các vị. Tôi đề nghị các vị niêm phong bì thư này lại, kí lên mặt sau của nó và đặt vào một chỗ đáng tin cậy. Nếu trong khoảng mấy ngày gần tới có chuyện gì đó xảy ra với tôi, các ông phải lo sao cho bản di chúc này đến tay ông Sydney Hardvic.”

“Trong khoảng mấy ngày gần tới?” Mason hỏi lại. “Nghĩa là ông ta lo sợ điều gì chẳng?”

“Không, không, chẳng có gì. Ông ấy muốn gặp tôi và lập di chúc của mình đúng theo nguyên tắc trước các nhân chứng. Ông muốn có bản di chúc tự tay ông viết kiểu như một biện pháp tạm thời phòng bất trắc, nếu nhỡ có gì đó xảy ra với ông, thì cái di chúc cũ của ông sẽ không còn hiệu lực.”

Mason gật đầu, “Và vào tối hôm ấy ông đến để lập bản di chúc mới?”

“Vâng. Thế nhưng, ông ấy quá bị kích động và đã không thêm trò chuyện với tôi. Vào thời điểm đó tôi đã không thể hiểu nổi có chuyện gì nữa. Nhưng dưới ánh sáng các sự kiện tiếp theo, giờ đây tôi có thể dựng lên toàn cảnh. Ông, ông Mason ạ, đã làm lung lay tính tự tin của ông ấy. Mà tôi biết, để làm ông ấy chạm nọc là khó lắm; ông ấy vốn là một người như thế rồi. Và giờ đây tôi sẽ đọc cho các ông nghe một phần bản di chúc viết tay của ông Addicts - bản di chúc mà tôi sẽ đệ trình để được phê duyệt chính thức. Tôi nghĩ rằng, một số điểm được nhắc tới trong đó có thể có ý nghĩa to lớn đối với các ông, thưa các ông, và đặc biệt là đối với nữ thân chủ của các vị.”

“Chúng tôi nghe ông,” Mason nói và bằng mắt ra hiệu cho Della hiểu rằng cô cần ghi tốc kí phần di chúc sẽ được đọc.

Hardvic mở tờ giấy ra và lên tiếng đọc, “Tôi, Benjamin Addicts, thể hiện ý nguyện cuối cùng của mình, tự tay viết bản di chúc này, trong trạng thái ăn năn thanh thản.

Tôi đã xử sự độc đoán. Tôi đã tự thị quá đáng. Tôi quá thiên về việc chỉ trích những người xung quanh tôi. Đặc biệt, tôi lấy làm tiếc về những hoàn cảnh đã dẫn tôi đến sự cắt đứt với em trai Herman của tôi.

Tối hôm nay tôi đã trải qua sự chấn động lớn lao về mặt cảm xúc. Bà Jozephine Kempton, người phục vụ cũ của tôi mà tôi ít hoặc nhiều đã trực tiếp buộc vào tội trộm cắp, là vô tội. Những vật dụng giá trị mà tôi cho rằng bà đã lấy cắp, được phát hiện ra là chúng bị một con đười ươi nghịch ngợm ăn cắp, và tôi phải chịu trách nhiệm về các hành động của con đười ươi đó.

Thể hiện ý nguyện cuối của mình, tôi di chúc như sau. Đối với Jozephine Kempton, người phục vụ cũ của tôi, tôi có những lời xin lỗi chân thành nhất và dành lại cho bà số tiền năm mươi nghìn đôla. Đối với Mortimer Hershy, người quản lí của tôi mà sự phục vụ, tiện thể nói thêm, cũng đã được trả rất hậu rồi, tôi di chúc lại mười nghìn đôla. Đối với Natan Fallon, người mà tôi cho rằng tôi đã trả thừa quá mức và người đôi khi hành động bất chấp các quyền lợi của tôi, tôi di chúc lại một đôla và một lời khuyên đáng giá: điều chủ yếu cần phải có ở một người phục vụ, - đó là lòng trung thành tuyệt đối, không lay chuyển. Tôi tin rằng lời khuyên này sẽ có lợi cho ông ấy bất là ở địa vị nào trong tương lai ông ấy phụng sự.

Tôi giao cho ngân hàng ‘Sibourg mikénics nestion trass company’ làm người thừa hành ý nguyện cuối cùng của tôi và tôi đòi hỏi để tất cả các hành động được bảo đảm bằng luật pháp, liên quan với việc phân phối tài sản do tôi di chúc lại, được tiến hành bởi Sydney Hardvic làm việc tại hãng ‘Hardvic, Carson và Redding’.

Hardvic rời khỏi tờ giấy và thốt lên, “Thế đấy, thưa các ông. Di chúc ghi ngày thứ ba buổi tối, nó được viết trọn vẹn bởi tay Benjamin Addicts và được ông kí.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó,” Mason nói, “cho phép nhìn tình huống theo cách mới. Tôi đã chú ý, ông nói là chỉ đọc một phần bản di chúc thôi.”

Hardvic mỉm cười. “Đúng! Ở đây còn có một số chỉ thị liên quan đến các nhân công cũ của ông ấy, và điểm cuối cùng trong đó là tất cả phần tài sản còn lại được trao cho em trai của ông ấy.”

“Họ ông ấy cũng là Addicts chứ?” Mason hỏi.

“Không.”

“Tôi có thể biết được nó không?”

“Muộn hơn.”

“Thế ông ta phân chia tài sản của mình như thế nào trong bản di chúc cũ?”

Hardvic mỉm cười nhưng không đáp lại.

“Thôi được, tôi sẽ hỏi theo cách khác vậy,” Mason nói, “trong bản di chúc kia có nhắc tới bà Kempton không?”

“Không. Không hề có.”

“Tức bằng cách ấy ông Addicts cố chuộc lại lỗi của mình,” Mason phỏng đoán.

“Tôi nghĩ, các ông cần biết về điều này,” Hardvic nói. “Điều đó củng cố vị trí của thân chủ các vị, thêm nữa thông tin cũng có thể đáng giá khi kí kết thỏa thuận về mức độ thù lao cho các vị. Tôi nghĩ rằng, hẳn các vị sẽ thất vọng làm sao, khi đã xác định mức thù lao của mình, còn sau mới phát hiện ra rằng nữ thân chủ của quý vị có năm mươi nghìn đôla mà các vị không hề biết.”

“Cảm ơn ông,” Mason nói, “còn ông cần gì?”

“Tôi muốn được trò chuyện với nữ thân chủ của các ông, với Jozephine Kempton,” Hardvic nói. “Tôi muốn trò chuyện riêng mặt đối mặt với bà ấy. Tôi muốn được bàn bạc với bà một vấn đề bí mật.”

“Tức, như tôi hiểu,” Mason ngạc nhiên, “ông không muốn để chúng tôi có mặt lúc đó?”

“Tôi muốn trò chuyện tuyệt đối bí mật với bà ấy.”

Mason ngược nhìn James Etna.

“Riêng phần tôi thì tôi không phản đối, rất cảm ơn ông và...”

“Còn tôi lại phản đối,” Mason nói.

“Nghĩa là sao?” Hardvic kêu lên.

Mason nhếch mép, “Tôi không đến nỗi phải hàm ơn ông lắm.”

“Chính tôi đã cho ông thông tin...”

“Dĩ nhiên,” Mason nói, “ông cho chúng tôi thông tin giúp chúng tôi xác định được mức thù lao. Chúng tôi cảm ơn ông vì điều đó. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì cho ông - với tư cách cá nhân. Nhưng nữ thân chủ của chúng tôi lại ở một vị thế có phần khác. Tôi không định phân chia tiền tạm ứng nhỏ vào thân chủ của mình cho đến khi tôi chưa biết chính xác ông muốn gì.”

“Tôi có thể cam đoan với ông, ông Mason ạ, rằng sự việc nói về một vấn đề không dính líu một chút nào tới vụ mà vào thời điểm hiện tại thân chủ của ông đang mắc vào. Điều đó phải được tuyệt mật ở mức cao nhất. Thật ra bà Kempton cũng không biết là tôi muốn làm rõ vấn đề gì nữa cơ.”

Mason lắc đầu.

“Tôi muốn biết ông đang sẵn chính con thú gì trước khi tôi cho phép thân chủ mình bước vào vùng xạ kích.”

“Điều đó không hề gây thiệt hại gì cho bà ấy.”

“Tình huống vốn chính là tự nó,” Mason nói, “bà ấy có quyền sử dụng lời khuyên của luật sư - lời khuyên của một luật sư hành động cho các quyền lợi của bà ấy.

“Ông Mason ạ, ông đòi giá quá cao vì sự giúp đỡ của mình đấy.”

Mason mỉm cười. “Còn ông thì đánh giá quá cao những điểm ông đọc trong di chúc.”

“Thôi được,” Hardvic nói, “cứ giả sử rằng các ông cũng biết nội dung bản di chúc sau, khi nó được đăng kí để phê chuẩn chính thức. Nhưng biết trước về nó, các ông có thể cho riêng bản thân, thừa các ông, - thêm được mấy nghìn đôla.”

“Chúng tôi hàm ơn ông,” Mason nói, “nhưng chúng tôi đang giúp thân chủ vì quyền lợi của họ, chứ không vì quyền lợi riêng của chúng tôi.”

“Tôi không nghĩ rằng cái giá tôi đòi hỏi là cao quá mức,” Hardvic nói.

“Ông định nói về điều gì với bà Kempton?”

“Tôi không có quyền thông báo với ông.”

“Được,” Mason nói, “trong trường hợp như thế, tôi sẽ nói với ông, và chúng ta cùng xem tôi đoán chính xác đến mức nào nhé.”

“Ông sẽ nói cho tôi ư?” Hardvic kêu lên sửng sốt.

“Đúng vậy,” Mason nói. “Ông định hỏi Jozephine Kempton về vụ giết Helen Cadmus.”

“Về vụ giết Helen Cadmus?” Hardvic hỏi lại.

“Đúng, về vụ giết người. Ông có cơ sở cho rằng có ai đó đã ném Helen Cadmus ra ngoài thành tàu. Ông nắm được thông tin mà chúng tôi không có. Ông cũng lo lắng một số vấn đề gắn với quyền thừa kế. Khi tôi biết thêm về điều ông quan tâm, tôi sẽ có thể trả lời ông chi tiết hơn.”

Hardvic ho to, tháo kính, chùi nó kĩ lưỡng và đặt trở lại mũi.

“Nào, tôi đúng được mấy phần?” Mason hỏi.

“Đó chỉ là các phỏng đoán của ông thôi,” Hardvic nói.

“Tất nhiên là phỏng đoán, nhưng phỏng đoán của tôi khá gần với chân lí, phải thế không?”

“Cứ giả sử, chỉ nhằm góp chuyện thôi, nó là thế đi. Và tiếp theo sẽ là gì?”

“Đấy chính là điều tôi phải làm sáng tỏ.”

“Nói thật, cái điều có thể có ảnh hưởng nghiêm trọng đến số phận nữ thân chủ các ông đang làm tôi lo đấy.”

“Ông không định dựng nên một lí thuyết về việc Jozephine Kempton đã giết Helen Cadmus chứ?”

“Tôi không nói ra những lời buộc tội tương tự.”

“Ông không nói thẳng điều đó,” Mason bác lại, “nhưng đó chính là điều mà ông định dùng để làm chúng tôi sợ, như một số kẻ lòi ra một tiểu quỷ trên đầu sợi chỉ và rung lắc nó trước mũi đứa trẻ vậy.”

“Tôi đơn thuần là muốn để các ông nhận thức được, thân chủ của các ông cần phải hợp tác với tôi.

“Dĩ nhiên,” Mason nói, “chúng tôi không có ý định đứng tách sang một bên, trong khi ông cố ngoắc vụ giết người lên cổ thân chủ của chúng tôi.”

“Tôi không định treo lên bà ta vụ giết người, nếu bà ta hợp tác với tôi. Tôi hứa với các ông, thưa các ông, rằng không bao giờ tôi trao cho cảnh sát lấy một lời nào dù tôi có rõ đến đâu chẳng nữa.” Hardvic tiếp tục, “chúng ta chẳng cần giữ quan điểm chống đối để làm gì cả. Tôi chỉ cần biết hai thứ và...”

“Hai thứ?” Mason hỏi lại ông ta.

“Đúng vậy.”

“Tôi tưởng rằng chỉ nói về có một thứ.”

“Nhưng ông có chịu đợi cho tôi kết thúc đâu. Tôi muốn nói chuyện trực tiếp với thân chủ các ông, và tôi cần những cuốn nhật kí kia của Helen Cadmus.”

Mason lắc đầu.

“Để đổi lấy những thứ đó,” Hardvic tiếp tục, “các ông có thể tính đến sự hợp tác của tôi với các ông trên mọi giai đoạn tố tụng.”

“Vứt mẹ toàn bộ sự ngoại giao ngọt lịm ấy của ông đi,” Mason nói. “Nếu nói thẳng, thì ông đến tổng tiền chúng tôi. Ông cần các nhật kí Helen Cadmus, và ông muốn để bà Kempton lòi hạt dẻ từ trong lửa ra cho ông. Còn nếu bà ấy khước từ làm điều đó, ông sẵn sàng treo lên bà ấy vụ giết Cadmus.”

“Ông Mason!”

“Nhưng,” Mason tiếp tục, “ông đã nhầm không đúng kẻ rồi.”

“Ông Mason, tôi chỉ nói là các ông có thể làm hai việc mà chúng sẽ đem lại cho thân chủ các ông điều lợi khổng lồ thôi. Cuối cùng, các ông biết không, tôi có thể đạt được điều tôi cần một cách đơn giản hơn - chỉ cần tôi đến cảnh sát là đủ. Nhưng lúc ấy mọi thứ đó sẽ xuất hiện trên mặt báo.”

“Điều đó là đúng,” Mason nói, “cảnh sát có thể đào ra bất cứ tin tức gì, và trên báo chí họ có thể in bất cứ gì họ thấy nảy ra trong đầu. Còn chúng tôi có thể khuyên thân chủ chúng tôi không đáp lại bất cứ câu hỏi nào.”

Hardvic đứng lên.

“Bây giờ tôi sẽ nói cho các ông, các gentlemen,” ông ta nói, “tôi đã nhận được điện tín của em trai Benjamin Addicts từ Australia.”

“Tuyệt lắm. “

“Tôi đã chuyển ngay điện báo theo một địa chỉ duy nhất mà tôi rõ, khi người ta báo cho tôi về cái chết của Benjamin, và có điện tín đáp lại với lời chia buồn. Sau đó, khi vừa biết về bản di chúc, tôi đã điện báo tiếp cho ông ấy và trình bày những nét chính ý nguyện của người quá cố.”

“Và ông nhận được lời đáp từ ông ta,” Mason nói, “với đòi hỏi bác bỏ trả bất cứ thứ tiền gì cho Jozephine Kempton, bởi nhẽ bà ấy có tội trong vụ án mạng và như vậy theo luật pháp, không có gì còn lại cho bà ấy từ số tiền thừa kế, bất chấp mọi sự sắp đặt có trong di chúc?”

“Tôi chưa nhận được những điện tin như thế. Tôi nhận một bức điện trong đó có chỉ dẫn đăng kí bản di chúc để được phê chuẩn chính thức và đại diện cho các quyền lợi của ông ấy.”

“Ông sẽ nhận được điện tin như thế,” Mason nói, “và trong trường hợp, nếu ông không nhận được nó, thì như luật sư lo toan bảo vệ quyền lợi của thân chủ mình, ông sẽ lưu ý ông ta đến mục đó của bộ luật và giải thích với ông ta rằng nếu bà Kempton bị xử vì tội giết người, thì ông ta lãi được số tiền năm mươi nghìn đôla. Theo một số cân nhắc, có lẽ thân chủ của chúng tôi mong kìm được sự đề xuất những đòi hỏi như thế. Ông sẽ giải thích với ông ta rằng ông ta có quyền sử dụng sự kiện đó chứ?”

“Thế ông sẽ làm gì, nếu như ông ở vào địa vị tôi?” Hardvic hỏi.

“Tất nhiên, tôi sẽ giải thích với ông ta,” Mason nói. “Còn bây giờ thì tôi xin hỏi ông một câu. Ông sẽ xử sự thế nào, nếu như ông là luật sư đại diện cho Jozephine Kempton và một tay luật sư nào đó khác rõ ràng có lợi trong việc xử bà ta vì tội giết Benjamin Addicts, muốn hỏi bà ấy trực tiếp để xem có tìm ra nguyên cớ thuận lợi treo lên cổ bà thêm một vụ án mạng nữa không?”

“Tôi tin chắc chắn lẽ phải trong các lí lẽ của mình,” Hardvic nói, “còn ông không biết được chính điều gì có lợi cho bà ta, nhưng tôi sẽ cho bà ta những lời khuyên phù hợp với điều đó.”

“Hoặc đặt hết các con bài lên bàn,” Mason đòi hỏi, “hoặc ông biến đi với quỷ.”

“Ông cứ ngang ngạnh, hoàn toàn không cần thiết,” Hardvic nói lạnh lùng. “Tôi thì tôi không đến với quỷ đâu, nhưng còn thân chủ của ông sẽ đi gặp quỷ sứ dưới Diêm Phủ, khá chóng đấy.”

Và ông ta bước ra khỏi phòng với vẻ kiêu hãnh.

“Trời ơi,” Etna kêu lên, “ngài thực tế đã sỉ nhục ông ta, ngài Mason ạ!”

Mắt Mason thu hẹp lại, “Ông ta kể với chúng ta đôi điều có lợi, và ông ta nghi ngờ một điều gì đó mà cho đến giờ chúng ta vẫn còn chưa có khái niệm.”

“Dĩ nhiên,” Etna nói, “ông ta rõ mọi sự đến gốc rễ - cái thông tin mà chúng ta không có, và điều đó cho ông ta ưu thế to lớn.”

“Tốt thôi,” Mason nói, “thì cứ mặc ông ta giữ nó trong vòng bí mật. Bắt đầu cuộc chạy đua rồi. Chúng ta xuất phát không khá lắm, nhưng chúng ta có tốc độ lớn hơn.” Ông quay lại Della: “Hãy nói tôi với Paul Drake.”

Della gật đầu, Mason cầm ống nghe và nói, “Paul à, tôi tham gia cuộc chạy đua của chuột rồi. Tôi cần hành động nhanh. Helen Cadmus biết về Benjamin Addicts nhiều hơn bất cứ ai đó khác, nếu không kể đến luật sư riêng của Addicts. Cô ấy biết rõ một điều gì đó làm tay luật sư này lo lắng. Tôi cần phải biết đó chính là gì. Benjamin Addicts là người độc thân. Một người đàn ông đứng tuổi, nhưng rắn rỏi, đầy sức sống và có vẻ can đảm. Cần tìm ra người phụ nữ... Chà quý tha ma bắt, sao tôi biết được đó là người phụ nữ nào? Và khi anh nhận được tất cả các số điện thoại mà ông ta trò chuyện với con tàu, hay kiểm tra các số ấy, và nếu đây là số điện thoại khách sạn hay trại du lịch, hãy lập tức phái thám tử tới đó kèm theo hình, và làm rõ: ông ta có giải trí với người đẹp nào đó ở đây không.”

Mason ném mạnh ống nói điện thoại.

“Thế ngài không có cảm giác,” James Etna nói, “ngài đã làm những kết luận quá vội vã không, ngài Mason? Tất cả đoán chắc rằng trong đời Addicts không hề có người đàn bà nào.”

Gorty khoá cửa ra vào phòng tiếp khách đúng vào năm giờ chiều. Vào năm rưỡi Della xếp các công văn gửi vào một cột, và Gerty giúp cô đóng dấu các phong bì. Sau việc đó Gerty đi về nhà.

Della sang văn phòng riêng của Mason.

“Mệt không, Della?”

“Không quá. Còn anh thế nào?”

Mason mỉm cười. “Tôi ngồi đọc nhật kí thôi. Đầu tôi quay cuồng vì chúng. Cô còn

sức làm việc một lát nữa không?”

“Còn. Thế cần làm gì?”

“Chúng ta phải vắt ra tất cả những gì có thể từ các nhật kí này của Helen Cadmus.”

“Chúng ta đã làm việc đó rồi mà.”

“Hoàn toàn chưa. Chúng ta mới đọc các dòng. Còn giờ đây ta phải xem điều gì được viết giữa các dòng.”

Phía ngoài cửa phòng tiếp khách có tiếng gõ to và kiên quyết.

“Tôi nó xem ai ngoài kia nhé?” Della hỏi.

Mason lắc đầu, “Không cần, Della ạ. Đã đủ với chúng ta mọi vụ khẩn cấp và việc siêu khẩn rồi.”

Cô ngồi xuống vị trí thư kí của mình. Mason đi lại bên, và ngồi ghé lên mép bàn, chạm vào tay cô.

“Tuyệt làm sao là có cô ở cạnh tôi,” ông nói.

“Tuyệt làm sao được ở bên anh,” cô đáp với nụ cười.

Tiếng đập vào cửa ngoài chuyển thành sầm sầm không dứt.

“Ai cứ cố lọt vào phòng khách của chúng ta thế,” Mason nói, “giống như anh ta tin chắc rằng ở đây có ai đó, Della ạ. Đó là tiếng gõ kiên nhẫn, thậm chí là lì lợm. Tốt nhất hãy xem ai ngoài ấy vậy.”

Della vội ra phòng tiếp khách mở cửa. Mason nghe thấy cô trao đổi với ai đó mấy lời, sau đó quay lại với số báo buổi chiều mới tinh. Trên tờ báo ghi: ‘Gửi ông Mason. Sydney Hardvic kính chào ông. Tôi muốn thuyết phục ông rằng tôi biết cách hành động nhanh’.

Della ngồi xuống bàn của mình. Mason cúi xuống phía trên vai cô trong khi cô trải báo ra bàn. Một dòng tít to tướng ngay trên cùng trang báo:

«CẢNH SÁT ÁM CHỈ VỀ KHẢ NĂNG CỦA VỤ ÁN MẠNG THỨ HAI.

Chính quyền đang thẩm vấn nhân vật bị tình nghi trong vụ giết Addicts, liên quan với sự mất tích bí ẩn của cô thư kí kiêu diễm của ông ta...»

“Ông ta thật rở trên làm sao!” Della kêu lên. “Đó đơn giản...”

“Tôi không hề chờ điều gì khác,” Mason đáp. “Nào, tốt hơn chúng ta xem, Della, ông ta đã đi xa đến mức nào.”

Họ cùng đọc mẩu tin.

«... Lúc này cảnh sát đang thẩm vấn bà Jozephine Kempton, nhân cái chết bí ẩn của Helen Cadmus, nữ thư kí kiêu diễm mà như người ta cho là đã nhảy ra khỏi con tàu xa xỉ của Benjamin Addicts trong một đêm bão tố mấy tháng trước đây.

Chính quyền cho rằng cái chết này, như tờ báo chỉ ra, là vụ tự tử, nhưng có liên quan với vụ giết Benjamin Addicts. Vụ Helen Cadmus đã được khởi tố lại.

Ngài biện lí khu đã lưu ý rằng Jozephine Kempton được nhắc tới ở trên, tại thời điểm này đang bị giam giữ theo cáo trạng giết Benjamin Addicts, đã sống trên con tàu buồm của Addicts ở trong ngăn tiếp giáp ngăn của nữ thư kí kiều diễm. Helen Cadmus đã biến mất một cách bí ẩn trong đêm vào lúc bão biển lớn không xa bờ đảo Catalina. Bà Kempton khai với lời tuyên thệ rằng, khi uống thuốc chống say sóng có tác động gây ngủ, bà đã lên giường và ngủ thiếp đi.

Dù lúc ấy lời khai của bà không gây nên chút ngờ vực gì, ngài biện lí khu tuyên bố rằng, dưới ánh sáng các sự kiện gần đây việc điều tra liên quan với cái chết của Helen Cadmus được khôi phục.

‘Hiện thời’, ngài nói, ‘chúng tôi chưa đưa ra một sự buộc tội nào, bởi nhẽ lúc này chúng tôi chưa có đủ cơ sở để làm việc đó. Chúng tôi chỉ bình luận rằng cái chết của Helen Cadmus mà đạo đó được xem và vụ rủi ro bất hạnh trong giông bão, có thể có ý nghĩa khác hơn. Trong khi điều tra, chúng tôi đã hỏi cung bà Kempton về các sự kiện tối hôm ấy, lúc Helen Cadmus biến mất, và bà Kempton từ chối cho chúng tôi biết gì đó mới hơn. Đó là tất cả những gì tôi muốn thông báo’.

Mason nghiêng chặt rằng, ánh mắt ông thành ra băng giá.

“Biết sao được,” Della nói, “Hardvic trung thực giữ lời hứa của mình.”

“Còn trung thực đến đâu hơn nữa,” Mason nói. “Tuyệt lắm, Della ạ. Hãy chờ đây một phút. Tôi ghé qua chỗ Paul. Người ta đã tuyên chiến với chúng ta, và tôi hi vọng rằng chỗ anh ấy có ít đạn dược gì đó cho chúng ta.”

“Tôi gọi cho anh ấy nhé?” Della hỏi.

“Không,” Mason nói. “Tôi ghé vào văn phòng anh ấy và tự mình xem chỗ anh ấy đang nấu món gì. Trong lúc ấy, cô hãy phôn cho các báo và nói với họ rằng, nếu họ phái đại diện của họ tới đây, tôi sẽ có tuyên bố liên quan đến vụ giết Addicts.”

“Tôi chờ cho đến khi anh nói xong với Paul, trước khi...?”

Mason lắc đầu.

“Anh muốn nói rằng, nếu chỗ Paul không có gì cho anh, thì anh vẫn sẽ phát biểu để bác bỏ một cách công khai?”

“Bác bỏ một cách công khai, Della ạ,” Mason nói, “trong trường hợp này sẽ chẳng cho chúng ta gì cả. Chúng ta phải buộc Hardvic và cả hội ông ta chuyển sang phòng thủ. Tôi cần gì đó thật gây chấn động. Nếu Paul đã chuẩn bị vũ khí cho chúng ta, tôi sẽ cho chúng vào cuộc. Nếu chưa, tôi sẽ bắn đạn giả, nhưng những viên đạn giả này sẽ gây nên cái tiếng động tới độ phía đối phương buộc phải vội vã chui vào hầm ẩn náu. Cô hãy gọi cho được các tòa soạn, và hãy phòng thủ pháo đài. Tôi sẽ quay lại ngay sau khi nói chuyện xong với Paul.”

Mason bước ra hành lang qua cánh cửa văn phòng của mình. Đi đến văn phòng ‘Hãng thám tử Drake’, ông mở rộng cửa, mắt bắt gặp cô điện thoại viên ngồi cạnh

tổng đài, và hỏi, “Paul có trong phòng không?”

Cô ta mỉm cười. “Tôi đoán chắc rằng ông ấy vẫn ở trong đó.”

“Thật tuyệt vời,” Mason cười to, trong khi mắt lại nhìn một cô gái tóc sáng ngồi trong phòng tiếp khách: “Hãy chuyển cho anh ấy là tôi đang đến nhé.”

Mason bước qua cánh cửa nhỏ vào một hành lang dài dẫn tới phòng làm việc của Paul Drake, và bắt gặp Drake đang áp ống nghe vào tai. Nhà thám tử sắp ra những tờ giấy gì đó trong khi vẫn tiếp tục nói chuyện với một trong số điệp viên của mình.

Bằng cử chỉ Drake mời Mason ngồi và sau một thoáng nói vào ống nói, “Tốt. Hãy buộc bà ta kí vào sau ảnh, để không có sự ngờ vực nào về việc bà ta nhận dạng được họ. Giờ đây chắc bà ta không muốn viết bản khai với lời tuyên thệ đâu, nhưng cần ràng buộc để sau này bà ta không thể chối cãi được. Hãy xác nhận rằng bà ta thực sự nhận ra các bức ảnh.” Drake bỏ máy, mặt mỗi mỉm cười với Mason và nói: “Phỏng đoán của anh đã được khẳng định, Perry ạ.”

“Phỏng đoán nào mới được chứ?”

“Các số điện thoại Addicts dùng để gọi đến tàu và...”

“Anh muốn nói, các anh đã đánh hơi được ông ta đã ở với đàn bà?”

“Chính xác.”

“Với một phụ nữ hay nhiều người?”

“Trong cả hai trường hợp chỉ vẫn một phụ nữ - Helen Cadmus.”

Mason huýt sáo.

“Hầu như là may mắn để biết về sự kiện này. Mấy lần, khi tàu buồm đi vào cảng vào chín, mười giờ tối, Addicts rời khỏi bến, nhưng không về nhà cho đến sáng hôm sau. Tôi đã kiểm tra sổ trực tàu. Đôi lần, khi Addicts đi trên tàu, còn sau đã đổ bộ xuống Catalina và phái con tàu đi tiếp, ông ta điện thoại cho thuyền trưởng để ra chỉ thị cho ông này. Các hồi chuông điện thoại đúng là từ hai khách sạn này. Hiện thời tôi chưa kiểm tra được ngày tháng, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa việc ông ta gọi đi từ đâu, và ở một trong hai khách sạn, bà chủ dứt khoát nhận ra họ. Bà chỉ đúng Benjamin Addicts và Helen Cadmus trên ảnh.”

“Ông ta đăng kí như thế nào?” Mason hỏi.

“Dĩ nhiên, ông ta sử dụng tên giả.”

“Họ thường ghi lại số xe hơi,” Mason nói, “ông ta...”

“Phải, ông ta cho họ số chiếc ‘Cadillac’ của mình.”

Mason trầm ngâm. Mắt ông thu hẹp lại.

“Khi vào anh có thấy trong phòng khách một cô tóc sáng không?” Drake hỏi.

“Có, là ai vậy?”

“Vừa lúc tôi định gọi anh và đề nghị cô ta chờ mấy phút. Đó là bà Blevins, vợ của nhà tâm lí học dạy thú nọ. Tôi đề nghị cô ta đến văn phòng tôi, bởi nhẽ...”

“Gọi cô ta nhanh lên,” Mason nói. “Tôi cần nói chuyện với cô ta. Còn bây giờ nghe này Paul: tôi cảnh báo một cách nguyên tắc - tôi không muốn bất cứ sự sơ suất nào xảy ra trong vụ này. Các chàng trai của anh phải kết nối chặt, thật chặt các đầu mối. Addicts ẩn dưới tên gọi thế nào?”

“Trong cả hai trường hợp cùng chỉ một tên mà thôi,” Barnuell. Ông ta đăng kí là B.F.Barnuell.

“Anh không nhớ tên thứ hai của Benjamin Addicts hả Paul?”

“Không, không nhớ.”

Mason búng ngón tay và nói, “Tôi sẵn sàng cá với mười cent,” F là Franklin. Benjamin Franklin Addicts.”

“Và sao?” Drake hỏi.

“Chắc chắn là ông ta thường đăng kí những chữ đầu tên mình, B.F. Còn bây giờ thế này, Addicts có nhiều phi vụ gắn với hăm mỗ. Ông ta thường đến Nevada. Tôi cần biết, B.F. Barnuell có dừng lại đâu đó trong khách sạn không. Hãy so sánh các số liệu trong khả năng có thể về Barnuell.

“Anh buộc phải,” Drake nói, “thanh toán một số tiền điên rồ đấy, Perry. Người của tôi...”

“Điều đó không quan trọng,” Mason cắt ngang ông ta, “lúc này tôi đang cần nhất là cái điều gì đó rất nghiêm trọng ẩn giấu đằng sau nó. Tôi không biết chính xác là gì. Có thể là trong nhật kí của Helen Cadmus cũng không có. Dù vậy, bất cứ ai có dính dáng đến Addicts chút ít, đều muốn lấy cho bằng được những nhật kí này với bất cứ giá nào. Tôi không tìm ra được gì trong nhật kí, dù đã đọc hết chúng. Nhưng những người khác chưa đọc chúng và cho rằng trong đó có gì đó rất quan trọng... Thôi được, hãy gọi bà Blevins lại đây đi.”

Drake nhắc ống nói, “Hãy mời bà Blevins đến chỗ tôi.” Ông ngả người ra ghế bành, dụi mắt bằng những ngón tay xương xẩu, ngáp và nói thêm: “Perry ạ, tôi đã chết rồi. Tôi ngồi đây suốt ngày suốt đêm...”

“Chúng ta sắp đến đích rồi,” Mason trấn an. “Chúng ta đã rơi vào một vĩa quặng vàng.”

“Tôi không biết có lợi lộc gì không cho chúng ta từ những mớ vô bổ này,” Drake bác lại. “Chàng trai giải trí với thư kí của mình - trong đó chẳng có chút gì đặc sắc cả. Chính anh biết đó là chuyện thường tình mà. Thú nhận đi, cô ta là cô bé mỗ màng đến ma quái...”

“Biết, tôi biết,” Mason cắt ngang ông ta, “nhưng chúng ta đã chạm vào sợi chỉ có thể dẫn chúng ta đến đâu đó.”

“Thôi được, chỉ mong chóng lên cho,” Drake nói, “chứ không... giờ tôi sẽ cúi mỗ về phía trước và...”

Cửa mở rộng. Trên ngưỡng cửa xuất hiện bà Blevins, một phụ nữ hai bảy tuổi tóc sáng với cặp mắt to xanh màu da trời. Quần áo hoàn toàn không hề che giấu các ưu điểm hình thể cô ta. Bà Blevins có thân hình hoàn hảo, và có lẽ, cô ta biết rất rõ về điều đó.

“Xin chào,” cô ta hướng về vị luật sư. “Ông là Mason. Tôi đã thấy ông đi vào. Tôi mỉm cười với ông, nhưng hình như ông không trông thấy tôi. Tôi là Phern Blevins, vợ cũ của Alen Blevins. Còn ông là Drake?”

Mason mỉm cười cúi chào cô ta, và bà Blevins đi tới chìa tay ra.

Drake hướng về Mason, “Anh sẽ nói chuyện với bà ấy hay là tôi?”

“Tự tôi,” Mason nói. “Mời bà ngồi, bà Blevins. Chúng tôi sẽ rất lì lợm trong sự hiếu kì của mình đấy.”

Biểu hiện trong cặp mắt xanh thẳm của cô ta lập tức thay đổi, cô ta nói, “Thế nếu tôi không muốn trả lời?”

“Ồ, chắc gì,” Mason nói với cô ta, “chúng tôi quan tâm đến cuộc li hôn của bà.”

“À, hoá ra điều đó!” cô ta kêu lên với vẻ nhẹ nhõm đi trông thấy. “Thế mà tôi đã sợ rằng các ông định đào bới trong đời tư của tôi.”

“Trước hết chúng tôi quan tâm đến việc,” Mason mỉm cười nói, “để làm sáng tỏ tất cả những gì đã diễn ra trong nhà Addicts”

“Ông có ý nói đến Stounhenge?”

“Vâng.”

“Tôi nghĩ đằng ấy không thiếu gì chuyện.”

“Đã bao giờ bà buộc phải ngủ qua đêm với chồng bà ở đấy chưa?”

“Ờn Chúa, chưa. Mà ông ấy cũng chẳng ngủ qua đêm đằng ấy. Ông ta làm việc tại đây, và không gì hơn, dù đôi khi ban đêm trở về nhà khá muộn.”

“Tôi chú ý đến điều là trong đơn xin li hôn của bà, bà viện ra sự cưỡng bức về tinh thần,” Mason nói.

“Vâng, cách diễn đạt hóa ra đặc địa.”

“Bà có thể nói cho chúng tôi những chi tiết gì đó, không được bà nhắc tới trong đơn không?”

“Alen lớn tuổi hơn tôi nhiều,” cô ta nói.

“Bà là vợ thứ hai của ông ta?”

“Vâng.”

“Xin nói tiếp đi.”

“Ông ta... tôi có cảm giác, chúng tôi đã mệt mỏi vì nhau, và tôi đã chán ngấy làm một con thử nghiệm.”

Mason ném ánh mắt nhiều nghĩa sang Drake và hỏi, “Bà muốn nói là ông ta đã thôi miên bà phải không?”

“Vâng, đã thôi miên. Tôi nghĩ rằng chỉ dưới ảnh hưởng một kiểu như thôi miên tôi mới lấy ông ta.”

“Nhiều người có cảm giác như thế,” Mason nhận xét. “Có thể, bà nói cho tôi những chi tiết gì đó chẳng?”

“Lúc ấy tôi làm thư kí,” cô ta nói, “và đôi khi giúp ông ta ghi chép những điều mà tôi không hiểu. Tự ông cũng biết - thôi miên gây hứng thú cho người ta. Tôi rất tò mò và hỏi nhiều về thôi miên... Lúc đó tôi cảm thấy ông ta rất đáng yêu, vào cái thời ông ta sẵn đón tôi ấy mà. Dù ông ta có làm gì đi nữa, mọi thứ đều có vẻ tuyệt vời.”

“Hãy tiếp đi,” Mason đề nghị.

“Tôi không biết mô tả điều đó với ông thế nào. Ở ta mắt rực sáng, và mỗi một phút bên cạnh với người đàn ông chất đầy niềm hạnh phúc phi trần thế. Sau đó ta lấy ông ta, và thay vào chỗ để cảm thấy ta hạnh phúc, thì ta bỗng phát hiện ra rằng ta đã chán điều đó đến tận cổ. Sự quyến rũ tan đi, và ta nhìn thấy rằng người đàn ông đó là kẻ tầm thường nhất. Thêm nữa, một kẻ ghen tuông, với đầu óc tư hữu luôn cố đánh hơi các bí mật của ta và sẵn sả tới với những lời buộc tội ngu xuẩn.”

“Bà tiếp tục làm việc sau khi đã lấy chồng?”

“Vâng.”

“Với chồng bà?”

“Không. Tôi có công việc cố định. Tôi đã không bỏ nó.”

“Bà có thể kể chi tiết hơn không về việc ông ta sử dụng bà với tư cách con thú thí nghiệm?”

“Khi ông ta kể với tôi về thôi miên, ông ta hỏi tôi có muốn để ông ta thử thôi miên tôi hay không. Ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi, và tôi cảm thấy một khoái cảm phức tạp tràn vẹn. Tôi cảm thấy rằng tôi sẵn sàng làm tất cả vì ông ta. Tôi muốn cho thấy tôi tin cậy ông ta đến mức nào, và tôi trả lời rằng tôi rất muốn.”

“Và gì sau đó?”

“Tôi không nhớ,” cô ta nói.

“Nghĩa là sao?”

“Đó chính là một trong những trò mà nhà thôi miên có thể làm được. Ông ta có thể thôi miên anh và ra lệnh, sau khi thức tỉnh anh quên sạch mọi thứ mà anh đã làm dưới ảnh hưởng thôi miên. Tôi đã thấy Alen làm hàng chục lần như thế với những người khác nhau. Ông ta có thể buộc họ làm những thứ ngu xuẩn nhất và nói điều vớ vẩn nhất và sau đó quên đi, kể cả việc họ đã bị thôi miên.”

“Những điều đó cũng đã từng xảy ra với bà?”

Cô ta gật đầu.

“Tôi nhìn ông ta và nói: ‘Nào, Alen, hãy thôi miên em...’, còn ông ta bỗng tuyên bố rằng đã thôi miên tôi rồi, tôi nghĩ đó đơn giản là lời nói đùa, và khi nhìn đồng hồ

của mình tôi hiểu ra rằng ai đó đã vận đồng hồ tôi vượt lên bốn mươi năm phút, hoặc đã qua đi bốn năm phút mà tôi không thể nhớ về chúng.”

“Và giờ sau đó?” Mason hỏi.

Không đáp lại câu hỏi, cô ta lắc đầu, “Đó là sự điên rồ, dù như thế tôi vẫn muốn làm điều đó... và giờ thì tôi biết điều gì đã xảy ra rồi.”

“Điều gì?”

“Đó là sự khơi gợi sau thôi miên,” cô ta nói. “Nhà thôi miên có thể làm được như thế. Ông ta khuất phục ta dưới ảnh hưởng của mình và có thể buộc ta làm gì đó, ra lệnh cho ta trong trạng thái sau thôi miên, nghĩa là ông ta ra lệnh cho ta tỉnh dậy và quên đi rằng ta đã bị thôi miên, Qua mười hay mười lăm phút sau khi tỉnh dậy, anh sẽ làm một hành động ngu ngốc nào đó. Chính nó đã xảy ra như thế với tôi.”

“Xin tiếp đi,” Mason nói.

“Sau một ít thời gian chúng tôi cưới nhau.”

“Tác động thôi miên vẫn tiếp tục?”

“Ông ta sử dụng thôi miên, ông Mason ạ, thường xuyên hơn nhiều so với việc tôi ý thức được nó.”

“Bà có ý nói gì?”

“Đôi khi tôi nhận thấy tôi lại làm gì đó dưới ảnh hưởng của khơi gợi sau thôi miên - việc mà tôi không muốn đi sâu vào chi tiết.”

Mason chăm chú nhìn cô ta, nói, “Chúng tôi sẽ rất hàm ơn bà vì sự hợp tác với chúng tôi, bà Blevins ạ. Chúng tôi sẵn sàng bù đắp do sự bất tiện mà chúng tôi gây cho bà...”

“Vâng, ông Drake đã nói với tôi về điều đó, nhưng có những thứ không thể mua được bằng tiền.”

“Bà không thể nói rõ hơn một chút ư?” Mason hỏi.

Cô ta lúng túng.

Mason mỉm cười và nói, “Bà đã là một phụ nữ có chồng và...”

“Thôi được,” cô ta bật ra. “Tôi là một con ngu. Tôi cho phép Alen thôi miên tôi. Nếu như tôi đau đầu, ông ta dìu tôi vào giấc ngủ trong một hoặc hai phút, khi tôi tỉnh dậy, sự đau đầu biến mất và tôi cảm thấy mình được nghỉ ngơi trọn vẹn. Đôi khi, nếu bị kích động, tôi không thể ngủ nổi, ông ta thu xếp cho tôi một cuộc chữa bệnh ngắn bằng thôi miên với khơi gợi sau thôi miên. Sau đó, tôi trở nên đỡ dần đến nỗi thậm chí không giữ nổi đầu và... mọi sự cứ thế mà diễn ra. Còn sau, như tôi đã nói với ông, qua đi một thời gian, sự quyến rũ tan đi, và... tôi vẫn tiếp tục làm việc và... tôi không biết kể về điều đó thế nào đây với ông...”

“Xuất hiện người đàn ông khác?” Mason hỏi.

“Alen cho là như thế.”

“Thế trong thực tế?”

“Alen cho là tôi có một người đàn ông khác,” cô ta nhắc lại không một chút biểu cảm.

“Hãy tiếp đi,” Mason nói, “gì xảy ra tiếp theo?”

“Có lần vào buổi tối, khi Alen làm việc, bất ngờ nảy ra trong tôi một khao khát điên cuồng: viết mọi thứ về đời riêng của mình, điều mà hẳn không bao giờ tôi đi kể với bất cứ ai - viết và giấu điều viết ra xuống đáy cái hòm - và tôi không thể kìm được khỏi điều đó. Tôi đã viết đủ thứ về đời riêng của tôi rồi giấu tất cả mọi thứ đó dưới đáy hòm.”

“Và gì sau đó?” Mason nài nỉ.

“Sáng hôm sau tôi nghĩ tôi đã làm một điều ngu ngốc và quyết định lấy giấy tờ ấy ra đem đốt đi. Tôi đi vội tới chiếc hòm, và chắc ông đã đoán ra - ở đấy không có gì cả.”

“Bà nghĩ rằng đã làm điều đó do bị khơi gợi sau thôi miên?”

“Vâng. Cho đến lúc ấy tôi không biết ông ta đã kịp thôi miên tôi vào lúc nào nữa, nhưng khơi gợi sau thôi miên vẫn còn hiệu quả. Như thế, tôi đã rõ rằng ông ta có những tờ giấy kia, và tất cả mọi thứ được viết trong đó ông ta có thể sử dụng như chứng cứ chống lại tôi.”

“Trong trường hợp li hôn?”

Bà ta nổ búng, “Phải.”

“Và bà đã quyết định làm gì?”

“Quý tha ma bắt, Tôi suýt phát điên vì thịnh nộ, tôi nghĩ rằng tôi sẽ giết ông ta, nhưng sau đó tôi đã suy nghĩ: Có những trò chơi trong đó có thể chơi bằng hai người. Tôi đã không hề để lộ rằng tôi biết về sự biến mất của những tờ giấy đó. Tôi chờ vài ngày, và sau đó tôi xin nghỉ việc một ngày, rồi bắt tay vào lục soát khắp căn nhà, tôi đã lộn nhào ngôi nhà từ trên xuống dưới. Rút cuộc tôi cũng tìm ra chúng.”

“Ở đâu?”

Cô ta cười to, “Ông ta láu cá lắm. Ông ta xé một góc thảm phủ sàn, nhét giấy vào trong đó rồi khâu lại như cũ.”

“Và bà đã làm gì với những tờ giấy đó?”

“Đã tiêu hủy ngay lập tức, sau việc đó tôi bỏ đi khỏi nhà ông ta, đến gặp luật sư và viết đơn li hôn. Tôi đã không quay trở lại nữa và cố để sao cho Alen không bao giờ có được khả năng cầm cặp mắt xám ánh thép vào tôi.”

“Ông ta có thể thôi miên bà nhanh không?”

“Chỉ cần ông ta búng ngón tay là tôi đã rơi vào ảnh hưởng của ông ta rồi.”

“Hãy tiếp đi,” Mason nói.

“Alen cho rằng tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta nghĩ, tôi sẽ không thể tiến hành

nổi việc gì, nhưng khi ông ta đi lấy con chủ bài của mình, ở đấy chẳng còn gì nữa cả. Tôi buộc ông ta tội cưỡng bức tinh thần, và bởi ông ta lo để quá nhiều thứ nổi lên bề mặt thì... cuối cùng, tôi đã nhận được quyết định của tòa về li hôn.”

“Và lần thứ hai bà đi lấy chồng?” Mason hỏi.

Cô ta hơi đỏ mặt và nói, “Còn chưa. Quyết định hiện thời chưa có hiệu lực pháp lí.”

“Thế bao giờ nó có hiệu lực?”

“Vào tuần sau.”

“Và lúc đó bà sẽ lại định lấy chồng?”

“Vâng.”

“Lấy người đàn ông bà đã quen biết một thời gian?”

“Vâng.”

“Tôi cho rằng, ông này không phải là nhà thôi miên chứ?” Mason hỏi với nụ cười.

“Không, ông Mason ạ. Ông có thể đánh cá với bao nhiêu tiền cũng được.”

Mason mở ví, rút bốn tờ giấy bạc năm mươi đôla và nói, “Đây là hai trăm đôla, bà Blevins ạ, tiền bồi thường vì thời gian bị mất và sự khó chịu đã gây cho bà. Điều đó có ích cho bà như món của hồi môn.”

Cô ta nhận tiền, gấp chúng lại, giấu vào ví của mình và nhìn Mason bằng cặp mắt đầy hàm ơn.

“Ông Mason ạ, điều đó... thật đáng yêu.”

“Dĩ nhiên, chúng tôi đánh giá cao sự cởi mở của bà,” Mason nói, “còn bây giờ hãy nói với chúng tôi: thế có hay không, từng có lúc nào đó Alen đã thôi miên bà và buộc bà phải nhớ lại điều không hề có trong thực tế?”

“Có. Đó là một trong những tiết mục ông ta yêu thích. Ông ta thôi miên ai đó và dựng lên những điều bịa đặt đủ thứ về việc dường như đã diễn ra, sau đó ra lệnh cho con người tỉnh dậy và không suy nghĩ về điều đó trong một hay hai giờ, nhưng lưu giữ trong trí nhớ tất cả những gì ông ta đã khơi gợi. Qua hai giờ, do kết quả khơi gợi sau thôi miên anh ta bắt đầu kể về điều đó.”

“Và ông ta đạt được điều đó à?”

“Với một số người. Tất nhiên, ông Mason ạ, không phải thôi miên ai cũng được...”

“Tôi hiểu, và còn nữa: cô có biết ông ta đã từng bao giờ thôi miên Jozephine Kempton, quản gia ông Addicts hay chưa?”

“Tôi nghĩ, đã từng. Tôi nhớ, có lần ông ta đã nhắc tới việc nhờ bà ấy, ông ta đã trình diễn gì đó cho ông Addicts xem.

“Bà còn rõ thêm gì đó mà nó có thể giúp chúng tôi được không?” Mason hỏi.

“Không.”

“Thôi vậy, rất cảm ơn. Tôi nghĩ không cần phải giữ bà lâu thêm nữa, bà Blevins ạ,

nhưng sau này chúng tôi có thể còn cần nói chuyện thêm với bà đấy.”

“Vào bất cứ lúc nào,” cô ta nói, “bất cứ lúc nào sau bốn giờ. Ông hãy gọi điện thoại cho tôi, và tôi sẽ đến vào khi nào tiện lợi cho ông. Chỗ ông Drake có số của tôi đấy.”

“Cảm ơn bà,” Mason nói.

Cô ta đứng lên khỏi ghế và đi ra cửa, sau đó bất thần quay một vòng, lại gần Mason và nắm lấy tay ông.

“Ông thật đáng yêu,” cô ta nói. “À, còn điều nữa, có thể nó sẽ cần cho ông. Họ thật của ông ta không phải là Addicts. Tôi biết chính xác. Alen đã có lần thối miên ông ta và biết thực ra ông ta là Barnuell. Nếu ông cần thêm gì nữa, chỉ cần ông cho tôi biết...”

Và nhìn Mason bằng cặp mắt biết ơn, cô ta nở nụ cười rộng, sau đó mở cửa và quay phắt lại rất nhanh khi bước ra hành lang, đến nỗi cái váy cô ta tốc ngược lên với một đường lượn tròn tinh nghịch.

“Thế nào, có chút lợi lộc gì từ cô ta không?” Drake hỏi.

“Paul ạ, sau mấy phút cuối tôi thực sự biết các điều có lợi. Hãy ra lệnh để các chàng trai của anh bắt đầu làm việc tại Nevada, còn mình hãy đi về nhà, ngâm ấm người cẩn thận trong nước nóng, bò lên giường và ngủ đi.”

“Anh nói nghiêm túc đấy à?” Drake hỏi vẻ kinh ngạc.

“Không thể nghiêm túc hơn được nữa,” Mason nói và bước nhanh ra khỏi văn phòng của Drake.

Qua hết hành lang, Mason mở cửa phòng làm việc riêng của mình.

Della, đứng bên bàn của ông đang lựa chọn những giấy tờ gì đó, ngược nhìn vị luật sư.

Mason nhảy hai bước dài đến bên cô, ôm lấy cô và nhắc bổng lên khỏi mặt đất, sau đó xoay vòng và áp cô vào mình.

“Bé ạ,” ông nói, “chúng ta đã bắt gặp một vỉa vàng.”

Cô nhìn ông với nỗi buồn nhẹ, “Chỉ có thể gắn biểu lộ nỗi khoái trá này với chuyện đó.”

“Đó không phải là khoái trá,” Mason nói, áp cô chặt vào mình hơn, “đó là khát vọng.”

“Biết sao được,” cô nói, “đó là một thông tin đặc biệt quan trọng?”

“Cô gọi được cho báo chí chưa?” Mason hỏi.

“Rồi. Các phóng viên đang tới đây. Tôi nói rằng không thể trì hoãn, và họ đang phóng hết tốc lực đến đây.”

“Khá lắm,” Mason nói và nhìn chăm chú vào mắt cô.

Cô đặt hai tay lên vai ông, và khuôn mặt cô ngửa ra. Mason dịu dàng cúi xuống phía trên cô. Mối họ gắn vào nhau trong một cái hôn dài, sau đó cô đột ngột đẩy ông

ra, rút từ hộp trang điểm một chiếc khăn giấy và chùi son trên môi ông.

“Sếp à,” cô kêu lên, “anh quên rằng cả đạo quân nhà báo tinh mắt có tài quan sát có thể xông vào đây bất cứ lúc nào ư?”

Mason mỉm cười, vỗ vỗ lên vai cô và nói, “Được rồi, Della a. Chúng ta sẽ cho họ một thứ mà nó sẽ lắc kha khá ngài Sydney Hardvic và đặt ngài ta vào đúng chỗ.”

“Tuyệt lắm. Tôi hi vọng là sẽ như thế. Miệng tôi thế nào? Son bị nhoè không? À, dù sao thì anh cũng có nhận ra đâu!”

“Tôi nhận ra tất cả không tồi hơn bất kì gã nhà báo tinh mắt nào,” Mason nói.

Cô cười vang, đi lại chiếc gương, chạm khế thổi son lên môi và nói, “Có ai đó đứng ngoài cửa phòng tiếp khách.”

“Tôi sẽ nói với các nhà báo ở ngoài ấy,” Mason nói.

Ông bước theo sau cô ra phòng tiếp khách và chào hai nhà báo đến cùng một lúc. Trong khi ông mời họ thuốc lá, người thứ ba rồi sau người thứ tư đến.

“Nào, ngài định thông báo với chúng tôi những tin tức lớn lao gì vậy?” một phóng viên hỏi. “Tôi hi vọng đó là tin là thú vị. Nói thật, chúng tôi suýt gãy cổ trong lúc bay đến đây. Thư kí của ngài tuyên bố rằng đó là tin giật gân.”

“Nó đúng là thế, giật gân,” Mason khẳng định.

“Thế nó là gì vậy?”

“Các vị rõ về bản di chúc tự tay Benjamin Addicts viết chứ?”

“Tất nhiên. Tôi hi vọng là ông không định thông báo tin mới đó cho chúng tôi. ‘Hardvic, Carson và Redding’ đã cho tin ấy hai giờ trước đây rồi. Nó đã lọt vào số báo cuối.”

“Tuyệt vời,” Mason nói, “nhưng di chúc không có hiệu lực.”

“Ngài có ý nói gì, tại sao mà không có hiệu lực?”

“Chính tôi muốn nói về điều đó đấy,” Mason đáp. “Ông ta không để lại sự sắp đặt gì liên quan đến vợ mình.”

“Liên quan đến vợ? Benjamin Addicts là người độc thân.”

“Có những kẻ muốn cho các vị nghĩ đúng như thế.”

“Ngài muốn nói rằng ông ta có vợ?”

Mason gật đầu.

“Ma quỷ nào...? Đừng lừa chúng tôi, Mason. Các ngài,... Benjamin Addicts là một nhân vật quá nổi bật. Tất nhiên, ông ta là típ người buồn tẻ cộng thêm bị chập mạch trong các thí nghiệm của mình với lũ đười ươi, nhưng ông ta là người đàn ông nổi tiếng. Nếu ông ta cưới ai đó, thì điều đó chắc đã lọt vào mặt báo. Tôi không nghĩ nó sẽ đẩy lên một hứng thú gì đặc biệt, nhưng hẳn phải có trên báo. Nhưng cái chiếm trọn cuộc sống ông ta đó là tình trạng tín phiếu nhà băng và vườn thú riêng với những con đười ươi của mình.”

“Các vị quên rằng trong lí lịch của ông ta có những vết trống lớn,” Mason nhận xét. “Ông ta có vợ.”

“Ông ta tổ chức cưới ở đâu?”

“Ít ra cũng đã cưới ở đâu đó.”

“Nào, nào, hãy bày ra cho chúng tôi rõ ngọn ngành đi!”

“Benjamin Addicts có một người đàn bà,” Mason nói, “mà ông ta cùng sống như với vợ của mình.”

“Ông ấy sống với bà ta ở đâu?”

“Một thời gian ngay trong nhà ông ta.”

“Có phải ông muốn nói rằng Jozephine Kempton...”

“Đừng nên vội vàng như thế,” Mason nói. “Vợ ông ta là Helen Cadmus. Thừa các vị, tôi có thể trao cho các vị địa chỉ một số khách sạn trong đó họ đã sống như vợ chồng, và có thể đoán chắc với các vị rằng họ được nhận ra không hề nhầm lẫn trong các tấm hình. Các vị có thể cầm theo ảnh Helen Cadmus và kiểm tra, nếu các vị muốn.”

“Chà chà, ngài hãy bỏ quách chuyện đó đi,” một trong số phóng viên thất vọng kéo dài giọng, “toàn bộ chỉ là ông ta giỡn chơi với thư kí thôi mà. Điều đó chưa có nghĩa là ông ấy đã cưới cô ta hoặc là di chúc của ông ấy vì thế mà không có hiệu lực.”

Mason nhếch mép.

“Các vị là những thám tử giàu kinh nghiệm. Vậy hãy chú ý tới sự kiện rằng: trong các khách sạn cặp đôi này đăng kí là ông và bà B.F. Barnuell.”

“Barnuell?”

“Đúng vậy.”

“Thế thì sao,” một phóng viên nói, “Để thừa nhận một đám cưới dân sự không đăng kí là hợp pháp, nhất thiết cần chứng minh...”

“Thế ai nói về đám cưới dân sự?” Mason hỏi.

“Chính ngài nói, lẽ nào không phải? Theo như tôi hiểu, tại bang chúng ta điều đó không có chút ý nghĩa nào cả. Và nếu mọi sự đều như thế, thì ông ấy phải sử dụng họ tên thực của mình...”

“Thế họ tên thực của Addicts là thế nào?” Mason hỏi.

“Tất nhiên là Addicts rồi.”

“Thế tên đó có chính xác không?”

“Ồ dĩ nhiên. Ông ấy... Họm nào... thế từ đâu ngài đào ra cái tên Barnuell ấy?”

Mason chỉ mỉm cười thay lời đáp.

“Thế có điều gì bí ẩn về đám cưới dân sự vậy?” một trong số họ hỏi.

“Tại một số bang nó được công nhận,” Mason nói, “còn tại một số thì không.”

Nhưng nếu người đàn ông du lịch với người đàn bà mà ông ta gọi là vợ mình ở một bang, nơi đám cưới dân sự được xem là hoàn toàn hợp pháp. Và thừa các ngài, các ngài đã bỏ qua mất: tại đây, ở bang chúng ta, nếu hai người sống cùng nhau như vợ chồng, nảy sinh một tình huống tranh cãi về sự thừa nhận cuộc hôn nhân hợp pháp. Sự việc đó có thể được giải quyết tại tòa, qua lời khai của các nhân chứng.”

Các phóng viên liếc nhìn nhau.

Mason mở cuốn sách đáng nể và đặt nó lên bàn, “Chỗ này đây, mục mười ba điều khoản 1.974, bộ luật tổ tụng dân sự.”

“Thế lúc ấy sẽ ra sao với di chúc của ông ấy?” một phóng viên hỏi.

“Ông ta không nhắc đến tên Helen Cadmus. Nếu họ đã sống như vợ chồng, thì hôn nhân cho cô ta cơ sở tranh quyền thừa kế với tư cách người thừa kế hàng đầu. Như vậy, bản di chúc hoàn toàn có thể bị bác bỏ.”

“Nhưng ông ấy không thể nhắc đến Helen Cadmus. Cô ta chết rồi cơ mà.”

“Ai nói với các vị điều đó?”

“Ngài cho rằng cô ấy đơn giản là chỉ dạo chơi trên mặt nước thôi ư? Hãy cho chúng tôi các sự kiện, nếu ngài muốn chúng tôi đăng dù chỉ là gì đó.”

“Còn tôi, tôi sẽ toét vào việc các vị sẽ đăng gì đó hay không,” Mason nói, “nhưng Helen Cadmus không hề tự vẫn.”

“Ngài muốn nói rằng cô ta bị giết?”

“Cô ấy không bị giết.”

“Vậy thì, ông muốn nói gì?”

Mason đáp, “Tôi muốn nói rằng, vì một số lí do theo Benjamin Addicts và Helen Cadmus cho là nặng lí, cô ấy quyết định ẩn kín. Các vị có thể tự mình làm lấy kết luận.”

Trong một thoáng bao trùm sự im lặng như mờ.

“Ngài có ý nói, cô ấy quyết định ẩn mình một thời gian nào đó để sinh con?” một trong số họ hỏi.

Mason nhún vai, “tôi mới chuyên sâu vào chuyện này có mấy tiếng đồng hồ, nhưng tôi không ngừng nhận được thông tin mới, mà tôi buộc phải kiểm tra và phân tích. Tôi cho rằng, các vị cũng muốn khởi đầu, vạch ra đôi chữ vì chuyện này...”

“Vạch ra vài chữ, điều đó thì tuyệt đấy. Nếu chỗ ngài có gì đó khẳng định ý tưởng này, tiêu đề sẽ được đảm bảo chạy dọc hết trang báo. Một chuyện nấu ruột làm sao, tin giật gân đích thực!”

“Tuyệt, Mason nói, “lúc ấy hãy tự đánh giá lấy. Ai trông thấy Helen Cadmus trên boong tàu vào cái đêm giông bão ấy? Ai trông thấy Helen Cadmus sau khi tàu rời bờ?”

“Ai đó trong thủy thủ đoàn, lẽ nào không?”

“Chỉ có một người”, Mason nói, “kẻ đã khẳng định rằng từng thấy cô ấy - Đó là Addicts.”

“Và Jozephine Kempton.”

“Không, bà Kempton không nhìn thấy cô ấy,” Mason phản bác, “bà nghe thấy tiếng gõ của máy chữ ở phòng bên cạnh. Sau đó máy ngừng gõ. Trên máy ai cũng có thể gõ - ví dụ Addicts. Bà Kempton uống một liều thuốc ngủ và thiếp đi. Còn buổi sáng khi bà tỉnh dậy, thì nghe được nghe Helen Cadmus mất tích.”

“Ngài có thể khẳng định điều này dù chỉ bằng gì đó không?” một phóng viên hỏi.

“Tất nhiên,” Mason nói, “hãy nhớ là tôi có các nhật kí của Helen Cadmus.”

“Và cô ấy viết gì đó liên quan đến việc sinh đứa trẻ?”

“Tôi sẽ cho các vị xem chỗ đó,” Mason nói.

Ông lấy nhật kí và mở nó ở trang do Della phát hiện và được đánh dấu bằng nếp giấy.

“Đây này. Đó là tự tay Helen Cadmus viết:”

«Hôm nay tôi báo cho B. tin mới này. Thoạt đầu anh rất xúc động. Sau khi đã suy ngẫm nghiêm túc về điều đó, tôi hiểu rằng, mọi chuyện sẽ ổn thoả. Anh sẽ tự hào về điều đó.»

Các nhà báo nghiên cứu kĩ lưỡng trang này.

“Nghe này,” một trong số họ nói, “hãy cho chúng tôi mượn những cuốn nhật kí này. Chúng tôi có thể đọc qua chúng ngay tại đây, trong phòng đọc của ngài, và may ra chúng tôi sẽ tìm ra được thêm điều gì đó mà...”

Mason lắc đầu từ chối.

“Chỉ có cái gì tôi chỉ cho quý vị thôi. Đó hợp cho tựa đề của bài báo rồi.”

“Từ đó chả thành được bài báo gì cả. Đó là một lý thuyết trần trụi, không có gì khẳng định. Chúng tôi không thể viết với mỗi chi tiết như thế.”

“Quý tha ma bắt, hoá ra các vị không thể!” Mason kêu lên. “Thế các vị có nhiều không những chứng cứ để buộc Jozephine Kempton vào tội giết Helen Cadmus?”

“Thì có ai nói bà ta giết Helen Cadmus đâu. Chúng tôi viết là chính quyền đang tiến hành điều tra thôi.”

“Tuyệt,” Mason nói, “còn giờ đây các vị có thể cam đoan với bạn đọc rằng: trên cơ sở phân tích những ghi chép được trích dẫn từ nhật kí, hiện đang có mấy tá thám tử ‘Hãng thám tử Drake’ đang rà soát các khu vực trên đất nước với mục đích khẳng định ý tưởng của tôi là hoàn toàn chính xác. Còn nếu các vị về chỗ mình và ngó qua vụ Helen Cadmus, thì sẽ phát hiện ra rằng: không một người nào trong thủy thủ đoàn nhìn thấy Helen Cadmus sau khi tàu xuất phát.”

Hơn thế nữa, điều này rất quan trọng: không ai rõ, công việc mà cô ấy thực hiện

cho Benjamin Addicts đó là việc gì. Addicts nói rằng, khi ông ta rời đi, cô ấy đang đánh máy trong buồng cô. Muộn hơn người ta hỏi ông đã nhận được các tài liệu đánh máy chưa, ông ta đáp là chưa và rằng ông ta nhìn thấy cô ấy lần cuối khi cô đang mã hóa bản ghi tốc kí, hãy chú ý đến điểm này một cách đặc biệt. Nếu cô ấy tự tử, hẳn khi nhảy ra khỏi tàu, cô không mang theo những tài liệu đánh máy xong. Nếu cô định kết thúc cuộc đời bằng cách tự vẫn, thì cô đã chẳng thèm đánh máy chúng. Đơn giản là cô ấy cứ nhảy ra khỏi tàu, bỏ lại các ghi chép chưa mã hoá trong sổ tay ghi tốc kí của mình. Ngay từ phút tôi nắm lấy việc điều tra vụ án, tôi đã rất muốn làm sáng tỏ chuyện gì xảy ra với các tài liệu do Addicts đọc cho cô vào đêm cô mất tích ấy. Có các tấm ảnh trong căn buồng, như mọi người cho là nơi cô đã ở sau khi con tàu tiến ra biển. Còn bây giờ, thưa các vị, hãy xem kĩ các tấm ảnh này và các vị sẽ nhận ra hai hoặc ba điểm bất thường. Cái máy đặt trên bàn như cần thiết, và xung quanh vương vãi một số giấy tờ, nhưng cho đến giờ tôi vẫn chưa tìm ra nổi người đã trông thấy trong buồng dù là một tài liệu nào đó được đánh máy. Nhưng bức ảnh này làm tôi quan tâm đặc biệt. Nó được chụp sau khi tàu đến Catalina, và trên đó chụp buồng của Helen Cadmus. Nào bây giờ, thưa các vị, hãy nhìn kĩ xem - các vị có nhận ra gì đó thật là kì quặc không?”

Các nhà báo xem tấm ảnh một cách kĩ lưỡng.

Mason nói, “Những khăn treo trên một mắc đã được sử dụng. Đó là những khăn treo cạnh cửa vào buồng Josephine Kempton. Những chiếc khăn cạnh cửa vào buồng Helen Cadmus thì chưa có ai đụng đến. Các vị cho rằng, cô ấy ở trên tàu, đã ghi tốc kí, đánh máy nhiều giờ mà không một lần rửa tay, thậm chí chưa giở khăn ra ư?”

Một nhà báo huyết sáo khề, nói với Mason, “Này, ngài thực sự đúng là một thám tử tài ba.”

Mason nhếch mép, “Thưa các vị, các vị xuất phát đồng thời với cảnh sát. Hẳn thật là tuyệt diệu, nếu chính các vị tìm ra Helen Cadmus, chắc chắn các vị sẽ khẳng định được tính chân thực về các dự đoán của tôi, lúc ấy các vị sẽ có tư liệu đáng giá hơn nhiều so với những lời buộc tội rỗng tuếch của phía có quan tâm. Tôi rất muốn biết, mong muốn của chủ bút các vị lớn đến mức nào để kiếm được đặc quyền phỏng vấn Helen Cadmus và câu chuyện đích thực về vụ án mạng được phỏng đoán. Nhưng tôi cho rằng, người nào đào ra được mọi thứ đó, có thể tính đến một loạt bài với chữ kí của chính mình, đặc biệt nếu anh ta quay được phim phỏng vấn. Đó là tại sao tôi đã đặt cho các vị những điều kiện bằng nhau. Đây là tên hai khách sạn nơi họ đăng kí là ông và bà B.F. Barnuell, còn đây là mấy tấm ảnh để các vị khỏi phí thì giờ vô ích trong phòng lưu trữ tòa soạn của các vị.”

“Barnuell,” một trong số họ trầm ngâm thốt lên. “Nghe này, tay Hardvic đã nhận

điện tín của Herman Barnuell. Ông ta...”

Anh ta bỗng im bất giữa chừng. Trong thoáng giây nào đó tất cả các phóng viên đứng như trời trồng, sau đó một người lao vọt ra cửa. Ngay lập tức cả bốn người lao như điên trên hành lang.

Mason mỉm cười với Della, “Sáng mai ta sẽ gửi cho ngài Sydney Hardvic vài tờ báo và nhắn tin cho ngài ta rằng chính chúng ta cũng biết cách hành động nhanh.”

“Không tồi lắm,” Della nói khi đã lặng những tiếng bước chân chạy gấp gáp. “Đúng là anh đã lấy một cái cúc và gắn vào nó trên chiếc áo gilê.”

Mason mỉm cười.

“Sếp à, anh có phiếu lưu không khi dựng lên mọi điều ấy?”

“Phiếu lưu, nghĩa là gì?”

“Trời, anh tuyên bố rằng cô gái ấy đang mang thai và cô là vợ dân sự của Benjamin Addicts. Chúa ơi, nếu giả sử cô ấy vẫn sống?”

“Thì sao nào?”

“Thế nếu cô ấy đâm đơn kiện anh lên tòa?”

“Trong trường hợp ấy,” Mason nói, “Jozephine Kempton lập tức sẽ dễ thở ngay. Chúng ta sẽ chẳng đạt được gì khi chỉ phòng thủ, né tránh trả lời và phủ nhận tất cả. Đây chính là trường hợp khi chúng ta nhất thiết chuyển chiến trận sang địa phận của đối phương.”

“Nhưng anh không có quyền vượt quá giới hạn các sự kiện đã được chứng minh.”

“Điều đó thì đúng,” Mason nói. “Còn bây giờ chúng ta cùng xem tất cả các sự kiện. Hoàn toàn rõ ràng là họ sống cùng nhau. Tôi cho rằng, họ yêu nhau. Ngay lần đầu khi tôi bắt tay vào xem xét nhật kí của Helen Cadmus, có hai điều làm tôi sửng sốt: Thứ nhất - không ai trong đoàn nhớ gì về việc đã thấy Helen Cadmus trên boong tàu sau khi tiến ra biển khơi. Còn điều thứ hai - những tờ giấy cô ta đánh máy biến đi đâu không rõ. Nếu cô ấy đã đưa chúng cho Benjamin Addicts, thì lúc ấy những lời giải thích của Benjamin Addicts với cảnh sát là dối trá, hoặc giấy tờ nằm lại trong buồng, và ai đó đã bí mật lấy mất chúng. Chắc gì một nữ tốc kí chuyên nghiệp lại thích đánh trên máy để ghi lại một văn bản quan trọng rồi nắm chặt nó trong tay, sau đó mới nhảy ra khỏi tàu.”

“Thế nếu tình cờ cô bị sóng cuốn?”

“Sóng chưa lớn đến mức làm nghiêng ngả con tàu, Della ạ. Đêm không yên bình, có gió, đầu đó trên sàn tàu động nước, có khá nhiều bọt sóng, nhưng đó chưa phải là một cơn bão biển cuốn sạch tất cả trên đường đi của nó, khi những khối nước khổng lồ thỉnh thoảng lại trồi lên boong tàu, để có thể đánh bật chân cô gái.”

“Dù có là gì đi nữa thì anh cũng đã nấu nồi cháo nát ra rồi.”

“Đó là điều tôi định làm,” Mason đồng tình.

“Thế bây giờ chúng ta sẽ làm gì đây?”

“Cô đi về nhà,” Mason phân công, “còn tôi ngồi cho thoải mái hơn. Tôi sắp có công việc căng thẳng.”

“Là việc gì thế?” Della hỏi ngờ vực.

“Tôi định nghiên cứu các nhật kí một cách chăm chú nhất, tính đến việc giờ đây chúng ta đã rõ hai ngày tháng, khi cô ấy dừng lại trong khách sạn. Tôi tin chắc rằng giữa các dòng có thể đọc ra được những ẩn ý gì đó mà sẽ cho chìa khoá, và khi đã có chìa khoá rồi, tôi sẽ kiểm tra tất cả những ngày còn lại.”

“Anh xích ra nào,” Della nói. “Tôi không định bỏ anh giữa chừng đâu.”

“Không, cô phải về nhà và nghỉ ngơi chút ít.”

“Vớ vẩn! Tôi muốn làm việc đến cùng.”

“Thôi được, nếu cô cứ khăng khăng như thế, thì ít ra cô cũng đi ăn tối đi đã.”

“Thế anh thì định ngồi nhịn đói à?”

“Ồ, tôi sẽ đề nghị dưới quầy ăn đem cà phê và chizburger lên.”

“Hãy gọi hai suất,” cô nói. “Và ta bắt đầu nào.”

“Thế cũng tốt,” Mason đầu hàng, không giấu nổi nụ cười vui sướng. “Della này, cô nghĩ sao, nếu một cô gái viết nhật kí như Helen Cadmus - khi say mê sếp của mình - viết sao cho trong nhật kí không lộ ra lời nào về mối tình đó?”

“Nhiều điều phụ thuộc vào tính chất của quan hệ tình yêu. Tôi nghĩ, người đàn bà đã yêu thật sự, hẳn né tránh viết điều gì mà nó có thể làm người mình yêu không thích. Mặt khác, người đàn bà đang yêu luôn luôn thiên về việc tâm sự với nhật kí của mình.”

Mason gật đầu, “Chính là tôi đang tìm kiếm mã số đó. Cô ấy phải có sự diễn đạt hoặc chữ quy ước nào đó mà cô ấy sử dụng, khi cô muốn viết rằng cô đã ở bên cạnh với người cô yêu.”

“Tất nhiên, cứ giả sử, rằng cô ấy đã yêu thực sự,” Della nói.

“Đọc xong nhật kí của cô ấy, tôi thấy có cảm tình với Helen Cadmus,” Mason nói. “Cô ấy là một cô gái thẳng thắn, chân tình và nhất quán, và có cảm giác, rất trung thành. Chúng ta có hai ngày tháng, Della ạ. Nào chúng ta hãy cùng tìm chúng trong nhật kí và chăm chú nghiên cứu tất cả các ghi chép.”

“Nếu ông ta thực sự yêu cô ấy, thì tại sao ông ta không cưới?” Della hỏi.

“Phải,” Mason nói, “đó chính là một trong những bí ẩn của vụ án chúng ta. Cô cũng không muốn để cho trong một vụ điều tra lại chẳng có lấy một bí ẩn nào, đúng không?”

Cô mỉm cười và lắc đầu.

“Nào,” Mason nói, “ta bắt đầu cuộc điều tra của mình thôi.”

Mason chăm chú đọc và đọc đi đọc lại tất cả các ghi chép thuộc cái ngày khi lần đầu tiên họ đăng kí trong khách sạn.

Della đến gần phía sau, ngó từ sau vai ông, và trong một khoảng thời gian họ cùng đọc trong sự im lặng hoàn toàn.

Bất ngờ cô cười phá lên.

“Có chuyện gì thế?” Mason hỏi.

“Anh đọc phía dưới cái ngày cô ấy đăng kí trong khách sạn.”

“Thì sao?” Mason hỏi.

“Đó không phải là ngày ấy,” cô nói. “Cô ấy không thể viết gì cho nhật kí của mình hôm đó, khi chưa quay lại vào ngày hôm sau. Vậy đúng hơn cả, là khi họ trên đường về nhà, Addicts mới đề nghị...”

“Đúng là trúng tim đen!” Mason nói. “Tôi cảm thấy rằng mọi tình cảm lãng mạn của tôi đã bị chôn vùi dưới những đồng tuyết của các tính toán công việc. Đối với một luật sư - ngày là ngày thôi. Tuyệt quá. Nào ta ngó sang ngày hôm sau nhé.”

Họ đọc ghi chép của ngày hôm sau, và ngón trỏ của Della chỉ vào một dòng trên trang nhật kí.

“Nó đây, sếp. Không thể rõ hơn được nữa.”

Mason đọc:

‘Người ta nói rằng hạnh phúc ở nơi nào bản thân tự tìm ra nó, và điều đó đã diễn ra với tôi đúng như thế. Tôi muốn phó mặc cho số mệnh, và sẽ không cố thúc đẩy nhanh kết cục, cho tới lúc nó tự trở nên là tất yếu’.

“Trời ơi,” Mason kêu lên, “chính tôi đọc điều đó rồi mà! Tự tôi đã kiểm tra cuốn vở này, Della ạ, và lúc ấy tôi đã không thể nhận thức nổi toàn bộ tầm quan trọng của điều được viết ra.”

“Thế đấy, tất cả đều đúng,” Della nhận xét. “Ghi chép có liên quan tới việc xảy ra tối trước đó. Rõ ràng, điều đó không phải là lần đầu tiên. Cô ấy hoàn toàn phó thác cho số mệnh để tận hưởng hạnh phúc, trong khi kết cục chưa tới.”

“Hay lắm,” Mason nói, “nào ta quay lại quyển kia, quyển thứ hai ấy, Della. Chúng ta xem, có ghi chép gì thú vị trước cái ngày mà Addicts được biết về sự kiện quan trọng này.”

Della đem cuốn vở lại và đặt nó lên bàn.

“Kéo ghế lại đây và ngồi xuống đi,” Mason đề nghị.

“Không, cảm ơn. Thế này tôi cũng đã thoải mái rồi. Từ đây tôi nhìn xuống trang ở dưới tiện hơn.”

Má cô hầu như sát má Mason; Mason vươn tay phải ra, quàng vào eo Della và ép cô vào sát ông hơn.

“Ồ đây, cả chỗ này cũng nói về điều đó,” ông nói, chỉ vào một đoạn trong vở. “Bây

giờ, khi có mã khoá rồi, mọi thứ thật đơn giản. Đây, cô nghe nhé: ‘Tôi mãi vẫn còn chưa muốn kết cục đến gần, nhưng giờ đây nó là tất yếu’.

“Phải, đó là mã khoá của cô ấy,” Della đồng tình.

Mason đẩy ghế ra, đứng lên, quay Della lại phía ông, mặt đối mặt với ông, và nói, “Chỗ chúng ta xuất hiện một việc không thể nào trì hoãn.”

“Việc gì?”

“Chúng ta phải tìm ra cô ấy.”

“Anh nghĩ rằng cô ấy không nhảy ra khỏi tàu ư?”

Mason lắc đầu.

“Nhưng cô ấy hoàn toàn có thể mà.”

“Tôi biết rằng có thể,” Mason nói, “nhưng tôi không nghĩ rằng trong thực tế cô ấy đã nhảy.”

“Thế nếu giả sử rằng Addicts hứa cưới cô, nếu... điều đó cần thiết, và cô ấy đến nói với ông ta rằng... Chúa ơi, chính trong tình cảnh như thế người ta vẫn giết những người đàn bà.”

“Tôi biết,” Mason đồng tình, “cả khả năng ấy chúng ta cũng không nên bỏ qua, nhưng dẫu vậy... tôi vẫn ngờ vực. Tôi không hình dung nổi Addicts có những lí do gì để không cưới cô ấy.”

“Có thể là ông ta không muốn.”

“Có thể,” Mason nói.

“Ông ta có lí do để gây tội ác,” Della tiếp tục. “Một đêm giông bão trên eo biển. Gió thổi mạnh gào réo trong dây dợ của con tàu, sóng trào lên mũi tàu, chắc gì có ai đó nghe thấy được tiếng kêu. Benjamin Addicts dụ cô lên boong cuối đuôi tàu. Có thể là, ông ta chỉ cho cô ấy xem gì đó. Có khả năng, ông ta nói: ‘Anh cảm thấy đằng kia có ánh lửa, Helen ạ’. Cô bấu vào tay vịn và mải ngó nhìn. Bất thần ông ta cúi xuống, tóm lấy hai chân cô và đẩy mạnh.”

“Hết ý,” Mason nói, “nếu nghe cô, thì có thể nghĩ rằng chính cô đã làm việc đó, Della ạ.”

“Ồ, nói thực, tôi không thấy có gì vô lí trong đó,” cô nhận xét. “Theo tôi hiểu, điều đó hẳn là hoàn toàn logic nếu nhìn theo sự phát triển của các biến cố.”

“Điều đó hoàn toàn logic, nếu như không có một sự kiện.”

“Sự kiện gì thế?”

“Tiền đề của cô không đúng.”

“Tôi không nắm bắt được ý.”

“Xuất phát từ tiền đề,” ông nói, “cho rằng: đối với Addicts tất cả thảy đó chỉ là một sự đan díu thoáng chốc.”

“Thôi được, thế những cứ liệu nào nói lên rằng điều đó không phải như thế?”

“Cái sự kiện ông ta là triệu phú,” Mason nói, “cái sự kiện, rằng ông ta, khi dừng lại ở khách sạn, đã đăng kí bằng tên thật của mình và với người đàn bà như là vợ của mình. Tiếp theo, hoàn toàn rõ ràng. Ông ta nằm trong quyền lực của cô ấy. Bất cứ lúc nào cô ấy cũng có thể ép ông ta vào tường.”

“Có thể là cô ấy đã làm thế, và chính vì thế ông ta mới tóm lấy chân cô ấy và hất ra khỏi tàu.”

Mason lắc đầu.

“Thôi được, Della, chúng ta đã tìm được một trong những lời đáp cần thiết. Còn giờ chúng ta cần ăn uống cho ra hồn, sau đó chúng ta sẽ liên lạc với văn phòng của Drake, rồi tiếp tục tấn công các nhật kí và cố gắng tìm ra những câu trả lời còn lại. Và đừng quên về một sự kiện quan trọng: Khi Benjamin Addicts muốn bớt xén một ít thì giờ rồi cho bản thân, ông ta làm ra vẻ đang ở trên tàu, dù thực tế ông ta không ở trên đó. Điều đó dễ dàng hơn đối với ông ta cho việc lập kế hoạch cho sự mất tích của Helen Cadmus.”

“Nhưng để làm gì, sếp? cần gì tất cả những rắc rối này? Cô ấy có thể tuyên bố rằng cô bỏ việc, rời đi và ung dung sinh con, khỏi cần đến tất cả những điều phức tạp này.”

“Tôi biết,” Mason đồng tình, “nhưng phải có lí do gì đó đối với chuyện ấy. Phải có lí do. Tôi nghĩ là Addicts sợ.”

“Sợ ư?”

“Phải, sợ rằng có thể xảy ra gì đó với người đàn bà mà ông ta yêu, và với đứa trẻ mà ông ta muốn yêu. Ta đi ăn tối thôi.”

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mason và Della giải quyết xong với phần thức ăn còn lại trong một nhà hàng Trung Hoa.

“Cô muốn bánh nướng nhân quýt không?” Mason hỏi.

Cô lắc đầu, “Tôi thích hơn cái hương vị dịu dàng của những chiếc bánh bột gạo mà qua chúng có thể đoán biết được số phận kia kìa.”

“Tuyệt vời,” Mason gật đầu. “Vậy thì ta kết thúc bữa tối bằng trà và bánh đoán biết số phận. Hãy đem cho chúng tôi món bánh bao,” ông lệnh cho hầu bàn.

Người Trung Hoa đi thụt lùi, và cánh rèm xanh lại khép kín lối vào khoang phòng.

“Anh biết không, trong tôi xuất hiện một linh cảm đặc biệt. Tôi có cảm giác rằng chúng ta đang chạy theo dấu vết nóng. Vì tôi cứ rùng mình.”

“Chúng ta cần hành động nhanh,” Maison gật đầu. “Chúng ta không có nhiều thì giờ lắm.”

Người hầu bàn Trung Hoa quay lại với bình trà lớn.

“Loại tốt nhất,” anh ta nói, “trà Ulung.”

Anh ta đặt trước họ hai cái chén và đĩa bánh bao.

Maison đẩy đĩa thức ăn sang chỗ Della. Cô cầm một chiếc bánh, bẻ đôi nó, đọc mẫu ghi lời tiên đoán, mỉm cười, gấp mẫu giấy nhỏ in dòng đánh máy và định giấu vào xắc.

“Này, đợi tí,” Mason nói.

Cô lắc đầu.

“Nhưng tại sao, Della?” Mason hỏi. “Cô thường vẫn không giấu tôi điều gì cơ mà.”

“Thế nhưng cái này tôi muốn giữ bí mật với anh.”

“Tại sao?”

“Xin lỗi, sếp,” cô đỏ mặt.

Cô mở xắc, lấy ví từ xắc ra và nhét mẫu giấy với câu cách ngôn đánh máy vào ví. Mason bẻ chiếc bánh bao của mình trong khi Della rót trà.

“Thế điều gì chỗ anh?” Della hỏi.

Mason vội vã gấp tờ giấy lại và định nhét vào túi quần.

Della cười to.

“Thế là tôi đã tóm được anh rồi,” cô nói, “anh thậm chí chưa kịp đọc qua nó.”

Mason cười mỉa, mở tờ giấy bột gạo, đọc điều in trên nó, và chìa cho Della.

Câu cách ngôn nói, ‘Nếu muốn đạt được mục đích, hãy nhớ rằng lòng can đảm là liều thuốc giải hiểm nguy duy nhất’.

“Đành thế,” Mason nói, “tôi nghĩ, giờ đây chúng ta nên gọi đến văn phòng Drake và hỏi rõ, họ đã biết được gì hay chưa.”

“Sếp ạ, tôi ấy mà... anh cho rằng trong các lời tiên đoán có gì đó không?”

Mason cười to.

“Ồ, tất nhiên, không, Della ạ. Họ in chúng ra hàng trăm tờ. Sau đó đặt vào bánh và nướng nó sao cho khi ta bẻ cái bánh như thế, thì sẽ tìm được lời tiên đoán ở bên trong. Tôi không biết họ có bao nhiêu lời tiên đoán khác nhau. Chắc gì hơn nổi một trăm hoặc gần gần như thế.”

“Thế anh đã bao giờ bắt gặp những tiên đoán giống nhau trong những chiếc bánh mà anh đã ăn chưa?”

“Cho nghĩ một tí,” Mason nói. “Chưa, hình như chưa bắt gặp. Mà tôi cũng không suy nghĩ nghiêm túc về chuyện ấy.”

“Anh tin vào số phận không?”

“Người Trung Hoa tin,” Mason nói, “đến mức họ đặt hàng trăm lời tiên đoán khác nhau vào hàng trăm cái bánh khác nhau. Họ tin tưởng rằng lời tiên đoán mà anh vớ được, thực sự là dành riêng cho anh. Chính họ thường vẫn đoán định số mệnh bằng cách đó. Còn đôi khi cần phải lắc trong cốc những lời tiên đoán cuộn tròn cho đến lúc một trong số đó bật ra ngoài.”

Cô trầm ngâm, “Tôi có một cảm giác rằng lời tiên đoán của anh chính là dành riêng cho anh.”

Mason cười to.

“Trong thực tế, Della ạ, cô muốn nói rằng cô hi vọng là lời tiên đoán cô vớ được chính là dành riêng cho cô.”

Cô đỏ bừng mặt.

“Ồ, xin lỗi,” Mason kêu lên, tuân theo một xung động không rõ, ông đặt nhanh tay lên tay cô, “tôi đùa mà, Della! Tôi không muốn cô xem mọi thứ đó một cách nghiêm túc. Dù...,” ông nói thêm, “tôi có cảm giác rằng từ quan điểm tâm lý mọi thứ là rất rõ.”

“Chả sao,” cô nói, “thế tôi gọi cho văn phòng Drake chứ?”

“Hãy ngồi đây và uống trà đi,” Mason ra lệnh, “và đừng xì mặt ra thế nữa, Della ạ. Tôi tự đi gọi cho Paul Drake.”

“Tôi có xì mặt đâu. Tôi... tôi...”

“Không là thế nào, cô thậm chí còn đỏ mặt lên nữa,” Mason khẳng định.

Bất ngờ cô lảng tránh ánh mắt, “Mọi thứ đều tuyệt, xông lên thôi. Hãy gọi cho Paul Drake. Anh biết rõ số điện thoại anh ấy.”

Mason đi đến cabin điện thoại, bỏ xu vào và quay số văn phòng Drake.

Khi cô thư kí ngồi cạnh tổng đài trong văn phòng Drake trả lời, Mason nói, “Perry Mason đây. Tôi rất muốn biết...”

“Một phút,” đầu kia điện thoại cắt ngang ông một cách dứt khoát.

Mason nghe tiếng tách và tiếp theo đó là giọng cô thư kí của Drake, “Thưa ông Drake, ông Mason gọi ông.” Sau đó vọng lại lời cảm thán của Drake: “Cô giỏi lắm! Cô tóm được ông ấy ở đâu thế?”

“Đó không phải là tôi. Tự ông ấy gọi. Ông ấy...”

“Alô, alô, Perry, Perry à?!” Drake nói vẻ kích động.

“Chuyện gì vậy, Paul? Tôi nghĩ anh đang ngủ. Anh vớ trúng vỉa vàng à?”

“Tôi đang cào hàng tấn vàng từ vỉa ấy!” Drake kêu lên. “Ma quỷ, linh cảm của anh thật ghê! Tốt nhất ngày mai anh hãy đi cá cược đua ngựa và can đảm đặt toàn bộ gia sản vào đó.”

“Tiếp đi, chuyện gì đang xảy ra thế?”

“B. F. Barnuell và Helen Cadmus tổ chức đám cưới tại một thị trấn nhỏ ở Nevada mà trong những tình huống thông thường sẽ chẳng ai nghĩ ra chuyện đi kiểm tra cả. Một thị trấn bé tẹo, chỗ đã chắc gì có ai nhìn đến, địa điểm ở Đông Bắc Las Vegas, trên đường đi Elai.”

“Tuyệt,” Mason nói. “Hãy tuân hết những gì anh đã kịp biết ra đi, Paul.”

“Chuẩn bị bút chì chưa?”

“Họm chút. Tốt hơn tôi gọi Della. Đừng bỏ máy.” Mason đặt ống nghe, thò đầu ra ngoài cabin và tay vẫy Della: “Hãy đem theo bút chì và sổ, Della.”

Cô thư kí vội đẩy chiếc ghế chân cong ra và chạy đến cabin điện thoại, vừa mở xác trong khi chạy. Cô lấy nhanh sổ ghi tốc kí từ xác, ngoắc nó vào khuỷu tay và áp ống nghe vào tai, nói, “Nào, anh Paul.”

Bút chì của cô bay trên trang giấy, vẽ nên một loạt dấu ngoằn ngoèo, sau đó là những con số và tên người.

“Đó là tất cả à?” cô hỏi. “Tốt lắm, sếp còn muốn nói với anh đấy.”

Cô dịch ra khỏi điện thoại. Mason tóm lấy ống nghe, “Tôi nghe đây, Paul.”

“Tôi đã đọc mọi số liệu cho Della rồi, Perry ạ. Tôi vẫn kiểm soát mọi thứ. Còn tin chủ yếu: đó là khi đăng kí đám cưới xong, thẩm phán hòa giải hỏi ông ta sẽ chuyển giấy tờ đến đâu sau khi hoàn tất các thủ tục, họ im lặng một lát, sau đó người đàn bà nói: ‘Hãy gửi chúng cho bà B.F. Barnuell’ và cho địa chỉ một thị trấn nhỏ ở California, tận mép sa mạc.

“Đó là tất cả?”

“Tất cả.”

“Della ghi hết rồi chứ?”

“Phải, tôi đã đọc hết. Nhưng vì Chúa, Perry, đừng nghĩ rằng anh có thể nâng tôi dậy khỏi chỗ và phái đi...”

“Không, tôi không định làm việc đó,” Mason nói, “tôi cần ở anh một điều hoàn toàn khác.”

“Là gì vậy?” Drake hỏi với vẻ đau khổ trong giọng nói.

“Hãy đi tắm nước nóng,” Mason nói, “sau nó là vòi sen nước lạnh, sau nữa trèo lên giường và ngủ bao nhiêu lâu anh có thể ngủ, bởi vì khi tôi đánh thức anh dậy, anh sẽ phải làm việc đấy.”

“Điều đó nghe như nhạc đối với lỗ tai tôi,” Paul nói mệt mỏi. “Tôi vừa định về nhà thì nghe thông báo này từ Nevada. Người trực thang máy nói rằng các vị đi ăn gì đó. Tôi đã gọi khắp các nhà hàng nơi các vị thường dùng bữa.

“Lỗi ở tôi,” Mason nói, “tôi đã định gọi đến văn phòng cho anh, nhưng không nghĩ là anh sẽ rõ được điều gì đó nhanh như vậy. Tôi nghĩ anh đang ngủ. Thôi nhé.”

Mason treo ống nghe, nắm lấy tay Della và nói, “Tiến lên, Della, chúng ta đang đi đúng đường.”

Mason chạy lại quầy trả tiền nằm ngay cạnh cầu thang, rút tờ mười đôla từ ví ra, đặt lên mặt quầy và nói với người thủ quỹ Trung Hoa, “Chúng tôi không có thì giờ đợi thanh toán. Đây là mười đôla. Hãy để lại một đôla boa cho hầu bàn...”

“Cần phải nhận chỗ hầu bàn bản thanh toán,” người kia đáp thản nhiên với vẻ trầm tĩnh Phương Đông.

Mason bực bội vứt lên mặt quầy tấm cạc, cất mười đôla, lôi trong túi ra tờ năm mươi đôla và ném ra bàn.

“Tốt thôi, anh không tin tôi. Còn tôi thì tin anh. Hãy đưa cho hầu bàn một đôla tiền boa, còn ngày mai hoặc lúc nào đó tôi sẽ ghé vào lấy tiền thừa. Vậy chào đã nhé.”

Ông tóm lấy tay Della và chạy bổ nhào theo cầu thang về phía cửa ra đường phố. Mason chạy lại chiếc xe đang đỗ.

“Tuyệt lắm, Della,” ông nói. “Giờ hãy giữ chắc nhé!”

Ông mở cửa, Della giật cánh cửa xe ra, nhảy vào bên trong, giập nó lại sau mình và vươn người qua lưng ghế để mở cửa từ phía người lái.

Mason chui vào sau vô lăng, bật động cơ, khi xe vừa rời khỏi mép bãi đỗ, đã dẫn ga.

Gần ngã tư thứ hai Della nhận xét, “Anh còn nói gì nữa về việc tôi lái xe thế nào cơ đấy!”

“Lần này,” Mason đáp, “chúng ta thực sự là đang vội.”

“Tôi đã đoán ra điều đó,” Della nói.

Họ phóng trên những đường phố sôi động nhất của thành phố, ra tuyến xe hơi và rồi bay trên đó với kim đồng hồ vận tốc đứng trên vạch bảy mươi mile một giờ.

Hai lần Della ngược nhìn Mason, định nói gì đó, nhưng trông thấy sự tập trung cao độ của vị luật sư, cô hiểu rằng đầu óc ông đang làm việc căng thẳng, rà soát các phương án có thể và lập kế hoạch những hoạt động tiếp trong khi đang cầm lái.

Sau hai mươi phút họ vượt ra ngoài ô thành phố, và Mason tăng thêm tốc độ đến tám mươi mile.

“Thế sẽ ra sao nếu chúng ta bị dừng lại?” Della hỏi.

“Sao tôi biết,” Mason đáp. “Lúc ấy chúng ta sẽ rõ. Hãy theo dõi đường phía sau chúng ta đi, Della.”

“Với tốc độ thế này anh có thể vượt xe cảnh sát, họ thường đi tuần với tốc độ sáu mươi lăm,” cô nói.

“Đành liều mạng thôi. Tôi nhìn các số xe phía trước. Còn cô hãy giúp tôi theo dõi đường phía sau.”

Sau ba giờ Mason giảm tốc độ để đọc biển chỉ đường trên ngã ba, và ngoặt sang phải.

Della nói, “Xét qua vẻ ngoài của cái thị trấn này, các vỉa hè đường phố vắng người từ bảy giờ tối. Vào lúc đêm hôm thế này anh sẽ chẳng tìm ra nổi ai đâu.”

“Ta sẽ dựng họ dậy,” Mason nói.

Della gật đầu, “Ở đây, sắp ọ. Đó là khách sạn, và trong đó người ta ngủ cả rồi.”

“Ta sẽ đánh thức ai đó dậy.”

Mason bấm chuông cửa văn phòng, và sau mấy phút trong cửa xuất hiện một người đàn ông ngái ngủ đang dụi mắt.

“Xin lỗi,” ông ta nói, “chúng tôi đã quá tải. Các vị sao thế, không trông thấy biển ‘Hết chỗ’ à? Các vị...”

Mason nói, “Năm đôla đây.”

“Tôi đã nói rồi mà, chỗ chúng tôi chật cứng. Tôi không thể tìm nổi chỗ cho các vị, thậm chí nếu ông...”

“Tôi không cần chỗ,” Mason cắt ngang ông ta. “Tôi muốn biết bà Barnuell ở ngôi nhà nào thôi.”

“Bà Barnuell ư? Nhà mười một, nhưng bà ấy đã ngủ rồi.”

“Cảm ơn,” Mason nói. “Ông hãy mua cho mình chai wishky, và lần nữa xin lỗi đã đánh thức ông.”

Mason và Della đi nhanh qua con đường bê tông nhỏ hẹp bắt đầu từ bãi đậu xe được vây bọc bởi những ngôi biệt thự nhỏ sơn màu trắng.

“Biệt thự của chúng ta đây rồi,” Mason nói.

Họ đưa mắt tìm nút bấm chuông, nhưng không thấy. Mason cố mở chiếc cổng kéo. Nó bị khoá từ phía trong. Mason gõ cửa bằng những khớp ngón tay.

Một giọng đàn bà lo lắng hỏi, “Ai ngoài ấy?”

“Có thông báo cho bà,” Mason nói, “thông báo rất quan trọng.”

“Xin lỗi. Tôi cần biết, ông là ai. Tôi...”

“Hãy bật đèn lên,” Mason nói. “Có thông báo cho bà. Nó liên quan đến tính hợp pháp của lễ cưới tổ chức ở Nevada. Giờ đây điều đó làm bà quan tâm chứ?”

Bên trong đèn bật sáng.

“Một phút,” giọng phụ nữ nói.

Sau thoáng lát cánh cửa trong mở rộng, trong khung cửa xuất hiện hình dáng mờ tối của một phụ nữ trẻ quần trong thứ gì đó buông xuống tự do. Cô ta không mở cánh cửa kéo bằng kính.

“Được rồi. Chuyện gì vậy?” cô ta hỏi.

Mason, tay giữ chiếc đèn pin nhỏ bấm công tắc. Tia sáng xuyên qua cửa kính chiếu thẳng vào mặt người đàn bà. Cô ta ngả đầu ra và quát lên giận dữ, “Ngừng lại cho!”

Mason nói, “Tôi đã làm rõ hết những gì tôi cần, tiểu thư Cadmus ạ.”

“Xin lỗi, nhưng tôi là bà Barnuell.”

“Thì tôi chính đang muốn nói chuyện với bà về điều đó đây.”

“Thế nhưng tôi lại không muốn nói chuyện gì với ông cả,” cô ta đáp lại bức tức và định đóng cửa lại.

“Tôi nghĩ, bà sẽ muốn,” Mason nói. “Nếu bà từ chối trò chuyện với tôi, sau hai giờ nữa bà buộc phải giải thích tất cả với các phóng viên báo chí.”

“Với các phóng viên?”

“Phải.”

“Nhưng từ đâu họ... làm sao sẽ có thể tìm ra tôi?”

“Nhờ tôi,” Mason nói.

Từ biệt thự bên cạnh giọng đàn ông gầm lên giận dữ, “Này, giảm thanh đi! Hãy vào nhà hoặc đi tìm cho mình mụ đàn bà dễ tính hơn. Chả có gì mà phải đứng cãi nhau ở đây! Tôi muốn ngủ!”

Mason bình thản đứng trước cánh cửa kính và chờ.

Hình người trong khung cửa đứng bất động mấy giây, sau đó người phụ nữ vươn tay ra và mở chốt.

“Xin mời vào,” cô ta nói, “và gắng đừng đánh thức đứa bé.”

Mason giữ cánh cửa cho Della vào trước, và theo cô bước vào ngôi nhà, chốt cửa một cách kĩ lưỡng.

“Ông là ai?” người đàn bà hỏi.

Bên trong ngôi biệt thự thoáng đãng và tiện nghi. Phòng khách nhỏ với thảm đắt tiền trên sàn, được bài trí đồ gỗ tốt; qua cánh cửa khác trông rõ phòng ngủ với chiếc giường đôi và chiếc giường trẻ con.

Mason tự giới thiệu, “Tôi là Perry Mason, luật sư. Đây là Della, thư kí của tôi. Tôi muốn lập tức xĩa các con bài lên bàn, tôi là một trong hai luật sư đại diện cho Jozephine Kempton. Bà ấy bị buộc tội giết Benjamin Addicts, chồng bà.

Người phụ nữ ngồi xuống, mím môi thù địch.

“Hãy tiếp đi.”

Mason nói, “Tôi bị dính vào vụ này một cách tình cờ. Tôi mua các nhật kí của bà và...”

“Tôi đọc về điều ấy trên báo. Chúng cần cho ông để làm gì? Ông muốn làm một việc gì đó kiểu như tổng tiền ư? Chẳng lẽ ông nghĩ rằng tôi ngu ngốc đến nỗi viết trong chúng điều gì đó...”

“Bà viết trong đó nhiều thứ mà thậm chí tự mình bà cũng không ngờ đến,” Mason nói.. “Tức bà đã viết về điều mà theo như bà, không ai có thể đoán ra.”

“Ví dụ?”

“Bà nghĩ sao, tôi đến được đây?”

“Tôi không biết. Tôi đang muốn làm rõ chính điều đó.”

“Thế theo bà, tôi làm sao tìm ra bà ở đây?”

“Điều này thì tôi không biết nổi. Tôi đã làm tất cả mọi biện pháp phòng ngừa rồi.”

“Điều đó thì tôi rõ,” Mason nói. “Chính vì thế tôi mới nói rằng trong nhật kí có nhiều thứ hơn so với bà nghĩ. Còn bây giờ thì tôi muốn biết mọi thứ chi tiết hơn.”

“Tôi không định kể gì với ông hết.”

“Tôi cho là bà sẽ kể,” Mason tuyên bố đầy tự tin.

“Tại sao ông nghĩ như thế?”

“Tại vì,” Mason nói, “tôi biết rõ rất nhiều thứ. Tôi biết tên các khách sạn bà dừng lại ở đấy với Benjamin Addicts. Tôi có các ghi chép của bà về việc bà định tận hưởng hạnh phúc của mình, và rằng bà không đẩy nhanh kết cục cho đến lúc nào nó chưa tự đến. Còn sau khi phát hiện ra rằng kết cục là tất yếu, bà buộc phải quyết định gì đó trong tình huống ấy và viết về điều ấy trong nhật kí. Tôi biết rõ điều gì đã diễn ra trên boong tàu. Tôi biết rõ bà với Addicts đã bày đặt ra sao để đánh lừa được tất cả và để người ta hình dung sự việc giống như là bà tự vẫn. Tôi chỉ không rõ một điều - ông ấy thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa như thế để làm gì. Đó chính là điều tôi muốn làm rõ.”

“Ồ, nếu ông đã tinh khôn thế, hãy tự đi mà làm rõ lấy.”

“Tôi rõ,” Mason nói, “rằng ông bà cưới nhau ở Nevada. Tôi biết bà cho chỉ dẫn gửi các hồ sơ đăng kí đám cưới theo bưu điện tới địa chỉ này. Tôi biết tên thật của ông

Addicts là Barnuell. Còn giờ đây tôi có thể nêu lên một số giả thiết. Tôi không biết bà có muốn nghe những giả thiết ấy từ tôi hay không. Tôi có thể đăng chúng lên báo. Mọi người sẽ đuổi theo tôi xin phỏng vấn.”

“Thì cứ đi và cho họ phỏng vấn đi.”

“Tôi đã cho họ một phỏng vấn, trong đó tôi tuyên bố: trên cơ sở một số ghi chép trong nhật kí của bà, tôi cho rằng bà báo với ông Addicts là ông ta sắp sửa sẽ thành bố. Tôi đã kể với họ về khách sạn mà khi nghỉ lại trong đó bà với ông Addicts đã đăng kí như vợ chồng, và tôi có các nhân chứng đã nhận diện được các tấm ảnh của bà. Các nhà báo đã rõ điều đó. Sáng mai mọi thứ sẽ được đăng.”

“Nhưng ông bày ra mọi thứ ấy đối với tôi để làm gì?” cô ta hỏi.

“Tôi không bày ra gì cả,” Mason nói. “Tôi là luật sư. Tôi tiến hành vụ án mà trong đó tôi phải làm rõ được tất cả các sự kiện. Tôi không hề bịa ra gì hết. Tôi không đặt điều. Tôi chỉ sắp xếp các sự kiện lại.”

“Rồi đi ba hoa với cánh nhà báo.”

“Tôi làm điều đó vì cần phải như thế. Đã có lí do gì đó làm ông Addicts không thể cưới bà. Đó là lí do gì vậy?”

“Tôi không hiểu, vì sao tôi lại phải kể với ông cơ chứ?”

“Tôi cố lập lại sự thật.”

“Và ông đại diện cho Jozephine Kempton?”

“Phải”

“Tuyệt lắm!” cô ta thốt lên cay đắng. “Nếu ông cần sự thật về mẹ, thì tôi sẽ nói với ông sự thật. Mẹ đã giết anh ấy!”

“Bà có ý nói bà ấy đã giết Benjamin Addicts?”

“Ồ tất nhiên, mẹ đã giết anh ấy. Mẹ muốn giết tôi còn mạnh hơn so với anh ấy. Đó là một trong những lí do tại sao Benny quyết định chúng tôi sẽ làm dường như tôi đã chết.”

“Tôi có cảm giác,” Mason nói, “đó là phương pháp quá phức tạp để giải quyết một vấn đề đơn giản.”

“Vấn đề không đơn giản thế đâu.”

“Tại sao ông ấy không giải quyết vấn đề này với người vợ đầu của ông?” Mason hỏi, theo thói quen giấu sự kiện, ông đoán mò.

“Bởi vì anh ấy không thể.”

“Tại sao?”

Cô ta nhún vai và nói, “Tại sao ông lại không thử tự suy xét về đề tài ấy?”

Mason nói, “Thôi được. Tôi là luật sư. Khả năng duy nhất mà tôi có thể tìm được để lí giải tại sao ông Addicts không thể công khai tuyên bố bà là vợ ông ấy là ở chỗ ông ấy không có quyền về mặt pháp lí làm điều đó, và nguyên nhân duy nhất tôi có

thể nghĩ ra nổi, tại sao ông ấy không có quyền về mặt pháp lí cưới bà, đó là việc ông ấy có người vợ đầu còn sống, người vẫn móc tiền từ ông để tồn tại và khước từ cho ông ấy li dị.”

Cô ta lắc đầu.

“Không đúng à?” Mason hỏi.

Cô ta nói vẻ cay đắng, “Báo chí thỉnh thoảng có viết khá nhiều về anh ấy. Vô số lần họ in ảnh anh. Và chưa bao giờ ông nghe về đám cưới đầu tiên của anh ấy.”

“Đó chính là một trong số thứ làm tôi băn khoăn,” Mason đồng tình vẻ miễn cưỡng.

Cô ta nói, “Điều đó cũng làm tôi băn khoăn, nhưng tôi yêu và để mặc cho số mệnh tiếp nhận mọi thứ như nó có.”

“Bà yêu ông ấy đến thế kia à?” Della hỏi.

Cô ta trầm ngâm nhìn Della và nói, “Anh ấy là người tuyệt vời. Tôi muốn để mọi sự cứ tiếp diễn, với bất kì điều kiện nào mà anh đề nghị, và cho đến tận khi điều đó liên quan đến hai chúng tôi.

“Tôi vẫn chưa được nghe từ bà chuyện kể chi tiết.”

“Ông sẽ không nghe thấy.”

Ném ánh mắt ngẩn sang Della, Mason nói, “Theo một số lí do ông ấy tự biết mình không có khả năng cưới vợ. Khi mọi chuyện đã trở nên cấp thiết - để cho đứa bé có tên tuổi của mình, cho bà sự bảo vệ chính đáng, - ông ấy đã quyết định đăng kí đám cưới. Nhưng trước khi làm việc đó, ông ấy đã bày ra toàn bộ trò vớ vẩn này nhằm xem như bà đã chết. Điều đó phải có nghĩa là ông ấy... tôi hình như đã đoán ra.”

“Và sự thể là gì, sắp?” Della hỏi.

“Tôi hiểu rằng người đàn bà mà ông sẽ cưới đang nằm trong mối hiểm họa vô cùng lớn.”

“Nhưng tại sao?”

“Thứ nhất,” ông nói, gập một ngón tay lại, “ông ấy biết rằng không có quyền chính thức để cưới. Thứ hai, ông ấy biết rằng bất cứ người phụ nữ nào mà ông mê đắm nghiêm túc, sẽ gặp hiểm họa vô cùng. Tất cả thứ đó hình thành nên một sơ đồ cụ thể, Della... bởi tôi là luật sư.”

“Tôi không nắm bắt được, sắp ạ.”

Mason ngược nhìn người đàn bà khoác tấm khăn.

“Có thể là Helen sẽ kể với chúng ta.”

“Mà có thể là không kể.”

“Tốt lắm.” Mason nói, “biết sao được, Della, tự chúng ta cố thử xem vậy. Vào một quãng đời nào đó của mình Addicts đã lấy vợ. Đám cưới này không được hủy bỏ vì nguyên nhân người vợ chưa chết hoặc có một thoả thuận nào đó về li hôn. Và câu

hỏi - vì nguyên do nào?”

Della lắc đầu, “Không có những nguyên do như thế. Nếu ông ta cưới vợ, thì cũng có thể li hôn. Không có ý nghĩa việc ông ta có thể mất bao nhiêu, nhưng ông ta có thể mua và nhận được tự do. Ông ta có thể rất thận trọng khi thực hiện ý đồ lần thứ hai, nhưng ông ta sẽ phải đảm bảo cho mình tự do hợp pháp.”

“Nếu ông ấy có khả năng như thế,” Mason nói.

“Anh ngầm chỉ gì dưới những lời ấy?”

“Theo luật pháp có thể nảy sinh tình huống rất thú vị từ quan điểm và với nó ông ấy không đủ khả năng làm điều ông ấy muốn.”

“Tình huống nào?” Della hỏi.

“Trong nhiều bang không thể nào li hôn với người vợ được tòa thừa nhận là người điên,” Mason đáp. “Còn bây giờ, ta giả sử, Benjamin Addicts đã cưới vợ, và người vợ đó được thừa nhận là bị điên. Tay chân Addicts bị trói. Và cứ giả sử tiếp theo, rằng vì điên nên bà ta có thể trở nên nguy hiểm, và điều đó có thể là... Tôi có cảm giác, Della ạ, chúng ta sắp tiếp cận điều gì đó rồi.”

Mason hơi cúi đầu về phía người phụ nữ cuộn người trong tấm khăn. Có gì đó bất thường diễn ra trên khuôn mặt cô ta. Sự co thắt cay đắng làm biến dạng nó, sau đó cô ta kêu to giận dữ, “Quý tha ma bắt ông đi! Ông là ai kia chứ? Ông biết đọc ý nghĩ của người khác? Ai cho phép ông chúi mũi vào đời tư người khác...”

“Tôi nghĩ,” Mason nói, “tốt nhất bà nên kể hết với tôi, Helen ạ.”

Cô ta nhú trán, “Tôi đã trải qua cái điều mà có nằm mơ ông cũng không thấy. Ông không thể tưởng tượng nổi đó là cái gì nữa.”

“Người đàn bà đó là ai?” Mason hỏi. “Bà ta bị giữ tại bệnh viện nào?”

“Vấn đề chính là ở chỗ đó,” Helen nói. “Người ta không giữ mù ở đâu cả. Không thể nào giữ được mù. Mù chạy lung tung khắp nơi. Mù sống tự do. Mù là một ả cuồng bị ám bởi khao khát giết người. Ông hiểu điều đó có nghĩa là gì không?”

Mason trầm ngâm, mắt nheo lại.

“Mù ta hoàn toàn điên khùng. Mù cả ghen. Mù theo dõi Benny và tổng tiền anh ấy. Mù nói với anh ấy rằng, nếu anh ấy có ý định hoặc chuẩn bị lấy vợ, mù sẽ giết vợ của anh ấy. Và mù hoàn toàn không đùa. Đám cưới của tôi với Benny xét từ quan điểm pháp lí thì vẫn là không hợp pháp.”

“Vậy lúc ấy tổ chức đám cưới chính thức để làm gì?”

“Vì để cho đứa bé có họ tên của anh ấy.”

“Vợ đầu của ông ấy ở đâu?”

“Không ai biết cả.”

“Tại sao không giữ bà ta đâu đó sau khoá sắt?”

“Không cách nào khoá mù nổi. Mù luôn luôn trốn được, dù có nhốt mù ở đâu đi

nữa.Chính vì thế mà Benny mới buộc thực hiện các công việc của mình bằng cách để bao giờ cũng có khả năng trao tiền mặt cho mụ.Người đàn bà ấy điên hoàn toàn. Hẳn mụ sẽ giết anh ấy và giết cả tôi với niềm sướng vui thoả thích.

“Nhưng bà ta không giết ông ấy?”

“Không, Jozephine Kempton đã làm điều đó; nhưng nếu ông kể với các nhà báo về đám cưới của chúng tôi hoặc mụ vợ kia thoáng nghĩ qua trong đầu rằng tôi là mẹ đẻ con của Benny, mụ sẽ lần ra tôi và giết chết. Mụ nhiều sáng kiến đến quỷ quái và thù dai khác thường. Ông biết không, đến giờ mụ vẫn ở trạng thái điên, ít ra thì cũng từ quan điểm của luật pháp. Benjamin Addicts đã không thể làm gì nổi. Anh ấy không thể bắt đầu việc li dị, thậm chí không thể xác định nổi quan hệ tài sản của họ. Nếu anh ấy có ý đồ thực hiện, thì họ tên thật và quá khứ của anh ấy sẽ rõ ràng.”

“Thế có gì trong quá khứ ông ấy?”

“Anh đã giết một người.”

“Tôi nghĩ chuyện nói về em trai ông ấy.”

“Không. Đó đã là tiếng vọng của những tin đồn sai lạc. Benny tiếp tục giữ Herman trong tầm nhìn của mình, còn Herman thì cho rằng Benny đã chết.”

“Chồng bà đích thực đã giết người ư?”

“Anh ấy cam đoan rằng trên thực tế anh không biết chính xác. Anh không bao giờ kể tỉ mỉ với tôi. Khi tôi trông thấy anh ấy phản ứng như thế nào đối với điều đó, tôi ngừng hỏi.”

“Nhưng vợ ông ấy vẫn giữ liên hệ với ông ấy chứ?”

“Dĩ nhiên.”

“Bằng cách nào?”

“Chuông điện thoại réo lên. Thường là gọi từ máy công cộng.Trong ống nghe vang lên giọng của mụ ta. Mụ lệnh cho anh ấy bỏ vào túi một số tiền mặt xác định và đặt túi ở chỗ quy ước. Mọi điều đó được làm với sự bí ẩn, dường như mụ nhận tiền chuộc một đứa trẻ bị bắt cóc vậy.”

“Và Addicts phái những người mà ông tin cậy đi trao số tiền ấy?”

“Vâng.”

“Ông ấy không cho bà dây vào chuyện này.”

“Không. Thường thì Mortimer Hershy làm việc đó. Thỉnh thoảng là Natan Fallon.”

“Họ biết rõ chính việc họ làm không?”

“Tôi không biết, ông Mason ạ. Tôi không nghĩ là họ biết rõ. Benny sợ rằng người ta có thể sẽ tống tiền anh ấy.Trời ơi, tôi kể hết cả với ông rồi, dù hoàn toàn không định làm điều đó, nhưng tôi cô đơn quá... giờ đây Benny đã không còn nữa. Anh ấy là người duy nhất tôi đã gắn bó...”

“Hãy đợi cho một phút,” Mason nói. “Hiện thời hãy cố kiểm soát xúc cảm, thưa

bà Barnuell. Nào chúng ta hãy cùng tiếp cận đến bản chất sự việc. Jozephine Kempton thì dính líu gì ở đây? Bà ấy biết các quan hệ của bà với ông Addicts không?”

“Bà ta có thể đoán ra.”

“Bà đã đọc bài báo về những vật bị xem là mất cắp đã tìm lại được?”

“Vâng, đã đọc. Tôi lẽ ra nên tự mình đoán được mới phải. Ôi Chúa nhân từ, tôi rõ điều đó mà. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó cả. Một con bé nghịch ngợm xảo trá! Tôi yêu quý nó lắm, nhưng dù sao thì nó cũng là một tiểu quỷ!”

“Thế con khỉ bây giờ ở đâu?” Mason hỏi.

“Nó... có người chăm sóc cho nó. Ông đừng lo, nó sẽ sống với những người chủ tốt.”

“Bà cho là thế nào, Jozephine Kempton kể sự thật về...”

“Chưa bao giờ trong đời mẹ nói sự thật. Mẹ là kẻ lừa dối bẩm sinh. Mẹ là kẻ thủ đoạn, ả trộm cắp đều cáng, độc ác, sẵn sàng vu khống cho bất cứ ai, mẹ đàn bà tâm địa độc ác, và chính mẹ giết Benjamin Addicts. Tôi tin chắc điều đó cũng y như lúc này tôi đang ngồi ở đây vậy.”

“Từ đâu bà rõ điều đó?” Mason hỏi.

“Tôi không có bằng chứng nào cả, nhưng tôi tuyệt đối tin rằng sự thật chính là như thế.”

“Bà không muốn để các nhà báo sấn đến với những câu phỏng vấn, đúng thế chứ?” Mason hỏi.

“Tất nhiên, không.”

“Tốt lắm,” Mason nói với cô ta, “nếu thế hãy đi thu xếp đi.”

“Ông có ý gì?”

“Tôi định,” Mason nói, “đưa bà đến một nơi mà trong một thời gian nào đó bà sẽ được an toàn. Bà đơn giản là điên khi nghĩ rằng người ta sẽ không thể tìm ra bà ở cái nơi như thế này. Bà để lại dấu vết khá rõ để cho việc...”

“Tôi nghĩ tôi đã làm tất cả những gì có thể,” cô ta nói, “nhưng tôi đã... tôi quá bối rối và nói thực, chưa bao giờ trong đầu tôi nảy ra cái ý rằng Benny sẽ quyết định mở hết các con bài của mình và cưới tôi. Tôi đã hi vọng rằng anh ấy sẽ giúp đỡ đưa bé... tôi không biết, tôi nghĩ rằng anh ấy sẽ tự hào...”

“Về cháu bé?”

“Vâng. Anh ấy có một thằng con tuyệt diệu, khỏe mạnh,” cô ta nói. “Nó sẽ thông minh cũng như Benny, tôi sẽ chăm sóc nó chu đáo, sẽ chẳng có sai lầm nào cả. Ông Mason ạ, Benny đã gây ra sai lầm lớn. Anh ấy cố trốn chạy. Mà khi con người trốn chạy gì đó trong cuộc đời của chính mình, ở anh ta nhất định sẽ nảy ra cả một chuỗi những khiếm khuyết và nỗi sợ hãi. Con trai tôi sẽ không như thế. Nó sẽ nhìn thẳng

vào mỗi hiểm nguy!”

“Tuyệt lắm,” Mason nói, “tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp bà.”

“Thế ông định sẽ làm gì? Ông có thể làm gì được?”

“Bà cần thu xếp,” Mason nói. “Della sẽ đưa bà và con trai bà vào một khách sạn khác và tự đăng kí trong khách sạn đó. Bà sẽ là chị cô ấy. Bà sẽ không gọi đến cái tên Addicts. Bà sẽ không dùng tên là Barnuell.”

Mason ngó nhìn đồng hồ.

“Bà có mười lăm hoặc hai mươi phút. Chắc tôi sẽ không muốn thử vận may lâu hơn. Della sẽ giúp bà đóng gói đồ đạc.”

“Nếu nói một cách thẳng thắn, ông Mason ạ, thì tại sao tôi lại không bắt đầu sống theo cách mới ngay từ bây giờ? Tôi bỗng hiểu ra rằng tôi chuẩn bị làm đúng y như Benny vậy. Tôi bắt đầu chạy trốn...”

Mason gay gắt dứt lời cô ta, “Có sự khác nhau giữa việc lùi bước tạm thời - trong khi bà chưa thể đánh trả vào chỗ cần thiết và thời gian cần thiết, - và sự tháo chạy thông thường. Mục đích bà điên muốn giết con bà. Trở thành can đảm, điều đó tất nhiên là tuyệt vời, nhưng trước tiên ta hãy cùng tìm hiểu cho được nhiều hơn về người đàn bà ấy, trước khi đánh liều cái sự sống non trẻ mà bà chịu trách nhiệm gìn giữ.”

Cô ta ngập ngừng một thoáng, sau đó thu thập đôi thứ quần áo, đi vào buồng tắm, nói, “Tôi cần thay quần áo,” và đóng cửa lại.

“Sếp ạ,” Della nói, “anh thực sự muốn giấu cô ta à?”

“Tôi phải giấu cô ta, Della ạ.”

“Tại sao?”

“Tại vì nếu báo chí nhận được từ cô ta toàn bộ câu chuyện về việc bà Kempton giết Benjamin Addicts này, điều đó sẽ gây nên cả một phản ứng dây chuyền trong dư luận xã hội. Tôi không muốn mạo hiểm.”

“Lẽ nào giấu nhân chứng,” đó là phạm tội?

“Thế cô ta nhân chứng cho cái gì?”

“Ồ, tất cả những điều cô ta đã kể với anh.”

“Cô ta kể với tôi khá nhiều về sự biến mất của Helen Cadmus,” Mason nói, “và cô ta kể với tôi một đống đủ mọi thứ về cuộc đời quá khứ của Addicts, nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng cô ta là nhân chứng của tất cả mọi chuyện đó. Cô ta có thể ba hoa tất cả mọi thứ đó với các nhà báo, nhưng cô ta không thể làm chứng trước tòa bồi thẩm. Cô ta không phải là nhân chứng, nếu không thể khẳng định gì đó với lời thề. Còn vào thời điểm hiện tại chúng ta đang điều tra vụ giết Benjamin Addicts. Cô ta không thể khẳng định một tí gì về sự kiện này với lời tuyên thệ.”

“Dù sao đi nữa, nếu cảnh sát biết...”

Mason nhếch mép.

“Hãy nhớ lời tiên đoán trên tờ giấy bột gạo, Della ạ: Lòng can đảm là liều thuốc giải hiểm nguy duy nhất.”

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Buổi phỏng vấn mà Mason dành cho các phóng viên báo chí gây nên phản ứng tức thì.

Sydney Hardvic, luật sư đại diện cho quyền lợi của Benjamin Addicts khi ông ta còn sống, và là luật sư đại diện cho bên buộc tội của nhà nước, lập tức phê phán phỏng vấn của Mason là ‘bịa đặt từ đầu chí cuối, trong đó cái mong muốn được xem như thực tế, là mưu toan thay đổi bản chất sự việc; sự tưởng tượng mãnh liệt cố tìm dù là một khe hở nào đó cho thân chủ của mình đã bị tuyệt vọng’.

Vị biện lí khu Hamilton Berger đánh giá nó còn gay gắt hơn: ‘Đó là mưu toan vượt khỏi trách nhiệm, bôi đen thanh danh cô gái quá cố đã không thể tự vệ bản thân. Đó là ý đồ đều giả đáng khinh, nảy nòi từ sự dối trá, sinh ra trong tuyệt vọng, và cuối cùng, không có khả năng đem lại gì cho thân chủ, ngoài điều có hại’.

Mason, với những tờ báo dưới nách, đi vào phòng xử án để có mặt trong buổi nghe sơ thẩm vụ án ‘Nhân dân chống Jozephine Kempton’.

James Etna xích lại gần ông và nói nhỏ, “Tôi nghĩ chúng ta sẽ không gặp những vấn đề lớn để xin hoãn vụ xét xử này, ngài Mason ạ.”

“Thế ai muốn hoãn?” Mason hỏi.

“Trời ơi, hẳn lúc này chúng ta không muốn có mặt trong cuộc xét xử của tòa án, với tình thế sự việc thế này, đúng không?”

“Chúng ta, có thể không muốn lắm phải có mặt lúc này tại cuộc phán xử của tòa,” Mason nói, “nhưng riêng tôi, tôi muốn nghe họ có thể đưa ra điều gì với tư cách bằng chứng trong buổi nghe sơ thẩm.”

“Đành thế, ngài là sếp, ngài rõ hơn,” Etna nói với ông, “nhưng tôi biết ngài biện lí khu định hoãn việc xem xét vụ án. Dĩ nhiên, ngài ấy muốn luật sư bào chữa đề nghị ngài ấy về điều đó.”

Chính án Mandy chiếm vị trí của mình trên ghế. Tòa yêu cầu sự chú ý.

“‘Nhân dân chống Jozephine Kempton’,” chánh án đồng dục nói.

“Bên bào chữa sẵn sàng,” Mason nói.

Trên mặt vị biện lí Berger thể hiện sự bối rối, “Theo như tôi hiểu, ngài luật sư muốn yêu cầu hoãn nghe vụ án, và bên nguyên cáo sẵn lòng đồng ý cho phép

hoãn.”

“Tôi không biết tại sao ngài cho là thế,” Mason nói ngay.

“Tôi được rõ điều đó từ câu chuyện của người đã trao đổi với James Etna, luật sư tiến hành vụ án cùng ngài.”

“Thật thế sao?” Mason ngạc nhiên. “Thế người đó là ai và ông ta đã nói gì cơ chứ?”

“Tôi không thích để lộ nguồn cung cấp thông tin của tôi.”

“Tôi không đề nghị hoãn và tin chắc rằng ngài Etna cũng không yêu cầu,” Mason bác lại.

“Tôi không khẳng định rằng ngài ấy xin phép hoãn.”

“Bên bào chữa có quyền bắt đầu vụ tố tụng, nếu họ không có phản đối,” chánh án Mandy can thiệp.

“Chúng tôi sẵn sàng bắt đầu,” Hamilton Berger u ám nói.

“Rất tốt, xin mời bắt đầu đi.”

Với tư cách nhân chứng thứ nhất Berger gọi một trong số cảnh sát đã nhận qua điện đàm lời gọi đến Stounhenge. Người cảnh sát mô tả bối cảnh mà anh ta phát hiện ra ở đấy, kể về gã vệ sĩ ban đêm chạy quanh ngôi nhà với khẩu súng ngắn trong tay, về lũ chó xua con đười ươi lên cây, về hai con đười ươi khác tự do tha thần khắp nhà, về những cái cũi bị mở, về cái xác được phát hiện trong phòng trên tầng hai, và về sự lộn xộn hồi cuối được khơi lên bởi những nỗ lực xua mấy con đười ươi khổng lồ vào chuồng. Cuối cùng, nhờ hai chuyên gia của vườn bách thú ném các thứ quả tẩm thuốc ngủ và nỗ lực hợp tác của cảnh sát và các đơn vị cứu hoả, lũ khỉ bị dồn vào chuồng ngay trước bình minh.

“Có thể bắt đầu việc hỏi cung chéo,” vị biện lí khu nói.

Mason mỉm cười.

“Bên bào chữa không có câu hỏi.”

Berger gọi người cảnh sát tuần tra trông thấy Mason và bà Kempton, như anh ta diễn đạt, ‘cố chạy trốn trên phố Rouz street’. Muộn hơn Della gia nhập vào với họ. Anh ta tuyên bố với họ rằng họ phải bị đưa tới Cục cảnh sát để lấy cung.

“Hãy bắt đầu hỏi cung chéo đi,” Berger nói.

“Theo như tôi hiểu,” Mason nói, “ông khẳng định rằng bị cáo và tôi cố chạy trốn trên Rouz street.”

“Vâng, thưa ngài, chính tôi đã khẳng định như thế đấy.”

“Và ông xếp chúng tôi ngồi vào xe.”

“Phải, thưa ngài.”

“Từ đâu mà ông biết rằng chúng tôi cố chạy trốn?”

“Ồ, tại vì cách xử sự của các vị, bước đi rất nhanh và luôn luôn ngoái lại đằng sau.”

“Hiểu rồi,” Mason nói, “nghĩa là, nhanh chóng sau khi xếp chúng tôi ngồi lên xe, ông chạy trốn về Cục cảnh sát, đúng vậy không?”

“Tôi đã làm gì?”

“Ông chạy trốn về Cục cảnh sát.”

“Tôi đưa các vị về Cục cảnh sát.”

“Ông bỏ lại đằng sau một cảnh địa ngục khủng khiếp, những dấu hiệu rõ ràng của mối hiểm họa. Ông rời khỏi ngôi nhà nơi lũ đười ươi đang nhón nhơ tự do, nơi chó sủa, còi báo động rú.”

“Tôi đã làm thế bởi tôi thi hành mệnh lệnh.”

“Nhưng ông đã bỏ trốn, chả thế sao?”

“Không.”

“Nhưng ông đi khỏi đó khi bỏ lại đằng sau cảnh lộn xộn đó?”

“Tôi có lệnh rời khỏi đó để đưa các vị về Cục cảnh sát.”

“Bất chấp sự kiện là ông không chạy, ông đã ngoái lại mấy lần, ngoái qua vai, đúng không?”

“Thì sao, tôi ngó vào gương chiếu hậu hai hoặc ba lần gì đó...”

“Và ngoái ra sau, qua vai?”

“Có thể là đã ngoái lại, rất nhanh.”

“Dĩ nhiên, rất nhanh,” Mason nói, “nếu khác thì không thể, ông đang lái xe mà, ấ
y thế nhưng ông vẫn ngoái lại qua vai mấy lần.”

“Có thể, ừ ngoái lại. Có lẽ là có.”

“Ông không nhớ ư?”

“Tôi không nhớ chắc chắn.”

“Và dù vậy ông khẳng định, nếu dẫn chính những lời của ông, ‘có lẽ, là có’.”

“Điều đó thì đúng. Ở đây thì ông thẳng.”

“Bây giờ ông sẵn sàng thề là đã ngoái lại? Ông khẳng định điều đó với lời tuyên
thệ?”

“Phải!” nhân chứng quát lên.

“Thưa tòa,” Hamilton Berger phản đối, hướng về chánh án, “tôi cho rằng câu hỏi
này được hỏi hàng chục lần rồi, và nó đã được trả lời.”

“Tôi có chiều hướng đồng tình với ngài,” chánh án nói.

“Tôi chỉ muốn làm sáng tỏ vấn đề này đến tận cùng,” Mason nói. “Tôi muốn để
quý tòa hiểu thấu quan điểm của nhân chứng này. Ông ta không nhớ chắc ông ta có
ngoái qua vai hay không nữa, nhưng ông ta vẫn sẵn sàng tuyên bố rằng ông ta đã
làm thế chỉ vì là ông ta có thể làm được như thế. Giờ đây ông ta nhất định sẽ thề
việc mà ông ta trong thực tế không nhớ chắc chắn. Điều đó trình bày rất trực quan
quan điểm của nhân chứng.”

“Tôi đã nói với ngài rằng, thực sự tôi đã ngoái lại và nhìn qua vai ra đằng sau.”

“Nhưng ông không nhớ chắc chắn có ngoái lại hay không.”

“Tốt lắm,” người cảnh sát tuyên bố hùng hổ, “giờ đây tôi đã nhớ lại chắc chắn, rằng đã ngoái lại.”

“Vào khi nào thì ông đã nhớ lại chắc chắn?”

“Vừa đây thôi.”

“Như vậy, khi ông tuyên thệ một cách long trọng rằng không nhớ chính xác, ông ngoái lại hay không nữa, ông đã nghĩ cẩn thận điều đó chưa?”

“Điều đó thì đúng.”

“Như thế, ông đã trả lời câu hỏi mà không hề nghĩ ngợi?”

“Phải.”

“Nói khác đi, trước tiên ông nói rồi sau mới suy nghĩ?”

“Tôi không biết.”

“Thế ông ngoái lại đằng sau để làm gì, nếu ông không chạy trốn?” Mason hỏi.

“Thuần túy do hiếu kì. Khi ngài nghe thấy đằng sau sự lộn xộn như thế, lũ khỉ chạy xung quanh, điều đó hoàn toàn bình thường, ngoái và xem cái gì diễn ra đằng kia, trong khi ta đang rời khỏi hiện trường.”

“Nghĩa là, như bây giờ tôi có thể hiểu từ những lời khai của ông với lời tuyên thệ,” Mason nói, “không hề có gì chỉ ra rằng thân chủ và tôi chạy trốn khỏi hiện trường.”

“Chính tôi đã nói là có mà.”

“Có gì?”

“Trong chuyện các vị xử sự, chắc tôi nói là có gì đó không như thế.”

“Ông có thể đoán gì đó đang xảy ra không như thế khi đến khá gần để nghe thấy còi hú, vậy chứ?”

“Phải.”

“Như thế,” Mason nói, “ông muốn thuyết phục quý tòa trong việc là đối với ông, ngoái lại và xem gì đang diễn ra là hoàn toàn tự nhiên khi ông rời một hiện trường dạng ấy, còn trong trường hợp với thân chủ tôi và tôi thì điều đó là chứng cứ của sự chạy trốn.”

“Hành vi của các vị chứng tỏ về điều đó.”

“Về điều gì cơ?”

“Tôi đã mô tả tất cả rồi.”

Mason giơ tay trái lên và gập ngón trỏ xuống, “Thứ nhất,” ông nói, “ông tuyên bố là chúng tôi đi nhanh. Thứ hai: ông nói rằng chúng tôi luôn luôn ngoái lại. Nào, chúng tôi làm gì đáng ngờ nữa?”

“Đó là tất cả. Từng ấy là đủ rồi.”

“Tuyệt lắm,” Mason nói. “Khi ông rời khỏi đó, ông đi nhanh, đúng thế không?”

“Đó hoàn toàn là việc khác.”

“Nhanh hay không?”

“Có.”

“Và đồng thời,” Mason để thêm, “ông ngoái lại không phải một lần. Phải thế không?”

“Phải.”

“Ông tin chắc vào điều đó?”

“Chắc.”

“Bây giờ ông nhớ lại một cách chính xác rằng đã ngoái lại?”

“Phải.”

“Nhưng ông không nhớ điều đó chắc chắn mà, khi lần đầu tiên đưa ra lời khai với sự tuyên thệ.”

“Tất nhiên, nhớ chứ.”

“Và như thế,” Mason nói, “ông cố che giấu điều đó.”

“Tôi nhận ra cái bẫy mà ngài giảng ra cho tôi. Tôi đâu đến nỗi dần.”

“Cảm ơn ông,” Mason nói, “đơn giản tôi muốn để tòa rõ quan điểm của ông. Tôi đã xong.”

Hamilton Berger trao đổi ngắn gọn với trợ lí của mình, một luật sư trẻ xuất sắc có tên là Ginzberg, người trong mấy tháng gần đây đã thắng một loạt vụ tố tụng và kết quả là được cất nhắc lên phó biện lí.

Sự hiện diện của chính Hamilton Berger tại phiên tòa, tư vấn cho vị phó của mình, chứng tỏ Mason được xem là một đối thủ lợi hại.

Sau cuộc hội ý ngắn thì thầm, Ginzberg gọi bà giám thị trại giam.

Bà giám thị khai dưới lời tuyên thệ rằng bị can Josephine Kempton đến trại tù nữ chỗ bà ta, rằng bà ta đã thu giữ quần áo của Josephine Kempton và đổi cho bà quần áo tù, còn quần áo thì chuyển cho Philipp Groton, giám định viên và là nhà xét nghiệm chất độc.

“Bây giờ có câu hỏi thế này,” Ginzberg hướng về bà ta. “Bà có khám người của bị can không?”

“Đã khám, thưa ngài. Bà ta cởi trần truồng và tắm. Tôi nghiên cứu từng li cơ thể bà ta.”

“Bà tìm gì?”

“Các vết xước, vết đứt da, vết thâm tím hoặc những dấu hiệu cưỡng bức khác.”

“Bà có phát hiện ra chúng không?”

“Thưa ngài Ginzberg, trên da bà ấy không có một chút tổn hại nào.”

“Tôi có thể hỏi, sự xem xét ấy cần để làm gì?” James Etna chen vào.

“Thì ngài cứ nghe và sẽ hiểu, nó cần để làm gì,” Ginzberg tuyên bố hùng hổ.

“Thưa các ngài!” chánh án Mandy kêu lên. “Xin hãy tuân thủ phép lịch sự. Bên bào chữa muốn tuyên bố phản đối không?”

“Đơn giản là tôi muốn tiết kiệm thì giờ!” Etna kêu lên tức tối. “Nhưng lưu ý đến tình huống, tôi phản đối theo nguyên có là mọi thứ đó thiếu chuyên môn, không thực tế và không liên quan đến vụ án.”

“Chúng tôi cho rằng, thưa tòa,” Ginzberg nói, “sẽ gắn điều đó với các lời khai của nhân chứng tiếp theo.”

“Được, xin tiếp cho.”

“Đó là tất cả. Có thể đặt câu hỏi.”

Mason bảo Etna, “James, ông hỏi đi.”

“Bà thu quần áo của bà ấy với mục đích gì?” Etna hỏi nhân chứng.

“Tôi được chỉ thị như thế.”

“Bà có biết là cho đến khi bà ấy chưa bị kết tội chính thức, bà chỉ có thể giữ bà ấy với tư cách...”

“Tôi thực hiện mệnh lệnh,” bà giám thị nói. “Tôi có mặt ở đây là vì thế. Nếu ngài cho rằng luật pháp bị vi phạm, hãy yêu cầu lí giải chỗ ngài biện lí khu.”

“Bà muốn nói rằng bà nhận chỉ dẫn từ ngài biện lí khu?”

“Phải. Từ văn phòng ngài ấy.”

“Chuyện gì xảy ra với số quần áo của bà ấy mà bà thu giữ và chuyển cho Filipp Groton?”

“Nếu ngài chờ cho đến khi chúng tôi gọi nhân chứng tiếp theo, ngài sẽ nhận được lời đáp cho câu hỏi của ngài,” Ginzberg nói.

“Rất tốt,” Etna đồng ý, “tôi đã xong.”

“Hãy gọi Filipp Groton,” Ginzberg xướng lên.

Filipp Groton, một nhân vật cao, gầy vế bác học, gò má nhô cao và đeo kính với mắt kính dày đến nỗi phản xạ ánh sáng làm ta chỉ có thể nhìn thấy bộ mặt nhợt nhạt với hai khối hình ôvan lấp loáng thay cho mắt. Ông ta chiếm chỗ nhân chứng và tự giới thiệu là giám định viên trong lĩnh vực chất độc, hoá chất và các nghiên cứu chuyên ngành.

“Bà giám thị vừa mới khai, đã đưa cho ông một số đồ vật chứ?” Hamilton Berger hỏi.

“Đã nhận. Vâng, thưa ngài. “

“Ông đã nghiên cứu các đồ vật, quần áo này?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Ông phát hiện được gì không?”

“Máu người.”

“Ông có đem theo các đồ vật, quần áo ấy không?”

“Có đem theo, thưa ngài”

“Tôi yêu cầu để chúng được trình như vật chứng.”

“Tôi không phản đối.” Mason đáp

Đồ vật được bày ra như vật chứng

“Hãy đặt câu hỏi cho nhân chứng.” Hamilton Berger nói.

“Ông khẳng định rằng trên đồ vật có máu người?” Mason hỏi.

“Vâng, thưa ngài.”

“Ông xác định điều đó như thế nào?”

“Tôi kiểm tra test và nhận được phản ứng chuyên biệt.”

“Tức là, khi tiến hành sự phân tích đó, ông thường không kiểm tra máu, xem xét nó thuộc một động vật này hay động vật nọ, phải thế không? Theo như tôi hiểu, đơn thuần ông tiến hành phép thử mà nó cho phản ứng với máu người và không cho phản ứng nào với máu động vật. Nghĩa là ông, bằng cách đó, kiểm tra cái vệt thẩm để xem đó là máu của người hay của động vật. Nếu đó là máu động vật, ông sẽ không làm việc kiểm tra thêm nữa. Nếu phản ứng dương tính, thì ông biết đó là máu người. Chính xác chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Test này là không sai lầm?”

“Vâng, test này không sai lầm.”

Mason hướng về chánh án, “Tôi muốn hỏi thêm ông Groton mấy câu về tri thức chuyên môn của ông ấy như một nhà giám định, nhưng phải thú nhận với tòa rằng, vào thời điểm này tôi chưa sẵn sàng tiến hành hướng hỏi cung cần thiết. Tôi cần phải có được lượng thông tin cụ thể trước khi tôi có thể kết thúc hỏi cung chéo.”

“Các ngài có phản đối về việc để bên bào chữa hoãn một ít thời gian phần hỏi cung chéo này không?” chánh án Mandy hướng về người buộc tội.

“Hoàn toàn không hề,” Hamilton Berger nói, phẩy tay với vẻ của người tuyệt đối tự tin, “chúng tôi sẽ chỉ vui mừng, nếu ngài Mason hoặc dù là bất cứ ai đặt câu hỏi cho ông Groton liên quan đến trình độ nghiệp vụ của ông ấy, - cứ hỏi dù có là cả ngày đi nữa, nếu người đó muốn, và vào bất cứ thời gian nào, chỉ cần ông ta muốn.”

“Rất tốt, thưa ông Groton, tạm thời ông có thể về chỗ ngồi, ông sẽ được gọi muộn hơn để hoàn tất cuộc hỏi cung chéo. Ai là nhân chứng tiếp theo?”

Với vẻ đắc thắng bất ngờ trong giọng nói, Berger gọi người cảnh sát đã ở trong chiếc xe đưa Mason, bị can Jozephine Kempton và Della về Cục cảnh sát. Anh ta kể rằng cả ba người được xếp lên ghế sau, anh ta ngồi quay lại phía sau và phần lớn thời gian không rời mắt khỏi họ.

“Sau khi ông về đến Cục cảnh sát, có gì xảy ra với cái xe?” Berger hỏi.

“Nó được phái đi tuần tra tiếp.”

“Ai ở trên xe?”

“Tôi và bạn cặp đôi với tôi.”

“Vào thời gian nào các ông đổi ca trực?”

“Vào bốn giờ sáng.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Tôi... tôi nhớ lại rằng chưa kiểm tra ghế sau, chúng tôi thường làm việc đó, nếu trong xe những kẻ bị tình nghi không bị còng tay. Lúc đó tôi và anh bạn nâng ghế sau lên, và chúng tôi phát hiện ra một tài liệu dưới đệm ghế ngồi sau.”

“Hãy kể qua, đó là tài liệu gì.”

“Đó là một tấm séc được thủ quỹ nhà băng kí, do Benjamin Addicts trả và có ở mặt sau một dòng kí chuyển nhượng: ‘Trả cho Jozephine Kempton khi xuất trình’, dưới đó dường như là chữ kí của Benjamin Addicts.”

“Ông có đánh dấu bằng cách nào đó tấm séc ấy không?”

“Có. Vâng, thưa ngài.”

“Cách nào?”

“Tôi viết bút chì tên tắt của tôi lên góc trái phía trên mặt sau tấm séc.”

“Ông có thể nhận ra tấm séc ấy nếu lần nữa trông thấy nó?”

“Chắc có, thưa ngài.”

“Tôi cho ông xem một tấm séc” và hỏi, “có đúng là vẫn chỉ một tấm séc đó hay không?”

“Chính tấm ấy.”

“Tôi đòi hỏi để tấm séc được xem như vật chứng trong vụ án,” Berger nói.

“Không có phản đối,” Mason đáp lại ngay lập tức, bằng cách đó chặn ngang bất cứ cố gắng nào từ phía Etna đưa ra những phản đối theo thể thức.

Sau đó Berger gọi giám định viên về văn tự, người ấy khẳng định rằng chữ kí Benjamin Addicts trên mặt sau tấm séc rõ ràng là giả mạo, được thực hiện bằng cách họa lại những đặc trưng chữ kí của Addicts.

“Mời hỏi nhân chứng,” Berger nói.

“Ngài biện lí khu chuyển séc cho ông?” Mason hỏi.

“Vâng, thưa ngài.”

“Và vẫn ngài biện lí khu cho ông các mẫu xác định nét chữ của Addicts, mẫu chữ kí của ông ta mà ngoài mọi nghi ngờ, do chính tay ông ta thực hiện?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Ngài biện lí khu còn cho ông gì nữa?”

“Ngài có ý gì?”

“Ngài ấy cũng cho ông mẫu chữ của bị can, lẽ nào không?”

“Ồ, có.”

“Và ngài ấy đề nghị kiểm tra, trong chữ kí mà ông xem là giả, có những nét đặc trưng chứng tỏ rằng chữ kí này do bị cáo làm hay không?”

“Ồ, ngài ấy diễn đạt có phần hơi khác, nhưng thực sự ngài ấy đã cho tôi mẫu chữ của bị can.”

“Nhưng ngài ấy không giải thích với ông, với mục đích nào ngài cho ông mẫu chữ?”

“Tôi có cảm giác chỉ trong những nét chung nhất.”

“Và ngài ấy diễn đạt mục đích ấy như thế nào?”

“Gì đó đại loại như ngài nói, thưa ngài Mason.”

“Và bằng cách ấy,” Mason nói, “ông buộc phải báo cáo với ngài biện lí khu rằng bị can không có liên quan gì đến sự giả mạo ấy, rằng bà không phải là người giả mạo chữ kí Benjamin Addicts, phải không?”

“Không, thưa ngài. Tôi báo với biện lí khu rằng chưa có đủ số liệu cho một kết luận chính xác, rằng tôi chỉ có thể khẳng định một cách kiên quyết, đó không phải là chữ kí của Benjamin Addicts, và tôi hoàn toàn tin chắc rằng điều đó được làm theo cách đồ lại.”

“Đồ lại nghĩa là gì?”

“Ai đó đã giữ chữ kí thực của Benjamin Addicts, đối diện với nguồn ánh sáng mạnh, có khả năng để tờ giấy lên mặt kính mà phía dưới có ngọn đèn điện, hoặc có thể là chỗ cửa sổ bình thường, sau đó đặt tấm séc lên trên sao cho chữ kí ông Benjamin Addicts hiện sáng qua tờ giấy, và kẻ có ý đồ xấu đã tô theo chữ kí này.”

“Sao ông tự tin về điều đó đến thế?”

“Điều đó khá dễ xác định, thưa ngài Mason. Khi người ta kí, anh ta viết tên mình rộng rãi khoáng đãng. Ngòi bút di chuyển nhanh, tự tin, vậy nên một cú thúc nhỏ nhất cũng thể hiện trên khoảng nét khá lớn. Khi người ta đồ chữ kí, tay di chuyển chậm. Dưới kính hiển vi thấy rất rõ các nét không đều. Trường hợp này là rất đặc trưng.”

“Nhưng ông không thể xác định ai giả mạo chữ kí chứ?”

“Không, thưa ngài.”

“Tức không thể bằng cách nào ông có thể gắn chữ kí giả với bị can chứ?”

“Tôi nghĩ, điều đó nhân chứng tiếp theo có thể làm được,” giám định viên văn tự khẽ cười mỉm.

Hamilton Berger ngả ra phía sau và cười to. Đối với ông ta, rõ ràng rằng Mason bị rơi vào cái bẫy ông ta giăng sẵn, và vị biện lí khu - điều hiếm khi xảy ra - có một tâm trạng tinh thần hết sức dễ chịu.

“Không còn câu hỏi thêm,” Mason nói.

Hamilton Berger, đầy tự tin rằng: bằng món quà bất ngờ của mình làm choáng

bên bảo chữa, mặt rặng ngời vẻ thoả mãn tự đắc.

“Ông Howard Denny, xin mời ông ra chỗ nhân chứng,” ông ta nói giọng mũi.

Howard Denny bước ra trước và tuyên thệ.

“Nghề nghiệp của ông là gì?”

“Tôi là giám định viên về dấu vân tay và phó cảnh sát trưởng.”

“Phó cảnh sát trưởng là hoạt động chính của ông?”

“Phải, thưa ngài.”

“Bây giờ tôi muốn ông lưu ý đến tám séc được trình như vật chứng này, và muốn hỏi ông: ông đã từng nhìn thấy tờ séc này trước kia chưa?”

“Rồi, thưa ngài.”

“Bao giờ và ở đâu?”

“Đại diện cảnh sát đưa cho tôi để nghiên cứu tờ séc này vào bốn giờ ba mươi sáng.”

“Sáng ngày nào?”

“Vào thứ năm tuần trước, vào cái đêm khi ông Addicts bị hại... Xin đợi cho một phút... trong thực tế ông ấy bị giết còn là đêm thứ tư. Đó là sáng sớm thứ năm.”

“Và khi sĩ quan cảnh sát trao séc này cho ông, ông ta có yêu cầu tiến hành những xử lý cụ thể nào đó với nó không?”

“Có, thưa ngài.”

“Đó là những xử lý nào?”

“Xác định dấu vân tay trên séc này.”

“Ông có thể chỉ cho chúng tôi dấu tay ấy nằm đâu không?”

“Được, thưa ngài. Nó thật không rõ nét, nhưng đó là dấu ngón tay. Tôi đã xác định được đó là dấu ngón giữa tay phải của bị can Jozephine Kempton.”

“Nhưng đó không phải là dấu ấn thông thường từ sổ dấu ông làm rõ bằng thuốc bột chứ?”

“Không, thưa ngài. Dấu để lại trên séc bởi chất lỏng, theo tôi, gợi nhớ đến máu.”

“Ông đã thực hiện gì nữa liên quan với tờ séc này?”

“Sau khi tôi đã kiểm tra và xác định được dấu ngón tay, séc được đặt trở lại dưới đệm ghế sau, ở chỗ nó được phát hiện thấy.”

“Gì xảy ra tiếp theo?”

“Sau đó bị cáo được thả khỏi chỗ tạm giam.”

“Bao giờ?”

“Đó là khoảng tám giờ sáng, sáng thứ năm.”

“Và ông đã ở đâu?”

“Với năm nhân chứng khác chúng tôi nấp trên ban công, từ đó có thể quan sát được điều gì diễn ra.”

“Và gì đã diễn ra?”

“Theo yêu cầu của bị can, bà ta đã...”

Etna kêu lên, “Tôi phản đối, nhân chứng cho lời khai dựa vào tin đồn.”

Mason khẽ giật mép áo vét của Etna, ra hiệu cho ông ta ngồi xuống.

“Chúng tôi sẽ không bối lông tìm vết những điều tởn mủn đâu, thưa tòa,” Mason can thiệp, “theo như tôi hiểu, vấn đề chỉ nói rằng bị can đã đề nghị thả bà ra chỗ đậu xe của Cục cảnh sát, từ đấy ông Etna có thể đón bà. Chúng tôi không định cản trở tòa nhận được những lời khai nhân chứng cần thiết.”

Chánh án Mandy gật đầu khích lệ.

Etna chậm chạp ngồi xuống.

Mason thì thầm vào tai ông ta, “Đó là quả bom họ chuẩn bị dành cho chúng ta. Họ cho rằng điều đó sẽ bẻ gãy toàn bộ sự bào chữa. Cần cho bên cáo trạng hiểu rằng toàn bộ câu chuyện ấy chẳng đáng giá một xu. Nếu điều đó không gây cho chúng ta ấn tượng gì cả, họ sẽ bắt đầu lo lắng, cho rằng chúng ta có đòn đánh trả nào đó, và họ buộc phải mở ra hết các át chủ bài của mình. Đó là điều duy nhất mà chúng ta cần từ buổi sơ thẩm này, bắt họ thòi ra hết những gì họ có, để họ không dự trữ món quà bất ngờ nào cho chúng ta khi sự thể ra tới tòa bồi thẩm.”

“Hãy tiếp đi,” Hamilton Berger nói với nhân chứng.

“Ngay khi vừa cho rằng chỉ còn lại một mình, bà ta xem xét tất cả các xe cảnh sát tại bãi để tìm ra chiếc đã đưa bà ta về Cục cảnh sát. Trên mỗi xe có biển số của nó, và bà ta tìm chiếc xe số bảy.”

Chánh án Mandy can thiệp, “Tôi chấp nhận quan niệm bên bào chữa trong vấn đề này, nhưng ông Denny ạ, trong các lời khai với tư cách nhân chứng của mình, ông làm quá nhiều kết luận. Ông chỉ khai những điều gì chính mắt ông trông thấy thôi.”

“Được,” Denny nói, “như chúng tôi đã thỏa thuận trước, hai cảnh sát đứng ở chỗ bà ta có thể trông thấy họ. Sau người ta gọi cả hai đến góc khác của bãi xe, vậy nên bị can tin chắc rằng không ai theo dõi bà ta nữa.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?” Berger hỏi.

“Bà ta đi ngang qua những chiếc xe đỗ tại đấy nghiêng ngó số xe. Đi lại gần chiếc thứ ba, đó là xe có số thứ bảy, chính chiếc đã đưa bà ta về Cục cảnh sát, bà ta mở cửa, nâng ghế sau lên và lấy tờ séc từ đó ra.”

“Sao ông biết rằng bà ta lấy tờ séc ra từ đó? Ông có thể trông thấy điều đó ư?”

“Tôi có thể nhìn kỹ, đó là một tờ giấy được gập nhỏ.”

“Từ đâu ông biết rằng đó là tờ séc?”

“Tôi kiểm tra xe mười phút trước khi thả bị can ra. Lúc ấy séc nằm giữa đệm ngồi và lưng tựa. Bị can vừa mới rời khỏi gara, đi kèm với những nhân chứng khác tôi

quay lại đó và kiểm tra chiếc xe. Tờ séc đã biến mất.”

“Chiếc xe có bị ngoài tầm nhìn trong thời gian đó không?”

“Không, thưa ngài. Chúng tôi không rời mắt khỏi xe.”

“Bên bào chữa có thể đặt câu hỏi,” Berger nói.

Mason ngáp, ngó nhìn đồng hồ và thốt ra, “Không có câu hỏi.”

“Tức là thế nào?!” Berger sửng sốt kêu lên.

“Không có câu hỏi,” Mason nhắc lại.

“Vậy thì xong với việc đó,” chánh án Mandy nói, “ngài còn các nhân chứng nữa không, ngài Berger?”

Berger bối rối thấy rõ, ngược nhìn Mason.

Etna cúi xuống để thì thầm gì đó, nhưng Mason, khẽ đẩy ông ta phía dưới bàn, khiến ông ta đành phải từ bỏ ý định của mình.

Toàn bộ hành vi của Mason chứng tỏ ông không cho những lời khai này có ý nghĩa gì quan trọng.

Chánh án Mandy nhìn vị luật sư bào chữa đang bình thản, sau đó nhìn Hamilton Berger đang rối loạn trao đổi thì thầm gì đó với Ginzberg, và thốt lên, “Nhân chứng tiếp theo của ngài, thưa ngài biện lí khu.”

“Hãy gọi Frank Camminge.”

Tuyên thệ xong Camminge khai rằng ông là cảnh sát trưởng, cũng là anh của bà giám thị nhà tù. Sáng thứ năm ông đi kèm bà giám thị đến căn hộ của Jozephine Kempton. Bà giám thị đi vào trong nhờ cái chìa khoá nhận được từ bà Kempton, rồi chọn những đồ cần mang cho bị can. Nhân chứng Camminge mặc bộ combinezon công nhân trong lúc ấy khoan một lỗ nhỏ chỗ thanh ngang phía trên cửa, và đặt một cái thang trên hành lang. Khi bị can được tha khỏi nhà tù và bà ta đi về nhà, nhân chứng đang làm việc, đứng trên thang, và làm ra vẻ đang kiểm tra dây điện ở hành lang. Khi bị can vừa vào nhà mình, đóng cửa và khoá trái bên trong, nhân chứng xích cái thang lại gần cửa và đứng lên nấc thang ở mức có thể ngó vào lỗ khoan. Và lúc ấy ông nhìn thấy bị can vén váy, lấy tờ giấy gấp nhỏ giấu trong tất chân ra, đi lại giá sách, lấy một quyển và mở nó, đặt lên bàn. Sau đó bà ta gắn tờ séc vào một trang sách nhờ băng dính và đặt cuốn sách trở lại giá.

Nhân chứng khai rằng ông lập tức xuống thang, chuyển nó sang đầu kia hành lang và chờ cho tới lúc bị can rời căn hộ của mình. Sau đó ông đi vào căn hộ, mở cuốn sách chỗ trang đã nói tới và lấy tài liệu ra.

“Đó là tài liệu gì vậy?” Hamilton Berger hỏi.

Nhân chứng nhếch mép, “Đó là tờ séc hai mươi lăm nghìn đôla mà đã được trình như vật chứng.”

“Bên bào chữa có thể bắt đầu hỏi cung chéo,” Berger nói.

Mason nhìn nhân chứng với nụ cười mềm mỏng.

“Ông đâu có giấy phép đi vào căn hộ cả lần thứ nhất lẫn lần thứ hai, đúng thế không?”

“Không, thưa ngài.”

“Ông lấy đâu ra chiếc chìa mà nhờ nó ông vào căn hộ lần thứ hai?”

“Tôi làm khoá phụ.”

“Ông biết rằng, ông không có quyền lục soát ngôi nhà nếu thiếu lệnh khám hoặc sự cho phép của chủ nhà chứ?”

Nhân chứng nhìn qua Hamilton Berger và nói, “Lúc ấy tôi đã không nghĩ về điều đó.”

“Thế bây giờ ông có thể nghĩ về điều đó chứ, đúng không?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Ông, dĩ nhiên, đã nghiên cứu luật pháp về trật tự tiến hành khám xét, trước khi được phong làm cảnh sát trưởng, chính xác chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Và ông hiểu việc ông làm là phạm pháp?”

“Nếu ngài muốn diễn đạt như thế, thì vâng.”

“Tôi muốn diễn đạt chính như thế,” Mason nói. “Tôi đã xong. Tôi không có thêm câu hỏi với nhân chứng này nữa.”

Nhân chứng tiếp theo là người phục vụ vườn bách thú, khai rằng ông được gọi đến Stounhenge; ông ta đến đó trong đêm có vụ án mạng và phát hiện ra ba con đười ươi đang tung hoành tự do; rằng trước đó ông ta đã mấy lần đến Stounhenge liên quan với các thí nghiệm của Benjamin Addicts với lũ đười ươi; ông quen nhiều con và hiểu tính cách hành vi của đười ươi; dưới sự chỉ đạo của ông ta, lũ đười ươi đã bị dồn vào cũi; sau đó ông ta đã xem xét lũ đười ươi nhằm phát hiện tia bọt máu, và không phát hiện ra.

“Bên bào chữa có thể đặt câu hỏi,” Berger nói.

“Ông ý chỉ gì khi nói về tia bọt máu?”

“Tôi có ý nói rằng bộ lông của chúng được xem xét kĩ với mục đích làm rõ có những giọt máu trên đó hay không.”

“Điều đó được làm có mục đích gì?”

“Điều đó được làm theo đòi hỏi của ngài biện lí khu.”

“Để tiết kiệm thời gian,” Hamilton Berger nói, “tôi muốn tuyên bố với tòa và bên bào chữa rằng, nhân chứng tiếp theo của tôi, nhà bệnh lí học, đã xác định được tính chất các vết thương gây ra cho Benjamin Addicts, tia máu nhất định là phải phọt ra ngay từ vết thương đầu tiên đâm vào cổ, vết đâm là tử thương, và bất cứ ai gây ra vết thương ấy, hẳn ta phải bị máu bắn đầy vào người.”

“Hiểu rồi,” Mason gật đầu, “hãy tiếp đi.”

“Tôi đã xong,” Berger nói, “có thể tiếp tục hỏi cung chéo.”

“Không một con đười ươi nào có dấu vết máu ư?”

“Không. Chỉ ít là trên lông; hãy đợi chút, ở một con đười ươi có những điểm máu,” không phải máu bắn vào mà là vết máu tụ lại từ vết rách của nó ở bàn chân. Rõ ràng, nó làm chân bị thương khi giẫm vào một mảnh kính nhọn sắc.

“Từ đâu ông biết điều đó?”

“Bởi vì ở đây có mảnh kính,” một mảnh hình mũi kim cắm vào bàn chân con đười ươi.

“Và mẩu kính đó đâu rồi?”

“Đó là mẩu vỡ bình thường. Tôi không biết sau nó biến đi đâu nữa.”

“Ai lấy nó ra?”

“Tôi.”

“Chính ông lấy nó ra từ bàn chân con đười ươi?”

“Vâng.”

“Thủ tục đó có đau đớn không?”

“Vào thời điểm ấy con đười ươi đã bị gây mê. Để giảm nhẹ việc tóm bắt, người ta cho các con vật ăn các thứ quả với chất tác động gây ngủ mạnh. Tôi phát hiện con đười ươi trong trạng thái hết sức bị kích động. Những con chó canh dữ tợn đã dựng lên toàn bộ cảnh nhốn nháo này. Lũ đười ươi bị kích động mạnh. Tiếng còi rú, tiếng chó sủa và những thứ tiếng bất thường khác làm biến đổi hoàn toàn khung cảnh quen thuộc đối với chúng, vả lại chúng còn ý thức rằng chúng vi phạm trật tự được thiết lập nữa...”

“Sao chúng rõ được điều đó?” Mason hỏi.

“Bởi vì chúng được thả ra khỏi cũi. Trí lực lũ đười ươi rất phát triển. Chúng biết khi nào chúng cần ngồi trong cũi, và hiểu rằng chúng ở ngoài tự do trong hoàn cảnh vi phạm chế độ đã thiết lập.”

“Tôi đã xong,” Mason nói.

Berger quay về phía chánh án, “Còn bây giờ chúng tôi gọi Mortimer Hershy với tư cách là nhân chứng.”

Hershy đứng vào vị trí nhân chứng và khai dưới lời tuyên thệ rằng, Khoảng hai tuần trước vụ án mạng, Benjamin Addicts đã lên kế hoạch tiến hành một vụ kinh doanh lớn; các chi tiết vụ kinh doanh chỉ mình ông chủ nắm; nhân chứng chỉ biết rõ một số nét, nhưng y hoàn toàn không biết dự định của Addicts; Addicts, theo thói thông thường của ông ta, giữ bí mật tất cả những gì liên quan đến mục đích và tổng số tiền của vụ trao đổi.

Tối ngày thứ ba, đêm trước vụ án mạng, Addicts gọi Natan Fallon và Mortimer

Hershy đến hội ý. Ông thông báo với họ rằng muốn lập lại bản di chúc mới theo đúng mọi thủ tục các nguyên tắc luật pháp quy định, hoặc như ông diễn đạt: ‘với mọi thứ trò pháp lí ấy’, chính vì muốn để trong nhà ông mọi thứ đều ổn thỏa trọn vẹn, ông đã lập chính tờ di chúc mới này.

“Ông ấy thông báo với ông các điều kiện của di chúc?”

“Không, thưa ngài. Ông không thông báo gì cả, ngoại trừ ông cảm thấy có lỗi với Jozephine Kempton vì những lời buộc tội bà, và với những vật tìm ra đã chứng minh sự vô tội của bà ấy, ông rất muốn di chúc gì đó lại cho cả bà ấy nữa.”

“Có nhắc tới gì trong câu chuyện của các ông, ông ấy định để lại cho bà ta chính là gì không?”

“Không, chỉ có rằng ông ấy định làm điều đó.”

“Ngoài điều đó, ông ấy có thông báo thêm gì nữa về nội dung di chúc không?”

“Không, thưa ngài. Không thông báo. Ông Addicts nói với chúng tôi rằng muốn lưu ý chúng tôi đến việc ông lập lại di chúc mới; nó được tự tay ông viết ra; ông giao nó cho tôi đặt vào một chỗ chắc chắn với các giấy tờ khác. Ông bỏ di chúc vào phong bì, dán nó lại và đề nghị ông Fallon và tôi kí lên mặt sau.”

“Và ông đã làm điều đó?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Cả hai ông?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Còn gì sau đó?”

“Thứ tư chúng tôi đi theo tuyến đường... trong điểm này chẳng có gì khác thường cả, theo tuyến thu gom tiền.

“Ông có ý nói gì?”

“Các tờ séc nhà băng đều hợp thức tên ông Addicts. Một số khác viết sang tên tôi, và một ít sang tên Natan Fallon. Chúng tôi đi với các séc ấy ra vùng ngoại ô xa, đến các nhà băng mà chúng tôi giữ quan hệ làm ăn, và biến séc thành tiền mặt.

“Tổng số chỗ ông là bao nhiêu khi ông trở về tối thứ tư?”

“Tôi không trở về tối hôm ấy. Tôi ở lại chỗ bạn bè tại Santa Barbara. Người ta báo tin cho tôi về cái chết của ông Addicts vào khoảng bảy giờ sáng thứ năm. Tôi trở về Stounhenge không chậm trễ và nối liên lạc với chính quyền, sau đó với người được ủy nhiệm của ông Addicts ở văn phòng ‘Hardvic, Carson và Redding’.”

“Và ông đã nhận một số tiền nào đó theo những séc ấy?”

“Tôi giữ hơn tám mươi lăm nghìn đôla.”

“Tiền mặt?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Và ông đưa số tiền ấy cho ông Addicts?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tôi cho rằng, các ngài có thể bắt đầu hỏi cung chéo,” Hamilton Berger nói và giải thích với chánh án: “Tôi gọi các nhân chứng này, thưa tòa, chỉ nhằm để tòa có thể hình thành một khái niệm trọn vẹn hơn về tình huống.”

“Rất tốt,” chánh án Mandy đồng tình.

Mason mỉm cười với Mortimer Hershy, “Tôi cần phải hiểu ông thế này chẳng, thưa ông Hershy, chuyến đi của ông nhằm bổ sung tiền mặt không phải là việc gì đó bất thường?”

“Vâng.”

“Ông Addicts, khi còn sống, thường phái ông đi những chuyến như thế?”

“Thường xuyên, thưa ngài.”

“Tiền mặt đi về đâu?”

“Hầu hết trong mỗi phi vụ mà ông Addicts tiến hành, nghĩa là trong mỗi phi vụ lớn, số liệu tính toán tài chính không tương ứng với thực tế.”

“Sự không tương ứng ấy chính là ở đâu?”

“Tôi nghĩ rằng số liệu bị hạ thấp.”

“Và gì diễn ra sau đó?”

“Tôi cho rằng, một phần nào đó tiền mặt nằm lại chỗ ông Addicts, nhưng tôi không tin chắc.”

“Chúng tôi cho là cần thiết phải chỉ ra,” Hamilton Berger nói, “ông Addicts làm những phi vụ kinh doanh phức tạp, mà như được làm sáng tỏ, được thực hiện với những vi phạm các nguyên tắc.”

“Ông có thể giải thích cho cụ thể hơn điều ông có ý nói đến, được không?” Mason hỏi nhân chứng.

“Vâng, ví dụ: nếu ông Addicts mua một địa điểm có dầu hỏa với một trăm nghìn đôla, ông chỉ ra trong hợp đồng rằng năm mươi nghìn đôla sẽ trả muộn hơn, còn hai trăm năm mươi nghìn phải được trả bằng tiền mặt, tức tổng giá chung gồm ba trăm nghìn đôla.”

“Nhưng trong thực tế ông ta không trả ba trăm nghìn chứ?”

“Trong trường hợp này, tôi chỉ xét về trường hợp thuần túy giả định.”

“Tôi hiểu, xin tiếp cho.”

“Thông thường với vụ làm ăn như thế, ông ấy trả, ví dụ, năm mươi nghìn bằng tiền mặt, và đó cùng với năm mươi nghìn mà ông sẽ phải trả muộn hơn kia, sẽ đúng là một trăm nghìn đôla.”

“Nhưng trong giấy tờ chỉ ra rằng vụ làm ăn giao kèo với giá ba trăm nghìn đôla? Tôi hiểu đúng chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Điều đó được làm với mục đích gì?”

“Tôi không biết gì cả, thưa ngài, ngoại trừ trong những vụ làm ăn như thế ông ấy kí các giấy tờ mà trong đó chỉ ra tổng tiền lớn hơn nhiều so với số phải trả trên thực tế.”

“Thế sẽ ra sao về việc trả thuế từ phía đối tác kí kết hợp đồng của ông ấy?”

“Tôi cho rằng, thưa ngài, trong quyết toán của họ nêu ra đúng một trăm nghìn, dù trong văn bản hợp đồng có thể là con số khác. Thế nhưng cũng khá thường xuyên xảy ra những điều khó chịu vì sự không thống nhất.”

“Nói khác đi, nếu diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản, Benjamin Addicts có ý đồ đánh lừa thuế vụ?”

Hershy ngáp ngừng, sau đó thốt ra, “Không, ngài Mason ạ. Thoạt đầu tôi cũng đã nghĩ vậy. Nhưng sau đó tôi đi đến kết luận rằng ở đây sự thể có khác.”

“Khác gì? “

“Tôi nghĩ, ông Addicts có thời đã lấy vợ. Tôi cho rằng bà vợ ông còn sống và họ chưa li hôn. Sự thể là ở chỗ, theo luật bang chúng ta, toàn bộ tài sản khổng lồ ông Addicts kiếm ra, có thể bị tuyên bố là tài sản chung, nếu người đàn bà vẫn là vợ hợp pháp. Ông ấy không muốn điều đó, bằng cách điều hành công việc của mình sao cho trong các tài liệu xác định số lãi suất là tương đối nhỏ. Tức trong trường hợp nào đó ông ấy có thể bác bỏ mức độ sở hữu chung, khác với sở hữu riêng của ông ấy. “

“Tôi đã xong,” Mason nói.

“Nhân chứng tiếp theo của chúng tôi, Natan Fallon,” Berger nói.

Natan Fallon tuyên thệ, nhưng thấy rõ ngay rằng, khác với Hershy, Fallon không có tình cảm gì ngoài cảm giác phật lòng đối với ông chủ quá cố của mình.

“Ông đã ở đâu vào đêm có vụ án mạng?”

“Ở Las Vegas.”

“Ông làm gì ở đấy?”

“Làm thủ thuật với các tài khoản ngân hàng để ông Addicts có thể xuyên tạc quyết toán và đánh lừa thuế vụ.”

“Ông rõ đến chân tơ kẽ tóc rằng ông ta làm điều đó với mục đích đánh lừa thuế vụ ư?”

Nhân chứng chần chừ.

“Không phải thế sao?”

“Không, thưa ngài.”

“Như vậy, điều ông nói chỉ là giả thiết?”

“Khi người ta bắt đầu làm ảo thuật với các tài khoản ngân hàng, như ông ta đã làm, chắc chắn có nguyên cơ cho nó chứ.”

“Hoàn toàn hợp lý,” Hamilton Berger nói. “Như thế, nếu ông làm điều ấy, thì ông làm nó với mục đích lừa dối thuế vụ, thành thử, xuất phát từ đó ông cho rằng Benjamin Addicts cũng hành động từ những động cơ tương tự?”

“Ngài quyết định,” Mason hỏi, “tổ chức hỏi cung chéo với nhân chứng của chính mình chẳng?”

“Ngài thấy đấy,” Hamilton Berger nói, “nhận xét của ngài là thừa, nhưng rốt cuộc ông Addicts không thể tự mình bào chữa cho bản thân.”

“Biết sao được,” Natan Fallon ung dung quay về phía Hamilton Berger, “có thể, ngài sẽ nghĩ ra lời giải thích nào đó tốt hơn đôi chút.”

Công chúng trong phòng tòa án cười rung lên, và thậm chí chánh án Mandy cũng mỉm cười.

“Ông Addicts không cho ông biết rõ bí mật của ông ấy?”

“Ông Addicts không thích tôi. Tôi không thích ông Addicts. Tôi cho rằng trong thời gian gần nhất hẳn tôi sẽ bị sa thải, nếu không có cái chết của ông ta.”

“Ông rời khỏi Stounhenge vào thứ tư, đúng ngày xảy ra án mạng?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Vào khoảng mấy giờ?”

“Tôi bay đi Las Vegas vào ban ngày, chuyến hai giờ chiều.”

“Ông nhận được chỉ dẫn liên quan đến việc ông cần làm tại Las Vegas chứ?”

“Vâng, thưa ngài. Tôi phải quay về với một trăm năm mươi nghìn đôla tiền mặt.”

“Ông hoàn thành chỉ dẫn này?”

“Không, thưa ngài. Không hoàn thành.”

“Tại sao?”

“Tại vì không dám mang theo người một số tiền mặt lớn như thế. Khi tôi nghe về cái chết của ông Addicts, tôi đem toàn bộ tiền mặt đến nhà băng và bỏ chúng vào tài khoản của ông Addicts. Tôi báo cho người được ủy nhiệm của ông Addicts về điều tôi định thực hiện.”

“Thế ông Hershy rời Stounhenge trước ông?”

“Không, thưa ngài. Chúng tôi đi cùng một lúc với nhau. Ông Hershy chở tôi ra sân bay, còn sau đó ông đi Santa Barbara.”

“Có ai ở Stounhenge vào lúc các ông ra đi không?”

“Benjamin Addicts.”

“Còn ai nữa?”

“Không còn ai khác.”

“Nhưng điều đó là bất thường?”

“Vâng, thưa ngài. Thật vô cùng bất bình thường.”

“Hãy bắt đầu hỏi cung chéo đi,” Hamilton nói với Mason.

“Sao ông cho điều đó là bất thường, ông Fallon?”

“Bởi vì thường phải có ai đó chăm sóc các con vật, mà cả ngôi nhà cũng cần quản gia trông nom; ngoài ra, có mấy người phục vụ vẫn đến thường xuyên.”

“Nhưng khi các ông đi khỏi, trong nhà không còn ai, trừ ông Addicts?”

“Đúng thế. Mấy ngày trước đây ông Addicts thể hiện sự không bằng lòng đối với việc coi giữ phần nhà được dành làm vườn thú. Ông đuổi hết tất cả những người phục vụ vẫn chăm sóc lũ vật.”

“Thế ai cho thú ăn, làm vệ sinh cũi, cả mọi việc còn lại khác, sau khi những người dạy thú bị đuổi việc?”

“Chúng tôi,” Fallon nói với vẻ tỏm lợm lộ rõ. “Đó chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây tranh cãi giữa ông chủ và tôi. Tôi được thuê không phải để làm loại công việc này.”

“Ông Hershy giúp ông chứ?”

“Ông Hershy và Benjamin Addicts. Ba chúng tôi làm việc đó.”

“Còn những người hầu, ai làm việc nhà?”

“Chả có người hầu nào hết. Không ai làm công việc trong nhà.”

“Có xảy ra chuyện gì không?”

“Có, thưa ngài.”

“Những chuyện gì?”

“Một trong số đười ươi tấn công ông Addicts, nó thò tay qua chấn song cũi, tóm lấy áo vét ông Addicts và kéo ông ta đến cũi. Tôi quát lên và đánh vào cũi bằng cái bàn cào để dọn cũi, còn ông Addicts giật ra và may đã thoát được.”

“Ông ấy có bị vết thương nào không?”

“Có, thưa ngài. Ông ta bị sái chân nghiêm trọng, cũng như những vết xước sâu trên mặt.”

“Chuyện đó xảy ra lúc nào?”

“Vào sáng thứ hai.”

“Tôi đã xong,” Mason nói. “Không còn câu hỏi.”

Hamilton Berger gọi tiếp nhân chứng là thợ chụp ảnh, người đã cho xem những tấm ảnh thân thể nằm trên sàn và sự phân bố những vết máu từ vết thương ở cổ bắn lên tường và thảm. Anh ta cũng trình ra những tấm ảnh khuôn mặt ông Addicts trên đó thấy rõ các vết xước do móng của con đười ươi.

“Hãy đặt câu hỏi đi,” Hamilton Berger nói.

“Tôi chú ý đến điều là ở đây có hai loại ảnh khác nhau về khuôn mặt người bị giết,” Mason nói, “một trong số chúng hiện rõ lớp râu, còn trên ảnh khác khuôn mặt người bị hại rất nhẵn nhụi.”

“Tấm thứ nhất chụp trước khi thi thể được chở vào nhà xác, còn tấm thứ hai,

ngay sau khi làm phẫu thuật. Người phục vụ nhà xác cạo râu cho người chết khi chuẩn bị thủ tục mai táng ông ta.”

“Tức ông đã chụp thi thể, còn sau việc đó người ta phái ông đi làm thêm mấy ảnh nữa? Tôi hiểu đúng chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Điều đó được làm với mục đích gì?”

“Tôi không biết.”

“Nhưng ông nhận được chỉ dẫn đi đến nhà xác và chụp thêm mấy tấm ảnh nữa sao cho trên đó nét mặt được thấy rõ?”

“Vâng.”

“Được cạo nhẵn?”

“Vâng”

“Với mục đích để nhận dạng?”

“Tôi không rõ với mục đích gì. Tôi được lệnh làm chúng, và tôi đã làm.”

“Cảm ơn ông,” Mason nói với nụ cười. “Tôi đã xong.”

“Phía chúng tôi đã xong về vụ này, thưa tòa,” Hamilton Berger nói.

“Tôi muốn lưu ý quý tòa tới sự kiện,” Mason nói, rằng tôi đã đề nghị cho phép trong cuộc thẩm vấn chéo hỏi thêm mấy câu sau khi làm sáng tỏ một vấn đề. Tôi đề nghị tòa chấp nhận cho tôi bàn bạc với đồng sự của mình để làm rõ một câu hỏi về kĩ thuật. Sắp đến giờ nghỉ trưa. Tòa có thể tiếp tục nghe vụ án vào mười giờ sáng mai được không ạ?

Chánh án Mandy lắc đầu, “Ngài đã có thời gian chuẩn bị cho việc nghe vụ án, ngài Mason ạ. Ngài biện lí khu vào ngay đầu buổi nghe vụ án đã đề nghị ngài xin hoãn. Tòa không định tiến hành nghe theo từng phần. Tôi tuyên bố giải lao mười lăm phút, vậy nên ngài hãy dành thời gian ấy để trao đổi.”

Tòa tuyên bố giải lao mười lăm phút.

Chính án Mandy đi vào phòng mình.

Mason đến gần bà Kempton đang ngồi dưới sự canh chừng của nữ giám thị.

“Tha lỗi cho tôi,” bà Kempton thì thầm với ông. “Tôi cố để thông minh hơn tất cả nhưng chỉ làm hại chính mình. Hãy gọi tôi ra lấy cung, tôi sẽ kể sự thật và tôi sẽ giải thích tất cả.”

“Hãy giải thích ngay bây giờ và ở đây. Bà đã nói dối tôi?”

“Chỉ trong việc liên quan đến tấm séc, mà cả điều đó tôi thực ra cũng không phải nói dối. Đơn giản là tôi im lặng về nó thôi.”

“Tốt lắm, vậy từ đâu ra tờ séc ấy chỗ bà?”

“Từ chiếc bàn con gần giường ông Addicts. Ông ấy đang say nặng và ngủ. Séc nằm ở đấy, được viết chuyển nhượng sang tên tôi. Tôi lập tức hiểu rằng ông ấy định trao

nó cho tôi...”

“Khoan nào, bà muốn nói rằng nó đã được viết sang tên bà sẵn rồi?”

“Thì vâng, ở đây đã viết trên mặt sau.”

“Tức bà có ý nói là bà không giả mạo chữ kí chuyển nhượng?”

“Tất nhiên, không. Mọi thứ đã kí sẵn, khi tôi trông thấy nó lần đầu tiên, vì thế tôi mới cầm. Tôi biết rằng vì điều đó ông ấy đã gọi tôi đến đây.”

“Bây nào, bà nghĩ có ai đó sẽ tin điều ấy ư?”

“Thế sao lại không? Đó là sự thật mà.”

“Nói chung, thế này: không được để bất kì dù là ai đó nghe về điều ấy từ bà cho đến khi chúng tôi chưa kiểm tra được gì đó.”

“Ngài Mason, tôi muốn để ngài gọi tôi ra thẩm vấn. Tôi muốn kể với họ, thực tế chuyện gì đã diễn ra ở đây.”

Mason lắc đầu, “Tốt nhất, tạm thời chỉ chúng tôi nói thôi.”

“Ngài nghĩ tôi nói dối?”

“Không nhất thiết.”

“Không, ngài nghĩ thế mà.”

“Biết sao được, bà đã kể với chúng tôi một câu chuyện và kết quả chúng tôi thành ra hoàn toàn chưa chuẩn bị đến việc người ta dúi tấm séc ấy vào mũi chúng tôi.”

“Đơn giản là tôi im đi về điều đó. Tôi không dối ngài. Chỉ là tôi không kể đôi điều với ngài, chỉ có thế.”

“Nếu tôi gọi bà ra thẩm vấn, họ sẽ đóng đinh căng bà ra,” Mason nói. Ông quay về Etna: “Thời gian đang dồn ép chúng ta. James ạ. Cần phải làm gì đó đi chứ.”

“Nào ta cùng thử xin hoãn đến sáng mai xem.”

“Chánh án sẽ không cho chúng ta đâu. Ông ta định kết thúc việc nghe án trong ngày hôm nay. Bởi đây chỉ là nghe sơ bộ, ông ta cho rằng tòa đã có khá đủ số liệu để tuyên bố buộc tội người được chúng ta bào chữa.”

“Chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta không thể gọi bà ấy ra thẩm vấn được.”

“Một luật sư bất kì nào thỉnh thoảng cũng rơi vào những tình huống tương tự, James ạ,” Mason nói. “Chúng ta cần nghĩ ra gì đó và kéo dài mọi điều đó ra cho đến khi tòa buộc phải tuyên bố nghỉ tối.”

“Nhưng chúng ta sẽ chẳng thể làm gì nổi,” Etna nói, “họ đã ném bóng vào chúng ta, mà chúng ta không còn đường chạy đi đâu nữa. Câu chuyện với tờ séc và chữ kí giả mạo vụng về - chúng ta không có lời giải thích nào cho nó. Nếu chúng ta không biết cách lí giải tất cả, chúng ta sẽ bị đánh bại. Tôi đã tiếc là nhận về mình vụ việc của bà ta, bất kể thù lao dành cho tôi theo thoả thuận của chúng ta. Tôi...”

Mason lắc đầu, “Cần phải tiếp nhận mọi thứ như nó có. Không thể luôn luôn hót váng sữa. Thỉnh thoảng số phận sẽ tặng chúng ta một món quà bất ngờ nào đó.”

“Chúng ta đã cố giúp Jozephine Kempton một cách trung thực. Bà ta không có quyền làm chúng ta biến thành những con thiêu thân,” Etna nói.

“Phải, một trò đùa không tồi,” Mason mĩa mai.

Etna cũng mỉm cười, dù không hoàn toàn chân tình, “Có thể là tôi diễn đạt không đúng lắm, nhưng những chuyện bịa về đười ươi này... Mà ở đây bà ta còn tặng chúng ta một chuyện hoàn toàn xuẩn ngốc với tờ séc, người ta đã vạch mặt bà ta ở chỗ bà đã cố tình che giấu tất cả thứ đó!”

“Thôi được,” Mason nói, “chúng ta cần kéo dài thời gian cho đến bao giờ chúng ta làm sáng tỏ mới thôi.”

“Ngài định kéo dài thời gian bằng cách nào?”

“Tôi đã để lại cho mình một khe hở,” Mason nói, “trong lúc thẩm vấn chéo ông giám định viên. Có một điểm mà tôi cho rằng họ không hề biết gì cả. Đã bao giờ ông nghe về bác sĩ Gradvol ở Saint Luis chưa?”

Etna lắc đầu.

“Ôi, làm sao được,” Mason nói, “tôi nghĩ, không ai hơn ông ấy xứng đáng với công lao là người sáng lập Viện Hàn Lâm Pháp Y Hoa Kỳ, thời gian gần đây ông đang chuyên tâm những nghiên cứu điều mà các đối thủ của chúng ta sẽ phải đau đầu. Tôi chưa định đưa vấn đề này ra cho đến lúc tôi chưa kiểm tra xong một số chi tiết kỹ thuật, thế nhưng... Mà ngài chánh án đây rồi!”

Mason chỉ cánh cửa mở ra phòng hội nghị mà từ đó chánh án Mandy bước ra phòng xử án.

Chánh án Mandy nhìn đồng hồ. “Tôi đề nghị, thưa các ngài, kết thúc nhanh hơn việc nghe vụ án này. Không gì ngăn cản chúng ta đưa ra quyết định ngay trong ngày hôm nay.”

“Nếu quý tòa không phản đối,” Mason nói, “chúng ta đã thoả thuận tiến hành thẩm vấn chéo Filipp Groton.”

“Theo tôi, vấn đề chỉ nói đến trình độ chuyên môn của ông ấy thôi chứ?” chánh án Mandy hỏi.

“Vâng, điều đó có liên quan tới trình độ chuyên môn của ông ấy.”

“Ồ, chẳng lẽ có những cơ sở nào đó nghi ngờ về tay nghề của ông Groton? Ngày mai tại tòa cũng sẽ là một ngày căng thẳng rồi.”

“Tôi cho rằng, nếu tòa không phản đối, rằng quyền lợi của thân chủ tôi đòi hỏi...”

“Thôi được, thôi được, nhưng tòa cảnh báo ngài, ngài Mason ạ, rằng tòa không định cam chịu với chiến thuật chủ ý dây dưa quá trình tố tụng. Đây là cuộc điều tra sơ bộ. Đây chưa phải tố tụng tư pháp với sự tham dự của bồi thẩm đoàn. Tòa biết khá rõ trình độ tay nghề của ông Groton. Ông Groton đã hàng chục lần tiến hành giám định cho tòa. Hơn thế, cả bên bào chữa cũng biết rất rõ về trình độ của ông Groton. Hãy đến vị trí nhân chứng đi, ông Groton.”

Groton tiến lại bục dành cho nhân chứng.

Mason hỏi, “Về phản ứng kết tủa máu người được nhắc tới, tôi muốn hỏi ông một câu: ông có quen với cơ chế của phản ứng này không?”

“Tất nhiên.”

“Ông có thể giải thích với tòa rằng...”

“Tòa không cần những lí giải nào cả,” chánh án Mandy nôn nóng cắt lời ông. “Tòa biết đến tận gốc rễ cơ chế của quá trình đó. Với nhiều lần tiêm máu người ở con vật, hệ thống miễn dịch tự khởi động bảo vệ khỏi kiểu máu này. Kết quả nếu rút huyết thanh máu của con vật này vào ống nghiệm và thêm vào đó máu người, thì diễn ra phản ứng với sự kết tủa. Chỉ thế thôi.”

“Tuyệt lắm, thưa tòa,” Mason mỉm cười nói, và không để mất tâm trạng thoải mái, “nhưng tôi rất muốn nghe điều đó từ nhân chứng, chứ không phải từ tòa.”

Chánh án Mandy giận dữ nhíu trán và nói, “Tốt thôi, hãy hỏi nhân chứng đi, nếu

ngài muốn, nhưng tòa đã rõ hết điều đó, ngài cũng rõ điều đó, và bất cứ ai dù chỉ chút ít có liên quan với pháp y cùng đều rõ điều đó.”

“Mọi điều chính là như thế, đúng không, ông Groton?” Mason hỏi Groton.

“Vâng, trong những nét chính tất cả là chính xác.”

“Bây giờ là thế này,” Mason nói, “lần đầu tiên người ta nghiên cứu ra test này là khi nào? Đơn giản hãy trả lời ngắn gọn.”

“Nếu ngài không phản đối,” Groton nói, “và nếu điều đó giúp ngài làm sáng tỏ vấn đề này cho bản thân, ngài Mason ạ, chắc tôi có thể kể ngắn gọn với ngài về phản ứng kết tủa.”

“Đề nghị ông.”

“Vào cuối thế kỉ trước,” Groton nói, “một ngài tên là Ulenhut, chuyên gia huyết học hàng đầu người Đức, lần đầu tiên chứng minh rằng nếu tiêm vào thỏ huyết thanh máu của bất cứ thực thể sinh vật nào đó khác, ví như của người, thì diễn ra sự miễn dịch hoá đặc trưng, tức trong máu thỏ hình thành một chất mà nó sẽ phản ứng với máu của thực thể mà người ta tiêm cho nó, ví dụ với máu người. Vasserman là một trong nhiều người đã chứng minh lẽ phải của Ulenhut, và phản ứng đã được sử dụng với tư cách là biện pháp xác định máu người. Giáo sư Nattel, nhà huyết thanh học người Mỹ làm việc tại Trường Đại Học Tổng Hợp Cambrige ở Anh, đã nghiên cứu và xác định trọn vẹn lĩnh vực ứng dụng và giới hạn các test khác nhau cực kì phức tạp này vào năm 1904, và đã cho xuất bản cuốn sách về vấn đề này. Giáo sư Nattel lựa ra phần thân ở những con thỏ bị tiêm máu của tất cả những con vật được biết đến trên thế giới, và ông đã không thể phát hiện ra những ngoại lệ nào bác bỏ sự khẳng định rằng test là đặc trưng, tức huyết thanh thỏ bị tiêm máu người chỉ phản ứng với máu người; của thỏ bị tiêm máu voi, chỉ phản ứng với máu voi và.v...v...”

Groton nhìn ngài chánh án và mỉm cười, chánh án cười đáp lại, dường như muốn nói: “Tôi cho rằng ông đã đặt tay luật sư kia về đúng chỗ”.

“Điều đó rất thú vị, ông Groton ạ,” Mason nói. “Thế ông có rõ rằng máu loài linh trưởng, như một số nhà nghiên cứu người Đức xác định, đôi khi cho phản ứng làm nhớ đến phản ứng của máu người?”

“Phải, như tôi rõ, về hiệu quả này được nhắc tới trong một số công trình.”

“Và rằng các phương pháp nghiên cứu được hoàn thiện hơn nhiều kể từ thời Ulenhut và giáo sư Nattel?”

“Tất nhiên.”

“Bây giờ xin ông trả lời cho: ông có quen với bác sĩ Gradvol không?”

“Tôi có nghe về ông ấy. Tôi không quen ông ấy.”

“Ông ấy còn là giám đốc phòng thí nghiệm cảnh sát tại Saint Luis, bang Missouri

nữa.”

“Vâng. Theo tôi biết.”

“Ông có biết các thử nghiệm của ông ấy được tiến hành năm 1951 và 1952 với thiết bị hoàn hảo hiện thời có không?”

“Không, thưa ngài. Không biết.”

“Ông có rõ tài liệu xuất hiện lần đầu tiên trong ‘Daigest laboraire’, tập mười lăm, tháng hai năm 1952, trang bốn, năm và sáu, trong đó bác sĩ Gradvol cho đăng các số liệu do ông nhận được trong kết quả kiểm tra kỹ lưỡng nhất các giả thiết từ lâu và tiến hành phản ứng kết tủa với máu khỉ kia?”

“Ồ, giờ đây, khi ngài gọi lại về điều đó, tôi có cảm giác, có thời tôi đã chú ý đến điều đó.”

“Tôi khẳng định rằng, nếu ông định làm giám định về những vấn đề như thế, thì ông nên biết tốt hơn nữa những nghiên cứu khoa học mới nhất trong lĩnh vực này,” Mason nói. “Ông có thể đọc ở đây, rằng bác sĩ Gradvol, sử dụng thiết bị mới hoàn hảo hơn, đã tiến hành một loạt test với máu hắc tinh tinh và phát hiện: phản ứng kết tủa diễn ra với máu hắc tinh tinh cũng y hệt như với máu người. Để kết thúc sự nghiên cứu nhiều mặt vấn đề này, ông đã tiêm máu hắc tinh tinh cho thỏ, rút huyết thanh cho phản ứng với máu hắc tinh tinh, và đã nhận được các kết quả tuyệt đối đồng nhất với máu hắc tinh tinh cũng như với máu người.”

“Tôi không hề biết gì về điều đó!” Groton kêu lên.

“Nhưng ông có khả năng kiểm tra tất cả các cứ liệu khoa học này trong thư viện tra cứu chứ?”

“Tất nhiên. Vâng, thưa ngài.”

“Và ông sẽ có thể tra cứu trong thư viện, nếu tòa tuyên bố nghỉ sang sáng ngày mai?”

“Hãy đợi đã,” Hamilton Berger kêu lên, “cho phép tôi nhận xét rằng điều đó dẫn chúng ta đi lệch hướng quá xa.”

“Tôi nghĩ, bên bào chữa chẳng có cơ sở nào cho rằng tòa sẽ tuyên bố nghỉ chỉ là để nhân chứng có thể trả lời một câu hỏi ngành hẹp,” chánh án Mandy nói. “Hoặc nhân chứng có thể trả lời câu hỏi, hoặc là không thể, và chỉ thế thôi.”

“Được,” Mason nói, “đã vậy tôi hỏi nhân chứng một câu. Ông có sẵn sàng làm chứng dưới lời tuyên thệ, thưa ông Groton, rằng những vết máu được ông phát hiện trên quần áo bị can và được kiểm tra nhờ phản ứng kết tủa, không phải là vết máu đười ươi?”

Nhân chứng chần chừ, rõ ràng ông ta lưỡng lự.

“Có hay không?” Mason hỏi. “ông là chuyên gia giám định, được hỏi với tư cách nhân chứng. Ông đã hàng chục lần đóng vai giám định viên tại tòa. Lẽ đương nhiên,

ông có trách nhiệm nắm vững tất cả các nghiên cứu trong lĩnh vực của ông, ông phải biết gì phù hợp với chân lý, khi ông được yêu cầu làm chứng sau khi tuyên thệ, - ông có thể khẳng định rằng những vết máu kia không phải là máu đười ươi?”

Groton đưa tay vuốt tóc và lo lắng nhìn biện lý khu.

“Ồ,” Hamilton Berger nói, “tôi phản đối, thưa quý tòa. Tôi cho rằng câu hỏi này đã được đặt ra và đã có lời đáp. Hoàn toàn không có lý do gì để quay lại với nó. Thảm vắn chéo được tiến hành không theo các nguyên tắc.”

“Phản đối bị bác bỏ!” chánh án Mandy quát lên, mắt cắm vào nhân chứng.

Groton lại ngược nhìn biện lý khu, sau đó nhìn chánh án.

“Không, tôi không thể khẳng định điều đó với lời tuyên thệ,” ông nói.

“Và theo như ông rõ, các vết máu có thể do con đười ươi để lại?”

“Theo như tôi rõ, vâng.”

“Ông cũng cho rằng, một con đười ươi được thả ra khỏi cũi đã làm đứt bàn chân bởi mảnh kính?”

“Vâng.”

“Và rằng máu chảy ra từ nó?”

“Theo như tôi hiểu, vâng.”

“Do đó, ông chưa sẵn sàng tuyên thệ khai rằng các vết trên quần áo mà ông nghiên cứu, là những vết máu người?”

“Tất nhiên, nếu chúng có thể do đười ươi để lại, thì đó là những vết không phải máu người. Và dĩ nhiên, ngài Mason ạ, tôi xuất phát từ giả thiết rằng ngài đã trình bày đúng bản chất các thử nghiệm của bác sĩ Gradvol. Tôi nghi ngờ rằng... tôi không biết nữa.”

“Ông là giám định viên?”

“Vâng.”

“Ông rõ rằng, ông phải cho lời khai sau khi tuyên thệ, dựa trên các tri thức và kinh nghiệm của chính ông, chứ không phải xuất phát từ điều gì tôi hoặc ai đó khác kể cho ông?”

“Ồ, dĩ nhiên.”

“Thế thì tốt rồi. Xin hãy trả lời câu hỏi: Ông sẵn sàng với sự tin chắc hoàn toàn, thề rằng các vết máu được ông nghiên cứu là máu người?”

“Tôi cần một số thời gian để tôi có thể trả lời được câu hỏi đó.”

“Thời gian để làm gì?”

“Để tôi có thể tự mình làm quen với kết quả các nghiên cứu của bác sĩ Gradvol. Ngài hiểu đấy, ngài Mason ạ, tôi không phải bác học, tôi không phải nhà nghiên cứu. Tôi là người thử chất độc, một chuyên gia phòng thí nghiệm thôi. Tôi tiến hành các test do người khác nghĩ ra, các test được in trong những cuốn sách có uy tín về vấn

đề này, khi nhận được những kết quả xác định tôi đánh giá chúng phù hợp với các thử nghiệm và công trình nghiên cứu do người khác tiến hành. Nếu xuất hiện gì mới trong lĩnh vực huyết thanh học, mà giờ đây sau khi ngài đã nhắc nhở về điều đó, tôi biết rằng, thực hư vấn đề này mới được tranh luận chưa lâu... tôi cho rằng nghĩa vụ của tôi và trách nhiệm của tòa là tiến hành điều tra.”

“Xin phép quý tòa,” Hamilton Berger nói. “tôi cho rằng câu hỏi đó là máu người hay không, không đáng giá một cent”

“Mọi thứ phụ thuộc vào đồng cent đó có trị giá như thế nào đối với ngài,” chánh án Mandy quát lên. “Tòa rất quan tâm đến giai đoạn điều tra này, và tòa muốn xin lỗi ngài Mason vì sự nghi ngờ rằng: trong những tình huống thế này phần thẩm vấn chéo chỉ nhằm kéo dài việc nghe vụ án. Hoàn toàn hiển nhiên, bên bào chữa có thông tin đem lại mối quan tâm lớn đối với tòa - nguồn thông tin đó cần được làm sáng tỏ. Tòa tuyên bố nghỉ đến mười giờ sáng ngày mai, và tôi yêu cầu ông Groton nỗ lực hết mình để xác lập chân lý có cân nhắc các test của Gradvol vừa được nhắc tới, ông có gì phản đối không, ông Groton?”

“Ồ, tất nhiên không, Tôi sẽ gọi và gặp chính bác sĩ Gradvoh để nhận các số liệu về test của ông ấy, và ghé vào thư viện tra cứu để đọc các thông báo về vấn đề này.”

“Với các tình thế mới nảy sinh.” chánh án Mandy nói, “buổi thẩm vấn gác lại đến mười giờ sáng ngày mai.”

Khi họ trở về từ tòa án, Della nói với Mason, “Sếp ạ, anh đã làm vị giám định viên ấy cuống lên.”

“Tất nhiên,” Mason nói, “trước chúng ta vẫn còn vấn đề chữ kí séc chuyển nhượng. Hãy chú ý, Della: đó là cáo buộc nặng kí nhất đấy, bởi vì đúng hơn cả, Jozephine Kempton là người duy nhất trên trái đất có lợi cho sự giả mạo này.”

“Tại sao anh nói ‘đúng hơn cả’?” Della hỏi. “bà ấy đúng là người duy nhất có thể nhận được lợi từ sự giả mạo đó.”

Mason lắc đầu, “Còn thêm một người cũng có thể nhận được cái lợi từ điều đó.”

“Tôi sợ là tôi không hiểu được hoàn toàn. Và sau nữa, anh có thể nói gì về dấu tay vấy máu của bà ấy trên séc?”

“Nếu bà ấy nói dối,” Mason nói, “thì đó có thể là máu trên tay sau vụ giết Addicts. Còn nếu bà ấy nói sự thật, thì ai đó ấn dấu ngón tay bà lên séc khi bà đang bất tỉnh.”

“Thế máu?”

“Người ta có thể rỏ máu lên ngón tay, mà có thể là máu từ con đười ươi bị đứt bàn chân, chính con có thái độ thân tình với bà ấy.”

“Nhưng bằng cách nào có thể chứng minh rằng đảng ấy đã diễn ra điều gì trong thực tế?”

“Chúng ta cần điều tra kĩ giai đoạn này của vụ án, Della ạ.” Mason nói. “Bây giờ tôi sẽ dừng chỗ kia kìa, chỗ cây xăng ấy. Cô gọi đến Stonehedge và hỏi ở đấy có em trai của Addicts hay không. Như tôi biết, anh ta đã bay từ Australia đến và đang làm những công việc mà Benjamin Addicts chưa hoàn thành.”

“Thế nếu ông ta ở đấy?” Della hỏi.

“Hãy nói với anh ta là tôi muốn gặp anh ta vì một vấn đề quan trọng.” Mason đáp.

“Nhưng, sếp ạ, làm sáng tỏ mọi vấn đề với người ủy nhiệm của ông ta có tốt hơn không? Ông ta không...”

“Những người ủy nhiệm không đại diện cho các quyền lợi của anh ta,” Mason nói. “Những người uỷ nhiệm đại diện cho ngân hàng là người thừa hành di chúc. Tôi không định thảo luận với anh ta các vấn đề gắn với việc thừa kế. Tôi muốn thảo luận với anh ta một vấn đề hoàn toàn khác hẳn. Tôi cần sự giúp đỡ của anh ta để phát hiện ra chìa khóa để giải điều bí mật.”

“Thế cảnh sát sẽ không nhìn điều đó với vẻ ngờ vực chứ?”

“Có thể.” Mason dừng lại cạnh cây xăng và nói với người phục vụ: “Hãy cho đầy bình, trong khi đó chúng tôi sẽ gọi điện thoại.”

Della ghé vào cabin điện thoại trong trạm, quay số và chạy lại xe, “Ông ta nói rằng sẵn sàng gặp gỡ vào bất cứ lúc nào, sếp ạ, và ông ta rất muốn trò chuyện với anh. Theo tôi, tên ông ta là Herman Barnuell. Truyền đạt gì cho ông ta, khi nào sẽ tiện cho anh?”

“Ngay bây giờ,” Mason nói, “hãy nói là chúng ta đi đến chỗ anh ta.”

Della quay lại cabin điện thoại và nhanh chóng bước ra khỏi đó.

“Ông ta rõ ràng rất muốn gặp anh, sếp ạ. Ông ta nói rằng ở Australia đã đọc nhiều về anh.”

“Tốt lắm,” Mason nói với cô. “Chúng ta sẽ trò chuyện với anh ta, và may ra chúng ta biết rõ được gì đó.”

Người phục vụ trạm xăng kết thúc nạp xăng cho xe và bắt tay vào lau chùi kính chắn gió. Mason trả tiền xăng, rời khỏi trạm xăng và phóng theo đường lớn, luồn lách trong dòng xe đông nghịt ban ngày.

Della, từ lâu đã quen phong cách lái xe của Mason, ngả người ra sau trên lưng tựa và quay kính chiếu hậu về phía mình để theo dõi các xe tuần tiểu cảnh sát có xuất hiện không.

Mason chui vào mọi khe hở vừa hé ra giữa dòng xe đậm đặc. Vừa ra đại lộ, nơi chuyển động không đến nỗi hối hả quá, lập tức ông dẫn ga.

“Vào thời gian này họ thường đón lõng những kẻ liều đấy,” Della cảnh báo.

“Tôi biết,” Mason đáp ngắn gọn, “nhưng tôi đã lần ra vết nóng. Và tôi không thể chờ cho đến lúc nó nguội mất.

“Vết nào?” cô hỏi. “Hay anh có những bí mật nào đó giấu tôi?”

“Khi tôi đến chỗ Benjamin Addicts ngày hôm sau sau và đụng độ với con đười ươi,” Mason nói. “Lần đầu gặp, một bên mặt ông ta bị băng che kín.”

“Phía bên phải?”

“Bên phải. Chính bên có những vết xước, phần lớn từ số chúng...”

“Và sao nào?” cô hỏi.

“Nơi mặt ông ta không có băng,” Mason đáp. “Mà băng thì che toàn bộ bên phải và một phần bên trái, nhưng trông mặt ông ta được chăm sóc khá chu đáo.”

“Thế sao lại không cơ chứ?”

Della trông thấy rằng Mason không định trả lời thêm câu hỏi nào nữa - mọi sự chú ý của ông bị chiếc xe cuốn hút, với tốc độ đòi hỏi tất cả mọi năng lực tay lái của ông.

“Nếu may ra tôi được phép xem xét ngôi nhà,” Mason nói ngắn gọn với cô, “tôi

muốn để cô đứng cách cho xa tôi.”

“Tôi cần phải làm gì?”

“Giữ cách xa tôi hơn.”

“Và ở khoảng cách nào vậy?”

“Khoảng tương đối. Và dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cô không nên cố sức dẩy vào các tình huống chưa lường trước có thể nảy sinh,”

“Trời ơi, anh đang nói đến điều gì vậy?”

“Nếu chúng ta phát hiện thêm một con đười ươi nữa,” Mason nói, “cô không được cố giúp tôi dù tình huống có xảy ra thế nào đi nữa, tôi muốn cô làm sao chạy cho nhanh khỏi đây. Hãy nhảy vào xe, đến máy điện thoại gần nhất và gọi cảnh sát”

“Nhưng, sếp ạ, tôi chưa hiểu. Anh nghĩ rằng trong nhà được giấu một con đười ươi? Không thể có chuyện đó.”

“Thôi miên, đó là một thứ trò,” Mason nói, “mà chúng ta biết quá ít. Giả sử rằng cô đủ sức thôi miên được đười ươi. Lúc ấy nảy ra vấn đề, điều khiển ý thức của nó bằng cách nào. Nó sẽ thực hiện những hành vi không thể lường trước.”

“Sếp, anh đừng giỡn tôi hay cố hù dọa. Chính anh đâu có tin toàn bộ câu chuyện ngớ ngẩn mà bà Kempton đã kể về con đười ươi bị thôi miên đã giết Benjamin Addicts.”

Mason nhếch mép.

“Anh không tin, đúng không?”

“Della,” Mason nói, “tôi nghi rằng chính ở đây ẩn giấu lời giải đáp mà chúng ta vẫn không nhìn ra. Tôi có cảm giác rằng nếu cô không đi cách xa tôi và chúng ta có khả năng chạy thoát, thì chúng ta có thể biết được lời đáp nằm ở đâu. Mặt khác, nếu cô có mặt quá gần với tôi, chúng ta có thể bị rơi vào bẫy. Vậy nên, Della ạ, hãy cố đứng gần cửa hơn và ngay khi dấu hiệu nguy hiểm đầu tiên xuất hiện hãy chạy đi báo cảnh sát.”

“Nguy hiểm từ hướng nào?”

“Từ hướng con đười ươi bị thôi miên.”

“Thế anh thì sao?”

Mason nhếch mép, “‘Lòng can đảm là liều thuốc giải hiểm nguy duy nhất’, nhớ không, Della? Tôi tin chắc rằng với tôi mọi sự sẽ ổn thôi.”

“Tôi không thích mọi thứ này lắm,” cô nói, trán nhăn lại.

Mason quàng sang Oliv street.

“Chà, thế là ta đã đến nơi, Della ạ. Tôi thấy có một số thay đổi.”

“Hẳn là những thay đổi khá rõ,” Della nói. “Ông chủ mới dường như quảng giao hơn hẳn so với người anh trai quá cố của ông ta.”

Cánh cổng sắt mở toang. Con đường rải đá cuội niềm nở uốn lượn giữa nền xanh

thăm cỏ. Không có người bảo vệ.

Mason còn kịp cảnh báo Della lần nữa, “Nếu Herman Barnuell mời tôi đi xem ngôi nhà để tìm chìa khoá giải đáp, mà tôi tin chắc rằng anh ta sẽ cố gắng thể hiện sự hợp tác. Tôi muốn biết chắc chắn, cô sẽ không đi cùng chúng tôi. Hãy đứng ngay sát cửa ra vào và làm ra vẻ cô quan tâm đến những bức tranh, đến trang trí nội thất. Nói bất cứ gì miễn là không phải vụ giết người.”

“Đầu óc tôi sôi lên vì căng thẳng,” tôi cố hết mức để hiểu anh cần điều đó để làm gì, nhưng cho đến giờ...”

“Chúng ta đến nơi,” Mason nói.

Ông dừng xe trước ngôi nhà. Cửa mở rộng, bước ra đón họ là một người đàn ông lực lưỡng, rắn rỏi. Răng ông ta loáng lên trong nụ cười nhanh. Ông ta nói với âm sắc Australia lộ rõ.

“Ngài Mason, như tôi nghĩ. Rất vui được gặp ngài. Khi ngài phone cho tôi, tôi khó lắm mới tin được sự may mắn như thế. Tôi đọc nhiều bài báo về các vụ điều tra của ngài. Còn đây là cô Della, thư kí của ngài? Đối với tôi, các vị đến thăm tôi ở đây là một vinh hạnh lớn. Nhưng, các vị hiểu đấy, tôi hầu như vừa mới đến đây. Tôi còn chưa có khả năng xem xét ở đây như cần thiết. Ngôi nhà cần được tổng vệ sinh. Thậm chí tôi còn chưa kịp thuê người phục vụ. Nói thực ra, những cuộc thỏa thuận với đại diện về dịch vụ thuê người chỉ ra rằng điều đó không đơn giản.”

“Thế ông xử lí được với lũ đười ươi chứ?” Mason hỏi.

Herman Barnuell vung rộng hai tay, “Không còn chúng nữa. Tôi đã bán sạch: thiết bị, cũi, đàn vật, cả đám, cho vườn bách thú. Khi vụ việc này được đưa tin trên báo chí, tôi hi vọng sẽ đạt thành công lớn trong việc giải quyết vấn đề người phục vụ. Nhưng nào mời vào và xin hãy nói tôi có thể làm được gì cho các vị, nếu điều đó trong sức của tôi. Thực sự tôi rất mừng gặp các vị ở đây.” Ông ta mở rộng cửa và nói: “Mời đi thẳng qua sảnh vào phòng khách lớn, nếu các vị không có gì phật lòng. Tôi e phải tự mình làm đồ uống. Các vị dùng whisky Scotch với soda? Hay các vị thích cocktail hơn?”

“Rượu Scotch với soda hoàn toàn hợp ý tôi,” MaSon nói, “nhưng, thật tiếc, chúng tôi đang vội. Tôi cho rằng, ông cũng là người rất bận rộn...”

“Không, không hề, ngài Mason ạ. Tôi đã có cuộc hội ý sơ bộ với ông Hardvic, - người uỷ nhiệm, - chịu trách nhiệm thực hiện di chúc, và tôi đã kiểm tra một số quyết toán cùng ông Hershy, cố hiểu gì đó trong các giao dịch làm ăn khá rối rắm của anh tôi. Dĩ nhiên, tất cả những thứ đó phần lớn nằm trong tay nhà băng, nhưng nhà băng cần biết các dự định của tôi trong mối quan hệ đó. Có thể, ngài Mason, ngài quan tâm cái sự kiện, rằng tôi đã chỉ thị cho nhà băng rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không phủ nhận các điểm của di chúc mà theo đó Jozephine

Kempton phải được nhận phần thừa kế.

“Tất nhiên,” Mason nhận xét, “bà ấy bị buộc tội giết người, và nếu bà ấy...”

“Bà ấy không giết anh tôi,” Herman Barnuell bình thản nói. “Tôi biết rằng bà không giết người.”

“Ông biết?”

“Phải.”

“Tôi có thể hỏi, từ đâu ông rõ điều đó?”

“Đối với tôi chỉ cần việc bà Kempton không giết anh trai tôi là đủ. Anh tôi cố che giấu quá khứ của mình. Chẳng có nghĩa lý gì phải úp mở, ngài Mason ạ. Ngài quá tinh tường, để người ta có thể lừa nổi ngài bằng những mảnh khoe rẻ tiền. Tôi với anh trai không có tình cảm quyến luyến nhau đặc biệt gì. Tôi cố thể hiện điều thân tình giữa chúng tôi trước công chúng, nhưng trước ngài thì không. Benjamin ích kỉ hết mực. Chúng tôi sống với nhau một thời gian ở Australia. Chúng tôi có công việc chung gắn với các hầm mỏ. Sau đó nảy sinh những phức tạp với luật pháp - Một người đứng chặn ngang đường chúng tôi, đã chết. Ông ta bị giết. - Tôi không muốn nói rằng chính Benjamin đã giết người đó. Dù một số hoàn cảnh chỉ ra điều đó. Cảnh sát điều tra vụ này qua loa. Họ cho rằng tôi gây ra vụ giết người. Người ta xét xử tôi và phán quyết tôi có tội, sau đó hé ra những tình huống mới chứng tỏ điều có lợi cho tôi, và tôi được minh oan. Thế nhưng Benjamin đã biến đi không còn dấu vết. Thật may cho anh ấy, chưa bao giờ anh bị lấy dấu tay, và anh đã thoát khỏi tất cả.

“Và lúc ấy, ông không biết ông ấy ở đâu?” Mason hỏi.

“Tôi cho rằng anh ấy đã chết. Benjamin rất tinh khôn. Anh ấy có một chiếc tàu buồm nhỏ. Anh đi ra biển trên con tàu ấy khi cơn giông sắp tới. Sau hai ngày con tàu được phát hiện với sống tàu chống lên phía trên. Không phát hiện một dấu tích gì của Benjamin trên đó. Lẽ tự nhiên, tất cả cho rằng anh ấy đã chết.”

Mason nhú trán.

“Tức ông ấy bỏ chạy và để ông lại một mình tự xoay xở lấy với lời buộc tội giết người?”

“Không hoàn toàn như thế. Cảnh sát đã lí giải sai những lời khai họ có được. Anh tôi đã chạy trốn.”

“Tôi có cơ sở cho rằng,” Mason nói, “chỗ anh trai ông có thể có con đười ươi mà ông ấy không nhốt trong cũi.”

“Cái gì?”

“Chính là thế, con đười ươi mà chỉ hai hoặc ba người biết về nó.”

“Nhưng... Chúa tôi, ngài Mason, vậy ở đâu, theo ngài, anh ấy có thể nhốt một con đười ươi như thế?”

“Chính tôi đang rất muốn để ông giúp tôi làm sáng tỏ điều đó.”

Mắt Herman Barnuell nheo lại.

“Tôi sợ rằng tôi không nắm bắt được ý tưởng của ngài, ngài Mason ạ. Thậm chí ngay cái ý tưởng tôi đã cảm thấy là phi lí.”

“Tôi không tin chắc là tôi nắm bắt nổi ý tưởng của mình,” Mason nói, “nhưng tôi thực muốn, nếu có thể xem xét ở đây một tí. Tất nhiên, tôi muốn ông đi cùng tôi. Tôi nghi ngờ cảnh sát không lục soát hết các phòng.”

“Ồ tất nhiên rồi,” Herman Barnuell nói, “hãy ngồi một lát trong khi tôi chuẩn bị thức uống. Ngài biết không, ngài Mason, tôi cũng có cảm giác rất khó chịu khi cảnh sát dành toàn bộ sự chú ý của họ đối với các đồ vật mà đã quá rõ ràng rồi. Thậm chí tôi có cảm tưởng... nhưng tôi không muốn nói về điều mà tôi không thể chứng minh, và tôi không muốn làm cô thư kí của ông sợ. Ông uống whisky với soda? Và cô, cô Della, tôi cho là cũng thế?”

“Vâng, tôi cũng thế,” cô nói. “Nếu ông không phản đối, tạm thời tôi ra ngoài sảnh. Tôi thật muốn ngắm kĩ cái lọ đá Hi Lạp mà trong đó đã tìm ra các đồ vật.”

“Hãy cứ xem như ở nhà vậy,” Herman mời chân thành, “xin đừng e ngại.”

Ông ta bước ra khỏi phòng, và sau mấy giây xuất hiện Mortimer Hershy.

“Xin chào ngài Mason. Tôi vừa từ tòa án trở về. Tôi hoàn toàn không ngờ lại gặp ngài ở đây.”

Đi lại gần vị luật sư, y bắt tay ông, sau đó quay về phía Della, “Chào cô Della.”

Mason thấy tay.

Della quyết định ngó lại cái lọ đá ngoài sảnh.

“Ồ, đó là hoàn toàn tự nhiên,” Hershy nói với tiếng cười to, “tôi rất hiểu cô.” Rồi quay sang Mason, “Ngài thực sự đã thể hiện những khả năng suy diễn xuất chúng, ngài Mason ạ. Và bằng cách ấy ngẫu nhiên gây nên một chuỗi sự kiện khá li kì.”

“Tôi hi vọng,” Mason nói, “có thể làm được gì đó vẫn theo phương pháp đó, cả hôm nay nữa. Tôi đã nói với ông Barnuell rằng tôi rất muốn tự xác định có hay không ở đây một con đười ươi mà người ta không nhốt nó trong cũi.”

“Tôi cho rằng, chả có gì mà nghĩ về điều đó, ngài Mason ạ,” Hershy cười to. “Tất cả lũ vật, kể cả con khỉ nhỏ nọ cũng không ngoại lệ...”

Tiếng thét đầy nổi kinh hoàng của Della xé toác căn phòng, “Sếp! Từ phía sau!”

Mason ngoái lại.

Della chạy vào phòng.

“Cái gì thế?” Mason hỏi.

“Phía sau anh!” cô kêu to. “Tôi thoáng thấy qua tấm cửa - một con đười ươi kinh khủng nhe nanh...”

Tiếng vọng của phát súng nổ rung động khắp ngôi nhà. Sau đó vang lên phát

súng thứ hai và thứ ba, rồi sự im lặng lập lại.

Đâu đó chiếc ghế đổ đánh sầm.

“Lùi lại!” Mason quát cô thư kí. “Lùi lại! Hãy làm điều tôi đã nói! Hãy thi hành chỉ dẫn!”

Một thoáng giây, Della sững sờ nhìn ông, dường như không hiểu vấn đề nói về gì.

Bất thần từ cánh cửa dẫn vào bếp, hiện ra một con đười ươi khổng lồ, với hai mắt tròn trũng và miệng nhe ra cứng nhắc làm liên tưởng đến cái cười khinh thị.

“Chúa ơi!” Hershy hét lên và bỏ chạy, vừa ngoái nhìn qua vai.

Con đười ươi nhe nanh khắp khểnh tiến về phía Mason. Các ngón tay của cánh tay to lớn lông lá chống xuống sàn. Tay khác cầm con dao làm bếp sáng loáng.

“Cứu! Cứu với!” Hershy thét lên và lao bỏ ra cửa, nhưng vấp chân vào ghế, nằm xoài ra sàn nhà. Y nắm lấy vạt áo vét của Mason để nhổm lên, mồm vẫn tiếp tục hét: “Chạy đi! Cứu với!”

“Buông tôi ra!”

Con đười ươi khổng lồ xông thẳng đến Mason.

Hershy rút khẩu súng lục ra. Vẫn cố nhổm lên, rồi quỳ gối, y bắn luôn ba phát.

Con đười ươi cắm mắt vào Mason, vung về chuyển dịch về phía trước.

Lấp bắp gì đó không thể hiểu vì kinh sợ, Hershy đứng bật lên, y xô Mason làm ông bị mất thăng bằng.

Con đười ươi hung hãn vung dao.

Mason bước sang bên, bất thần tóm lấy bàn tay lông lá cầm con dao, và bẻ quặt nó thật mạnh. Trong thoáng giây ông có cảm giác rằng do bất ngờ, cơ bắp của con đười ươi giật nảy lên.

Thoáng giây đó là hoàn toàn đủ cho Mason. Cú đâm tay phải của ông nện hết sức mạnh vào cái bụng lông lá, còn sau đó ông thêm một đòn trời giáng bằng đầu gối.

Khẩu súng lục lại nổ, và viên đạn, rít lên ngay sát đầu Mason, cắm phập vào tường.

Con đười ươi khổng lồ chậm chậm ngã về phía trước, sau đó đổ sập xuống sàn với tiếng trầm đục làm cả căn phòng rung lên.

Mason quay lại phía Hershy.

Tay giám đốc thương mại nâng súng lên, ngắm thẳng vào Mason và bóp cò. Chỉ có tiếng tách khê.

Mason lao lên trước, nhưng vướng phải cái tay con đười ươi.

Hershy thụt lùi ra phía cửa, vội vã nhét đạn vào ổ đạn được mở ra.

Bên khung cửa Della với bức tượng đá trong tay bỗng xuất hiện ngay phía sau Hershy.

Hershy lùi thêm một bước ra sau.

Della hết sức dội bức tượng đá xuống đầu y. Hai đầu gối Hershy khụy xuống. Y buông rơi khẩu súng ngắn và ngã mặt về phía trước.

“Della!” Mason kêu lên giận dữ. “Tôi đã bảo cô lập tức đi cầu cứu...”

“Bây nào, anh nghĩ tôi mà bỏ anh à? cần vội lên, sếp. Chạy thôi. Chúng ta đã làm nó nốc ao...”

Mason lượm khẩu súng lục của Hershy, rồi đến gần con đười ươi khổng lồ, sờ mó gì đó trên lưng nó và bất ngờ kéo cái khoá phéc-mơ-tuya dài.

“Sếp!” Della hét lên.

Mason kéo cái đầu nhe nanh ra, và lột bộ lông đười ươi, trong đó lộ ra thân hình mềm nhũn của Herman Barnuell.

“Thế nào,” Mason nói, “bây giờ cô sẽ thôi cãi, và trong khi tôi canh giữ chúng, cô chạy đi gọi cảnh sát được chứ?”

Mason, Della và Paul Drake ngồi trong phòng làm việc riêng của vị luật sư. Paul Drake với cặp mắt đỏ ngầu vì thiếu ngủ, nhưng sáng lấp lánh vì hiếu kì, kêu lên, “Chúa ơi, Perry, đúng là quá kì diệu, chúng đã không giết được anh.”

“Nếu tôi tin chắc vào mọi sự,” Mason nói, “nếu tôi biết điều mà giờ đây mới biết, hẳn tôi đã đến gặp trung úy Tragg và kể hết với ông ta. Tôi nghĩ rằng ông ta, nếu lục soát ngôi nhà kĩ một tí, hẳn tìm ra bộ lông dười ươi.”

“Tất nhiên, chúng lập kế hoạch đó đã từ lâu,” Drake nói.

“Dĩ nhiên. Nhưng bây giờ đã sáng tỏ, Benjamin Addicts đã phát giác cả hai - Hershy lẫn Fallon, - trong sự chiếm dụng tiền. Nói toẹt ra, nhờ Addicts, chúng có tự do trong hành động. Chúng được tạo mọi điều kiện. Addicts cố để đánh lừa thuế vụ, khi dùng thủ đoạn bằng vô số quyết toán để chuyển sang tiền mặt, và Hershy và Fallon bớt xén ở đó không ít tiền. Dĩ nhiên, những thiếu sót của thủ đoạn mà Benjamin Addicts làm là không thể tiến hành phép tính chính xác thật sự của tất cả các phi vụ. Tự ông ta cũng không biết chắc chắn công việc của mình thế nào nữa. Ông ta sẽ lẫn lộn, bởi nhẽ không có ghi chép, ông ta lừa dối không chỉ chính phủ mà cả chính bản thân.”

“Theo anh, chúng kiếm được bao nhiêu?”

“Hershy thú nhận là hơn ba trăm nghìn đôla. Nhưng đó mới chỉ là một phần nhỏ của mức chúng tính đến. Hiển nhiên, chúng đã câu móc với Herman một thời gian nào đó. Herman hứa cho chúng cả một gia tài, nếu chúng có thể thu xếp để sao cho Benjamin bị dọn khỏi đường trong những bối cảnh cho phép Herman thừa kế tài sản của ông ấy. Nếu đánh giá khách quan, thì chúng đã làm được tương đối tinh xảo. Chúng tóm được Benjamin Addicts. Chúng kéo giãn gân chân ông ấy. Chúng cào mặt ông ấy, sau đó trói lại và nhét giẻ vào mồm ông. Lúc đó trên sân khấu xuất hiện Herman Barnuell, được hoá trang giống Benjamin Addicts. Làm điều đó khá dễ, bởi vì họ giống nhau về hình dạng, phong thái, mà cả bề ngoài cũng thế, vì họ là anh em ruột. Ý tưởng hình thành, rằng phải xuất hiện một nhân chứng có mối quan tâm và trực tiếp biết Benjamin Addicts. Băng quấn trên mặt và việc Hershy và Fallon gọi Herman Barnuell là Benjamin Addicts, phải giúp được chúng hành động theo phương án đã soạn ra. Rõ ràng, chúng lên kế hoạch sử dụng James Etna với tư

cách nhân chứng có mối quan tâm, nhưng đã xảy ra thế khác, - tôi mua các nhật kí của Helen Cadmus, - điều đó được rõ nhờ các bài đăng trên báo, và như thế tôi đã rơi vào trung tâm các sự kiện. Chúng quyết rằng tốt nhất là sử dụng tôi chứ không phải James Etna. Chúng muốn đưa ra mọi sự theo cái vẻ là dường như Benjamin Addicts không tin Fallon và dựa hoàn toàn vào Mortimar Hershy. Chúng, dĩ nhiên đã giả mạo chữ kí của Benjamin Addicts, rồi Hershy và Fallon chuẩn bị cho mình chứng cứ ngoại phạm vững chắc, để người ta không buộc được chúng vào tội giết người. Herman Barnuell, hoá trang giống Benjamin, gọi Jozephine Kempton đến nhà. Dưới lí do này nọ hắn ra ngoài một phút và mở cũi vài con đười ươi vô hại. Trong khi đó Benjamin Addicts đã bị nhồi rượu đến độ mất trí. Herman khoác lên mình bộ lông đười ươi đã được chuẩn bị kĩ lưỡng. Điều duy nhất chẳng đạt được sao cho giống là vẻ biểu hiện đông cứng của cái mõm con đười ươi, mà vì thế bà Kempton mới nghĩ rằng bà trông thấy con đười ươi bị thôi miên. Chúng nhử bà Kempton lên phía trên và vào phòng, bà trông thấy con đười ươi khổng lồ, nhìn thấy nó xuyên dao vào thân hình bất động của Benjamin Addicts. Chúng tính rằng bà Kempton sẽ không đủ sức chống lại sự cám dỗ lấy tấm séc được chuẩn bị kĩ từ trước với chữ kí giả mạo. Dĩ nhiên chữ kí chuyển nhượng là giả, và hắn séc sẽ không được trả tiền. Chắc tiền lại quay về tài khoản, và dù ai thừa kế, chúng vẫn nhận lại số tiền đó. Việc tôi chứng minh sự không phải của Benjamin Addicts cho rằng nhẫn và đồng hồ bị ăn trộm, đối với chúng hóa ra là một phát kiến. Chúng quyết định rút cái lợi ra từ đó, làm cho giống với sự thật hơn bằng cách nhắc tới chuyện xảy ra trong di chúc. Nhưng không phải mọi sự thông đồng bén giọt có lợi cho chúng. Đôi thứ đã quay trở chống lại chúng. Thứ nhất, khi tôi có mặt ở đó, Sydney Hardvic đến gặp thân chủ của mình, còn kẻ lừa đảo giả vờ mình là Benjamin Addicts, nói rằng hắn quá mệt không gặp được ông ta. Hãy lưu ý đến điểm: ‘Không gặp người được chính mình uỷ nhiệm’, - dù hắn vừa mới tiếp tôi, - một người hoàn toàn xa lạ, có các mối quan tâm đối nghịch.”

“Thành thử,” Drake nói, “Jozephine Kempton đã kể sự thật.”

“Sự thật trong tất cả, ngoại trừ tờ séc. Bà ta có giấu giếm điều đó. Dĩ nhiên, Hershy, Fallon và Herman Barnueil biết rằng bà ta nằm trong tay chúng kể từ thời điểm bà ta cầm tờ séc. Nó phải được lập tức phát hiện ra chỗ bà ta, hoặc vào thời điểm khi bà tìm cách dùng nó nhận tiền mặt. Chúng đã tính đến việc nếu bà nhận được tiền theo séc. Chắc bà sẽ lấy tiền, còn sau Herman Barnuell khi kiểm tra công việc, hắn sẽ phát hiện ra sự giả mạo. Theo ghi chép của nhà băng chắc sẽ xác định được rằng hai mươi lăm nghìn đôla được trả cho Jozephine Kempton, và đến đây thì bà mắc bẫy. Nói khác đi, nếu giả thiết với đười ươi giết Benjamin Addicts qua đi trót lọt, hắn mọi sự đều ổn, điều đó hoàn toàn làm vừa lòng chúng; nhưng nếu như có

gì đó biến chuyển, thì Jozephine Kempton sẽ thành ra kẻ giết người. Còn trong trường hợp nếu bà không bị buộc tội giết người, thì khi bà nhận tiền theo séc sẽ rơi trọn vào móng vuốt của chúng.”

“Ồi chà,” Drake nói, “kế hoạch thật quá kì quặc, nhưng nếu chú ý, thì Benjamin Addicts sống một cách quá bí ẩn, các thử nghiệm của ông ta với tâm lí ở thú vật... vậy anh giải thích điều đó thế nào, Perry?”

“Ông ta đã giết một người ở Australia,” Mason nói, “chúng ta còn phải kiểm tra nhiều điều, nhưng giống như câu chuyện Herman kể với tôi, nói chung là đúng. Benjamin Addicts, hay Barnuell, cố thử nghiệm cứu tâm lí của mình. Giống như ông ta cho rằng đã hành động dưới sức thôi miên. Ở điểm này, rõ ràng ông ta thực sự có phần điên rồ.

“Làm sao anh lần ra mọi thứ đó?” Drake hỏi.

“Nói thực, Paul ạ,” Mason nói, “lẽ ra tôi phải thấy ra mọi chuyện trước đó hơn cơ.”

“Bằng cách nào?”

“Tôi đến để gặp Benjamin Addicts,” Mason nói. “Và tôi đã gặp người được người ta giới thiệu với tôi là Benjamin Addicts. Tôi không thể xem rõ mặt ông ta như cần thiết. Ông ta đeo kính đen, và tôi không nhìn rõ mặt ông ta. Băng che gần như kín cả khuôn mặt. Trong thực tế, dĩ nhiên, tôi nói chuyện với Herman, chứ không phải với Benjamin Addicts. Herman đã ở đây một thời gian rồi, sau khi để lại ở Australia một kẻ tòng phạm, người sẽ trả lời các điện tín của Hardvic. Tất cả mọi thứ đó là một phần của cái bẫy được chuẩn bị kĩ lưỡng. Herman là một diễn viên khá để thay đổi một chút giọng của mình, mà bởi trước kia chưa bao giờ tôi gặp Benjamin, cơ hội bị phát giác là không lớn. Có thể là một phần triệu. Nhưng chúng bị lộ tẩy ở một chỗ.”

“Chỗ nào?”

Mason mỉm cười. “Mọi chuyện xảy ra vào tối thứ ba. Con đường ươi theo huyền thoại của chúng, vừa mới tấn công Benjamin hôm trước. Tôi không trông thấy rõ mặt người cùng nói chuyện. Trên tòa người ta trình những tấm ảnh khuôn mặt Benjamin. Tôi chăm chú nghiên cứu tấm ảnh và trông thấy rằng các vết xước sâu và bệnh hoạn. Tôi rùng mình khi trông thấy tấm ảnh đó. Tôi biết ở đấy có gì đó không đúng như thế, nhưng không thể hiểu là gì. Điều tất nhiên, những vết thương như thế là quá đau đớn để mà cạo râu, là chứng cứ không thể bác bỏ. Nhưng ở người mà tôi gặp, má lại được cạo nhẵn nhụi dù đã qua hơn ba mươi tư giờ - như chúng khẳng định, sau khi bị cạo mặt. - Không thể làm lẫn được. Cái băng, tất nhiên, che mất lớp da, nhưng trong lúc trò chuyện tấm băng có xê dịch nhẹ, và nếu má phía dưới băng không được cạo, thì sẽ hiện rõ lớp râu mờ.”

“Thế bây giờ thì sao?” Della hỏi.

“Thật may,” Mason nói, “chúng ta có thể chứng minh rằng bản di chúc viết tay đó

là giả mạo, còn bản di chúc cũ mới là thật. Dĩ nhiên, trong di chúc này có một điểm mà Hardvic không muốn nói với chúng ta: phần lớn tài sản được dành cho Helen Cadmus. Hardvic năn nỉ để Benjamin Addicts lập di chúc mới, bởi ông cho rằng Helen Cadmus đã chết. Thế nhưng Benjamin trong thực tế không có ý định thay đổi di chúc, bởi vì ông biết rằng Helen Cadmus còn sống khỏe mạnh và ông cần đảm bảo cho cô trong trường hợp nếu có gì đó xảy ra với ông. Như thế, hình thành một tình huống khá kì cục. Luật sư đòi thân chủ của ông phải thay đổi di chúc, bởi người thừa kế chính đã chết, còn thân chủ biết sự thật, kéo dài sự việc với luật sư. Cuối cùng, khi Hardvic nhắc tới điều ông ta khẳng định đòi Benjamin lập di chúc mới gắn với những điều phức tạp xác định mới nảy sinh, hẳn là tôi bắt đầu đoán ra tình huống nào đã hình thành.”

“Nhưng đám cưới Helen Cadmus thực sự là không hợp pháp chứ?” Drake hỏi.

“Phải, nếu vợ đầu của ông ta còn sống, nhưng tôi nghĩ không phải vậy. Hershy nói rằng không ai nghe thấy gì về bà ta đã mười tám tháng. Trước đó bà ta thường lấy tiền chỗ Addicts cứ khoảng bốn, năm tháng một lần.”

“Thế sao chúng tấn công các vị?” Drake hỏi.

“Theo một lí do đơn giản,” tôi đã gây nên sự nghi ngờ nơi chúng. Chúng biết rằng Jozephine Kempton đã kể cho tôi nghe về vụ giết người, ở chúng nảy sinh nỗi dè chừng, rằng tôi đã bắt đầu đoán ra mọi thứ. Đến thời gian khi tòa tuyên bố tạm nghỉ sang ngày hôm sau, tôi bắt đầu nhận thức được ý nghĩa của sự kiện là má của người tôi cùng nói chuyện được cạo nhẵn. Chính lúc ấy ở tôi xuất hiện phỏng đoán đầu tiên về mọi sự xảy ra thế nào trong thực tế. Trên đường đến Stounhenge tôi nghĩ kĩ và đi đến những kết luận xác định. Tôi biết rằng chúng muốn trừ khử tôi. Và nếu chúng giữ được tôi trong những hoàn cảnh để Della nhìn thấy tận mắt con đười ươi nhe nanh và bỏ chạy tìm cảnh sát, thì chắc mọi người sẽ tin chuyện kể của cô về con đười ươi giết người, bởi vì nó trùng với câu chuyện của Jozephine Kempton. Tôi cũng biết rằng, chúng phải cho Della trông thấy con đười ươi. Nếu cô lập tức chạy đi gọi cảnh sát, thì chúng sẽ cho phép cô chạy thoát. Trong trường hợp ấy tôi phải chống chọi với những kẻ ở trong nhà. Nếu chúng có ba tên, thì tôi chẳng còn cơ may nào cả, nhưng chúng chỉ hai tên - Herman và Hershy. - Herman, tất nhiên, trông có vẻ thật khủng khiếp trong bộ da con đười ươi khổng lồ. Nhưng trong thực tế đó là một đối thủ yếu. Hẳn không thể di chuyển nhanh vì bộ lông nặng, cái đầu không tiện lợi và mọi thứ nói chung. Hẳn chỉ có thể đi chậm, vung vẩy con dao, chứ chẳng hơn. Vậy nên tôi tạo cơ hội cho chúng. Herman dàn phong cảnh, sau đó đi ra quây rượi -dường như để chuẩn bị thức uống. - Hẳn chui vào bộ da đười ươi và đứng ở cửa khá lâu để Della nhận ra hẳn, sau đó hẳn lẩn đi và bắn mấy phát súng. Sau nữa, trong bộ da đười ươi, hẳn xuất hiện ở cửa với con dao, Trong những hoàn cảnh

thông thường, cái cảnh tượng khủng khiếp như thế làm tê liệt con người. Tôi có thể bỏ chạy, và trong trường hợp đó bên cạnh đã có ông bạn già đôn hậu Hershy, làm ra vẻ giúp tôi, vấp phải ghế, ngã ra sao cho con đười ươi có khả năng tiếp cận tôi. Đến khi Della quay lại với cảnh sát, họ hẳn sẽ bắt gặp hai người đàn ông run lấy bầy vì khiếp sợ; hẳn cả hai sẽ thề rằng đã trông thấy con đười ươi chạy ra vườn, chính con đười ươi ấy đã giết tôi. Cả hai cùng bắn vào nó, và họ có cảm giác rằng, có thể đã làm nó bị thương, hoặc Hershy có thể bắn chết tôi và tuyên bố rằng đã vô tình trúng vào tôi khi ngắm bắn con đười ươi.

“Anh đã quá mạo hiểm,” Drake nói.

“Phải, có hơi mạo hiểm thật,” Mason đáp. “Tôi quyết rằng, nếu các con bài đã lật ngửa, tôi sẽ nói với chúng là chúng đã thua, rằng Della nắm rõ mọi thứ và chạy đi gọi cảnh sát.”

“Dù sao đi nữa,” Drake nói, “Thần kinh anh cũng bị loạn lên.”

“Có thể,” Mason đáp, “nhưng đó là biện pháp duy nhất đến trong đầu tôi để buộc chúng lộ chân tướng và có được những bằng chứng không thể chối cãi. Tiện thể, tôi nghĩ sẽ tốt hơn, nếu tôi liên lạc với Helen Cadmus và cho cô ấy biết về tình huống vừa hình thành... Và còn nữa. Della, cô nhớ tôi để lại bản thanh toán trong nhà hàng Trung Hoa nơi chúng ta ăn tối và tôi nói với thủ quỹ là tôi sẽ quay lại lấy tiền thừa chứ?”

Cô gật đầu.

“Tôi đã ghé vào lấy tiền thối lại, và người thu tiền chuyển cho tôi cái ví của cô. Giống như cô để quên nó khi lôi cuốn sổ ghi chép từ xác ra.”

Della bất chợt đỏ bừng mặt.

“Có chuyện gì thế?” Mason hỏi.

“Ở đó có tờ giấy với lời tiên đoán.”

Mason lắc đầu.

“Có lẽ, cô bỏ nó vào chỗ khác, Della ạ. Trong đó chẳng có mẫu giấy nào cả.”

“Ồ,” Della thốt lên với sự nhẹ nhõm trong giọng nói.

“Nào,” Mason nói, “Della, hãy làm Paul Drake vui lên chứ. Hãy lấy cái chai whisky kia kìa, chúng ta sẽ uống cạn nó. Còn lúc này tôi ghé xuống tổng đài gọi cho Helen Cadmus đã, cần cởi gánh nặng khỏi người cô ấy.”

Mason bước ra khỏi phòng sang nơi tiếp khách, và khi quay số, ông lôi trong túi ra một mẫu giấy bột gạo với lời tiên đoán mà người Trung Hoa trả lại cho ông cùng với chiếc ví của Della.

Trên mặt giấy in những chữ kiểu trang nhã:

‘Nếu bạn lấy anh ấy làm chồng, bạn sẽ rất hạnh phúc và sẽ tặng anh đứa trẻ - một cậu bé rất giống với cha của mình’.

Mason ngáp ngừng một chút, sau đó mở ví, nhét vào góc xa nhất mẫu giấy bột gạo gấp nhỏ. Bỏ ví vào túi, ông đứng chờ lời đáp của Helen Cadmus.

HẾT

[1] Đơn vị chiều dài Anh = 30,5 cm.

[2] Đơn vị tiền tệ Mĩ: 1 cent = 0,01 đôla

[3] Đơn vị chiều dài chủ yếu ở Anh và Mĩ đo đường biển = 1,8532 km; đường bộ = 1,609 km.

[4] Chắc Mason ý nói đến câu tục ngữ ‘Im lặng là vàng’.

[5] Trong bóng chày: cầu thủ ném bóng cho cầu thủ khác dùng gậy đánh.